

# DẪN NHẬP

Vào khoảng 150 năm sau Tây Lịch, do duy trì ý tưởng Mẫu quyền nên tín ngưỡng về Nữ Thần Tịch đã được du nhập vào giáo điển Phật Giáo Ấn Độ. Nhằm thỏa mãn cho ước vọng của con người. Trong giai đoạn này, một số giáo đồ Phật Giáo Ấn Độ chuyên xưng tán thờ phụng **Đấng Cứu Thế Mẫu** (Tàràyati) là bà mẹ chuyên giúp đỡ cho con người vượt qua các ách nạn sợ hãi, chấp nhận mọi ước nguyện và dắt dìu từng người vượt qua bờ bên kia. Đồng thời xuất hiện các Kinh Bản rất được ca ngợi và sùng bái là:

1\_ **Đa La Bồ Tát 108 Danh Tán** (Àrya Tàrà-Bhàttàrikà-Namâṣṭōttara'sataka – stotra).

2\_ **Cứu độ Phật Mẫu 21 lễ tán** (Bhagavaty – Àrya Tàrà – Devyà Namaskàrāika – Vim'sati sotram guṇa – hita – sahitam).

3\_ **Thánh Đa La Trì Quan (Cái mào) Tán** (Àrya Tàrà srag dharà – sottra).

4\_ **Thánh Đa La Cứu Độ Bát Nạn Kinh** (Àrya – Tàrà Aṣṭa – ghora Tàràṇi – Sùtra).

Dân gian thường ví Ngài như chiếc thuyền cứu vớt người vượt biển lớn sinh tử đi đến bờ bên kia được tự tại nên xưng Tôn này là **Đa La Nễ Vĩ** (Tàrà-devi: Đa La Thiên Nữ) và hay gọi tắt là **Tàrà**.

Bách Khoa Toàn Thư mở Wikipedia ghi nhận là:” *Thần Tàrà có nghĩa là Ngôi Sao , là ngôi sao **Bắc Đẩu** , là ánh sáng soi đường cho những người bị lạc đường, là hiện thân của năng lượng ánh sáng. Thần là người mẹ với giàu lòng yêu thương, người bảo vệ mạnh mẽ, kiên cường và nhanh nhẹn chinh phục những khó khăn. Anh mắt của Thần sáng như ánh chớp, Thần giậm chân là làm đất rung chuyển đến tận Quỷ Thần cũng phải biết, Thần có thể sửa chữa những sai lầm nghiêm trọng và Thần phát huy lời hứa của mình là mang sức mạnh siêu phàm của phụ nữ xuống trần gian.*

*Tính chất cao quý của Thần là sự nhu mì hoặc hiền lành của phụ nữ. Thần Tàrà cùng với những vị đi theo Thần trừng phạt kẻ thù của Phật Giáo một cách rất khốc liệt, nhưng họ rất biết tận hưởng tình yêu với người yêu (đàn ông) hoặc chồng. Nói tóm lại, họ là những người cực kỳ giải phóng, là những người bảo vệ có bộ óc sáng suốt mà mỗi chúng ta đều thừa hưởng”*

Sau này, do sự nhân cách hóa Trí Tuệ siêu việt nên Đa La Tôn được xem là nguyên lý Âm của **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mañju'Srì-Bodhisatva) và biểu tượng cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtyamuṣṭhàna Jñāna: Trí Tuệ chuyển mọi hành động của thế gian thành trạng thái giải thoát). Từ đây, Tôn này thường song hành với Bồ Tát Văn Thù trong mọi công tác hóa độ chúng sinh.

Riêng nhân dân Ấn Độ hiện đại thì đồng hóa Đa La Tôn với Mẹ Vũ Trụ và sùng kính Ngài qua ảnh tượng Phật Mẫu 'Sàkti.

Theo truyền thống Hoa Văn thì Đa La Tôn được xưng là: Đa La Bồ Tát, Đa Lợi Bồ Tát, Đa Lệ Bồ Tát, Đa Lợi Tôn, **Đạt Ma Đa La** (Dharma Tàrà: Pháp Cứu

Tôn), **Thánh Đa La Bồ Tát** (Àrya Tàrà Bodhisatva) và xưng là **Thánh Cứu Độ Phật Mẫu** (Àrya Tàrà Buddha Mātā).

Hiện đồ **Thai Tạng Giới Man Đà La** (Garbha Dhātu maṇḍala) ghi nhận rằng: Đa La Tôn có vị trí ở hàng thứ nhất, phương bên phải (phương Tây) của Quán Tự Tại trung Quán Âm viện. Do Tôn này chủ về hai Đức: **Đại Bi** (Mahā Kāruṇa) và **Hàng Phục** (Abhicāruka) nên được xem là **Phật Mẫu** (Buddha mātṛ) của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) và được tôn xưng là Đa La Phật Mẫu.

Ngoài ra trong Quán Âm viện còn ghi nhận thêm 04 vị Đa La Bồ Tát tu trì thành tựu pháp Quán Âm là:

1\_ **Thanh Cảnh Quán Âm** (Nilakanṭhī) đại chú của tôn này được truyền tụng là Đại Bi Tâm Đà La Ni (Mahā Kāruṇika Citta Dhāraṇī)

2\_ **A Ma Tai Quán Âm** (Avatai \_Nguồn hạnh phúc)

2\_ **Hương Vương Quán Âm** (Gandha Rāja)

4\_ **Thủy Nguyệt Quán Âm** (Udaka Candra)

Kinh **Bát Không Quyển Sách (28)** ghi là: “*Đa La Bồ Tát cũng gọi là **Thấp Phế Đa** (‘sveta) tức **Bạch Thân Quán Thế Âm Bồ Tát** và cũng gọi là **Tỳ Câu Đề Quán Thế Âm Bồ Tát** (Bhṛkūṭi: Phần Nộ Mẫu)”.*

Kinh **Đại Phương Quảng Man Thù Thất Lợi, phẩm Quán Tự Tại Bồ Tát** ghi là: “*Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Tam Muội **Phổ Quang Minh Đa La**, dùng sức Tam Muội nên từ con mắt phóng ra ánh sáng lớn và Đa La Bồ Tát liền nương theo ánh sáng đó mà sinh ra. Ánh hào quang của Đa La Bồ Tát chiếu soi tất cả chúng sinh giống như lòng thương xót của người mẹ hiền nhằm cứu độ chúng sinh xa lìa biển khổ sinh tử”.*

Do ý nghĩa này mà Tàrà được dịch là con mắt, con người hay **Mục Quang** (Tàrà jvala). Lại nữa, lúc chư Phật Bồ Tát mở mắt thì gọi là Mắt hoa sen xanh từ bi nên Tôn này được xem là thân sở biến của **Hoa sen xanh** (Nīlapadma, hay Utpāla) và có danh hiệu là **Phật Thanh Liên Từ Bi Nhãn** (Buddha-nīla-padma-maitra-kāruṇa-netre). Từ đó Tàrà còn được dịch là **Diệu Mục** (Sunetre: Con mắt màu nhiệm).

Kinh **Bát Không Quyển Sách (Hạ)** ghi là: “*Đa La Thiên Nữ **Mục Ngôn Đồng Tử**”*

Kinh **Tô Ma Hô (Hạ)** cũng ghi là: “*Đa La là **Diệu Mục Tinh**”*

Ngoài ra Mật Giáo còn xưng tán Đa La qua danh xưng **Bạch Cứu Độ Phật Mẫu** tức vị Phật Mẫu có thân màu trắng tinh chuyên cứu tế thế gian.

Theo Thầy truyền thì dùng Đại Từ Bi của chư Phật Bồ Tát mà nhiếp Quán Âm, nên các bậc Đại Bi của Quán Âm đều là Đa La Bồ Tát như trong Đại Bản có ghi: “*500 Đa La Tôn đều sinh ra từ mắt của Quán Âm nên là Tam Muội Tỷ Muội (Chị Em gái) của Đức **Phật A Di Đà (Amitābha Buddha)**”.*

Theo nghĩa rộng thì TA (𑖠) có nghĩa là Thế Như Như, vì bên cạnh có ký hiệu hiển thị cho chữ A (𑖠) mà thành TÀ (𑖠) tức là Hạnh của Như Như.

Chữ RA (𑖠) có nghĩa là Trần (bụi bặm) mà sáu Trần hiển thị cho biển lớn sinh tử tức là nơi mà hết thấy chúng sinh bị chìm đắm không thấy bến bờ. Do bên

chánh có ký hiệu chữ A (𑖀: có nghĩa là xưa nay vốn chẳng sinh) nên RÀ (𑖀) tức là Thật tướng của sáu Trần.

Do đó, TÀRÀ là quán LÝ TÍNH của Như Như cho nên tất cả các Trần đều được biết Như Thật - Từ đây vượt qua biển lớn sinh tử đi đến bờ giải thoát bên kia – chính vì thế mà TÀRÀ được dịch ý là Cứu Độ hay Cực Độ và mọi người thường xưng tán Ngài qua câu “*Namo Àrya Tàrà Jvala Bodhisatvaya mahà satvaya*” (Quy mệnh Thánh Mục Quang Bồ Tát Ma Ha Tát).

Riêng Mật Giáo Nhật Bản với nhân gian Trung Hoa thường xưng tụng Đa La Tôn là một trong 33 vị Quán Âm và sùng bái rộng rãi.

Theo truyền thống Tây Tạng, vào vô lượng kiếp trước có thế giới tên là Tu Quang, khi ấy có Đức Phật ra đời hiệu là **Cổ Âm Như Lai** (Dundbhi Svava Tathàgata). Bấy giờ có cô công chúa tên là **Bát Nhã Nguyệt** (Prajña Candra) có tuệ căn, kính lễ Tam Bảo. Sau một quá trình cúng dường các Đệ tử của Đức Phật với các bậc Thượng Tọa, nàng Bát Nhã Nguyệt phát thệ nguyện rằng: “*Từ thế giới này cho đến khi thế giới tận, hư không giới tận – tôi dùng thân nữ để độ chúng sinh*”. Sau khi phát nguyện xong, Bát Nhã Nguyệt liền ngồi quán sáu căn cho đến lúc được tâm khai, chứng nhập vô sinh pháp nhẫn thành Phật Mẫu độ tất cả Hữu Tình. Đây chính là tiền thân của Độ Mẫu Tàrà.

Theo truyền thống khác, trong khi quán sát để cứu độ các chúng sinh đang trầm luân nơi sáu nẻo luân hồi, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát chợt xúc động khóc thương cho chúng Hữu Tình nên giọt nước mắt rơi ra từ mắt phải biến thành **Bạch Độ Mẫu** (Sgrol – Ma dhar - Po) còn giọt nước mắt rơi ra từ mắt trái biến thành **Lục Độ Mẫu** (Sgrol – Ma Ljan - Khu) chuyên cứu khổ độ sinh cho chúng sinh. Do vậy, các vị đạo sư Mật Giáo Tây Tạng cho rằng Đa La Tôn là thân hóa hiện của Quán Thế Âm Bồ Tát nên xưng là Đa La Tôn Quán Âm hay Đa La Quán Âm. Và lưu truyền pháp của 21 Độ Mẫu tượng trưng cho 21 hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, gồm có:

- 1\_ Lục Độ Mẫu.
- 2\_ Cứu Tai Nạn Độ Mẫu.
- 3\_ Cứu Thủy Tai Độ Mẫu.
- 4\_ Cứu Địa Tai Độ Mẫu.
- 5\_ Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu.
- 6\_ Cứu Phong Tai Độ Mẫu.
- 7\_ Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu.
- 8\_ Cứu Thiên Tai Độ Mẫu.
- 9\_ Cứu Binh Tai Độ Mẫu.
- 10\_ Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu.
- 11\_ Cứu Đạo Nạn (Nạn Trộm Cướp) Độ Mẫu.
- 12\_ Tăng Uy Quyền Độ Mẫu.
- 13\_ Cứu Ma Nạn Độ Mẫu.

- 14\_ Cứu Súc Nạn Độ Mẫu.
- 15\_ Cứu Thú Nạn Độ Mẫu.
- 16\_ Cứu Độc Nạn Độ Mẫu.
- 17\_ Phục Ma Độ Mẫu.
- 18\_ Dược Vương Độ Mẫu.
- 19\_ Trường Thọ Độ Mẫu.
- 20\_ Bảo Nguyên Độ Mẫu.
- 21\_ Như Ý Độ Mẫu.

Trong 21 Độ Mẫu (Sgrol – Ma) thì Đa La Tôn hiện tướng Thiếu nữ, toàn thân màu xanh lục nên được xưng là Lục Độ Mẫu.

Ngoài ra, các vị Lạt Ma Tây Tạng còn truyền dạy cách tu 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu của Ấn Độ là:

- 1\_ Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu (Sgrol – Ma – Myurmadpaḥ – Mo, tên phạn là: Tàre Ture vîre).
- 2\_ Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu (Ston – Kaḥi zlabakun – Tugsal – Brgya, tên phạn là: ‘sata – ‘sarac – candra).
- 3\_ Tử Ma Kim Sắc Mẫu (Ser – Sdechū, tên phạn là: Kanaka - Nilâbja).
- 4\_ Như Lai Đỉnh Kế Mẫu (De – bshin – g’segs – paḥi – gtsug – tor, tên phạn là: Tathâgatôsṇiṣa).
- 5\_ Đát La Hồng Tự Mẫu (Tàrà Hùm yî – ge, tên phạn là: Tuttàra – Hùm - Kàra).
- 6\_ Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu (Brgya – byin melha – Tshans – pa, tên phạn là: ‘sagrânala - Brahma).
- 7\_ Đạc La Đê Phát Mẫu (Trad – Cis \_ Bya – Dan phat, tên phạn là: Traditi phat - Kàra).
- 8\_ Đô Lị Đại Khẩn Mẫu (Tures – ḥjîgs – pachen – mo, tên phạn là: Ture Mahà - Ghore).
- 9\_ Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu (Dkon – Mchog – Gsum ṃtshon – phyag – rgya, tên phạn là: Tri – Ratna - Mudrânka).
- 10\_ Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu (Rab – tu – dgaḥ – babrdsid – ba, tên phạn là: pramuditâtôpa).
- 11\_ Thủ Hộ Chúng Địa Mẫu (Sa – Gaḥi skyon – pa, tên phạn là: Samanta – bhù – pàla).
- 12\_ Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu (Zla – baḥibum – bus – dpral – rgyah, tên phạn là: ‘sikhaṇḍa – khaṇḍêndu).
- 13\_ Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu (Bskal – baḥi – thamaḥi – me – ltar, tên phạn là: Kalpânta - hutabhug).
- 14\_ Thủ Ấn Đại Địa Mẫu (Sa – ba, tên phạn là: Kara - Talâghàta).
- 15\_ An Ấn Nhu Thiện Mẫu (Bde – Ma dgl – Mashi – Ma, tên phạn là: ‘sive ‘subhe’sànte).
- 16\_ Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu (Kun – nas – bskor – rab – dgaḥ – ba, tên phạn là: pramuditâbandha).

- 17\_ Đô Lị Ba Đố Mẫu (Turi – Sha – pa, tên phạn là: Ture padâghàta).
- 18\_ Tát La Thiên Hải Mẫu (Lha – yi – mtsho, tên phạn là: Sura – sarâkàra).
- 19\_ Chư Thiên Tập Hội Mẫu (Lha – yi – tshogs – rnam – rgyas – ma, tên phạn là: Sura – gañâdhyakṣa).
- 20\_ Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu (Nima – zla – ba – rgyas – ma, tên phạn là: Candrârka – sampùrṇa).
- 21\_ Cự Tam Chân Thập Mẫu (De – nid gsum – Rnam bhod – pa, tên phạn là: Tri – Tattva – vinyâsa).

Từ 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu nói trên, các vị Lạt Ma Tây Tạng đã ghi nhận thành 21 hóa thân của Đa La Tôn là:

- 1\_ Pravira-Tàrà (Thắng Dũng Đa La).
- 2\_ Candra-kànti-Tàrà (Thu Nguyệt Đa La).
- 3\_ Kanaka- varṇa-Tàrà (Kim Sắc Đa La).
- 4\_ Uṣṇiṣa-vijaya-Tàrà (Tối Thắng Đỉnh Đa La).
- 5\_ Hùṃ- sarva-nàdini-Tàrà (Hồng Nhất Thiết Âm Thanh Đa La).
- 6\_ Trailokya-vijaya-Tàrà (Thắng Tam Thế Đa La).
- 7\_ Vàdi-Pramardaka-Tàrà (Tội Hoại Tranh Luận Đa La).
- 8\_ Màra-sudanà-vasita-uttama-da-Tàrà (Tội Hoại Ma Chướng Cập Thí Thắng Thượng Lực Đa La).
- 9\_ Varada-Tàrà (Dữ Nguyện Đa La).
- 10\_ ‘Soka-vina-udana-Tàrà (Diệt Tận Phiền Não Đa La).
- 11\_ Jagad-va’si-vipan-nirbarhaṇa-Tàrà (Câu Triệu Hữu Tình Diệt Tận Ác Vận Đa La).
- 12\_ Kalyàna-da-Tàrà (Thí Cát Khánh Đa La).
- 13\_ Paripàcaka-Tàrà (Thực Quả Đa La).
- 14\_ Bhrkùti-Tàrà (Phần Nộ Đa La).
- 15\_ Mahà-‘sànti-Tàrà (Đại Tịch Tĩnh Đa La).
- 16\_ Ràga-niṣùdana-Tàrà (Tội Phá Tham Ái Đa La).
- 17\_ Sukha-sàdhana-Tàrà (Hỷ Lạc Thành Tựu Đa La).
- 18\_ Vijaya-Tàrà (Tối Thắng Đa La).
- 19\_ Duḥkha-dahana-Tàrà (Tiêu Tận Khổ Não Đa La).
- 20\_ Siddhi-sambhava-Tàrà (Thành Tựu Sinh Đa La).
- 21\_ Paripùrṇa-Tàrà (Thắng Mãn Đa La).

Ngoài 21 Tôn này , các vị Đạo Sư Tây Tạng còn ghi nhận thêm danh hiệu **Khadira Vaṇi Tàrà** (Khadira Thọ Lâm Đa La tức vị Tàrà của rừng cây Khadira) là thân chính của Lục Đa La, Ngài có thể đổi màu và thay thế cho vai trò của Dữ Nguyện Đa La

Riêng Giáo đồ Phật Giáo Tây Tạng đồng hóa Đa La Tôn với Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Tự Tại Bồ Tát nên xưng tán thờ phụng Ngài qua danh hiệu Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát.

Maṇḍala Ngũ Trí Như Lai của Mật Giáo Tây Tạng ghi nhận rằng: Đa La Tôn chính là Cứu Độ Phật Mẫu hiển thị cho Thành Sở Tác Trí của **Bất Không Thành Tự Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata). Trí này nhằm kiện toàn sứ mệnh của chư vị Bồ Tát là thực hiện sự chứng ngộ hoàn toàn, chuyển năm Thức Thân thành phương tiện thiện xảo, chuyển nghiệp thành duyên, chuyển ý niệm tư tưởng thành sự sáng tác sống động, chuyển khổ hạnh thành quả giải thoát. Biểu tượng của Trí này là ánh hào quang màu xanh lục huyền bí được kết tinh qua màu xanh Pháp Tính vũ trụ với màu vàng Từ Bi bình đẳng nhằm nuôi dưỡng xác thân và làm lắng dịu tâm hồn cho mọi chúng sinh đang chìm trong biển khổ đau. Đây cũng chính là **năng lực gia trì** (Adhiṣṭhana) của chư Phật Bồ Tát phù hộ cho những chúng sinh có niềm tin chân thật vượt thoát mọi tai nạn khổ đau. Do ý nghĩa này mà Tàra được tôn xưng bằng danh hiệu **Pháp Cứu Tôn** (Dharma Tàra).

Mật Giáo Tây Tạng thường minh họa năm vị Tàra biểu thị cho những phương tiện khác nhau tương ứng với năm vị **Thiền Phật** (Dhyāna-buddha) ở năm phương là:

\_ **Bạch Đa La** (Sitatàra) ở phương trung ương: biểu thị cho Trí Tuệ siêu việt, tinh thần vô nhiễm, phương tiện của giải thoát.

\_ **Lam Đa La** (Ekajata:Nhất Kế, hay Ugratara:Uy mãnh Đa La) ở phương Đông: biểu thị cho tinh thần sung mãn, tâm tính thức

\_ **Hoàng Đa La** (Bhṛkūṭi :Tỳ Câu Chi) ở phương Nam: biểu thị cho tinh thần thuần khiết, giác ngộ tâm linh.

\_ **Xích Đa La** (Kurukulla) ở phương Tây: biểu thị cho sức mạnh tình yêu từ Tàra nguyên thủy, tinh thần phấn chấn, đời sống khổ hạnh.

\_ **Thanh Đa La** (Syamatara) ở phương Bắc là Tàra nguyên thủy: biểu thị cho tính sẵn sàng cứu khổ phò nguy, chuyển 5 giác quan thành phương tiện thiện xảo, chuyển khổ hạnh thành giải thoát.

Trong năm vị Tàra này thì nhân dân Tây Tạng thường phụng thờ 2 vị Bạch Tàra và Thanh Tàra

Do tín ngưỡng Tàra phát triển rất mạnh trên đất nước Tây Tạng nên nhân dân Tây Tạng đã xưng tán hai vị Thứ phi của Nhà vua **Khí Tông Lộng Tán** (Srong – Tsan - Gampo) là: **Văn Thành công chúa** (con vua Đường Thái Tôn) là Bạch Đa La Bồ Tát và công chúa Xứ Nê Pan (Nepal) **Ba Li Khổ Cơ** (Bhṛkūṭi) là Lục Đa La Bồ Tát.

Tại Việt Nam, tín ngưỡng Tàra phát triển rất chậm, hầu hết Giáo đồ Phật Giáo Việt Nam chỉ mừng tượng Tàra dưới hình bóng Đức Quán Thế Âm qua câu chú: “*An, đa lị , đa lị, đốt đa lị, đốt đốt đa lị, đốt lị, ta bà ha*” được ghi nhận trong nghi thức tụng niệm kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Phổ Môn.

Thời gian gần đây, Việt Nam mới ghi nhận được pháp tu Tàra qua **Đa Lợi Tâm Kinh** do Sa Môn **Trí Thông** truyền thụ và Pháp “**Tu Trì Thánh Cứu Độ Phật Mẫu**” do Kim Cương Thượng Sư Tây Khang **NẶC NA HỒ ĐỒ KHẮC ĐỒ** truyền thụ.

Tại Âu Mỹ, tín ngưỡng Tà-rà tuy mới phát triển nhưng lan tỏa rất nhanh, nhiều nhà nghiên cứu Âu Mỹ đã tìm hiểu và ghi chép rất kỹ các kinh điển liên quan đến Tà-rà. Trong đó, chúng tôi dùng một số tư liệu từ các quyển **“In Praise Of Tara – Songs to the Saviouress”** của Ông Martinwillson, **“The cult of Tà-rà – Magic and Ritual in Tibet”** của Stephan Beyer, **“Thiền định trên Tantras bậc thấp”** của Dendun Drub để biên soạn thêm cho tập sách này.

Tóm lại, hệ thống tín ngưỡng Đa La Bồ Tát phát triển rất mạnh ở Ấn Độ, Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Nhật Bản... và mọi hệ thống Mật Giáo đều xem Đa La Tôn là biểu tượng về năng lực Đại Bi “Ban Vui, Cứu Khổ” của chư Phật Bồ Tát nên thường xưng tán Ngài qua bài kệ trong Kinh **“Quán Tự Tại Bồ Tát Thụ Ký”** là:

*Đấng Đại Bi Đa La  
Từ Bi của tất cả  
Trời, Người với Dạ Xoa  
Đều là con của Ngài  
Nên hiệu Thế Gian Mẫu  
Và cho xuất Thế Gian.  
Quán Âm, Đại Thế Chí  
Kim Cương với Thiện Tài  
Văn Thù, Tu Bồ Đề  
Từ Thị với Hương Tượng  
Nguyệt Quang, vô tận ý  
Vô cấu, Hư Không Tạng  
Diệu Nhãn với Đại Bi  
Duy Ma, Đẳng Bồ Tát  
Là con của Đa La  
Các Như Lai ba đời  
Tất cả Ma Ha Tát  
Không ai không là con.  
Đều xưng là MẸ TA  
Nuôi dưỡng các Hữu Tình  
Ôm nâng như Đại Địa*

Do ý nguyện muốn góp chút ít công sức cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam, anh em chúng tôi không ngại tài hèn sức kém đã cố gắng sưu tập các tài liệu Kinh bản có liên quan đến pháp tu Tà-rà và cùng nhau soạn dịch thành tập ghi chép này. Điều không thể tránh khỏi là bản ghi chép này vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Ngưỡng mong các bậc Cao Tăng, chư vị Đại Đức, Bậc Long Tượng của Mật Giáo hãy rũ lòng Từ Bi chỉ bảo và sửa chữa nhằm giúp cho bản ghi chép này được hoàn hảo hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, chúng con xin kính dâng lên Hương Linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của chúng con.

Chúng con xin chân thành cảm ơn Thầy **Thích Quảng Trí**, Thầy **Thích Pháp Quang**, các Sư Cô: **Như Hạnh**, **Như Trí**, **Như Nguyệt**, **Như Thông** đã luôn trợ giúp và khuyến khích chúng con tìm hiểu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin cảm ơn em **Hậu**, em **Mật Trí** (Tổng Phước Khải) và các con tôi đã không ngại khó nhọc đánh vi tính một số Kinh bản và sao chép các hình ảnh, tài liệu Phạn Văn chèn vào tập ghi chép này.

Tôi xin chân thành cảm ơn anh **Nguyễn Đình Tạc**, chị **Nguyễn Thị Mộng Hương** và nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất trong thời gian soạn dịch các Kinh Điển

Tôi cũng xin cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi khó khăn trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi vững bước trên con đường tìm hiểu Phật Pháp.

Nguyện xin cho các bậc ân nhân của chúng tôi và toàn thể các Hữu Tình đều sớm được vượt qua mọi ách nạn khổ đau và đạt được hạnh phúc cao thượng trong Giáo Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Cuối mùa Thu năm Tân Mão (2011)  
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi



## TÔN TƯỢNG ĐA LA BỒ TÁT

Đại Nhật Kinh, quyển 1, phẩm Cự Duyên ghi là: “Hình tượng của Tôn này là trạng người nữ trung niên da màu xanh và màu trắng pha tạp, hai tay chắp lại cầm hoa sen xanh, thân mặc áo trắng”

Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đà La thì vẽ hơi khác là: “Toàn thân màu xanh trắng, mặc áo Yết Ma, đầu đội mào tấc bên trên có vị hóa Phật, hai tay chắp lại không cầm hoa sen, ngồi Bán Già trên Tòa Sen, vị trí ở bên phải của Quán Tự Tại Bồ Tát, bên trái Ngài có một vị Sứ Giả”.



Số thứ 5 giải thích ý nghĩa của Tôn Tượng trên là: “Đa La Bồ Tát là Tam Muội của Quán Tự Tại nên làm tượng người nữ. Đa La có nghĩa là con mắt. Hoa sen xanh có nghĩa là trong sạch không dơ bẩn. Dùng Phổ Nhãn như vậy nhiếp thụ quần sinh, đã chẳng trước cũng chẳng sau nên làm dạng người nữ trung niên chẳng quá già, chẳng quá trẻ. Màu xanh là màu giáng phục, màu trắng là màu Đại Bi do diệu (sự mâu nhiệm) ở trong hai dụng ấy nên tạo hai màu hòa hợp, vì nghĩa ấy nên chẳng xanh chẳng trắng. Tượng ấy chắp tay, cầm hoa sen xanh trong lòng bàn tay, hướng tay và mặt về Đức Quán Âm như hình mỉm cười, toàn thân có hào quang tròn như màu vàng ròng thanh tịnh, mặc áo màu trắng, đầu có búi tóc như dạng tóc của Chư Thiên, đồng với mào tóc của Đại Nhật Như Lai”.

Quỹ ghi là: “Liên quán hoa sen màu nhiệm (Diệu Liên) làm Bản Tôn, thân ấy có ánh sáng vàng lục tràn đầy thanh tịnh, với báu Diệu Ma Ni làm Trân Lạc, đầu đội mào tóc có Vô Lượng Thọ Phật, bên phải hiện tướng Dữ Nguyễn làm thù thắng, bên trái dùng tay cầm hoa sen xanh”.

Biệt Tôn Tạp Ký ghi là: “Trên Đàn có chữ 𑖀 (HRĪḤ) biến thành hoa sen báu. Trên hoa có chữ 𑖀 (TAM) biến thành hoa sen xanh rồi chuyển thành thân Đa La Bồ Tát có màu xanh trắng (hoặc màu thịt) mặc áo màu lam với mọi thứ trang nghiêm, trên mào có Đức Quán Tự Tại Vương Như Lai (Avalokite'svara-rāja-

tathàgata), *tay trái cầm hoa sen xanh để bên trái tim, tay phải kết Ấn Thủ Vô Úy (Abhayamudra) hoặc chắp hai tay lại cầm hoa sen xanh, ngòi trên hoa báu phóng ra ánh hào quang màu trắng, hay làm mãn các Nguyên”*.

Theo sự truyền thụ của Tây Khang **Nặc Na Hô Đồ Pháp Đồ** (Phật sống NẶC NA của Tây Tạng) thì Bản Tôn có thân màu xanh lục, dung mạo hiền từ, ngồi báu già trên hoa sen , có vành Nhật Nguyệt. Hoa sen đó có 08 cánh màu trắng hơi hồng, chân phải đạp xéo, chân trái co lại. Hai tay cầm một cành hoa **Ô Ba Lạp** (Utpala: Hoa sen xanh da trời), đầu đội mào Ngũ Phật, thân trên khoác áo bay phất phới như lá phướng, thân dưới mặc quần trong dài, quần ngoài ngắn. Cổ đeo 03 chuỗi châu: chuỗi thứ nhất dài đến ngực, chuỗi thứ hai đến trái tim, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Tai đeo vòng khoen, khuỷu tay đeo vòng xuyên, ống chân đeo vòng có chuông nhỏ với các vật trang sức dùng để trang nghiêm.



Trên đây là Tôn tượng Lục Độ Mẫu, một trong 21 Độ Mẫu hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Hình tượng của 20 Độ Mẫu còn lại đều có tư thế ngồi, mào, áo, vật trang sức giống nhau và chỉ khác nhau về nhan sắc (dung mạo và màu sắc) với vật cầm tay.

Bách Khoa Tự Điển mở Wikipedia ghi là:” *Thần Tàrà thực sự là một vị Thần trẻ đẹp, có khả năng thay đổi hình dạng đúng lúc đúng chỗ. Thần có thể hiện ra trong màu xanh, màu trắng, đỏ hay màu của vàng. Mỗi màu đều có ý nghĩa riêng của nó. Sắp đặt:*

*Phía sau đầu của Thần Tàrà là ánh sáng của trăng tròn, là biểu tượng của ánh sáng soi sáng trái đất, cao hơn sự hỗn độn, ảo tưởng và đau khổ của vòng Luân Hồi nhưng lại không tách rời khỏi nó. Thần ngồi trên một tòa sen nở và một chiếc đĩa tròn. Vòng quanh Thần là một vòng lửa màu vàng. Mà lời Kinh cầu nguyện số 21 nói rằng **Như lửa cháy ở cuối Thời Đại này.***

**Hoa:***Trên mỗi bàn tay, Thần Tàrà nhẹ nhàng cầm một cánh hoa dài màu xanh trắng, hoa Utpala, một loại hoa có mùi hương thơm ngọt giống như hoa Kèn hay hoa Sen, loại hoa mọc trên núi mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Hoa Utpala là sự trong sạch tự nhiên, mà theo Genlek Rinpoche nói **Để có thể nghĩ mình là người trong sạch, hãy hành động một cách trong sạch.***

*Ba ngón tay trái của Thần Tàrà chỉ lên trên để biểu hiện ba thứ quý giá , đó là Đức Phật , Phật Pháp và Giác Ngộ, và sự tự giải phóng tự tại. Tay phải duỗi ra , giữa bàn tay về phía trước với một cử chỉ mời gọi. Genlek Rinpoche nói **Thần Tàrà nói với những người bị mất hy vọng và không có ai giúp đỡ rằng **Hãy lại đây, Ta đang ở đây.*****

**Y Phục:***Thần có những sợi thừng lụa mềm được trang điểm bằng những hạt châu báu, dải tai dài và thanh nhã biểu hiện rõ ràng Thần là một vị Bồ Tát, người đã có lời Thề ở lại trên trần gian vĩnh viễn để cứu nhân độ thế. Trên thực tế , những Đức Phật truyền Giáo thì không đeo châu báu, tại sao họ lại đeo trên cõi Niết Bàn? Các Bồ Tát thường trì hoãn việc vào Cõi này vì những vị khác. Thần Tàrà mang châu báu là để thể hiện sự hoàn thiện của mình, những châu báu này lấp lánh như sự cảnh báo về những sự đau khổ trên trần thế, nơi mà Thần đang ra tay cứu chữa”*

\_ Theo kinh nghiệm tu tập của Bhatta Charya thì “Trong ánh hào quang sáng chói lạ lùng hiện ra một vị Thánh Nữ màu lục biếc, đẹp tuyệt hảo trong mọi đường nét tay chân đến nỗi không thể dùng lời nói diễn tả được. Thánh Nữ ngồi theo thế Du Hý Tam Muội trên một hoa sen hai tầng, tay trái cầm vài cành lá, tay phải kết ấn Vô Úy với một viên ngọc sáng ngời”.

Riêng 21 Độ Mẫu thì Kinh Tạng Hoa Văn không ghi nhận bằng lời mà chỉ lưu truyền hình ảnh Tôn tượng trong kinh “Lễ tán 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu”.

1\_ **Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu** (Tàre Ture vire): có 08 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.

色

赤



2\_ **Bách Thu Lăng Nguyệt Mẫu** ('sata –'sarac –candra): có 12 tay, thân hình màu trắng, đứng trên tòa sen.

色

白



3\_ **Tử Ma Kim Sắc Mẫu** (Kanka - Nilâbja): có 10 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色

黄



4\_ **Như Lai Đỉnh Kế Mẫu** (Tathâgatôṣṇiṣa): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色

黃



5\_ **Đát La Hồng Tự Mẫu** (Tuttàra – Hùṃ - Kàra): có 02 tay, thân hình màu vàng rờng, ngồi kiết già trên tòa sen.

色

金



6\_ **Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu** (Sakrânala - Brahma): có 04 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.

色

赤



7\_ **Đặc La Đê Phát Mẫu** (Traḍiti phạ - Kàra): có 04 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



8\_ **Đô Lệ Đại Khẩn Mẫu** (Ture Mahà - Ghore): có 04 tay, thân hình màu hồng, ngồi theo thế Du Hý trên lưng rồng trên tòa sen.



9\_ **Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu** (Tri - Ratna - Mudrânka): có 04 tay, thân hình màu hồng, ngồi kiết già trên tòa sen.



10\_ **Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu** (Pramuditâtopa): có 04 tay, thân hình màu hồng, đứng trên hoa sen.



11\_ **Thủ Hộ Chúng Địa Mẫu** (Samanta-bhù-pàla): có 02 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



12\_ **Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu** ('Sikhaṇḍa – khaṇḍēndu): có 08 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.



13\_ **Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu** (Kalpānta-hutabhug): có 04 tay, thân hình màu đỏ, đứng trên tòa sen.



14\_ **Thủ Án Đại Địa Mẫu** (Kara-Talâghàta): có 03 đầu 06 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



15\_ **An Ẩn Nhu Thiện Mẫu** ('Sive 'subhe'sante): có 06 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.



16\_ **Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu** (Pramuditābandha): có 02 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.



17\_ **Đô Li Ba Đế Mẫu** (Ture padāghāta): có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi chéo chân trên tòa sen.



18\_ **Tát La Thiên Hải Mẫu** (Sura-sarākāra): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.





19\_ **Chư Thiên Tập Hội Mẫu** (Sura-gaṇādhyaṅga): có 02 tay, thân hình màu vàng rờng, ngồi kiết già trên tòa sen.



20\_ **Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu** (Candrārka-saṃpūrṇa) có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



21\_ **Cụ Tam Chân Thật Mẫu** (Tri-Tattva-vinyāsa): có 02 tay, thân hình màu xanh, ngồi trên lưng con trâu trên hoa sen.



Từ 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu nói trên, các vị Lạt Ma Tây Tạng đã ghi nhận thành 21 hóa thân của Đa La Tôn là:

1\_ Pravira-Tàrà (Thắng Dũng Đa La).



2\_ Candra-kànti-Tàrà (Thu Nguyệt Đa La).



3\_ Kanaka- varṇa-Tàrà (Kim Sắc Đa La).



4\_ Uṣṇiṣa-vijaya-Tàrà (Thị Vương Quân Đa La).



5\_ Hùṃ- sarva-nàdini-Tàrà (Hồng Nhất Thiết Âm Thanh Đa La).



6\_ Trailokya-vijaya-Tàrà (Thắng Tam Thế Đa La).



7\_ Vài-Pramardaka-Tàrà (Tồi Hoại Tranh Luận Đa La).



8\_ Mài-sudanà-vaṣṭi (Tồi Hoại Ma Chướng Cập Thí Thắng Thượng Lực Đa La).

ṣṭi Hoại Ma Chướng Cập Thí



9\_ Varada-Tàrà (Dữ Nguyện Đa La).



10\_ 'Soka-vina-udana-Tàrà (Diệt Tận Phiền Não Đa La).



11\_ Jagad-va'si-vipan-nirbarhaṇa-Tàrà (Câu Triệu Hữu Tình Diệt Tận Ác Vận Đa La).



12\_ Kalyàna-da-Tàrà (Thí Cát Khánh Đa La).



13\_ Paripàcaka-Tàrà (Thực Quả Đa La).



14\_ Bhṛkūṭi-Tàrà (Phẫn Nộ Đa La).



15\_ Mahà-'sànti-Tàrà (Đại Tịch Tĩnh Đa La).



16\_ Ràga-niṣùdana-Tàrà (Tội Phá Tham Ái Đa La).



17\_ Sukha-sàdhana-Tàrà (Hỷ Lạc Thành Tựu Đa La).



18\_ Vijaya-Tàrà (Tối Thắng Đa La).



19\_ Duḥkha-dahana-Tàrà (Tiêu Tận Khổ Não Đa La).



20\_ Siddhi-saṃbhava-Tàrà (Thành Tựu Sinh Đa La).



21\_ Paripùrṇa-Tàrà (Thắng Mãn Đa La).



Ngoài 21 Tôn này , các vị Đạo Sư Tây Tạng còn ghi nhận thêm danh hiệu **Khadira Vajri Tara** (Khadira Thọ Lâm Đa La tức vị Tara của rừng cây Khadira) là thân chính của Lục Đa La, Ngài có thể đổi màu và thay thế cho vai trò của Dữ Nguyệt Đa La



Tóm lại, hình tượng Đa La Tôn thường được sùng bái, thờ phượng, quán tưởng nhiều nhất qua hai loại thân

1\_ Thân nữ màu xanh lục, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải kết Dữ Nguyệt Ấn, ngồi theo thế Du Hý trên tòa sen và xưng là **Lục Độ Mẫu** (hay Thanh Tara)



2\_ Thân nữ màu trắng, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải kết Dữ Nguyệt Ấn, ngồi theo thế Du Hý trên tòa sen và xưng là **Bạch Độ Mẫu** (hay Bạch Tàà)





## ĐA LA BỒ TÁT CHÂN NGÔN PHÁP

Theo truyền thống Hoa Văn thì Đa La Bồ Tát có mật hiệu là **Bi Sinh** (Kàruṇa Udbhave: Nghĩa là do tâm Đại Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát mà sinh ra) hoặc có một mật hiệu là **Hạnh Nguyên Kim Cương** (Càrya Praṇidhàna Vajra).

Tam Muội gia hình của Tôn này là “Hoa sen xanh hé nở” biểu thị cho nghĩa **“Hóa độ chúng sinh vượt thoát mọi trần cấu ô nhiễm, thực chứng được bản tính trong sạch không dơ bẩn”**.

Chủng tử của Ngài là  $\uparrow$  (TA) hay  $\ddagger$  (Tam) hoặc  $\ddagger$  (Tàm) minh họa cho nghĩa **“Như như bất khả đắc”**.

Ấn căn bản của Ngài là **Thanh Liên Căn Bản Ấn**: Đem 10 ngón tay cài chéo nhau trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành Quyển (Nội phộc) dựng 02 ngón trỏ dính đầu ngón như cây kim, dựng thẳng 02 ngón cái dính vào 02 ngón trỏ. Đây cũng là Ấn căn bản của **Thanh Cảnh Quán Thế Âm Bồ Tát**.



Tâm chú của Đa La Tôn được ghi nhận qua nhiều bản khác nhau:

1\_ Bản thường tụng của Tùy La Tăng ĐẠT MA MỘC XA là:

**Đá diệt tha: Ấn – Đa li, đa li – Đốt đa li, đốt – Cấp bà ha.**

2\_ Bản của Nam Thiên Trúc Tăng A ĐỊA QUẬT ĐA là:

**Đá diệt tha: Đa lợi, đa lợi, đốt đa lợi, đốt – Cấp bà ha.**

3\_ Bản do các Đại Đức cổ xưa kết tập là:

**Đá diệt tha: Đa lợi, đa lợi, đốt đa lợi, đốt đa lợi, đốt đa lợi, sa bà ha.**

4\_ **Đa Lợi Tâm Kinh** do Sa Môn Thích Trí Thông dịch ghi là:

$\uparrow$   $\ddagger$   $\ddagger$   $\uparrow$   $\ddagger$   $\ddagger$   $\uparrow$   $\ddagger$   $\ddagger$   $\uparrow$   $\ddagger$   $\ddagger$   $\uparrow$   $\ddagger$   $\ddagger$   $\uparrow$   $\ddagger$   $\ddagger$

**Đá diệt tha: Ấn – Đa li, đa li, đô đa li, đô đô đa li, đốt li, sa bà ha.**

\*) TADYATHÀ: OM – TARE TARE TUTARE TUTUTARE TURE – SVÀHÀ

Ấn căn bản của câu Chú này lại là **Ngoại Phộc Thanh Liên Hoa Căn Bản Ấn**: Đem 10 ngón tay cài chéo nhau bên ngoài, bên phải đè bên trái, sao cho 10 đầu ngón tay bám vào lưng 02 bàn tay rồi nắm lại thành Quyển (Ngoại phộc) Dựng đứng 02 ngón trỏ sao cho đầu ngón dính nhau như hình cánh sen. Dựng thẳng 02 ngón cái dính vào 02 ngón trỏ. Đây cũng là Ấn căn bản của **Kim Cương Pháp Bồ Tát** trong Kim Cương Giới Mạn Đa La Tứ Ấn Hội.



RA (𑖫) là nghĩa 06 Trần. Vì các pháp chẳng phải Như, chẳng phải Khác, nên 06 Trần đều như THẬT TƯỚNG, tức bản tính của nó không có trần cấu, gọi là **“Con mắt không bụi thanh tịnh, thấy biết như thật”** – Lại nữa, 06 căn 06 trần gọi là biển sinh tử, tất cả chúng sinh đều chìm đắm trong đó chẳng được bờ mé nào. – Nay thấy 06 Trần như thật tướng mà đến bờ bên kia của Phật Nhân nên gọi là **“Được độ”**.

→ Nói lập lại TÀRIṆI là cực độ, tự độ được rồi lại hay phổ độ chúng sinh, tự được Phổ Nhân không bụi, lại cũng khiến cho tất cả chúng sinh được phổ nhân không bụi – Theo như Đại Bản thì có đến 500 Đa La Tôn đều từ mắt của Quán Tự Tại mà sinh ra – Mật Ngữ Du Già lấy chư vị đó làm Tam Muội của A Di Đà.

10\_ Số thứ 10, phẩm Mật Ấn ghi câu Chú là:

𑖐𑖩 𑖘𑖩𑖐 𑖐𑖩𑖐 𑖐𑖩𑖐 𑖐𑖩𑖐 𑖐𑖩𑖐 𑖐𑖩𑖐 𑖐𑖩𑖐 𑖐𑖩𑖐 𑖐𑖩𑖐

Na ma Tam mãn đa bột đà nam. Đá lệ, đá lý nễ, carô noa, ốt nạp bà phệ, sá ha.

\*) NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNĀM – TĀRA TĀRIṆĪ KĀRUṆA UDBHAVE – SVĀHĀ.

Rồi giải thích là:

\_ **Tāre**: là người (tự độ).

\_ **Tārini**: là độ như đưa người qua sông lớn đặt ở bờ bên kia.

\_ **Kāruṇa**: là Bi.

\_ **Udbhave**: là Sinh.

Do Bồ Tát này Từ Bi mà sinh, cũng độ chúng sinh đến chỗ Bi vậy.

11\_ Bất Không quyển sách Thần Biến kinh, quyển 19, phẩm 37 Đa La Bồ Tát Hộ Trì có ghi là:

a) Ma Ni Đại Tâm Đà La Ni chân ngôn:

**“Ấn – A mô già bát đầu nhĩ nễ, đã lệ – Sa phộc ha”**

𑖩𑖩 𑖘𑖩𑖐𑖩𑖐𑖩𑖩 𑖐𑖩 𑖐𑖩𑖐

OM\_ AMOGHA-PADMINI TĀRE\_ SVĀHĀ

b) Ma Ni Tiểu Tâm Đà La Ni chân ngôn:

**“Ấn – Ma ni, đã lệ, hàm”**

𑖩𑖩 𑖘𑖩𑖐 𑖐𑖩 𑖩

OM – MAṆĪ TĀRE – HŪM

12\_ Bạch Cứu Độ Phật Mẫu Tán ghi là:

**Ấn – Đáp liệp, đô đáp liệt, đô liệp ma ma, A du lệ bổ nột diệp, ni nạp bổ chân, cô lỗ diệp, sa ha.**

OM – TĀRE TUTTĀRE TURE – MAMA ĀYUḤ PUṆYE JÑĀNA PUṢṬIṀ KURU – SVĀHĀ.

13\_ Bản phổ thông lưu truyền trong nhân gian Trung Hoa thì ghi là:

*Cúi lạy Viên Thông Chân Đại Sĩ*

*Tuyên dương thân chú phá ngu môn.*

*Nay con trì niệm một triệu biến*

*Trí tuệ nguyện bằng Quán Tự Tại.*

“**Úm – Tara, Tara, Tam Tara nhân tha rị – Hê, vĩ thuật rị đa, vĩ thuật đà gia.** **Úm – Tara, Tara, Thất rị duệ – Ta phạ ha**”.

ॐ नमो नमो संदर उं हू न वसि न वसु ह्य

ॐ नमो नमो शय हू न

**OM** (Nhiếp Triệu) **TÀRA** (tự cứu độ) **TÀRÀ** (tha cứu độ) **SAMDHÀRA** **INDRI** (giữ gìn năng sinh, liên kết với quyền năng tự nhiên).

**HE** (Mừng thay) **VI'SRITA** (vang lại, dội lại, đáp ứng lại) **VI'SUDDHÀYA** (Khiến cho tất cả đều được thanh tịnh).

**OM** (Nhiếp Triệu) **TÀRA** (Tự độ) **TÀRÀ** (tha độ) **'SRÌYE SVÀHÀ** (quyết định thành tựu mọi sự tốt lành).

14\_ Truyền thống Ấn Độ thường lưu hành câu Chú kèm với nghĩa căn bản là:

ॐ नमो तु नमो तु नमो हू न

“**OM – TÀRE TUTTÀRE TURE - SVÀHÀ**”

.) **Om:** Kính lễ

.) **Tàre:** dừng mãnh mau chóng

.) **Tuttàre:** trừ khử sự sợ hãi

.) **Ture:** hay truyền các thắng nghĩa

.) **Svàhà:** con tác kính lễ

15\_ Truyền thống Tây Tạng thường lưu hành 02 câu chú chính của Lục Độ Mẫu và Bạch Độ Mẫu là:

a) Lục Độ Mẫu chú:

**OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SVÀHÀ.**

.) **Om:** Quy mệnh kính lễ mẹ Tàrà.

.) **Tàre:** sự tự do thoát khỏi luân hồi

.) **Tuttàre:** sự tự do thoát khỏi 08 nạn

.) **Ture:** sự tự do thoát khỏi bệnh tật

.) **Svàhà:** thành tựu tốt lành.

b) Bạch Độ Mẫu chú:

**OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – MAMA ÀYUḤ PUṆYE JÑÀNA PUṢṬIM KURU – SVÀHÀ.**

.) **Om – Tàre tuttàre ture**

.) **Mama:** Tôi

.) **Àyuh:** thọ mệnh

.) **Puṇye:** công đức

.) **Jñàna:** trí tuệ

.) **Puṣṭim Kuru:** hãy làm cho tăng trưởng

.) **Svāhā:** thành tựu tốt lành

Ngoài ra, tùy theo từng Bộ tu tập, các vị Đạo sư Tây Tạng đã truyền dạy các câu chú khác nhau là:

1\_ Như Lai Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA – SĀGARĀYA VAIROCANA – VYŪHA – RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHĀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITE ‘SVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ SATTVĀYA MAHĀ KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OM – TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ.

2\_ Liên Hoa Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–AMITĀBHA–DEVA–VYŪHA– RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHĀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITE ‘SVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ SATTVĀYA MAHĀ KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OM – TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ.

3\_ Kim Cương Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA – SĀGARĀYA AKṢOBHYA – VYŪHA – RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHĀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITE ‘SVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ SATTVĀYA MAHĀ KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OM – TĀRE TURE TUTTĀRE – SVĀHĀ.

4\_ Bảo Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA – SĀGARĀYA RATNASAMBHAVA – VYŪHA – RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHĀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITE ‘SVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ SATTVĀYA MAHĀ KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OM – TĀRE TĀRE - TUTTĀRE – TURE – SVĀHĀ.

5\_ Nghiệp Dụng Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA AMOGHASIDDHI–VYŪHA– RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHĀYA.

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATTVÀYA MAHÀ SATTVÀYA MAHÀ KÀRUṆIKÀYA.

TADYATHÀ: OM – TURE TUTTÀRE – SVÀHÀ.

Để giúp cho đệ tử mau chóng diệt trừ mọi tội nghiệp ác đã gây ra, các bậc Đạo sư Mật Giáo Tây Tạng đã truyền dạy một trong ba bài chú sau:

1. OM- NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATTVÀYA – MAHÀ SATTVÀYA – MAHÀ KÀRUṆIKÀYA.!

TADYATHÀ: OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SARVA DUṢṬÀM PARA DUṢṬÀM MAMA KRTE – JAMBHAYA, STAMBHAYA, MOHAYA, BANDHAYA HÙM HÙM HÙM PHAT PHAT PHAT – SVÀHÀ.

NAMAḤ ÀRYA AVALOKABHAYÀ NARÀ BODHISATTVÀ MAHÀ SATTVÀNI ADHIṢṬHANA 'SUDDHE VI'SUDDHE 'SODHAYA VI'SODHAYA HÙM PHAT SVÀHÀ.

2. NAMO RATNA TRAYÀYA!

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE 'SVARÀYA BODHISATTVÀYA MAHÀ SATTVÀYA MAHÀ KÀRUṆIKÀYA.!

TADYATHÀ: OM TÀRE TUTTÀRE TURE – SARVA DUṢṬÀM PARADUṢṬÀM MAMAKRTE – JAMBHAYA, STAMBHAYA, MOHAYA, BANDHAYA HÙM HÙM HÙM PHAT PHAT PHAT! SARVA DUṢṬA STAMBHANI – TÀRE SVÀHÀ.

3. OM – TÀRAṆI – TÀRAṆI – MAHÀ TÀRAṆI – SVÀHÀ

Do tín ngưỡng Tàrà phát triển rất mạnh mẽ và sâu rộng trên đất nước Tây Tạng, nên các bậc Đại sư đã truyền dạy một số định thức về Thần chú để cho các Giáo đồ tiện dùng, Nay chúng tôi xin ghi lại phần định thức do Đức Dalai Lama thứ nhất truyền dạy và do Stephan Beyer biên soạn trong quyển “The cult of Tàrà” từ trang 208 đến trang 210.

1. Định thức thứ nhất:

**Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva ..... 'sàṇṭim Kuru – Svàhà**

\_ Trừ Quỷ Thần: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva grahàn 'sàṇṭim Kuru - Svàhà .**

\_ Trừ chứng nạn: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Vighnàn 'sàṇṭim Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ bệnh tật truyền nhiễm : **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Vyàdhin 'sàṇṭim Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ nhiệt bệnh: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Jvaràn 'sàṇṭim Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ bệnh hoạn: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Rogàn ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ phiền não: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Upadravàn ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ sự chết yếu phi thời: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Akàla Mṛtyùn ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ giấc mơ xấu: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Duḥsvapnàn ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ sự Bất Tường: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Durni mittàni ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ sự lầm lẫn: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Città Kulàni ‘sànṭim Kuru – Svàhà.**

2\_ Định thức thứ hai:

**Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva ..... Rakṣam Kuru – Svàhà**

\_ Trừ oan gia và kẻ thù: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva’satrùbhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ chất độc, các loại độc: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Viṣebhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ Chú Trớ Yểm Đảo: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Kṛtyà – Kàkhordebhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ binh trận: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Yudhebhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ sự phiền não tai nạn: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Bhaya Upadravebhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**

\_ Trừ hành động xấu ác: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva Duṣkṛtebhyo Rakṣam Kuru – Svàhà.**

3\_ Định thức thứ ba:

**Om – Tàre Tuttàre Ture ..... Svàhà.**

\_ **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva bhaya vimocana – Ràja, caura, Agni, Viṣa, Udaka bhayàni pra’samaya – Svàhà.**

(Om Tàre Tuttàre Ture – Vượt thoát mọi sự sợ hãi, chận đứng, tiêu diệt sự sợ hãi về: vua chúa, trộm cướp, lửa, thuốc độc, nước - Svàhà)

\_ **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva bandhana – Taḍana – Ràja, Taskara, Agni, Udaka, Viṣa ‘sastràni parimocaka – Svàhà.**

(Om Tàre Tuttàre Ture – Vượt thoát mọi sự trói buộc, sự đánh đập, vua chúa, trộm cướp, lửa, nước, thuốc độc, dao gậy - Svàhà)

\_ **Om – Tàre Tuttàre Ture – Sarva pàpam Àvaraṇa vi’suddhe – Svàhà.**

(Om Tàre Tuttàre Ture – Tinh lọc hoàn toàn mọi tội lỗi và chướng ngại – Svàhà )

**\_ Om\_ Tàre Tuttàre Ture\_ mama dhana sarva cora bandha svàhà**  
( Om\_ Tàre Tuttàre Ture\_ Cột trối tất cả giặc cướp của cải của tôi \_ svàhà )

**\_ Om\_ Tàre Tuttàre Ture\_ Asmàn apakàra sarva cora bandha svàhà**  
( Om\_ Tàre Tuttàre Ture \_Cột trối tất cả trộm cướp, kẻ gây ra thiệt hại cho chúng tôi \_ Svàhà )

**\_ Om – Tàre Tuttàre Ture Dhanam me Dehi – Svàhà.**  
(Om Tàre Tuttàre Ture – Hảy ban cho tôi sự giàu có - Svàhà)

4\_ Định thức thứ tư:

**Om – Tàre Tuttàre Ture ..... Puṣṭim Kuru – Svàhà.**

\_ Tăng trưởng Thọ Mệnh, Phước Đức, Trí Tuệ: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Mama Àyuh puṇye jñàna Puṣṭim Kuru – Svàhà.**

\_ Tăng trưởng năng lực Công Đức: **Om – Tàre Tuttàre Ture – puṇya Puṣṭim Kuru – Svàhà.**

\_ Tăng trưởng Trí Tuệ: **Om – Tàre Tuttàre Ture – Prajña Puṣṭim Kuru – Svàhà.**

*Tóm lại:* Tuy Thần chú căn bản của các Đa La Tôn có nhiều sự sai khác, nhưng đây chỉ là pháp lưu truyền của từng Giòng Phái mà thôi. Thực tế muốn tu tập Chân Ngôn được hiệu nghiệm thì điều căn bản là phải biết **thành thật với chính mình** và người khác. Ngoài ra còn phải giữ gìn kỹ lưỡng Tam quy, Ngũ giới, tám Biệt Giới Giải Thoát đồng thời cần phải tránh xa và diệt trừ cho được tâm ý **tự ti mặc cảm và tự cao ngã mạn**, phát huy tâm ý **bình đẳng như thật**. Có như thế Hành Giả mới dần dần thâm nhập vào Tâm Đại Bi của Bản Tôn và thành tựu được mọi lợi ích mà Kinh Điển ghi nhận là: *“Nếu tu trì Chân Ngôn này thì hãy cắt đứt sinh tử luân hồi, tiêu trừ các ma chướng, nghiệp chướng, bệnh khổ, ... và hay tiêu tai, tăng phước, sống lâu, rộng mở Trí Tuệ. Phàm có sự mong cầu thì không có gì không thành tựu, sau khi mệnh chung sẽ vãng sanh về Thế giới Cực Lạc.”*



BHAGAVATY – ÀRYA – TÀRÀ – DE VyÀ  
NAMASKÀRĀIKA VIM'SATI STOTRAM

GUṆA –HITA-SAHITAN

(Lễ tán 21 Thế Tôn Thánh Tàrà Thiên và công đức lợi ích)

Sưu tập Phạn văn: Martin Willson.

OM – Namas TÀRE Ture vire  
TUTTÀRE bhaya – nà'sane/  
TURE sarvârtha – dà Tàre  
SVÀHÀ – Kàre namo stute.//  
Namas tàre ture vire  
Kṣaṇair – dyuti – nibhêkṣane/  
Trailokya – nàtha – vaktrâbja  
Vikasat – ke'sarôdbhave //1//  
Namaḥ 'sata 'sarac – candra  
Saṃpūrṇa – paṭalânane./  
Tàrà – sahasra – nikara  
Prahasat – kiraṇôjjvale //2//  
Namaḥ kanaka – Nilâbja –  
paṇi – padma – vibhùṣite/  
Dàna – vîrya – tapaḥ - 'sânti –  
Titikṣà – dhyàna – gocare //3//  
Namas tathàgatôṣṇiṣa –  
Vijayânanta – càriṇi/  
A'seṣa – pàramità – pràpta –  
Jina – putra – niṣevite//4//  
Namas Tuttàra – hùṃ – Kàra –  
pùritâ'sà – dig – antare/  
sapta – loka – kramâkrànti  
A'seṣâkarṣaṇa – kṣame//5//

Namas 'sagrânala – brahma –  
 Marud – vi'sê'svarârcite/  
 Bhûta – vetâla – gandharva –  
 Gaṇa – yakṣa – puras – Kṛte //6//  
 Namas traḍiti phaṭ – Kâra  
 Para – yantra – pramardani /  
 Pratyâlîḍha – pada – nyâsa  
 'sikhi – jvâlâkulêkṣaṇe //7//  
 Namas ture mahà – ghore  
 Mâra – vîra – vinà'sani/  
 Bhṛkuṭi – kṛta – vaktrâbja.  
 Sarva - 'satrù – niṣùdani //8//  
 Namas tri – ratna – mudrâñka  
 Hṛdyâñguli – vibhùṣite/  
 Bhùṣitâ'seṣa – dik – cakra –  
 Nikara – sva – karâkule //9//  
 Namaḥ pramuditâṭopa –  
 Mukuṭa – kṣipta – màlini/  
 Hasat – prahasat – tuttâre.  
 Mâra – loka – va'saṃKari //10//  
 Namaḥ samanta – bhù – pàla –  
 Paṭalâkarṣaṇa – Kṣame/  
 Calad – bhṛkuṭi – Hùṃ – Kâra –  
 Sarvâpada – vimocani //11//  
 Namaḥ 'sikhaṇḍa – Khaṇḍêndu –  
 Mukuṭâ bharaṇôjjvale/  
 Amitâbha – jaṭa – bhàra –  
 Bhâsure kiraṇa – dhruve //12//  
 Namaḥ kalpânta – hutabhug –  
 Jvalâ – màlântara – sthite/  
 Àlîḍha – muditâbandha –

Ripu – cakra – vinà'sani //13//  
 Namaḥ kara – talâghàta –  
 Caraṇâhata – bhù – tale/  
 Bhṛkuṭi – kṛta – Hùṃ – Kàra –  
 Sapta – pàtâla – bhedini //14//  
 Namaḥ 'sive 'subhe 'sànte  
 'sànta – nirvâṇa – gocare/  
 svâhà – praṇava – saṃyukte  
 Mahà – pàtaka – nà'sani //15//  
 Namaḥ pramuditâbandha –  
 Ripu – gàtra - prabhedini/  
 Da'sâkṣara – pada – nyàse  
 Vidyà – Hùṃ – Kàra – dîpita //16//  
 Namas ture padâghàta –  
 Hùṃ – kârâkàra – bijite/  
 Meru – mandara – kailâsa –  
 Bhuvana – traya – càlini //17//  
 Namaḥ sura – sarâkàra –  
 Hariṇâñka – kara – sthite/  
 Tàra – dvir – ukta – phaṭ – Kàra  
 A'seṣa – viṣa – nà'sani //18//  
 Namaḥ sura – gaṇâdhyaKṣa –  
 Sura – kimnara – sevite/  
 Àbandha – muditâbhoga –  
 Kali – duḥsvapna – nà'ssani //19//  
 Namas candrârka – saṃpūrṇa –  
 Nayana – dyuti – bhàsure/  
 Hara – dvir – ukta – tuttâre  
 Viṣama – jvara – nà'sani //20//  
 Namas tri – tattva – vinyâsa –  
 'siva - 'sakti – samanvite/

graha – vetàla – Yakṣâugha –  
Nà'sani pravare ture //21//  
Mantra – mùlam idaṃ stotraṃ  
Namaskàrâika – viṃ'sakam  
Yaḥ paṭhet prayato dhimàn  
Devyà bhakti – samanvitaḥ //22//  
Sàyaṃ và pràtar utthàya  
Smaret sarvâbhaya pradama/  
Sarva – pàpa – pra'samanaṃ  
Sarva – durgati – nà'sanam //23//  
Abhiṣiktobhavet tūrṇam  
Saptabhir jina – Koṭibhiḥ/  
Asmin mahattvam àsàdya  
So'nte bauddha – padaṃ vrajet //24//  
Viṣaṃ tasya mahà ghauram  
Sthàvaram vâtha jaṅgamam/  
Smaranàt pralayaṃ yàti  
Khàditaṃ pìtam eva và //25//  
Graha – jvara – viṣârtànàṃ  
Param arti – vinà'sanam/  
Anyeṣàṃ câiva sattvànàṃ  
Dvis – tri – saptâbhivartinam //26//  
Putra – kàmo labhet putram  
Dhana – kàmo labhed dhanam/  
Sarva – kàrmàn avàpnoti  
Na vighnaiḥ pratihanyate //27//

## (Ārya) tārānamaskāraikaviṃśatistotram

om namo bhagavatyai āryāsrī-ekaviṃśatitārāyai

namastāre ture vīre kṣaṇadyutinibhekṣaṇe|  
trailokyanāthavaktrābjavikasatkamalodbhave|| 1||

namaḥ śataśaraccandrasaṃpūrṇeva varānane|  
tārāsahasrakiraṇaiḥ prahasatkiraṇojjvale|| 2||

namaḥ kakanīlābja-pāṇipadmavibhūṣite|  
dānavīryatapaḥśā(kṣā)ntititikṣādhyānagocare|| 3||

namastathāgatoṣṇīṣavijayānantacāriṇi|  
śeṣapāramitāprāptajinaputraniṣevite|| 4||

namastutārahumkārapūritāsādigantare|  
saptalokakramākṛā[nte] aśeṣakarūṇā(ṇe)kṣaṇe|| 5||

namaḥ śakrānalabrahmamarudviśveśvarārcite|  
bhūtavetālagandharvagaṇayakṣapuraskṛte || 6||

namaḥ straditi phaṭkāra parajatra(yantra)pramardini|  
pratyālīḍhapadanyāse śikhī(khi)jvālākulojjvale|| 7||

namasture mahāghore mālāvīravināśini|  
bhṛkuṭīkṛtavaktrābjasarvaśatrunisundani(śūdini)|| 8||

namaḥ strīratnamudrāṅkahṛdayāṅgulibhūṣite|  
bhūṣitāśeṣadikcakranikarasvakarākule|| 9||

namaḥ pramuditāśeṣamuktākṣīraprasāriṇi|  
hasatprahasatuttāre mārālolavaśāṅkari|| 10||

namaḥ samantabhūpālapata(ṭa)lākarṣaṇa(ṇe)kṣaṇe|  
carabhṛkuṭīhūmkārasarvāpadavimocanī(cini) || 11||

namaḥ śrīkhaṇḍakhaṇḍendu[su]muktābharāṇa(ṇo)jjvale|  
amitābhajitābhārabhāsure kiraṇoddhruve(ddhure) || 12||

namaḥ kalpāntahutabhugajvālāmālāntare(ra)sthite|  
ālīḍhamudi(dri)tābaddharipucakravinaśinī(ni)|| 13||

namaḥ karatarā(lā)ghāṭa(ta)caraṇāhatabhūtale|  
bhṛkuṭīkṛtahumkārasaptapātālabhedinī(ni)|| 14||

namaḥ śive śubhe śānte śāntanirvāṇagocare|  
svāhāpraṇavasamyukte mahāpātakanāśanī(śini)|| 15||

namaḥ pramuditābaddharigātraprabhedini|  
daśākṣarapadanyāse vidyāhumkāradīpite|| 16||

nama[stāre] ture pādaghātahumkāravijite|  
merumaṇḍalakailāśabhuvanatracyācāriṇī(ṇi) || 17||

namaḥ sure sa(śa)rākārahariṇāṅkakare(ra)sthite|  
haridviruktaphaṭkāra(re) aśeṣaviṣanāśiṇī(ni)|| 18||

namaḥ surāsuraṇayakṣakinnarasevite |  
abuddhamuditābhogakarī(ri) duḥsvapnanāśiṇī(ni) || 19 ||

namaścandrārkasampūrṇanayanadyutibhāsvare|  
tārādviruktatuttāre viṣamajvala(ra)nāśini|| 20||

namaḥ strītattvavinyāse śivaśaktisamanvite|  
grahavetāra(la)yakṣoṣmanāśini pravare ture|| 21||

mantramūlamidaṁ stotraṁ namaskāraikavimśatiḥ(ti)|  
yaḥpaṭhetprātaḥ (paṭhetprayataḥ) dhīmān  
devyābhaktisamanvite(taḥ)||22||

sāyaṁ vā prātarutthāya smaret sarvābhayapradam|  
sarvapāpaprāśamanam sarvadurgatināśanam|| 23||

abhiṣikto bhavet tūrṇam saptabhirjinakoṭibhiḥ|  
māsamātreṇa caivāsau sukham bauddhapadam vrajet|| 24||

viṣam tasya mahāghoraṁ sthāvaraṁ cātha jaṅgamam|  
smaraṇāna padaṁ yāti khāditaṁ pi(pī)tameva vā|| 25||

grahajo(jā)laviṣārtānām parastrīviṣanāśanam|  
anyeṣām caiva sattvānām dvisaptamabhivartitam|| 26||

putrakāmo labhet putram ghanakāmo labheddhanam|  
sarvakāmānavāpnoti na vighnaiḥ pratihanyate|| 27||

iti śrīsamayaksambuddhavailo(ro)canabhāṣitam bhagavatyāryatārādevyā  
namaskāraikavimśatināmāṣṭottaraśatakam buddhabhāṣitam  
parisamāptam|

(Trích từ dharani Nepal của trang Web: [www.dharanisangraha.com](http://www.dharanisangraha.com))

## KINH LỄ TÁN 21 LOẠI THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU

Hán dịch: Hàn Lâm Học Sĩ Thừa Chỉ Trung phụng Đại phu AN TẠNG phụng  
chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

- **Án** (OM) Kính lễ, **Đa Li** (Tàre) Tốc tạt Dũng

**Đốt Đa Li** (Tuttàre) trừ khử sợ hãi

**Đốt Li** (Ture) hay truyền các Thắng nghĩa

Đủ chữ, **Sa ha** (Svaha) con tán lễ.

1\_ Kính lễ **Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu** (Tàre Ture vire)

Mắt như ánh điện chiếu chớp nhoáng

Tôn của ba cõi (Tam Thế Giới Tôn) mặt hoa sen.

Trong hoa màu nhiệm, hiện đoan nghiêm.

2\_ Kính lễ **Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu** ('sata – 'sarac – candra)

Mặt vô cấu tròn đầy rộng khắp

Như ngàn tinh tú đồng thời tụ

Uy quang thù diệu vượt hơn hẳn

3\_ Kính lễ **Tử Ma Kim Sắc Mẫu** (Kanaka - Nilâbja)

Tay sen màu nhiệm thật trang nghiêm.

Thí (bố thí) tinh cần hạnh, nhu thiện tĩnh

Nhẫn nhục, Thiền định tĩnh, vô cảnh (không có cảnh)

4\_ Kính lễ **Như Lai Đỉnh Kế Mẫu** (Tathâgatôṣṇiṣa)

Tối thắng hay mãn vô biên hạnh

Được đến bờ kia không dư sót

Thắng thế phật tử rất kính yêu

5\_ Kính lễ **Đát La Hồng Tự Mẫu** (Tuttàra – Hùṃ - Kàra)

Tiếng chứa phương sở đầy Hư không

Vận (xoay chuyển) chân che khắp bảy Thế Giới

Thảy đều câu triệ, nhiếp không sót

6\_ Kính lễ **Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu** ('Sakrânala - Brahma)

Thần gió <sup>(Marud)</sup>, chúng Tự Tại <sup>(vi'sê'svara)</sup> đều đến

Bộ Đa <sup>(Bhùta)</sup>, Khởi Thi Quý <sup>(vetâla)</sup>, Tầm Hương <sup>(gandharva)</sup>

Các chúng Dược Xoa<sup>(Yaksa)</sup> đều xưng tán

7\_ Kính lễ **Đặc La Đê phát Mẫu** (Traḍiti phat - Kàra)

Nơi **Gia Hạnh** (Yantra – Linh phù) khác, cực tối hoại.

Duỗi trái co phải làm chân đạp

Đỉnh kế rực rỡ rất sáng tỏ.

8\_ Kính lễ **Đô Li Đại Khẩn Mẫu** (Ture Mahà - Ghore)

Dững mảnh đập tan loài ma oán

Trên mặt hoa sen, chau lông mày (nhú 2 lông mày)

Tối hoại tất cả chúng oan gia.

9\_ Kính lễ **Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu** (Tri-ratna-mudrânka)

Tay chỉ ngay tim, tướng uy nghiêm

Tô điểm **phương Luân** (Dik-Cakra – chân trời, tâm kiến thức) không bỏ sót.

Tự thân rực rỡ tụ ánh sáng.

10\_ Kính lễ **Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu** (Pramuditâṭopa)

Mão báu, chuỗi ngọc tô điểm sáng

Cười vui thỏa thích **Đô đất li** (tuttàre)

Trấn Thế Gian Ma, tác nhiếp phục.

11\_ Kính lễ **Thủ Hộ chúng Địa Mẫu** (Samanta–bhù–pàla)

Cũng hay câu Triệu các chúng Thần

Cau mặt chau mày, tiếng chữ **Hồng** (Hùṃ)

Độ thoát tất cả mọi suy bại.

12\_ Kính lễ **Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu** (‘Sikhaṇḍa – khaṇḍêṇḍu)

Mão hiện hào quang thẳng diệu nghiêm.

**A Di Đà Phật** hiện trong tóc

Thường tỏa ánh sáng báu mẫu nhiệm

13\_ Kính lễ **Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu** (Kalpânta-hutabhug)

An trú rực rỡ trong Đỉnh Kế

Vui thích rộng khắp, ngồi Bán già

Hay tối diệt, phá luân oan ác.

14\_ Kính lễ **Thủ Ấn Đại Địa Mẫu** (Kara-Talâghâta)

Dùng chân đạp chéo làm trấn áp.

Hiện mặt cau mày, tác tiếng **Hồng**.

Hay phá bảy Hiểm, trấn giáng phục.



15\_ Kính lễ **An Ẩn Nhu Thiện Mẫu** ('Sive 'subhe' sante)

Niết Bàn tịch diệt, cảnh cực vui.

**Sa Ha** (Svaha) mệnh chủng dùng tương ứng

Khéo hay tiêu diệt họa lửa lớn

16\_ Kính lễ **Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu** (Pramuditabandha)

Các chi thể oán, khiến thoát ly.

Câu Chú mười chữ bày diệu nghiêm.

**Minh Chú** (Vidya) tiếng **Hồng**, thường soi sáng.

17\_ Kính lễ **Đô Lị Ba Đế Mẫu** (Ture padâghata)

Thế chân bước nhẹ, chủng chữ **Hồng**.

Di Lỗ<sup>(Meru – tên núi)</sup> man đà<sup>(mandara – tên núi)</sup> Kết lạt tát<sup>(kailasa – tên núi)</sup>

Ở ba nơi này hay dao động.

18\_ Kính lễ **Tát La Thiên Hải Mẫu** (Sura–sarâkàra)

Trong tay cầm giữ tượng Thần Thú

Tụng hai **Đát La** (Trật) tác tiếng **phát** (phạt)

Hay diệt các độc không còn sót.

19\_ Kính lễ **Chư Thiên Tập Hội Mẫu** (Sura–gaṇâdhyakṣa)

**Trời** (Deva) **Khẩn na la** (Kimnara) đều kính yêu

Uy đức hoan duyệt như (áo) giáp cứng

Diệt trừ đấu tranh với mộng ác.

20\_ Kính lễ **Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu** (Candrârkâ – saṃpurna)

Mắt nhìn giống Trăng Phổ Quang Chiếu.

Tụng hai **Hạt la** (Hara) **đốt đát lị** (Tuttare)

Khéo trừ bệnh ác, dịch, độc, nóng.

21\_ Kính lễ **Cụ Tam Chân Phật Mẫu** (Tri–Tattva–vinyasa)

Uy lực Thiện Tĩnh đều đầy đủ

Dược xoa<sup>(Yakṣa)</sup>, chấp mị<sup>(grahâ)</sup>, vĩ đát lạt<sup>(vetâla)</sup>

Đô Lị (Ture) Tối cực trừ viêm họa (họa nóng bức)

(1) Kính lễ Bạc Trí siêng tinh tiến

Chí Tâm Tụng niệm (Tán này) hai mươi một (21)

Thành Tín lễ nơi Cửu Độ Tôn.

Cho nên tán thán chú căn bản.

(2) Mỗi sáng thức dậy, đầu đêm, lễ

Ghi nhớ ban cho Trăng vô úy.

Tất cả tội nghiệp tiêu trừ hết  
Đều hay vượt qua các nẻo ác.

(3) Nhóm này mau hay được Thông Tuệ  
Bảy câu đề Phật đã quán đỉnh  
Đời này giàu có, thọ diên an.  
Ngày sau hưởng đến các Phật vị.

(4) Có lúc uống nhầm các vật độc  
Hoặc tự nhiên sinh, hoặc hòa hợp.  
Ghi nhớ lực chân Thật Thánh Tôn.  
Các thuốc độc ác, tiêu diệt hết.

(5) Hoặc thấy người khác bị Quỷ Mỵ  
Hoặc phát bệnh nóng chịu các khổ  
Nếu chuyển Tán này hai (2) ba (3) bảy (7)  
Các khổ não kia đều trừ hết

(6) Muốn xin nam nữ được nam nữ  
Cầu xin tài bảo được giàu có.  
Khéo hay viên mãn tùy ý nguyện  
Tất cả chương ngại không thể lẫn.

★ **Căn bản Thập Tự Chơn Ngôn:**

ॐ ऩ ॱ ॰ ॱ ॱ ॰ ॱ ॱ ऩ ॱ  
Án Đa Lị Đốt Đa Lị Đô Lị Sá Ha  
) OM – TÀRE TUTARE TURE SVÀHÀ

★ **Cứu Độ Bát Nạn Chân Ngôn:**

ॐ ऩ ॱ ॰ ॱ ॱ ॰ ॱ ॱ ऩ ॱ  
Án Đa Lị Đốt Đa Lị Đô Lị Tát lị\_phộc  
ॡ ॢ ॣ । ॥ ० ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥  
tha gia Na Xá Nễ Tát lị\_phộc Đố Khô Đa  
ॱ ॲ ॢ ॣ  
Lị Nễ Sá Ha  
) OM – TÀRE TUTARE TURE – SARVATHA YANA CANA – SARVA  
DUḤKHO TAREṆI – SVÀHÀ

Theo ý người dịch thì bài chú trên phải ghi lại là:

ॐ ऩ ॱ ॰ ॱ ॱ ॰ ॱ ॱ ऩ ॱ ॲ ॢ ॣ । ॥ ० ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ० ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥  
ॢ ॣ । ॥

OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SARVATHÀ YÀNA CANA – SARVA  
DUḤKHA TÀRIṆĪ – SVÀHÀ.

**OM:** Quy kính Mẫu Tàrà

**Tàre:** vượt thoát khỏi biển luân hồi

**Tuttàre:** Vượt thoát khỏi 8 nạn

**Ture:** Vượt thoát khỏi bệnh tật

**Sarvathà yàna cana:** Làm hiển lộ con đường tất cả thềm bậc cao thượng

**Sarva duḥkha TàriṇĪ Svàhà:** Quyết định Thành Tựu Mẫu cứu độ tất cả khổ  
não.

Hiệu chỉnh xong vào ngày 16/10/2011

## KÍNH LỄ TÁN 21 LOẠI CỨU ĐỘ PHẬT MẪU

Hán dịch: NẠP MA A LẠT TÁP ĐÁP LẠT DIỆP

Việt dịch: HUYỀN THANH

Kính lễ **Thánh Đại Bi Tạng Quán Tự Tại Bồ Tát.**

- Thắng cảnh **Ba Đáp Lạp** (Potalaka)

Chữ **ĐÁP** (𑖀 \_ TÀM) màu lục sinh.

Tam Thế Phật Nghiệp Mẫu

**Vô Lượng Quang** (Amitàbha) nghiêm đỉnh.

Cầu Ngài, quyển thuộc đến.

- Chư Thiên, phi Thiên nghiêm đỉnh kế.

Cung kính quỳ dâng sen dưới chân

Mẫu tế độ cho chúng nghèo khổ.

Đến lễ trước Cứu Độ Phật Mẫu

- ÁN – Kính lễ **Tôn Thánh Cứu Độ Mẫu.**

(H1): Màu xanh lục.



- **Án** (OM) Kính lễ, **Đa Lị** (Tàre) Tốc Dững Mẫu.

**Đốt đa lị** (Tuttàre) trừ khử sợ hãi

**Đốt lị** (Ture) hay truyền các thắng nghĩa

Đủ chữ **toá ha** (Svàhà) con tán lễ.

(H2): Màu đỏ

色

赤



- Kính lễ **Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu** (Tàre Ture vire)  
Mắt như ánh điện chớp chiếu soi  
Thế Tôn ba cõi, mặt hoa sen.  
Trong hoa màu nhiệm hiện đoan nghiêm.

(H3): Màu trắng

色

白



- Kính lễ **Bách Thu Lăng Nguyệt Mẫu** ('sata – 'sara – candra)  
Chiếu tròn khắp cả mặt Vô Cấu.  
Như ngàn tinh tú cùng tụ hội  
Uy Quang Thù Thắng vượt hơn hẳn.

(H4): Màu vàng

色

黄



- Kính lễ **Tử Ma Kim Sắc Mẫu** (Kanaka - Nīlābja)  
Tay sen màu nhiệm rất trang nghiêm  
Thí (bố thí) tinh Cần hạnh, nhu Thiệu Tĩnh  
Nhẫn nhục, Thiền Định Tĩnh Vô Cảnh (không có cảnh)

(H5): Màu vàng

色

黄



- Kính lễ **Như Lai Đỉnh Kế Mẫu** (Tathāgatōṣṇiṣa)  
Tối Thắng hay mãn vô biên hạnh  
Đức đến bờ kia, không dư sót  
Thắng Thế phật tử rất kính yêu

(H6): Màu vàng ròng

色

金



- Kính lễ **Đát La Hồng Tự Mẫu** (Tuttàra – Hùṃ - Kàra)  
Tiếng chứa phương sở đầy Hư không.  
Vận chân che khắp bảy Thế Giới  
Đều hay Câu Triệu, nhiếp không sót.

(H7): Màu đỏ

色

赤



- Kính lễ **Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu** ('Sakrânala - Brahma)  
**Thần Gió** (Marud) chúng **Tự Tại** (Vi'sê 'svara)  
**Bộ Đa** (Bhùta) **Khởi Thi quý** (Vetàla) **Tâm Hương** (Gandharva)  
Các chúng **Dược Xoa** (Yakṣa) đều xưng tán.

(H8): Màu xanh

色

青



- Kính lễ **Đặc La Đề Phát Mẫu** (Traḍiti phạ - Kàra)  
Nơi Gia hạnh (Yantra-Linh phù) khác, cực tối phá.  
Duỗi trái co phải làm chân đạp.  
Đỉnh Kế rục rở rất sáng tỏ.

(H9): Màu hồng

色

紅



- Kính lễ **Đô Lị Đại Khẩn Mẫu** (Ture Mahà - Ghore)  
Dũng mãnh hay tối hoại ma oán  
Trên mặt hoa sen hiển cau mà  
Tối hoại tất cả chúng oan gia.



(H10): Màu hồng

色

紅



- Kính lễ **Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu** (Tri-ratna-mudrânka)  
Tay chỉ ngay tim, tướng uy nghiêm.  
Nghiêm sức *phương luân* (Dik-cakra, chân trời) không dư sót.  
Tự thân rực rỡ tụ ánh sáng

(H11): Màu hồng

色

紅



- Kính lễ **Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu** (Pramuditâtopa)  
Bảo quang, châu man, điểm (nghiêm sức) hào quang.  
Cười thật vui tươi **Đổ đất li** (Tuttàre)  
Trấn Thế Gian Ma, tác nghiệp phục.

(H12): Màu xanh

色

青



- Kính lễ **Thủ Hộ chúng Địa Mẫu** (Samanta–bhù–pàla)  
Cũng hay cầu triệu các chúng Thần  
Nhãn mặt cau mày, chữ tiếng hồng.  
Tất cả suy bại khiến giải thoát.

(H13): Màu vàng ròng

色

金



- Kính lễ **Đỉnh Quang Nguyệt Tướng Mẫu** (‘Sikhaṇḍa – khaṇḍēndu)  
Mẫu hiện hào quang Thắng Diệu Nghiêm  
**A Di Đà Phật** hiện trong tóc  
Thường phóng ánh sáng báu màu nhiệm.

(H14): Màu đỏ

色

赤



- Kính lễ **Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu** (Kalpânta-hutabhug)  
An trụ rực rỡ trong Đỉnh Kế.  
Vui thích rộng khắp, ngồi Bán Già  
Hay tồ diệt, phá luân oan ác.

(H15): Màu xanh

色

青



- Kính lễ **Thủ Án Đại Địa Mẫu** (Kara-Talâghata)  
Dùng chân dày xéo, tác trấn áp  
Nhãn mặt cau mày, tác tiếng **Hồng** (Hùm)  
Hay phá bảy Hiểm, trấn giáng phục.

(H16): Màu trắng

色

白



- Kính lễ **An Ān Nhu Thiện Mẫu** ('Sive 'subhe' sante)  
Niết Bàn Tịch Tĩnh, cảnh Tối Thắng  
**Toá ha** (Svaha) mệnh chủng dùng tương ứng  
Khéo hay tiêu diệt tai họa lớn

(H17): Màu trắng

色

白



- Kính lễ **Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu** (Pramuditābandha)  
Các Chi Thể oán, khiến giải thoát  
Câu Chú mười chữ bày diệu nghiêm.  
**Minh Chú** (Vidya), tiếng **Hồng** thường soi sáng.

(H18): Màu vàng

色

黄



- Kính lễ **Đô Lị Ba Đế Mẫu** (Ture padâghàta)  
Thế chân bước nhẹ, chủng chữ Hồng  
**Di Lô** (Meru) **Mạn Đà** (Mandara) **Kết Lạt Tát** (Kailàsa)  
Ở ba núi này hay dao động.

(H19): Màu vàng

色

黄



- Kính lễ **Tát La Thiên Hải Mẫu** (Sura-sarâkàra)  
Trong tay cầm giữ tượng Thần Thú  
Tụng hai **Đát La** (Trà) tác tiếng **phát** (phạt)  
Hay diệt các tội không dư sót.

(H20): Màu vàng ròng

色

金



- Kính lễ **Chư Thiên Tập Hội Mẫu** (Sura-gaṇādhyaṅkṣa)  
**Trời** (Deva) **Khẩn na la** (Kinnara) đều kính yêu.  
Uy đức hoan duyệt như giáp (áo giáp) cứng  
Diệt trừ đấu tranh với mộng ác.

(H21): Màu vàng

色

黄



\_ Kính lễ **Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu** (Candrārka – sampūrṇa)  
Mắt nhìn như Trăng phổ Quang chiếu.  
Tụng hai **hạt la** (Hara) **Đốt đất lị** (Tuttare)  
Khéo trừ bệnh nóng, dịch, độc, ác.

(H22): Màu xanh

色

青



- Kính lễ **Cụ Tam Chân Thật Mẫu** (Tri–Tattva–vinyàsa)  
Uy lực Thiện Tĩnh đều đầy đủ  
**Được Xoa** (Yakṣa) **Chấp My** (Grahà) **Vĩ Đát Lạt** (Vetàla)  
**Đô Lị** (Ture) Tối cực trừ tai họa.

- Nếu có người Trí siêng tinh tiến  
Chí Tâm tụng đây (bài tán này) hai mươi mốt (21)  
Nơi Cứu Độ Tôn thành tín lễ  
Cho nên ca ngợi Chú căn bản.

- Mỗi sáng thức dậy, đầu đêm, lễ  
Ghi nhớ ban cho Thắng Vô Úy  
Tất cả tội nghiệp tiêu trừ hết  
Thả hay vượt qua các nẻo ác  
Hàng này mau hay được thông Tuệ  
Bảy câu đê (700 Triệu) Phật đã quán đỉnh  
Đời này giàu có, thọ diên an.  
Ngày sau hưởng tới các Phật vị

- Có lúc uống lầm các vật độc  
Hoặc tự nhiên sinh, hoặc hòa hợp  
Nhớ lực chân thật của Thánh Tôn.  
Các thuốc độc ác, diệt trừ hết.

- Hoặc thấy người khác bị Quỷ My  
Hoặc phát bệnh nhiệt chùi các khổ.  
Nếu chuyển Tán này hai (2) ba (3) bảy (7)

Các khổ não kia đều trừ hết

- Muốn cầu nam nữ được nam nữ  
Cầu Tài Bảo vị được giàu có  
Khéo hay viên mãn tùy ý nguyện  
Tất cả chướng ngại chẳng thể lẩn

- Phật Mẫu Tôn, Thánh Cứu Độ Mẫu  
Hết thấy Chư Phật với đệ tử  
Ở trong ba đời khắp mười phương.  
Nay con nhất tâm kính tán lễ.

- Hương, Hoa, đèn, nến với nước thơm  
Diệu thực, kỹ nhạc mọi cúng dường.  
Chân thật dâng hiến liền hiển hiện  
Nguyện xin chúng thánh vui thọ nhận.

- Từ thuở vô thủy cho đến nay.  
Mười điều bất thiện, năm vô gián  
Do tâm phiền não đã tạo ra  
Tất cả tội ác đều sám hối

- Thanh văn, Duyên Giác, các Bồ Tát  
Cho đến phàm phu, các Hữu Tình  
Ba đời gom chứa các phước thiện  
Con đều tùy hỷ hết không dư.

- Tùy theo căn gốc các Hữu Tình  
Thích nghi với mọi Trí sai biệt  
Ứng với Đại, Tiểu, loại thông thường  
Khuyến chuyển tất cả **Diệu Pháp Luân**

- Từ nay thẳng đến luân hồi, Không  
Thỉnh thường trụ thế, chẳng Niết Bàn  
Vì các chúng sinh trong biển khổ.  
Xin **Thánh Mẫu** dùng **mắt Từ** (Maitra-cakṣu) quán.

- Nay con gom chứa các Phước Thiện  
Đều thành nhân **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi)  
Chỉ nguyện chẳng lâu ở chúng sinh.  
Chứng được Vô Thượng Dẫn Đạo Sư.



- Tôn Thánh Phật Mẫu đử Từ Bi  
Giúp con với tất cả chúng sinh  
Mau tĩnh các chương, đử **Tứ Lương** (Sambhàra)  
Nay nguyện khiến đử chứng **Bồ Đề** (Bodhi)
  
- Thẳng đén Vô Thượng Bồ Đề Vị  
Đời đời luôn đử thường an lạc  
Ở tất cả xứ tu Bồ Đề  
Gián đọan các nơi **Ma** (Màra) tôn trọng
  
- Bệnh tật, tất cả loại Thiên Thọ  
Các giấc mộng ác, tướng Bất Lợi  
Tám Bồ (8 sự sợ hãi) tất cả việc ão hại  
Nay nguyện gấp rút tiêu trừ hết
  
- Thế Gian cùng với xuất Thế Gian  
Tất cả Thiệnl Lạc nơi phong túc  
Tặng thịnh tất cả việc nhiều ích  
Nay nguyện khiến đử tự nhiên thành
  
- Tinh tiến tu hành pháp Tăng ích  
Tu đấy thường đử thấy mặt Thánh  
Ngộ nhập nghĩa **Không** ('Sùnya), ý **Bồ Đề** (Bodhi)  
Nay nguyện như Trăng mồng một tăng
  
- Chúng Hội Phật kia đều thanh tĩnh  
Thời con sinh ở Thăng Liên Hoa  
Nhìn thấy Như Lai **Vô Lương Quang** (Amitàbha-tathàgata)  
Đời này nhận con, ký Bồ Đề.
  
- Con từ Trụ Thế, nơi Tu phậtl  
Tất cả Phật nghiệp mẫu ba đời  
Một mặt, hai tay, thân màu lục  
Nguyện cầm hoa **Ưu Bà** (Utpàla) cát tường.
  
- Phật Mẫu thể vi diệu thế nào?  
Cùng với quyền thuộc và thọ lượng  
Cảnh giới, danh hiệu như thế nào?  
Nguyện cho chúng con cũng như vậy.
  
- Tán chúc lực Thiệnl vi (nhỏ nhiệm) Tôn ấy.

Chúng con tùy phương sở, Trú xứ  
Diệt hết bệnh, ma, nghèo, tranh đấu.  
Cầu xin cho tăng trưởng tốt lành

- Lễ cúng Thế Tôn Mẫu  
Con đem Thiệ đã chữa  
Nguyện chúng sinh Thế giới  
Đều sinh Cực Lạc Giới

- Bỏ lỗi Thân, trang nghiêm tướng tốt  
Bỏ lỗi Ngữ, được âm **Tần Già** (Kalaviṅka)  
Bỏ lỗi Ý, chứng **Nhất Thiết Trí** (Sarva jñā)  
Thành Tựu Công Đức thắng cát tường.

THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU 21 CHÚNG LỄ TÁN KINH (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 16/10/2011

## PHẬT NÓI KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG MẠN THÙ THẮT LỢI

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty\_ Đặc Tiên Thích Hồng Lô Khanh\_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ\_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí\_ Chùa Đại Hưng Thiện\_ Tam Tạng Sa Môn BẮT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

### PHẨM THỨ NHẤT QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT THỌ KÝ

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại quán sát khắp cung Trời Tịnh Cư rồi bảo Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng:”Lành thay ! Lành thay Thiện Nam Tử ! Ông hay thương nhớ nhiều chúng sinh nên trụ hình Đà La Ni để vì chúng sinh diễn nói an lập, khuyến tinh tiến, tùy vui giải Lý Thú ấy. Vì người tu hành bày Pháp Yếu ấy với các Hộ Ma, phương tiện khéo léo hay đạt được Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề , với được quả Nhị Thừa, Người, Trời. Dùng thân thanh tịnh hay vì chúng sinh làm các Phật Sự, thị hiện thân Phật an lập Tịch Tĩnh Vô Trụ Niết Bàn

Nếu có chúng sinh cần phải dùng thân Ma Hề Thủ La Thiên để hóa độ thì liền hiện thân Ma Hề Thủ La Thiên vì chúng sinh ấy diễn nói Pháp bí mật của Đà La Ni. Cho đến cần dùng thân Đế Thích, thân Ca Lô La, thân Khẩn Na La, thân Ma Hô La Già, Tất Địa Minh Tiên, Nhật, Nguyệt, Tinh Tú, Đồng Nam, Đồng Nữ, mọi loại thân... cho đến loài khác : hai chân, bốn chân, nhiều chân, không có chân...Hữu Tình, Vô Tình, thân của ba cõi ... để hóa độ thì liền đều hiện để diễn nói. Do nghĩa đó cho nên gọi là **Quán Tự Tại**

Khi ấy Đức Thế Tôn lại khen Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng:”Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử ! Ông hay dùng phương tiện khéo léo như vậy lợi ích hữu tình, hiện mọi loại thân mở bày diễn nói, rất là hiếm có, là Chân Thanh Tịnh Bồ Đề Tát Đỏa. Ông ở đời sau, a tăng kỳ thế giới vi trần số kiếp, ở thế giới **Bình Đẳng Quang Minh Phổ Chiếu** sẽ được thành Phật, hiệu là **Bình Đẳng Quang Minh Phổ Chiếu Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn**. Khiến chúng sinh ấy trụ nơi không có sợ hãi (vô úy), không có các nhiệt não, không có biến dịch, rốt ráo tịch diệt, sau đó mới vào **Bát Đại Niết Bàn**

Khi Đức Thế Tôn thọ ký cho Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát xong thời chư Thiên Tịnh Cư với vô lượng chúng Bồ Tát Ma Ha Tát trong Hội, dùng Thần Lực của Phật nương nhờ ánh sáng Phổ Quang Minh Biến Chiếu, chiếu khắp vô lượng

Thế Giới ở mười phương đều được cực sáng (đại minh). Chúng sinh trong đó gặp ánh sáng này mau chóng được Thiện Lợi, lìa các khổ não đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Tất cả Đại Chúng nghĩ nhớ thân Phật đều ở chỗ ngồi của mình (bản tọa) lặng yên mà trụ, tuôn mưa mọi hoa Trời (Thiên Hoa) gió thơm mát mẻ, rải khắp Đại Hội

Lúc đó Đại Chúng đều thấy vô lượng Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong hư không vòng khắp hết thấy cõi nước ở mười phương. Thời các Đại Chúng cùng xưng tán rằng :”**Nam mô Phật Đà.** Đây là sức uy thần của Đức Thế Tôn. Tất cả Chúng Hội thấy Thần Biến này, tâm được vui vẻ, lìa các nghi hoặc”

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, cúi đầu làm lễ, chiêm ngưỡng Đức Như Lai không chớp mắt, vui vẻ mỉm cười, tay cầm cây phất trắng, thành tâm rồi trụ.

Thời tất cả chư Phật của Thế Giới nơi phương khác đều tuôn mưa mọi loại mây hoa đủ màu. Trong mây hoa ấy có áo màu nhiệm của cõi Trời, vòng hoa, sợi dây bằng vàng, Anh Lạc, phương, lưôi Bà Căng Ca Ni, vật dụng nghiêm sức... đầy trong hư không , che kín phía trên Đức Phật. Lại phát ra tiếng nói màu nhiệm khen rằng:”Lành thay ! Lành thay Ngày nay Đức Như Lai vì Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát mà làm **Pháp Luân Vương Ma Ha Quán Đỉnh**”

Vô lượng vật trang nghiêm  
Cùng với tiếng diệu âm  
Hơn Người Trời khen ngợi  
Như vậy đều đến hiện  
Mười phương: các Như Lai  
Tất cả chúng Bồ Tát  
Sáu Dục với Sắc Giới  
Và **Vô Cấu Tịnh Cư**  
Phật Tử ấy quán đỉnh  
Như vậy đều vân tập  
Câu chi chúng **Ma La**  
Với nhiều loại chúng sinh  
Đều cầm vật cúng diệu  
Đến hiến Phật Bồ Tát  
Đồng nguyện ở vị lai  
Đều như Quán Tự Tại.

Khi Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đỉnh lễ chân của Đức Thế Tôn, khen Đức Như Lai xong, liền quay về chỗ ngồi của mình, nói lời như vậy:”Đà La Ni này đều được chư Phật đời quá khứ là nhóm Tỳ Bà Thi và Đức Thế Tôn của Ta là Thích Ca Như Lai cùng nhau tuyên nói, tùy vui ấn khả. Nơi đời vị lai, Đức Di Lạc Thế Tôn, a tăng kỳ đẳng tất cả chư Phật cũng sẽ tuyên nói”

Nói lời đó xong, nhập vào Tam Muội **Phổ Quang Minh Đa La**. Dùng sức của Tam Muội này, từ trong tròng mắt bên phải trên khuôn mặt phóng ra ánh sáng lớn,

tùy theo dòng ánh sáng hiện ra hình người nữ màu nhiệm (Diệu Nữ), trụ ở Tam Muội **Thù Thắng Diệu Sắc** dùng đủ loại báu vô giá để trang nghiêm thân, như ánh vàng ròng sáng rực, báu Lưu Ly. Ấy là Mật Ngôn trọng yếu của Thế Gian với Xuất Thế Gian, hay chặn đứng mọi thứ khổ não của chúng sinh, cũng hay vui thích tất cả chúng sinh vào khắp Tự Tính của Pháp Giới Phật giống như hư không trụ bình đẳng. Cho nên bảo khắp chúng sinh rồi nói lời như vậy: *"Ai đang bị khổ đau vì sự biến đổi, ai đang bị cuốn chìm trong biển sinh tử thời Ta sẽ cứu độ hết"*

Nói lời đó xong, dạo khắp vô lượng vô biên Thế Giới rồi quay trở lại, đến nơi Phật ngự, nhiễu quanh theo bên phải ba vòng, cúi đầu làm lễ chân của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, chấp tay cung kính, cầm hoa sen xanh, chiêm ngưỡng Bộ Tát, nhận sự chỉ dạy rồi trụ. Nghĩ nhớ Thần Lực của Đức Như Lai, dùng ánh sáng trong mát chiếu khắp chúng sinh giống như vành trăng trong mát của Thế Gian hay trừ nhiệt não, tất cả Vô Minh không gì không chiếu rõ, lại vượt qua điều đó, vui vẻ mỉm cười, thương xót chúng sinh giống như mẹ hiền, dùng ánh sáng Từ Bi chiếu khắp cõi Phật khiến cho ánh sáng của chư Thiên đều chẳng thể hiện.

Khi ấy **Quán Tự Tại**

**Cát Tường Thanh Tịnh Giả**

Làm lễ Thế Tôn xong

Dùng Kệ, nói như vậy

"Ta ở câu chi kiếp

Diễn nói Đa La đó

Lý Thú với Mật Ngôn

Thời Tiết cùng Phương Vị

Như vậy, Phật quá khứ

Cũng đều rộng tuyên nói

Như hư không vô biên

Không thể có hạn lượng

Nay Ta ở chút phần

Tùy việc mà diễn nói

\_Nếu người khéo tu hành

Thắng Nguyện đều thành tựu

Mười phương và Thọ Mệnh

Không gì không như ý

\_Nếu có các chúng sinh

Hiện cầu quả Người, Trời

Thọ trì Diệu Pháp đó

Tùy **Thuyết** mà tu tập

Vô lượng câu chi kiếp

Thọ khoái lạc thượng diệu

\_Nếu muốn cầu mười Địa

Đầy đủ Bồ Tát Vị

**Nan Thắng** và **Bất Động**

**Thiện Tuệ với Pháp Vân**

Thọ trì Đa La Tôn  
Câu chi và ba ước  
Tùy căn tính nhanh chậm (lợi độn)  
Hoặc sáu mươi lạc xoa  
Như vậy khéo Tu Hành  
Đều được việc như trên  
\_Nếu muốn thấy **Quán Âm**

**Cát Tường Thanh Tịnh Giả**

Tụng bảy lạc xoa số  
Được thấy, không có nghi  
\_Nếu cầu thấy **Thế Chí**

**Vô Cấu Ma Ha Tát**

Tụng đủ câu chi biến  
Thánh Giả hiện trước mặt  
\_Nếu ở trong ba thời  
Tâm vắng lặng không nhiễm  
Một lòng thường niệm tụng  
Mau chóng mãn sáu Độ  
Đầy đủ Tạng Như Lai  
Niết Bàn với Thật Tế  
Thân Quang Minh chẳng hoại  
Vô Đẳng Đẳng Tam Muội  
Ngồi ở Tòa Kim Cương  
Chuyển Pháp Luân vô thượng  
Mở mắt cho Người Trời  
\_Tu hành Đa La nên  
Như trên đều viên mãn  
\_Muốn gặp Đà La Ni  
Nghĩ Quý, các phương tiện  
Liễu nghĩa với Tu Đa  
Lý Thú thật thâm sâu  
Với ngưng khổ ba cõi (Tam Hữu)  
Nên tụng Lạc Xoa biến  
\_Nếu muốn cầu Phạm Thiên  
Cùng với Thiên Đế Thích  
Chuyển Luân Nhân Thiên Chủ  
Tụng đủ lạc xoa biến.  
\_Nếu muốn dạo núi Tuyết  
Cùng với Nê Đề Dạ  
Tu Di với Thiết Vi  
Tát Hề cùng Diệu Ký

Ma Lại Diệu Tràng Sơn  
 Cát Tường với A Bộ  
 Niết Bộ Kế La Sa  
 Chỉ Đát Câu Tra Đẳng  
 Diệu Sắc và Gian Thác  
 Thanh Tịnh với Thi Lợi  
 Nhà Tiên Thánh như vậy  
 Đều tụng lạc xoa biến  
 \_Dược Xoa, Càn Thát Bà  
 La Sát, cung điện Rồng  
 Cho đến cung điện Trời  
 Tùy ý đều đi đến  
 Hỏi, dứt các nghi hoặc  
 Tùy việc đều hiểu rõ  
 Muốn cầu Nguyện như vậy  
 Nên tụng lạc xoa biến  
 \_Muốn vào cung Tu La  
 Nơi Khẩn Na La ở  
 Hồ triệu nữ Dược Xoa  
 Với Trì Minh Tiên Nữ  
 Long Nữ, Khẩn Na Dược  
 Ứng niệm đều đi đến  
 Đạo chơi bốn Ngũ Lạc  
 Với cầu mệnh sống lâu  
 Thuốc Cam Lộ bất tử (Amṛta)  
 Phong Tài (nhiều tiền của) với Bộc Sử (tôi tớ)  
 Tất cả năm Dục Lạc (niềm vui của năm Dục)  
 Nên tụng lạc xoa biến  
 \_Nếu Ta với Như Lai  
 Ở câu chi số Kiếp  
 Diễn nói Công Đức ấy  
 Vẫn còn chẳng thể hết  
 Người trì Đa La này  
 Đáng nhận Người Trời cúng (xứng đáng nhận sự cúng dường của Người, Trời)  
 \_Đấng **Đa La Đại Bi**  
 Mẹ hiền (Từ Mẫu) của tất cả  
 Trời, Người với Dược Xoa  
 Không ai không là con  
 Nên hiệu **Thế Gian Mẫu**  
 Cùng với Xuất Thế Gian  
 Quán Âm, Đại Thế Chí  
 Kim Cương với Thiện Tài

Văn Thù, Tu Bồ Đề  
Từ Thị và Hương Tượng  
Nguyệt Quang, Vô Tận Ý  
Ly Cấu, Hư Không Tạng  
Diệu Nhân với Đại Huệ  
Bồ Tát nhóm Duy Ma  
Đều là con Đa La  
Cũng là **Ba Nhược Mẫu** (Bát Nhã Mẫu)

Các Như Lai ba đời  
Tất cả Ma Ha Tát  
Không ai không là con  
Đều xưng **Mẹ của Ta**  
Hiền lành nuôi hữu tình  
Ôm nâng như Đại Địa”

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát nói kệ đó xong, liền vì Đa La Bồ Tát, nói Đà La Ni là:

**Ná mộ la dát-na dát-la dạ gia**

**Na mạc A lợi-gia phộc lỗ cát đế, thấp-phộc la gia, mạo địa tát đỏa gia, ma ha tát đỏa gia, ma ha ca lộ ni ca gia**

**Đát diệt tha: Án , đa lợi, đốt đá lợi, đốt lợi, toa-phộc ha**

ॐ नमो रत्नत्रयै

ॐ नमः शत्रुघ्नकृष्णार्जुनैश्च नमस्कृत्य मन्मथैश्च मन्मथैश्च

नमस्कृत्य उ नमः सुभद्र सुभद्र सुभद्रैश्च

\* NAMO RATNA-TRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA, MAHÀ SATVÀYA MAHÀ KÀRUṆIKÀYA.

TADYATHÀ: OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SVÀHÀ

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát nói Đà La Ni xong. Dùng sức uy thần của Đa La Bồ Tát cho nên hết thảy chúng sinh trong tất cả Thế Giới, lia các khổ não đều được an vui, đều phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề, đều cùng tương ứng với Thể Tính của Pháp Giới, vào nơi **Xuất Sinh Vô Biên Môn Tạng** . Tất cả Chúng Hội sinh tâm đặc biệt lạ kỳ, khen là chưa từng có

## PHẨM THỨ HAI

### QUÁN TỰ TẠI ĐA LA BỒ TÁT KINH \_ MẠN ĐỒ LA

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát bảo Đa La Bồ Tát rằng:”Nếu người nữ vì muốn thành tựu **Nhất Thiết Chủng Trí** với muốn đầy đủ Thắng Nguyên của Thế Gian thì cần phải tu tập Bí Yếu như vậy. Mạn Đồ La (Maṇḍala:Đàn Trường) ấy mỗi mỗi vị trí như ngày nay, Đức Thích Ca Như Lai ngự tại cung Trời Tịnh Cư cùng với các Bồ Tát tập hội.



Người tu hành ấy, trước tiên nên lựa chọn Đất. Hoặc ở đỉnh núi, hoặc ở bờ sông, hoặc gần biển lớn, suối ao có hoa quả, nơi vắng lặng... Lìa các nguy nan với hàng Miệt Lệ Xa, oán tặc, trùng độc, Chiên Đà La, nơi tạp uế. Rộng khoảng bốn khuỷu tay hoặc tám khuỷu tay cho đến mười sáu khuỷu tay. Đào sâu xuống đất một khuỷu tay, loại bỏ các xương, tóc, tro, than, gai góc, vật bất tịnh rồi lấy đất bên bờ sông với các đất sạch. Thoạt tiên dùng **Ngũ Tịnh** rưới vẩy xong, liền tụng **Bản Tôn Đà La Ni** 108 biến gia trì đất ấy, dùng lấp đầy đất đó, trong sạch nên sửa chữa xây đắp cho thật bằng phẳng. Lấy phân bò vàng chưa rơi xuống đất, cũng tụng Đà La NI mà gia trì xong, sau đó xoa tô đất.

Ở tháng **Thần Thông** với ngày có sao tốt trực (Cát Tú) hoặc ngày 15 tháng Giêng, hoặc ngày 08, ngày 15 của tháng hai. Bắt đầu khởi thủ từ ban đêm, dùng **Thanh Liên Hoa Ấn** gia trì Đàn Địa, lấy chỉ lụa ngũ sắc hợp làm Giới Đạo ấy. Dùng phấn ngũ sắc vẽ làm. Hoặc phấn bằng bảy báu, tùy sức mà làm, hòa các bột hương, tụng Đà La Ni, rồi vẽ bốn phương ba việ.

Trước hết ở Trung Thai (Đài chính giữa), vẽ Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** ngồi trên tòa Sư Tử báu, tác tướng **Thuyết Pháp**

Bên phải nên vẽ **Quán Tự Tại Bồ Tát** ngồi trên hoa sen, chiêm ngưỡng chấp tay cầm hoa sen trắng, thân màu hồng trắng có Anh Lạc nghiêm sức, đầu đội mào báu, bên trái quấn sợi dây tơ Thần màu trắng.

Bên trái vẽ **Kim Cương Tạng Bồ Tát**, tay trái cầm chày Kim Cương, thân màu xanh lục nhạt.

Tiếp phía sau nên vẽ tám vị Đại Bồ Tát là: **Di Lạc Bồ Tát**, **Đại Thế Chí Bồ Tát**, **Mạn Thù Thất Lợi Bồ Tát**, **Địa Tạng Bồ Tát**, **Hư Không Khố Bồ Tát**, **Trừ Cái Chướng Bồ Tát**, **Tát Bà Đa Lô Nô Bồ Tát**, **Hư Không Tạng Bồ Tát**

Ở bên dưới **Kim Cương Tạng Bồ Tát** lại vẽ **Giáng Tam Thế Minh Vương Bồ Tát**, làm hình phần nộ với vẽ **Nguyệt Yểm Phần Nộ Bồ Tát**, làm thế Noa Chướng (lòng bàn tay bóp nắm) tội phục các Ma.

Gần **Quán Tự Tại Bồ Tát** vẽ **Tỳ Câu Chi**, **Bạch Y Quán Thế Âm**, **Mã Đầu Minh Vương** đều như bản sắc.

Gần **Mã Đầu Bồ Tát** vẽ **Đại Cát Tường Quán Thế Âm**, **Đại Bạch Quán Thế Âm**, **Nguyệt Quán Thế Âm**, **Phong Tài Quán Thế Âm**, **Danh Xưng Quán Thế Âm**.

Ở bên dưới tòa Sư Tử của Đức **Thích Ca Như Lai**, vẽ ao hoa sen. Ở trong ao ấy có hoa sen báu màu nhiệm, làm ánh sáng đỏ, màu như pha lê hồng phóng ánh sáng lớn. Trong hoa sen ấy vẽ **Đa La Bồ Tát**, tay trái cầm hoa sen xanh, ngửa tay phải an trên rốn như thế Tọa Thiên, mắt cũng như vậy, nghiêm sức Anh Lạc, khoác áo lụa mỏng có màu của ánh sáng mặt trời mới mọc, vui vẻ mà trụ.

Đàn ấy có bốn cửa, phương, phan, hoa, lọng, hành lang, thêm bậc, lan can khó nâng, thương khư (vỏ ốc làm cái loa), âm nhạc của chư Thiên khen vịnh chúng Thánh.

Mặt Đông của Đàn vẽ chúng **A Ca Ni Tra Thiên**, **Thiếu Quang Thiên Tử**, **Vô Nhiệt Thiên Tử**

Cạnh Bắc, vẽ **Diệu Kiến Thiên Tử, Thiện Hiện Thiên Tử**

Hai bên cửa ấy, vẽ **Phạm Thiên, Phạm Phụ Thiên, Quang Âm Thiên, Đại Phạm Thiên**

Bốn phương đều vẽ hai vị Trời đều đội mũ máu, khoác áo màu đỏ, hoặc vàng, hoặc trắng, thân không có Anh Lạc, Tọa Thiền mà trụ đều đem tay phải an ở trên đỉnh đầu, làm tướng Kính Lễ.

**Ngoại Viện** , bên cạnh cửa vẽ **Ngật Lý Noa Bàn Trà Ma Vương** có Anh Trang trang nghiêm, dung mạo thiếu niên.

Tiếp vẽ **Hóa Lạc Thiên** với nhóm **Đâu Suất, Dạ Ma, Đế Thích Thiên Tử** ... ở gần cửa mà trụ.

Tiếp vẽ bốn vị **Thiên Vương, Ca Lô La Thiên, Y Xá Na Quỷ Thần Chủ** với vẽ **Tỳ Nữ Thiên** cầm bánh xe (luân) mà trụ.

Tiếp vẽ **Bán Chi Ca Đại Dược Xoa Tướng**

Tiếp vẽ **Nhiễm Bà La Đại Dược Xoa** với nhóm **Mãn Hiền, Bảo Hiền Dược Xoa Vương** với vẽ **Ha Lợi Đế Đại Dược Xoa Nữ, Nhật, Nguyệt, Tinh Tú**, bốn chị em Thần Nữ, **Cát Đế Ca Đồng Tử** và hai vị Long Vương **Nan Đà, Bạt Nan Đà**

Chúng Thánh như vậy đều nên một lòng nghinh thỉnh, dùng tâm Phát Khiển, lấy hoa màu trắng để trong cái bát At Già, cúng dường tất cả chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, tất cả Chú Tiên, Thế Xuất Thế Gian đều nên quán, tận tâm cúng dường

Dùng Bạch Đàn, Long Não, Uất Kim mà làm nước thơm, rưới vảy chúng Thánh. Lại đem hương này nghiền thành bột rồi thiêu đốt, nên bạch lời này: "*Nguyện xin chư Phật, Đại Bồ Tát, tất cả Thánh Giả cho con Tất Địa, khiến con mau ra khỏi bùn lầy sinh tử*" Xưng ba lần xong, tùy sức bày biện để mà cúng dường, tâm thường cột buộc thỉnh tất cả Chú Thiên thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, nguyện gia trì cho Ta, mỗi mỗi đều kết Bản Ấn ấy để mà tương ứng.

Dùng tám cái bình mới chứa đầy nước thơm kèm để tất cả hạt giống với bảy báu, vàng, bạc và các cỏ thuốc, cành cây A Ma La, dương liễu, Dạ Hợp. Lá cây tùng bách... Dùng lụa màu chưa cắt, cột che trên bình. Bốn bình để bốn góc bên trong, bốn bình để bốn góc bên ngoài

Lại để tám cái bình.

Thứ nhất, một bình cúng dường chúng **A Ca Ni Tra Thiên** thuộc Sắc Giới

Thứ hai, một bình cúng dường chúng **Tịnh Cư Thiên**

Thứ ba, một bình cúng dường Thiên Chúng thuộc cõi Dục

Thứ tư, một bình cúng dường các Dược Xoa, Thiên Nữ với Trì Minh Chú Tiên

Thứ năm, một bình cúng dường các Phật Thế Tôn

Thứ sáu, một bình cúng dường Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác

Thứ bảy, đặt một bình ở trước mặt Đa La để mà cúng dường

Thứ tám, một bình cúng dường tất cả chúng sinh

Như vậy tất cả tám cái bình đều nên mỗi mỗi như Pháp bố trí

Ở bốn mặt của Đàn đều thắp đèn dầu. Hương xoa bôi, hương đốt, vòng hoa, các món ăn, mỗi mỗi đều như **Mạn Thù Thất Lợi Vạn Đô La Pháp** đều dùng **Bản Tôn Đà La Ni** gia trì vật cúng dường

Ở góc Tây Nam của Đàn, cách 20 khuỷu tay nên làm **Hộ Ma Quân Trà**. Lò đó hình vuông có bốn góc, hoặc một khuỷu tay, hai khuỷu tay, sâu có thể là nửa khuỷu tay. Trong lò làm hình hoa sen. Lò đó xuyên làm như Pháp chọn đất (Trạch Địa Pháp). Lấy ngói sạch, lửa tịn, dùng cây có sữa (nhũ mộc) làm củi, lấy tất cả hoa cỏ với năm hạt giống hòa bơ, mật, lạc (váng sữa)

Trước hết, dùng ba muống bơ thiêu đốt để cúng dường **Hỏa Thiên**. Tiếp Mật, Lạc đều dùng ba muống. Sau đó dùng năm hạt giống để trong lửa. Đà La Ni là:

**Ấn, a kỳ nễ, toa-phộc ha**

ॐ ॐ ॐ ॐ

OM AGNI SVÀHÀ

Tụng Mật Ngôn này để gia trì

Lại lấy Bạch Đàn, Uất Kim, Long Não Hương... cùng hòa với nước thơm, chứa đầy vật khí sạch mới bằng đồng đã tôi luyện, vàng, bạc, gỗ, ngói rồi để bên phải. Thỉnh Hỏa Thiên xong, lấy hương hoa, tụng **Căn Bản Đà La Ni** thiêu đốt cúng dường Hỏa Thiên. Tay phải lấy nước thơm, vòng theo bên phải rưới vảy lửa với dùng **Bản Pháp**.

Trước tiên, tự hộ thân.

Tiếp kết **Thanh Liên Hoa Ấn**, tưởng Đa La Bồ Tát, tụng 1008 biến, lấy các hoa màu trắng bỏ trong nước At Già, tưởng nhớ Bản Tôn rồi nâng lên cúng dường. Trước tiên, nghiêng tế ba lần. Lại lấy Bạch Đàn, Uất Kim, Long Não hòa với bơ, mật, lạc kèm lấy cây có sữa làm củi, thẳng thắn không có lông đốt dài mười hai ngón tay, chặt một ngàn đoạn, một lần tụng thì một lần ném vào trong lò thiêu đốt.

Đa La Bồ Tát liền hiện thân, bảo Hành Giả rằng: "*Người cầu nguyện gì, Ta sẽ ban cho tất cả*". Giả sử người tu hành có nghiệp xưa chướng nặng, cũng hiềm Cảnh Giới, hoặc phóng ánh sáng, hoặc nghe sấm nổ, tiếng của chuông khánh. Hoặc ở trong không, không có mây mà tuôn mưa. Hoặc hương hoa, gió nhiệm màu trong mát chạm thân Hành Giả. Gặp Điều này xong, sinh đại khánh duyệt. Các chúng Trời Người nhìn thấy người tu hành liền sinh tâm vui vẻ. Nên biết Đa La Bồ Tát, chẳng bao lâu sẽ mãn nguyện

Nếu A Xà Lê làm điều này, Phát Khiển chúng Thánh, hiến At Già xong, liền ở Đạo Trường như thường niệm tụng 1008 biến, nhiều quanh ba vòng, tùy ý kinh hành. Mỗi ngày ba thời, hoặc bảy ngày, 14 ngày cho đến 21 ngày, cầu Bản Nguyện của mình, niệm tụng.

Niệm tụng xong, liền lấy nước cúng dường trong cái bình trước mặt Bản Tôn Đa La Bồ Tát, kết Thanh Liên Hoa Ấn rưới lên đỉnh đầu người tu hành. Chỗ Quán Đỉnh ấy cách Đàn tám khuỷu tay, vẽ một hoa sen rồi Quán Đỉnh, xong nhiều quanh ba vòng, lại hiến At Già, tụng các Tán Thán, kết **Bản Tôn Ấn**, bên trên để sen trắng rải ở trên Đàn để cúng dường, sau đó như thường. Lúc Phát Khiển, Trong

Đàn, để phấn hoa trong nước tuôn chảy trong sạch, chẳng nên đập dẫm nơi có Mạn Đồ La. Lại dùng Cổ Ma Di (phân bò) xoa bôi.

Thức ăn uống cúng dường, nên cho chúng Tăng với các người nghèo. Người từng vào Mạn Đồ La tu hành chẳng nên ăn thứ này, cũng chẳng được ăn Gia Tử La Bạc, cọng rễ hoa sen. Cũng chẳng được dẫm đạp lên bóng ảnh của Suất Đổ Ba với bóng ảnh của cha mẹ. Bóng ảnh của Tỳ Khưu Thanh Tịnh, người tu hành cho đến bóng ảnh của bảy vị Phật, cây Bồ Đề cũng chẳng nên dẫm đạp lên

## PHẨM THỨ BA QUÁN TỰ TẠI ĐA LA BỒ TÁT KINH\_ VẼ TƯỢNG

Bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật lại quán sát cung Trời Tịnh Cư rồi bảo Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng:” Nay ông tiếp nên vì Đa La Bồ Tát, nói Pháp vẽ tượng”

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát nương theo Thánh Chỉ của Đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ hai chân Đức Phật, lại quán sát khắp cung Trời Tịnh Cư rồi Sắc (chỉ dụ) cho Trời, Rồng, Dạ Xoa, Kiện Tát Bà, A Tô La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hô La Già với Trì Minh Chú Tiên của tất cả Thế Giới. Nói lời thề là:”Các người cần phải lắng nghe ! Nhận nhớ **Bản Tam Muội Gia** , đừng sinh nghi hoặc. Nếu đời sau này, có người tu hành thì cần phải ủng hộ. Nếu khởi tâm khác thời Chấp Kim Cương Đại Dược Xoa Tướng sẽ dùng cái chày Kim Cương Hỏa Diệm đập nát đỉnh đầu của người, sau khi chết bị đọa vào Nê Lê , ở vô lượng kiếp chịu khổ não lớn”

Khi ấy Bồ Tát cáo thệ xong, liền bảo Đa La Bồ Tát rằng:”Nếu đời vị lai, các người tu hành chí cầu viên mãn Tất Địa tăng thượng thì nên y theo Giáo của Ta, như Pháp **Vẽ Tượng**.

Lấy mảnh lụa trắng mới, các tơ lụa trắng chẳng được cắt sửa, liền lặc rất thanh tịnh không có lông , tóc, hoa, với màu sắc sỡ... đều nên mới sạch. Mảnh lụa dài tám khuỷu tay, hoặc bốn khuỷu tay cho đến một khuỷu tay.Chọn thợ vẽ giỏi nhất với phát tâm Bồ Đề, thân khí đầy đủ, thợ Bát Quan Giới

Trước tiên ở Đài chính giữa (Trung Đài) vẽ Đức **Thích Ca Thế Tôn** ngồi ở tòa **Sư Tử Chúng Bảo**, ở cung Trời Tịnh Cư, thân sắc như vàng ròng, làm tướng Thuyết Pháp

Bên trái vẽ **Mạn Thù Thất Lợi Đồng Tử**, với Anh Lạc nghiêm sức, làm màu đỏ, mặc quần màu xanh, khoác áo sa mỏng, quần buộc làm sợi dây Thần (Thần Sách), tay phải cầm cây phất trắng, tay trái cầm cọng hoa sen xanh, chiêm ngưỡng mà trụ.

Bên phải vẽ **Quán Tự Tại Bồ Tát** , thân màu hồng nhạt , tóc đội mao báu Hóa Phật, đeo sợi dây thần màu trắng, ở trên hoa sen , quỳ gối mà ngồi, tay trái cầm hoa sen, tay phải ở trên đỉnh đầu làm thế rải hoa, mọi thứ Anh Lạc trang nghiêm thân ấy, làm dung mạo mỉm cười

Tiếp lại nên vẽ **Đa La Bồ Tát** với mọi báu vô giá trang nghiêm, thân màu vàng lục như hình người lớn tuổi, làm dung mạo thương nhớ, mỉm cười quán Hành Giả, hướng về Quán Tự Tại, cúi thân mà trụ, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải làm thế cầm quả Cát Tường.

Ở bên dưới Quán Tự Tại Bồ Tát, nên vẽ **Hành Giả** bưng lò hương, làm thế Đỉnh Lễ.

Ở bên phải Tòa, vẽ một cái bát bằng vàng chứa đầy quả A Ma La

Phương bên dưới, vẽ **Thiếu Quang Thiên Tử, Vô Nhiệt Thiên Tử, Thiện Kiến Thiên Tử** ... làm tướng nghe Pháp

Phương bên trên, bên phải vẽ **A Ca Ni Tra Thiên Tử**, bên trái vẽ **Thiện Hiện Thiên Tử**, tay phải rải hoa, tay trái làm tướng Kính Lễ.

Bên trên vẽ cái lọng báu, kỹ nhạc của chư Thiên

Bốn bên, ở hư không đều vẽ Long Hoa

Nếu người tu hành chí thành cúng dường, đỉnh lễ một bái sẽ diệt trừ được tội trong ức kiếp sinh tử.

## PHẨM THỨ TƯ

### QUÁN TỰ TẠI ĐA LA BỒ TÁT KINH\_ VẼ TƯỢNG THỨ HAI.

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát lại bảo Đa La Bồ Tát rằng: "Nếu người tu hành lại muốn thành tựu Pháp vẽ **tượng thứ hai**.

Trước tiên ở Đài chính giữa (Trung Đài) vẽ Đức **Vô Lượng Thọ Phật** ngồi dựa cây Bồ Đề.

Bên trái vẽ **Ly Cấu Bồ Tát** màu trắng với mọi loại áo trang nghiêm, áo sa mỏng, tay cầm cây phất trắng, nghiêng ngó hướng về Đức Phật.

Bên phải vẽ **Quán Tự Tại Bồ Tát** có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất tác **Vô Úy Ấn**, dùng ngón giữa ngón cái vịn tràng hạt (Sổ Châu), duỗi bàn tay làm thế xoa đỉnh đầu; tay thứ hai làm hình cầm cây gậy (trượng). Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen hồng, tay thứ hai cầm Quân Trì.

Bên phải Quán Tự Tại Bồ Tát, vẽ **Đa La Bồ Tát** với diệu bảo trang nghiêm, thân màu vàng lục, chấp tay nâng hoa sen xanh, ngồi Bán Già, làm tướng cúi người cung kính.

Bên dưới Ly Cấu Bồ Tát, vẽ **Tỳ Câu Chi Bồ Tát** có ba mắt bốn tay, thân khoác áo trắng tinh. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm Quân Trì. Bên phải: tay thứ nhất tác **Vô Úy Ấn**, tay thứ hai cầm tràng hạt (Sổ Châu)

Bên dưới Đa La Bồ Tát, vẽ **Nhất Kế La Sát**, mắt màu đen đỏ, vác bụng rũ xuống, răn làm Anh Lạc, ló nanh chó lên trên, mặc quần da cạp, tóc đầy măng xà. Tay phải cầm cây búa, tay trái cầm sợi dây răn (Xà Quyển Sách), dùng máu xoa bôi thân. Chấp hai tay lại, cau mày trợn mắt làm tướng khủng bố, móng vuốt nhỏ bén, da voi quấn quanh

Bên dưới Tỳ Câu Chi, vẽ **Mã Đầu Bồ Tát** có bốn cánh tay. Hai tay kết **Căn Bản Ấn**, tay phải cầm cây búa, tay trái cầm hoa sen, đứng theo thế chữ Đinh (丁), làm tướng phần nộ

Bên dưới tướng, vẽ Long Vương **Nan Đà, Bạt Nan Đà**, tay trái nâng cọng hoa sen, tay phải làm tướng Kính Lễ.

Bên dưới cái ao, vẽ **Địa Thiên** nâng cái bàn báu, quỳ gối chiêm ngưỡng

Bốn phương, bốn góc vẽ **Bát Phương Thần** (chư Thần ở tám phương)

Bên trên vẽ mặt trời, mặt trăng, Kỳ Nhạc của chư Thiên, thế trong mây ngũ sắc rải mưa Cam Lộ.

Bên dưới Quán Tự Tại Bồ Tát, vẽ Hành Giả mặc áo trắng, cầm lò hương, quỳ gối chiêm ngưỡng.

Nếu người tu hành vào ngày 08 hoặc ngày 15 trong tháng. Hoặc tháng Thân Thông, hoặc thuận Sao tốt (Cát Tú) nên ăn cháo sữa, hoa quả... hoặc chỉ ăn hương. Y theo Pháp trì tụng lúc trước, ba thời tắm gội, chẳng nên ngủ mê, thường ngồi trên cỏ trang, thân mặc quần áo trắng. Khi số hạn sắp kết thúc thời nhịn ăn ba ngày, không hạn niệm tụng đối trước Tượng này.

Ở bốn góc Đền, để nước thơm trong bình; cắm nhóm Dạ Hợp, Liễu, các lá cây thơm... cũng để bảy báu với hạt giống Ngũ Cốc. Để lưạ chưa cất ở trên bình. Hành Giả ngồi bên trái. Trên An để **Mạn Châu Bát Nhã**, rải hoa trên Kinh. Tám phương để tám vật khí sạch cũng chứa đầy nước thơm. Lại để tám cái bát sữa nhỏ, thấp một trăm chén đèn bơ, mọi loại thức ăn uống đầy vật khí mới, để bốn góc Đền. Đốt hương Trầm Thủy, dùng lửa Nhũ Mộc thiêu đốt. Lấy Trầm Hương dài mười hai ngón tay, chặt làm một trăm đoạn, thấm dầu Tô Hợp, một lần tụng thì một lần thiêu đốt, mãn 108 biến

Quán Tự Tại Bồ Tát Đại Bi Thánh Giả từ phương Đông đi đến, tay cầm một cây gậy (Trượng), thân mặc quần áo trắng với Diệu Bảo, Anh Lạc trang nghiêm. Dùng da hươu đen quấn quanh bắp tay phải, tóc đội mào báu, hiện trước mặt Hành Giả, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh. Chúng sinh bị khổ não vượt qua ánh sáng này xong thì thân được an, khoái lạc, phát tâm Bồ Đề.

Hành Giả thấy xong, rải các hương hoa, cúi năm vóc, đầu sát đất chí thành Quy Mệnh, cầm nước At Già phun hiến Bồ Tát.

Thời Quán Tự Tại Đại Bi Thánh Giả bảo Hành Giả rằng: "*Lành thay Hành Giả! Các người có nguyện gì thì Ta sẽ cho tất cả*". Được ấn khả xong thời mọi điều tâm muốn cầu, không có gì không thành tựu. Hoặc bay trên hư không, hoặc An Đát Đà Na, hoặc Văn Trì sống lâu, hoặc các căn chẳng đủ cũng được tròn đầy, hoặc cầu Phục Tàng, vào hang Tu La, cũng được tùy vào Cung Điện của Quán Tự Tại. Tất cả Nguyện trên của nhóm như vậy thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, không gì không thành tựu.

\_ Lại tụng Mật Ngôn này Phát Khiển Thánh Giả. Đà La Ni là:

**Na mộ la đất-na đất-la dạ gia**

**Na mạc a lợi gia phộc lỗ cát đế thấp-phộc la gia, bồ địa tát đỏa gia, ma ha tát đỏa gia**

Hứ lợi hứ lợi, tô lộ tô lộ, tát phộc tát đỏa ca lộ ni ca, nghiệt tha nghiệt tha gia, a lợi gia phộc lỗ cát đế thấp-phộc la, dã tha, tam ma gia, mẫn nỗ tát-ma la, tát-phộc ha

ॐ र व वय  
ॐ: अत्रवृक्षे गृह्ये च जलसद्वय मन्सद्वय  
कृष्णकृष्णं तु रतु र मत्सव क रम क रक रकय अत्रवृक्षे गृह्ये र  
वय मय मय मय मय

\* NAMO RATNA-TRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA, MAHÀ SATVÀYA

HILI HILI, TURU TURU, SARVA SATVA KÀRUṆIKA GACCHA GACCHÀYA ÀRYA AVALOKITE'SVARA YATHÀ SAMAYA MANUSMARA SVÀHÀ

Hành Giả nâng các hương hoa, tụng Chân Ngôn này bảy biến gia trì xong, rải dưới chân của Bồ Tát ấy thành **Phát Khiển**.

\_Nhất Kế La Sát Đà La Ni là:

Na mộ la đát-na đát-la dạ gia

Na mạc a lợi gia phộc lỗ cát đế thấp-phộc la gia, mạo địa tát đỏa gia, ma ha tát đỏa gia

Na mộ ế ca nhạ tra gia, ma ha la khát-sái tư, a dạ la, ma ma, ma ha la khát-sái tư, ma ma, mẫu ca, tát phộc ca lợi dã nê, ca lộ hứ

Đát diệt tha: A nan đế, tát phộc vĩ cận na, vĩ na dạ kiến, lạc khát-xoa, lạc khát-xoa, sa-phộc ha

ॐ र व वय  
ॐ: अत्रवृक्षे गृह्ये च जलसद्वय मन्सद्वय  
ॐ अकृष्ण मन्सद्वय अ रव मय मन्सद्वय मय मत्सव क रम  
क रम

गृह्ये अत्रवृक्षे मत्सव क रम क रम

\* NAMO RATNA-TRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA, MAHÀ SATVÀYA

NAMO EKAJAṬA MAHÀ-RÀKṢASE A JALA MAMA MAHÀ-RÀKṢASE MUKHA SARVA KÀRYAṆE KAROMI

TADYATHÀ: ANANTE SARVA-VIGHNAṀ VINAYÀKAM RAKṢA RAKṢA – SVÀHÀ

Đà La Ni này hay khiến cho dùng chút công sức mà mau thành tựu. Cũng là **Đa La Bồ Tát Sứ Giả** cho nên các người tu hành cần phải tụng niệm.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG MẠN THÙ THẮT LỢI

\_Hết\_

16/07/2008

## KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty\_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh\_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ\_ Ban áo tía tắng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí\_ Chùa Đại Hưng Thiện\_ Tam Tạng Sa Môn  
**BẤT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh **Du Già Tự Tại Vương**.

Khéo trụ nơi Tam Muội **Như Huyễn**

Rộng khắp các biển cõi (sát hải) sâu tịnh

Hay hiển mọi thứ tùy loại Thân

Ta y **Liên Hoa Vương Ứng Môn**.

Mở bày Pháp **Đại Bi Đa La** (Mahà-kàruṇa-tàrà)

Vì khiến tu tập các **Tam Muội** (Samādhi)

Xa lìa Định **Vô Bi Nhị Thừa**

Mau đủ Thân Thông, **Ba La Mật** (Pàramità)

Liên hay đốn chứng Như Lai Vị

Hành Giả nên phát **Tâm Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-citta)

Theo Thầy nhận đủ Giới Kim Cương.

Chẳng nguyện: “Thân mệnh vượt Tâm Từ”

Liên hay Thâm nhập **Luân Giải Thoát** (Mokṣa-cakra)

Nên theo Thầy nhận **Tam Muội Gia** (Samaya).

Khế Ấn, Mật Ngữ như Kinh nói

Kính **A Xà Lê** (Àcàrye\_ Đạo Sư ) tưởng như Phật

Đối với Đồng học, Tâm ân trọng.

Hoặc ở sườn núi, **A Lan Nhã** (Àraṇya – nơi tịch tĩnh)

Sông, suối, ao, đầm, nơi Thích ý

Ngọn núi, hang, hốc đá, bên cây.

Xây dựng **Đạo Trường** (Maṇḍala) như phép tắc.

Trang nghiêm **Tinh Thất** đặt Bản Tôn.

Tùy sức cúng dường, nhất tâm trụ

Quán khắp các Phật Hải mười phương.

Sám hối, phát nguyện đều như Giáo

Vì thành ba nghiệp Kim Cương nên.

Ngay trong hai tay, lưởi, trái tim

Tưởng chữ **Hồng** ( 紅 - Hùṃ) thành chày Ngũ Trí

Do đấy gia trì Năng Tất Địa



Tiếp nên kết Khế, tên **Cảnh Giác**  
 Hai tay đều nắm Kim Cương Quyển  
 Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ)  
 Hai Độ (2 ngón tay) dính nhau, tên Khởi Ấn



Chân Ngôn là:  
**“Án – phộc nhật\_lộ để sắt\_tra”**  
 ॐ वज्र त्रिंशु ॐ  
 OM – VAJRA TIṢṬA – HÙM

\_Tiếp, nên kính lễ **A Súc Tôn** (Akṣobhya)  
 Xả thân cầu thỉnh **Bất Thoái chuyển**  
**Kim Cương hợp chưởng**, duỗi trên đỉnh  
 Toàn thân sát đất, dùng tim lễ



Chân Ngôn là:  
**“Án – Tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nho ba tát tha na dạ đáp\_ma nam,**  
**Niết li\_dạ đa dạ nhĩ – tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật\_la tát đát\_phộc,**  
**địa sắt\_xá, tát\_phộc - Hàm”**  
 ॐ सत्त्वगतं सुखं पश्यत्य श्रद्धां ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ  
 वज्रसत्त्वस्य ह्रूं  
 \* OM – SARVA TATHÀGATA PÙJA PASVANÀYA ATMANÀM –  
 NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRASATVA ADHIṢṬA  
 SVÀMAM – HÙM

\_ Tiếp lễ Nam phương **Bảo Sinh Tôn** (Ratna-saṃbhava)  
 Xả thân cầu thỉnh **Quán Đỉnh Vị**  
 Kim Cương hợp chưởng để ngang tim  
 Đặt Trán sát đất chân thành lễ.



Chân Ngôn là:

“**Án - Tát Phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ tỳ sái ca già, đát\_ma nam - Niết li\_da đa, dạ nhĩ - Tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật la, la đát-ná. A Tỳ Tru giả hàm**”

ॐ सत् नमो नमो वज्रवक्रय मयं वज्रवक्रय मयं नमो नमो

\* OM - SARVA TATHAGATA PUJA ABHISAIKAYA ATMANAM NIRYATA YAMI - SARVA TATHAGATA VAJRA RATNA ABHISIMCA SVAMAM - TRAH.

\_ Tiếp lễ **Quán Tự Tại Vương Tôn** (Avalokite 'svara-ràja)

Xả thân cầu thỉnh **Tam Ma Địa**  
Kim Cương hợp chưởng đặt trên đỉnh  
Để miệng sát đất, thành tâm lễ



Chân Ngôn là:

“**Án - Tát Phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ, bát\_la miệt lật\_la ná gia, đát\_ma nam - Niết li\_da đa, dạ nhĩ - Tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật\_la đạt ma, bát\_la miệt lật\_da dạ hàm**”

ॐ सत् नमो नमो वज्र धर्म मयं वज्र धर्म मयं नमो नमो

\* OM - SARVA TATHAGATA PUJA PRAVARTTANAYA ATMANAM NIRYATA YAMI - SARVA TATHAGATA VAJRA DHARMA PRAVARTTAYA SVAMAM - HRIH.

\_ Tiếp lễ **Bất Không Thành Tự Tôn** (Amogha-siddhi)

Xả thân cầu thỉnh **Thiện Xảo Trí**  
Kim Cương hợp chưởng để ngang tim  
Để đỉnh sát đất, cúi đầu lễ



Chân Ngôn là:

“**Án - Tát Phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ yết ma ni, A đát\_ma nam, Niết li\_da đa, dạ nhĩ - Tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật\_la yết ma, cú lỗ hàm**”

ॐ सत् नमो नमो वज्रवक्रय मयं वज्रवक्रय मयं नमो नमो

\* OM – SARVA TATHÀGATA PÙJA KARMAṆI ATMANÀM NIRYÀTA  
YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRA KARMA KURU SVÀMAM – ÀḤ.

\_ Tiếp lễ Chư Phật đầy Hư không  
Nên kết giữ Ấn lễ khắp chân.  
Thiền Tuệ (Ngón cái phải, ngón út trái) Đản Trí (ngón út phải và ngón cái  
trái) cài ngược nhau  
Gối phải sát đất, đặt (Ấn) trên Đỉnh



Chân Ngôn là:

“Ấn – Tát Phộc nhật\_la, Vi”

ॐ वज्र वै

\* OM – VAJRA VÌḤ

\_ Tiếp dùng Chân Ngôn Diệu Thành Tự

Nguyện khắp chúng sinh đồng Tát Địa

Tất cả Như Lai xứng tán Pháp

Nên nguyện Gia Trì mau thành tựu.

Chân Ngôn là:

“Ấn – Tát\_phộc đát tha nghiệt đa hương tất đa, tát phộc tát đát\_phộc  
nam, tát phộc tát đà dục, tam bát đồ đam, đát tha nghiệt đa Thất giả, địa để  
sát\_tổng đam”

ॐ सर्व नमस्तुभ्यं शक्रः सर्वं सर्वं सर्वं (सर्वदाः सर्वं तुभ्यं  
नमस्तुभ्यं शक्रः)

\* OM – SARVA TATHÀGATA SAMŚITÀḤ – SARVA SATVANÀM  
SARVA SIDDHAYAḤ SAMPADYATNÀM TATHÀGATA 'SCA  
ADHITIṢṬANÀ

\_ Tiếp nên thẳng thân ngồi Kiết Già

Tĩnh trừ ba nghiệp khiến thanh tĩnh

Các pháp vốn có tính thanh tĩnh

Nguyện khiến ta, người (tự tha) đều không dơ.

Chân Ngôn là:

“Ấn – Sa\_phộc bà phộc thú đà, tát phộc đạt ma sa\_phộc bà phộc thú độ  
hàm”

ॐ स्वस्व सुखं सर्वं वसु स्वस्व सुखं

\* OM – SVABHÀVA 'SUDDHA – SARVA DHARMA SVABHÀVA  
'SUDDHA UHÀM

\_ Tiếp kết Liên Hoa Tam Muội Gia

Mười độ (10 ngón tay) cài nhau buộc bền chắc  
 Nhấn nguyệt (2 ngón giữa) hợp dựng như cánh sen  
 Tưởng Thân đồng với **Đa La Tôn** (Tàrà)



Chân Ngôn là:

“**Án – phộc nhật\_la bát ná\_ma Tam ma gia tát\_đát\_noan**”

ॐ वज्रपद्म समया श्रु

\* OM – VAJRA PADMA SAMAYA STVAM

\_ Tiếp kết **Cực Hỷ Tam Muội Ấn**

Hai vũ Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bền chắc  
 Nhấn Nguyệt (2 ngón giữa) hợp cài lỏng ở giữa  
 Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau.



Chân Ngôn là:

“**Án – Tam ma gia, Tố phộc đa, tát\_đát\_noan**”

ॐ समया ह्य सुरता श्रु

\* OM – SAMAYA HOH SURATA STVAM

\_ Tiếp đến Khai Tâm vào Phật Trí

Gia Trì hai vú: **Đát la** (𑖔 - vú phải) **Tra** (𑖕 - vú trái)

Kết Kim Cương phộc để trước tim.

Ba Kéo (mở đẩy) Khai Tâm như mở cửa.



Chân Ngôn là:

“**Án – phộc nhật\_la, mãn đà, đát\_la Tra**”

ॐ वज्रवृक्ष

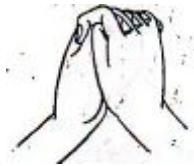
\* OM – VAJRA BANDHA TRÀṬ.

\_ Tiếp Quán Đài Sen: **A Tự Môn** (𑖕)

Hai điểm trang nghiêm (𑖕- AH ) thành Tịch Trí (Trí Niết Bàn)

Thiền Trí (2 ngón cái) co vào Kim Cương phộc

Triệu chữ tuôn vào ở trong tim.



Chân Ngôn là:

“**Án phộc nhật\_la phệ xa\_ác**”

ॐ वज्र अविषा अह

\* OM – VAJRA AVI'SA AH

\_ Tiếp kết Mật Hợp Kim Cương Quyền

Dùng dây gia trì khiến bền chắc

Tiến lực (2 ngón trỏ) vào Ấn, trụ Thiền Trí (2 ngón cái)

Nên hay giữ vững chẳng lui mất (Thoái thất)



Chân ngôn là:

“**Án phộc nhật\_la, mẫu sắt\_tri, hàm**”

ॐ वज्र मुष्ठी वाम

\* OM – VAJRA MUṢṬI VAM

\_ Tiếp kết **Liên Hoa Tội Ma Ấn.**

Dùng dây tñh trừ các chướng nạn

Nên dùng **Kim Cương hợp chướng** nghi

Tiến Lực (2 ngón trỏ) như Nanh, dựng Thiền Trí (2 ngón cái)

Vào Trụ Tâm Từ, hiện uy nộ

Xoay phải ba vòng thành Giới Phương.

Chân Ngôn là:

“**Án – ma ha chiến noa, vĩ thủy\_phộc lộ ba, vĩ ca tra – Bát ná\_ma  
năng\_sắt\_tra – yết la la, vĩ sai noa – phộc tra đất la – đất la sa gia – sa\_phộc  
hàm – bát ná\_ma được khát\_xoa khư đà, địa lực**”

ॐ मन्त्राय नमः शिवाय नमः ॐ वज्रपादमेव नमः ॐ वज्रपादमेव नमः ॐ वज्रपादमेव नमः ॐ वज्रपादमेव नमः ॐ वज्रपादमेव नमः

\* OM – MAHÀ CAṆḌA – VI'SVA RŪPA – VIKAṬA PADMA DAMṢṬRA  
– RÀGA RA RA VIṢAṆAVAT DHÀRÀ – TRÀ'SAYA SVÀMAṀ – PADMA  
YAKṢA KHADA DHR

\_ Tiếp, nên thẳng thân trụ Tam Muội

Hai vĩ (2 bàn tay) cài nhau làm **Định Ấn.**



Không Giới bụi thân, các Phật Hải  
 Cảnh giác khiến Quán Tâm Chân Thật.  
 Chân Ngôn là:

**“Án – chất đa bát\_la để vĩ đấng ca lỗ nhĩ “**

ॐ (A) ॐ (A) ॐ (A)

\* OM – CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI

\_ Liên quán chữ A (A) làm vành trắng

Rồi dùng chân ngôn khiến sáng tỏ

Chân Ngôn là:

**“Án – Mạo địa chất đa mẫu đất ba ná dạ nhĩ”**

ॐ (A) ॐ (A) ॐ (A)

\* OM – BODICITTAM UTPADA YAMI

\_ Bản Tính Tự Tâm với Thanh Tĩnh

Nên khéo quán sát Sen Kim Cương (vajra padma)

Chân Ngôn là:

**“Án – Đễ sắt\_tra bát ná\_ma”**

ॐ (A) ॐ (A) ॐ (A)

\* OM – TIṢṬA PADMA.

\_ Để thành một Tướng Thanh Tĩnh nên.

Khiến hé nở dần đồng pháp giới

Liên được Đại Bi Tam Ma Địa

Đều hay tĩnh khắp chúng sinh giới

Chân Ngôn là:

**“Án – Tát phát\_la, bát\_ná\_ma”**

ॐ (A) ॐ (A) ॐ (A)

\* OM – SPHARA PADMA.

\_ Vì khiến Tam Muội Thuần thực nên

Đều khiến thu rút được Tự Tại

Sen Trí nhỏ dần bằng thân mình

Phát hào quang Tịnh chiếu Tam Muội

Chân Ngôn là:

**“Án – Tăng ha\_la, bát\_ná\_ma”**

ॐ (A) ॐ (A) ॐ (A)

\* OM – SAMHARA PADMA.

\_ Tiếp dùng Chân ngôn Diệu Kiên Cố

Gia Trì hay khiến chẳng lay động.

Chân Ngôn là:

“**Án – Niết\_lý trà, đề sắt\_xá, bát ná\_ma**”

ॐ ॠ石 (१५ ५५)

\* OM – DRDHA TIṢṬA PADMA

\_ Các Như Lai hiện ở Hư không.

Đều vào Giác Hoa làm một thể

Nên biết Đẳng đồng với Chư Phật.

Bồ Đề Kiên Cố, Thệ nguyện đến

Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná\_ma, đát\_ma cú hàm, Tam ma dụ hàm, ma ha Tam ma dụ hàm, tát phộc đát tha nghiệt đa tỳ tam mao đề, bát ná\_ma, đát\_ma cú hàm**”

ॐ ५५५५५ ५५५५ ५५५५५५ ५५ १५१५ (१५५५५ ५५५५५)

\* OM – PADMA ATMAKA UHÀM – SAMAYA UHÀM – MAHÀ SAMAYA UHÀM – SARVA TATHÀGATA ABHISAMBODHI, PADMA ATMAKA UHÀM

\_ Liên quán Diệu Liên (Sen màu nhiệm) làm Bản Tôn

Thân Ngài Thanh Tĩnh màu vàng lục

Ma Ni, báu diệu làm châu lạc

Mão báu, đầu đội Vô Lượng Thọ

Tay phải Ấn Dữ Nguyện thù thắng

Tay trái cầm nắm hoa sen xanh.

Trụ ở Tam Muội nơi vành trăng

Tỏa khắp Từ Quang chiếu ba cõi

Tiếp dùng Căn Bản Thanh Liên Ấn

Tim, Trán, Họng, Đỉnh già Trì khắp.

Chân Ngôn là:

“**Án – Đa lị, đốt đa lị, Hồng**”

ॐ ॠ ॠ ॠ ॠ ॠ ॠ

\* OM – TÀRE TUTTÀRE – HÙM

\_ Tiếp kết Ấn Tự Quán Đỉnh

Hai Vũ (2 bàn tay) Kim Cương phộc kiên cố

Tiến lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) như hình báu

Gia Trì trên trán, buộc sau Đỉnh.



Chân Ngôn là:

“**Án – phộc nhật\_la la đát\_na tỳ tru giả hàm – tát phộc mẫu nại\_la mê – Niết\_lị câu cú lỗ, phộc la ca phộc chế ná hàm**”

ॐ पश्चिम्बुध्वाय नमः सर्व मुद्रा मुद्रा वज्र कवचं वं

\* OM – VAJRA RATNA ABHIṢIMCA MAM – SARVA MUDRA ME  
DRDHA KURU, VAJRA KAVACENA VAM

\_ Hai tay như rữ giải hoa man ( Tràng hoa )

Liên tự mặc áo giáp Kiên cố

Kết Kim Cương Quyền duỗi Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Tưởng chữ Án (ॐ : ngón trỏ phải) Châm (ॡ : ngón trỏ trái) trên mặt ngón



Tim, lưng, rốn, eo với hai gối

Họng, trán, sau đỉnh đều ba vòng

Đàn Tuệ (2 ngón út) buông trước, rữ Thiên Y (áo khoác ngoài)

Liên hay bền chắc không lay động.

Nên dùng hay vũ (2 bàn tay) vỗ ba lần

Đây là Nghi Ấn Liên Hoa Hỷ.



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná\_ma, đồ sử dã, cốc**”

ॐ पश्चि बुध्वा नमः

\* OM – PADMA TUṢYA HOḤ

\_ Tiếp nên nghiêm tịnh Quốc Thổ Phật.

Vì muốn phụng sự các Như Lai.

Đế Quán (chân thật quan sát) biển nước thơm vô tận.

Trên Sen Diệu, giữ HOA TẶNG GIỚI

Điện báu Ma Ni dùng trang nghiêm.

Vượt hơn vật cúng diệu của Trời

Hư không Chư Thiên là Thứ Năm

Ước muốn đều từ Hư không đến

Tâm vui cúng dường các thánh chúng

Nguyện khiến như ý, viên mãn khắp.

Dùng chân thật này Gia Trì xong

Nên kết Nghi Kim Cương chưởng.





Chân Ngôn là:

**“Án – Nga nga nãng, Tam bà phộc, phộc nhật\_la, cốc”**

**ॐ ऩ३३३ ऩं३३ ३३३ ३३ ३३**

\* OM GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOH

\_ Đất báu trang nghiêm trên tòa sen

**Đốt-lượng tự môn (ॐ-Tràṃ)** thành Bản Tôn.

Phóng hào quang tịnh hơn Nhật Nguyệt

Quyển thuộc Liên Hoa đều quay quanh.

Tiếp dùng phương tiện Mật Thỉnh Triệu

Triệu Tập Tôn Thân vào Trí Thể

Hai cánh Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bền chắc

Tiến Lực (2 ngón trỏ) đều co như móc câu



Chân Ngôn là:

**“Án – Bát ná\_mang, câu xá, ca li\_sái gia, ma ha bát ná\_ma, câu lan, ha  
dã hạt\_lị phộc, tam ma diễm, Hồng nhược”**

**ॐ ३३३३३३३३३३३३ ३३३ ३३३ ३३३३३३ ३३३३ ३३३**

\*) OM – PADMA ANKU'SA AKARŞAYA – MAHÀ PADMA KURU  
HAYAGRIVA – SAMAYAM HUM JAḤ.

\_ Tiếp kết Đại Ấn **Liên Hoa Sách**

Liên Hoa Trí (ngón cái trái) vào trong Tiến Thiền (ngón trỏ phải, ngón cái phải)

Dùng Mật Ấn này với Chân Ngôn

Triệu Thỉnh Bản Tôn hay dẫn vào.



Chân Ngôn là:

**“Án – A mục già bá xả, cú lỗ đà, tam ma duệ, bát\_la phệ xá, bát la phệ  
xá gia – Tát phộc tam ma diễm - Hồng”**

**ॐ ३३३३ ३३३ ३३३ ३३३ ३३३३ ३३३३ ३३३ ३३३ ३३३**

\*) OM – AMOGHA PA'SA KRODHA SAMAYE – PRAVE'SA. PRAVE'SAYA –  
SARVA SAMAYAM – HUM.

\_Tiếp kết tay hoa làm **Tỏa Ấn**

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) đều móc kết

Dùng Liên Hoa Chỉ Lưu Ấn này

Hay Khiến Bản Tôn Trụ bền chắc.



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná\_ma, Thương ca li, hàm**”

ॐ पद्म संकरे हूं

\* OM – PADMA SAMKARE – HÙM

\_Tiếp Kết Mật Ấn **Liên Hoa Linh**

Thiên Trí (2 ngón cái) co vào Liên Hoa chuông

Dùng Mật Ấn này với Chân Ngôn

Hay khiến Bản Tôn Diệu hoan hỷ.



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná\_ma Kiện Tra, đà li, thí già\_la ma phệ xá gia, tam ma gia, sát mục khư, ác**”

ॐ पद्म चंद्र वरौ मयुक्तावस्थित सम्यक् समुत्तमः

\* OM – PADMA GHAMṬA DHÀRI - 'SÌGHRAM AVI'SÀYA SAMAYA SAMUKHE – AH.

\_Tiếp dùng **Diệu Già Đà** (Sugàthà) thích ý

Phụng trì **Át Già** (Argha), hiến nước thơm

**Diệu âm** (Mañju-ghoṣa) tràn đến cõi vô biên

Dùng Già trì này mau thành tựu.

Chân Ngôn là:

“**Ná mạc duệ ná tát đế na – bà nga phộc đế, mạo địa mẫu đà la, nỗ đa la, phộc nhật\_la đạt ma, Bát\_la dụ nghi ná – Đế ná tát đế ná, tất đình hàm – Án – Đa lợi, đốt đa lợi, đốt lợi, tát\_phộc ha**”

ॐ नमः (सुभ सुभु सुभुवते धरौ सुसुभुवते वरुवध सुयगनी सुभ सुभु(सुभुं

ॐ नमः सुभु सुभु सुभु सुभु

\* NAMO SINA SATYA BHAGAVATE (Quy mệnh Đức Thế Tôn cung cấp sự chân thật) BODHI MUDRA (Giác Tuệ Ấn) ANUTTARA (tối thượng)

VAJRADHARMA (Kim Cương pháp) PRAYOGINĪ (Thắng công bằng) SINA  
SATYA (cung cấp sự chân thật) SIDDHIMĪ MAMĪ (Tôi thành tựu)  
OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SVÀHÀ.

\_ Tiếp nên rộng bày bốn **NỘI CÚNG**  
Hoa chường, dựng thẳng cứng Thiên Trí (2 ngón cái)  
Dùng **Liên Hoa Hỷ Hỷ** này nên.  
Hay mãn **Đàn Na Ba La Mật** (Dàna-pàramità – Bồ Thí Độ)



Chân Ngôn là :  
”An\_ Bát ná-ma, la đễ, bố nhi duệ, cóc “  
ॐ ५३ ११ ५३ ५  
OM\_ PADMA RATI PUṆYE HAḤ

\_ Tiếp kết Mật Ấn **Liên Hoa Man**  
Liên Hoa Chường trước duỗi cánh tay  
Do hiến Hoa Man cúng dường nên  
Sẽ mãn **Tịnh Giới Ba La Mật** (‘Sila-pàramità)



Chân Ngôn là:  
”Ấn – Bát ná\_ma, Bật sái ca, bố nhi duệ, dát\_la tra”  
ॐ ५३ ५५ ५३ ५५  
OM\_ PADMA PUṢPA PUṆYE TRAḤ

\_ Do kết Ấn **Liên Hoa Ca Vịnh**  
Hoa Chường từ rốn đến miệng buông  
Hiển Như Lai Diệu Pháp Âm này  
Hay mãn **An Nhẫn Ba La Mật** (Kṣànti-pàramità)



Chân Ngôn là :  
” An\_ Bát ná-ma , nghĩ đa, bố nhi duệ, nghi “  
ॐ ५३ ११ ५३ ११

\* OM – PADMA GÌTA PUNYE – GÌH

\_Tiếp kết **Liên Hoa Vũ** cúng dường  
Hoa chưởng chuyển múa đặt trên đỉnh  
Do Mật Ấn này và chân ngôn.  
Mau đủ **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vìrya-pàramità)



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná\_ma, Niết\_li\_đề\_dã, bố\_nhi\_duệ, ngật\_li\_tra**”  
ॐ वृष वृष वृष वृष

\* OM – PADMA NR̥TYE PUNYE – KR̥T̥

\_Tiếp Kết Ấn **Liên Hoa Phần Hương**  
Hoa chưởng buông xuống như đốt hương  
Do uy lực của Ấn phần Hương  
Sẽ chứng **Tĩnh lực Ba La Mật** (Dhyàna-pàramità)



Chân Ngôn là:

“**Án – Độ ba bát ná\_nhĩ\_nễ - Hông**”  
ॐ वृष वृष वृष वृष

\* OM\_ DHÙPA PADMIṆĪ – HÙM

\_ Tiếp Kết **Liên Hoa Hoa** cúng dường.  
Hoa chưởng dâng lên như hiến hoa.  
Do hiến hoa màu nhiệm trang nghiêm  
Mau chứng **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajñā-pàramità)



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná\_ma, mẫu\_sắt\_tri - Hông**”  
ॐ वृष वृष वृष वृष

\* OM – PADMA MUṢṬĪ HÙM

\_ Tiếp Kết Ấn Liên Hoa Đăng Minh

Thiền Trí (2 ngón cái) che trước tay Hoa Sen (Liên Hoa Thủ)

Dùng Đăng Minh cúng dường này nên

Sẽ mãn **Phương Tiện Ba La Mật** (Upàya-pàramità)



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná\_ma, cú la – Trục nại li, đát ma lố kế, bố nhi duệ, bố nhạ da, Hồng**”

ॐ अक्ष कुल मुद्रि धर्म सत्कारं सुष्ठु पुराय हूं

\* OM – PADMA KULA MUDRI – DHARMA ÀLOKE PUÑYE PÙJÀYA – HÙM

\_ Tiếp kết Ấn Liên Hoa Đò Hương.

Bung chướng trên Tim như xoa hương.

Dùng Nghi Mật Ấn Chân Ngôn này

Hay mãn **Thệ Nguyện Ba La Mật** (Pranidhaṇa-pàramità)



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná\_ma, nghiêng đề, Hồng**”

ॐ अक्ष गंध हूं

\* OM – PADMA GANDHE – HÙM

\_ Tiếp Kết Bản Tôn Căn Bản Ấn

Dùng Ấn Gia Trì trên tim mình

Hai vũ (2 bàn tay) Trí Quyền cùng ngược lóng

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng hợp nhau.



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná\_ma, đa lê, hồng**”

ॐ अक्ष गं हूं

OM\_ PADMA TÀRE HÙM

\_ Tiếp kết Bất Không Đa La Tâm

Đem Ấn gia trì ở trên đỉnh

Theo tướng Căn Bản Mật Ấn trước  
Sửa dựng Đàn Tuệ (2 ngón út) khiến dính nhau  
Chân Ngôn là :

” An\_ Vĩ bồ la, đa lê, hồng “

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ VIPULA TÀRE HÙM

\_ Tiếp kết Bản Tôn **Bảo Quan** (Mão báu) **Ấn**

Đem Đại Ấn này đặt trên đỉnh

Theo Tâm Ấn trước dựng Nhấn Nguyệt (2 ngón giữa)

Tiến Lực (2 ngón trỏ) co tránh lưng hai Độ (2 ngón giữa)



Chân Ngôn là :

” An\_ Bát- la tát la, đa lê, hồng “

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\* OM – PRASARA TÀRE – HÙM

\_ Tiếp kết **Chân Thật Gia Trì Ấn**

Dùng dây hay Triệu Thỉnh Tất Cả

Theo Ấn Bảo Quan Quán Đỉnh trước

Chỉ đưa Tinh Tiến độ (ngón trỏ phải) qua lại



Chân Ngôn là:

”Ấn – A mộ già, đa lê, Hồng”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\* OM\_ AMOGHA TÀRE – HÙM

\_ Tiếp kết **Tôi Hoại Chư Ma Ấn**

Dùng dây hay phục kẻ khó phục

Theo Ấn Quán đỉnh Bảo Quan trước

Duỗi thẳng Lực Độ (ngón trỏ trái) xoay bên phải

Chân Ngôn là:

”Ấn – Tam ma già, đa lê, Hồng”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

\* OM \_ SAMAYA TÀRE HÙM

\_Tiếp dùng Tự Môn bày trên Thân  
Chữ **Án** (ॐ) trên đỉnh, **Đá** (𑖣) trên trán  
Chữ **Lê** (𑖒) hai mắt, **Đốt** (𑖑) hai vai  
Chữ **Đá** (𑖣) ngang tim, **Lê** (𑖒) ngay rốn  
Chữ **Đốt** (𑖑) hai gối , **Lê** (𑖒) hai bắp chân  
**Tát phộc** (𑖣𑖖) chân trái, **Ha** (𑖎) chân phải.  
Bốn Minh dẫn Tôn vào thân mình  
Dùng gia trì này, không hai Thể  
Nên kết **Thanh Liên Căn Bản Án**  
Xưng tụng Liên Hoa Bách Tự Minh  
Hai vũ Định Tuệ (2 bàn tay) cài chéo trong  
Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau



Chân Ngôn là:

“**Án - Bát ná\_ma, tát đát phộc, Tam ma gia - Ma nố bá la gia - Bát ná\_ma , tát đát-phộc - Đát vĩ nố ba để sắt\_tra - Niết\_li noa\_hộ, mị bà phộc - Tố đổ sử dụ, mị bà phộc - A nố la ngật\_đồ, mị bà phộc - Tố bổ sử dụ, mị bà phộc - tát phộc tát địa, mị bát\_la - địa sai - tát phộc yết ma tố giả mị - chất đa thất\_lệ được - cú lỗ, hồng - ha ha ha ha. Cốc - bạc già phạm - tát phộc đát tha nghiệt đa - bát ná\_ma - ma mị muộn già - Bát ná mị bà phộc - ma ha Tam ma gia Tát đát\_phộc - Hộ\_t\_lị**”

ॐ पद्मसत्त्वं सम्यक्सम्बलं पद्मसत्त्वं वृषभपतिं हृद्मन्त्रं  
शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं  
सर्वकार्येषु सर्वेषु सिद्धिं प्रतिफलं कुरुते इति श्रीशिवयोगिनो मुनिविरचिते शिवसुक्ते

\* OM - PADMASATVA SAMAYAM - ANUPĀLAYA - PADMASATVA  
TVENA UPATIṢṬA - DR̥DHO ME BHAVA - SUTOṢYO ME BHAVA -  
ANURAKTO ME BHAVA - SUPOṢYO ME BHAVA - SARVA SIDDHIM ME  
PRAYACCHA - SARVA KARMA SU CA ME CITTAM 'SRĪYAM KURU  
HUM - HA HA HA HA HOH - BHAGAVAM - SARVA TATHĀGATA PADMA  
MĀ ME MUṆCA - PADMĪ BHAVA - MAHĀ SAMAYASATVA - HRĪH

Xưng tụng Chân Ngôn trăm chữ xong  
Chẳng giải Án trước, niệm Bản Minh.  
Chân Ngôn là:

“Ná mô la dát\_na dát\_la dạ dã – Ná mạc A li\_dã phộc lỗ chỉ đế,  
thất\_phộc la gia, mạo địa tát dát\_phộc gia, ma ha tát dát\_phộc gia, ma ha ca lỗ  
ni ca gia – Đát nễ\_dã tha: Án – Đa lê, đốt đá lê, đốt lê, Tát\_phộc ha”

ॐ नमो रत्नत्रयै

ॐ: क्षुद्रलोकेश्वर्यै वलसत्यै मत्सत्यै मत्स त्रयै  
ॐ ह्रं उं नमो सुभ्रं सुभ्रं सुभ्रं सुभ्रं

\* NAMO RATNA TRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA, MAHÀ  
SATTVÀYA MAHÀ KÀRUṆIKÀYA.

TADYATHÀ: OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SVÀHÀ

Lại dùng chân ngôn Gia trì châu (Tràng hạt)

Nâng lên đỉnh đội, ngang tim, niêm

Chân Ngôn là :

” **Án\_ Phộc nhật-la, bá vĩ dát-la , tam ma gia, hồng** “

ॐ वज्र पवित्र समय हूं

OM\_ VAJRA PAVITRA SAMAYA HÙM

Tiếp trì số hạn kết thúc xong

Lại hiển Át Già tụng Diệu Tán

Đặt bày tám Cúng, phát nguyện xong

Giải Giới tướng Tôn về Bản Cung

Kết Liên Hoa Tam Muội Gia trước

Trên đỉnh bung Hoa, lễ dưới chân



Chân Ngôn là:

“**Án – Ngật li đố phộc, tát phộc tát dát phộc lật thác – tát địa nại đa – dã  
tha nỗ nga – nghiệp sai đặc noan – một đà vi sái diễm – Bồ na la nga – ma na  
dã đô – Án – Bát na\_ma, tát dát\_phộc, mục**”

ॐ क्रतोवः सर्वसत्वा सिद्धिदत्त यथागच्छन् वृक्षय्यं  
पुनरागत्यु ॐ पद्मसत्तुः

\* OM – KRTOVAḤ – SARVA SATVA ARTHA – SIDDHIRDATTÀ  
YATHA ANUGÀGACCHADHVAM – BUDDHA VIṢAYAM – PUNARÀGA  
MANÀYATU – OM – PADMASATVA – MUḤ

Dùng đây Phụng Tống Bản Tôn xong

Gia Trì Quán đỉnh, mặc giáp trụ

Kiên Trú **Bản Tôn Tam Ma Địa**

Tự Ý ngưng nghỉ hoặc **Kinh Hành** (Caṅkramana)

Lại nên chuyển Địa **Ma Ha Diễm** (Mahà yàna – Đại Thừa)

Thường khiến Tịnh Nghiệp chẳng gián đoạn



Sẽ được **Đa La** (Tà-rà) hiện trước mặt  
Thắng Nguyệt mong cầu đều Viên mãn  
Đời này được vào HOAN Hỷ ĐỊA (Pramidità-bhùmi)  
Mười sáu đời sau thành **Bồ Đề** (Bodhi)

KIM CƯƠNG ĐỈNH ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 16/05/2011

## QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÙY TÂM CHÚ KINH (Cũng có tên là: ĐA LỊ TÂM KINH)

Hán dịch: Nước Đại Đường\_, Chùa Tổng Trì, Sa môn THÍCH TRÍ THÔNG  
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe: Một thời Đức Phật ngự trong núi Kỳ Xà Quạt thuộc Đại Thành Vương Xá cùng với vô lượng Đại Tỳ Khưu đến dự hội. Lại có vô lượng Trời (Deva) Rồng (Nàga) Dạ Xoa (Yakṣa) Càn Đát Bà (Gandharva) A Tố La (Asura) Già Lỗ Trà (Garuḍa) Khẩn Na La (Kinnara) với hàng quyến thuộc đến dự – Lại có vô lượng vô số Tỳ Khưu (Bhikṣu) Tỳ Khưu Ni (Bhikṣunī) Ưu Bà Tắc (Upāsaka) Ưu Bà Di (Upāsika) cung kính vây quanh.

Bấy giờ, trong Hội có vị Bồ Tát tên là Quán Thế Âm Tự Tại (Avalokiteśvara) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật, trật áo hở vai bên phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay cung kính với Đức Phật rằng:

“Thế Tôn! Nay con muốn nói về pháp: Tâm Chú Căn Bản, với Ấn, Đà của **A Lị Đa Lị** (Hàre Tàre) Chú ấy có uy lực chẳng thể luận bàn thường đem lại sự an vui và nhiều sự lợi ích cho Thế gian. Nếu có Trời, Người thọ trì Chú này thì bao nhiêu sự sợ hãi, oán đối, ác chướng thảy đều chận đứng được hết – Tất cả Cấm Chú của Ngoại Đạo đều bị đập nát, chẳng có thể làm hại được – Tùy theo Tâm nguyện cầu mà tất cả Thiện Nghiệp đều được hoàn thành. Các hàng chúng sinh có 04 chân, 02 chân ... thảy đều cung kính quy phục.

Nguyện xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương hứa cho, con vì Đại Bi Thương xót tất cả chúng sinh nên nói về pháp Ấn Chú căn bản này”

Liền nói pháp của Đà La Ni ấy.

**1 ) Thứ Nhất: Tùy Tâm Ấn Chú** (cũng gọi là Thân Ấn Chú hoặc Đô Ấn Chú)

Dem các ngón: giữa, vô danh, út của hai bàn tay hướng ra ngoài, cài chéo nhau rồi chắp lại, bên phải đè bên trái, sao cho các đầu ngón bám vào lưng bàn tay, kèm dựng 2 ngón trỏ, dính nhau, đưa ngón cái đi qua lại . Liền nói Chú là:

“**Na mô hạt la đát na đá\_la dạ gia (1) Na mô A lê gia, bà lộ chỉ đế nhiếp\_bà la gia (2) Bồ đề tát đỏa gia (3) ma ha tát đỏa gia (4) ma ha ca lô ni ca gia (5) Đá Diệt Tha (6) Ấn (7) Đá lị, đá lị (8) Đô đa lị (9) Đô Đô Đa Lị (10) Đốt lị Sá ha (11)**”

ॐ नमो रत्नत्रयै

ॐ नमो अष्टात्रयै (ॐ नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै)

ॐ ह्रीं उं नमो नमो सुनमो सुसुनमो सुनमो

ॐ NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA, MAHÀ SATVÀYA MAHÀ KÀRUṆIKÀYA

TADYATHÀ: OM – TARE TARE, TUTARE, TUTUTARE, TURE – SVÀHÀ

**2 ) Thứ Hai: Phụng Thỉnh Chú** (dùng Thân Ấn, tụng Chú này)

“Đá Diệt tha (1) A già xa, A già xa (2) Bà già bạn (3) A lê gia (4) Bà lộ chỉ đế (5) nhiếp\_bà la gia, la đá\_na dát\_la tát đế na (6) sá ha (7)”

ॐ ह्रीं अकार्षा अकार्षा ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं अकार्षा अकार्षा

☞ TADYATHÀ: AKARṢA AKARṢA – BHAGAVAM ÀRYA AVALOKITE/SVARÀYA RATNATRA SATYA - SVÀHÀ

Dùng Chú này chú vào An Tất Hương 7 biển rồi thiêu đốt, thỉnh Bồ Tát ắt đến . Nếu muốn tụng Đa Lợi Tâm Chú lúc trước, thoát tiên tụng Chú này 7 biển, sau đó tụng Chú kia.

**3 ) Thứ Ba: Khải Thỉnh Ấn Chú** (Một Chú này Thông Thỉnh tất cả Bồ Tát)

Hướng tay phải về phía trước, nắm cổ tay trái , đưa lên trên đầu, dùng 04 ngón tay trái đưa qua đưa lại – Liên nói Chú này:

“Án (1) – Tát bà Bồ Đề Tát đỏa xa (2) Yên hế yên hế (3) Sá ha (4)”

ॐ ह्रीं अकार्षा अकार्षा ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं अकार्षा अकार्षा

☞ OM – SARVA BODHISATVÀNÀM EHYEHI – SVÀHÀ.

**4 ) Thứ Tư: Hoa Đài Ấn Chú:**

Dựa theo Ấn trước, chỉ sửa hai lòng bàn tay ngửa hướng lên trên , 05 ngón tay đều hướng lên trên hơi co lại – Chú là:

“Án (1) Tát bà bả-la tị sắt-tra (2) Bồ đà na (3) Sá ha (4)”

ॐ ह्रीं अकार्षा अकार्षा ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं अकार्षा अकार्षा

☞ OM – SARVA PRATIṢṬA BODHÀNÀM – SVÀHÀ.

**5 ) Thứ năm: Hương Hoa Ấn Chú:**

Đem ngón cái của tay phải vịn trên móng ngón vô danh , ba ngón còn lại mở rộng duỗi thẳng – Lại đem bàn tay trái nâng bên dưới bàn tay phải – Chú là:

“Án Tát bà bả gia (2) Bồ Sắt\_ba già gia (3) Sá ha (4) ”

ॐ ह्रीं अकार्षा अकार्षा ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं अकार्षा अकार्षा

☞ OM – SARVA PÀYA PUṢPAYÀYA – SVÀHÀ

**6 ) Thứ sáu: Hương Thủy Ấn Chú:**

Hai tay: ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều nắm ngón cái như Quyền pháp , hợp cổ tay rồi đặt 02 ngón trở dính nhau – Chú là:

“Án (1) Tát bà ô đà ca gia (2) hạt la xà (3) Sá ha (4) ”

ॐ ह्रीं अकार्षा अकार्षा ह्रीं नमो भगवते वासुदेवाय ॐ ह्रीं अकार्षा अकार्षा

☞ OM – SARVA UDAKÀYA RÀJA – SVÀHÀ.

Ấn này cúng dường hằng hà sa tất cả chư Phật Bồ Tát.

**7 ) Thứ bảy: Hộ Thân Ấn Chú:**

Trước tiên chắp hai tay lại , co hai ngón út sao cho móng ngón cùng ngược nhau, hai ngón cái phụ hai ngón trở , ba ngón còn lại đều hợp dính đầu ngón ở trong lòng bàn tay, hơi mở cách nhau . Đặt Ấn ở trên đỉnh, rồi đưa ngón trở qua lại – Chú là:



☞ OM – KRODHA SARVA DEVANĀM – SVĀHĀ.

**12 ) Thứ 12: Đại Kết Giới Tịch Tỳ Na Dạ Ca Ấn Chú:**

Trước tiên, đem ngón vô danh phải cài vào trên lưng ngón vô danh trái, ngón cái trái móc lấy ngón út phải ở lòng tay phải. Đem ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh của tay trái móc lấy ngón giữa của tay phải và đè trên móng ngón vô danh phải. Đặt ngón trỏ phải dính đầu ngón út trái, ngón cái phải đè trên lưng ngón trỏ và ngón giữa của tay trái, vặn cổ tay trái. Chú là:

“Ấn (1) Tát bà được xoa (2) la xoa sa na (3) bàn đà bàn đà (4) Sá ha (5)”

ॐ स्र् वृ यक्ष ऽक्षसानं व व व व सूक्ष्

☞ OM – SARVA YAKṢA RĀKṢASANĀM, BANDHA BANDHA – SVĀHĀ.

Tác Ấn này thời tất cả Quỷ Thần tự nhiên quy phục.

**13 ) Thứ 13: Tỳ Tâm Ấn Chú:**

Dựa theo Ấn Kết Giới lúc trước, chỉ sửa ngón trỏ phải và ngón út trái cùng mở cách nhau một thốn. Đây gọi là Tỳ Tâm Ấn. Tác ấn này xong, tụng Tỳ Tâm Thân Chú thì đều được ước nguyện.

**14 ) Thứ 14: Vị độ Ma Vương Ba Tuần Nhập Đạo Cái Mộ Ấn:**

Trước tiên đem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải co lại dính nhau ở trong lòng bàn tay, duỗi thẳng 03 ngón còn lại, duỗi bung lòng bàn tay (thủ chưởng) hướng phía trước ngực. Tay trái cũng vậy, đem chưởng hướng ra ngoài.

Tác Ấn này thời Ma vương Ba Tuần (Marapapiya) thống lĩnh các Đô Chúng mộ nhập vào Phật Đạo, đỉnh lễ rồi lui ra. Tụng Thân Chú.

**15 ) Thứ 15: Giáng phục Ngoại Đạo Lục Sư Ấn:**

Dựa theo Ấn trước, chỉ sửa đem đầu ngón cái vịn trên móng ngón vô danh với ngón giữa. Tác Ấn này thời Lục Sư Ngoại Đạo thấy đều quy phục. Tụng Thân Chú.

**16 ) Thứ 16: Cứu Kiến Lục Đạo Chúng Sinh Linh Ly Khổ Giải Thoát Ấn Chú:**

Đem 02 ngón cái, 02 ngón trỏ cùng vịn nhau, kèm song song 02 ngón giữa cùng dính đầu nhau, 02 ngón vô danh đầu đè trên móng 02 ngón út, khiến mở chính giữa rồi đặt Ấn dính lên trán. Chú là:

“Ấn (1) Tát ba giả sô đà la (2) già đa gia (3) sá ha (4)”

ॐ स्र् वृ यक्ष ऽक्षसानं व व व व सूक्ष्

☞ OM \_ SARVA CAKṢU TĀRĀJVALĀYA – SVĀHĀ

Bản của Thầy Thông tụng Thân Chú.

**17 ) Thứ 17: Thí Cam Lộ Ấn Chú:**

Dùng tay trái, lấy ngón trỏ vịn ngón cái, duỗi thẳng cứng 03 ngón còn lại hướng ra ngoài. Lại rũ cánh tay phải hướng xuống dưới. Làm pháp Thí Cam Lộ này thì chúng sinh trong 06 nẻo đều được no đủ, lìa khổ, giải thoát. Tụng Thân Chú.

**18 ) Thứ 18: Phòng nạn Ấn Chú:**

Dem ngón cái phải cài cạnh sườn phải, ngón trỏ hướng về phía sau, 04 ngón còn lại nắm quyền . Tay trái cũng vậy, hướng về phía trước, cánh tay làm như rắng sức. Chú là:

“Án (1) Tát bà đề sắc tra na (2) sân đà, sân đà (3) Sá ha(4)”

ॐ स्रं सुस्रं सुस्रं सुस्रं सुस्रं

☞ OM – SARVA DUṢṬANĀM , CCHINDA CCHINDA – SVÀHÀ.

Tác pháp của Ấn Chú này thời hàng phục tất cả Thiên Ma, loài khó giảng phục thấy đều quy phục không dám chống trả.

**19 ) Thứ 19: Tự Tại Ấn Chú:**

Hai tay đều cài ngược 04 ngón với nhau. Lại để hai ngón trỏ dính nhau, hai ngón cái cách nhau hướng lên trên duỗi thẳng. Chú là:

“Án (1) Tát bà bồ đà đá la gia (2) ma la gia (3) Sá ha (4)”

ॐ स्रं सुस्रं सुस्रं सुस्रं सुस्रं

☞ OM – SARVA BUDDHA TÀRÀYA BALÀYA – SVÀHÀ.

**20 ) Thứ 20: Tam Muội Ấn:**

Ngồi Kiết Già ngay thẳng, dùng lòng bàn tay trái đỡ lưng bàn tay phải, cùng đè nhau. Đặt Ấn trước trái tim, tụng Thân Chú, Liền nhập vào Diệt Tâm Định.

**21 ) Thứ 21: Hoán (kêu gọi) Diêm La Vương Ấn Chú:**

Dem 02 ngón út móc ngược nhau, bên phải đè bên trái . Co 02 ngón giữa, 02 ngón vô danh đều đè trên móng 02 ngón cái, thẳng 02 ngón trỏ cách nhau 05 thốn rồi cong ngón trỏ qua lại – Chú là:

“Án (1) Tát Bà Diêm Ma La Xà (2) đệ Tỳ\_Gia (3) Sá ha (4)”

ॐ स्रं सुस्रं सुस्रं सुस्रं सुस्रं

☞ OM\_ SARVA YAMA RÀJÀ DEVYA – SVÀHÀ.

Nếu có người muốn biết số lượng tội nhân ở Địa Ngục nhiều hay ít hoặc hỏi tên thì Vua Diêm La tự thống lãnh các Sư Quan đi theo tự đến báo cáo đầy đủ cho Hành Giả biết.

**22 ) Thứ 22: Hoán Triệu Tứ Thiên Vương Ấn Chú:**

Dùng 02 tay: đem 04 ngón tay cùng cài ngược nhau bên trong , co 02 ngón cái vào lòng bàn tay khiến che đầu ngón rồi đưa đầu ngón qua lại – Chú là:

“Án (1) Tát bà đệ bà (2) yết la\_ha na (3) Sá ha (4)”

ॐ स्रं सुस्रं सुस्रं सुस्रं सुस्रं

☞ OM\_ SARVA DEVA GRAHÀNĀM – SVÀHÀ.

Tác pháp của Ấn Chú này thì 04 vị Thiên Vương một thời đều đến – Hành Giả đều hỏi các việc trong 04 Thiên Hạ thì đều báo cho biết.

**23 ) Thứ 23: Trì Giới Ấn Chú:**

Quyè dài, đặt gối phải sát đất, ngẩng đầu hướng lên trên, chắp tay để lên trên trái tim . Lại đem 02 ngón trỏ đè lóng thứ nhất của 02 ngón giữa, 02 ngón cái đều phụ bên cạnh 02 ngón trỏ – Chú là:

“Án (1) Tát bà ba\_la đề mộ xoa (2) Hỷ\_Lê đà già (3) Sá ha ”

ॐ स्रं सुस्रं सुस्रं सुस्रं सुस्रं

☞ OM – SARVA PRATIMOKṢA HRDAYA – SVÀHÀ.

Tác Ấn này, tụng Chú này thì vô lượng các loài Chúng Sinh được Giới Thanh Tĩnh.

**24 ) Thứ 24: Ấn Thân Tỳ Hình Nhập Lục Đạo Ấn Chú:**

Tay phải: đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh, ngón giữa – Dựng thẳng ngón trỏ và ngón út . Tay trái cũng vậy , đưa ngón cái phải từ dưới hướng lên trên móc lấy ngón giữa, ngón vô danh của tay trái, bên phải đè bên trái – Chú là:

“Ấn (1) Câu Lê Gia Vũ (2) Tát Bà Ca Lê Gia (3) Sá Ha (4)”

ॐ कुलीयसु सर्व कालिया स्वहा

☞ OM – KULIYASU SARVA KÀLIYA – SVÀHA.

Tác Ấn Pháp này thời tùy ý ẩn mắt, du hành tự tại, tất cả như nguyện.

**25 ) Thứ 25: Hoán Triệu Ngũ Thông Đẳng Tiên Nhân Ấn Chú:**

Hai tay đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều nắm quyền rồi hợp hai tay với nhau , 02 ngón cái đều phụ bên cạnh 02 ngón giữa, đưa 02 ngón trỏ qua lại – Chú là:

“Ấn (1) Tát bà ngật-lị trí-gia (2) yết ma bà la na (3) cù đá duệ (4) Sá ha (5)”

ॐ सर्वो ज्ञानो विद्यायाः कर्मणो मुक्तिर्द्वयं सुखं सुखं

☞ OM – SARVA KRṢYA KARMA AVARÀṆA KUTṬÀYE SVÀHÀ.

Tác Ấn pháp này thời tất cả Tiên Nhân kêu gọi cùng đến – Hành Giả hỏi Vị ấy về phép Tiên thì mỗi mỗi trình bày đầy đủ.

**26 ) Thứ 26: Quán Đỉnh Thanh Tĩnh Ấn Chú:**

Dựa theo Ấn Ngũ Thông lúc trước . Bên trên chỉ sửa ngón trỏ đều đè đầu ngón cái sao cho đầu ngón dính nhau . Lại duỗi thẳng 02 ngón giữa cùng dính đầu ngón, hướng lên chạm trên đỉnh đầu – Chú là:

“Ấn (1) Đề kiện bà (2) Mộ đá\_la Tăng Kiến (3) Sá Ha (4)”

ॐ ध्यानं ध्यानं ध्यानं ध्यानं ध्यानं

☞ OM - 'SIKYÀVAT MUDRA – SAMKAN - SVÀHÀ

Hành Giả nếu làm 03 Mạn Trà La Đại Đạo Trường xong . Dùng Pháp Ấn này tụng chú Quán Đỉnh thì vô biên chúng sinh đều được Thanh Tĩnh.

**27 ) Thứ 27: Thủy Nạn Ấn Chú:**

Trước tiên đem ngón giữa, ngón vô danh của 02 tay cùng cài nhau, bên phải đè bên trái, dựng thẳng 02 ngón trỏ và 02 ngón út sao cho đầu ngón dính nhau, co 02 ngón cái vào trong lòng bàn tay – Chú là:

“Ấn (1) ô đà gia (2) Tát bà đệ bà (3) ô đà già (4) Sá hạ (5)”

ॐ उदाजा सर्व देवा उदाजा स्वहा

☞ OM – UDAJA – SARVA DEVA UDAJA - SVÀHÀ

Tác Ấn Pháp này thì nước chẳng thể cuốn trôi , tất cả Thủy Thần đều quy phục.

**28 ) Thứ 28: Hỏa Nạn Ấn Chú:**

Dựa theo Ấn Thủy Nạn lúc trước, bên trên chỉ sửa 02 ngón trở, 02 ngón út cách nhau chừng 01 thốn – Dùng Thủy Nạn Chú.

Người tác Ấn Chú này thì lửa chẳng thể thiêu đốt, tất cả Hỏa Thiên thủy đều quy phục.

### 29 ) Thứ 29: Phong Nạn Ấn Chú:

Trước tiên, đem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải cùng cài vào trên lưng ngón vô danh của tay trái – 02 ngón trở và 02 ngón út tùy nhập vào đề ngón giữa của tay phải và trên tim ngón giữa (?).

Ngón trở và ngón út của tay phải đè trên lưng ngón giữa, ngón vô danh của ngón tay phải, ló 02 ngón cái cách nhau dựng thẳng, ngược lòng bàn tay hướng ra ngoài – Dùng Thủy Nạn Chú.

Tác Ấn này thì tất cả nạn về gió chẳng thể hại, Phong Vũ Thần Vương thủy đều quy phục.

### 30 ) Thứ 30: Thiên Nạn Ấn:

Trước tiên, đem ngón cái, ngón trở của tay phải vịn lóng thứ hai của ngón trở của tay trái. Lại đem ngón cái, ngón trở của tay trái vịn lóng thứ nhất của ngón cái của tay phải, 03 ngón còn lại dựng thẳng dính đầu ngón và đều cách nhau khoảng 01 thốn – Chú dùng Thân Chú.

Tác Ấn này thì thấy được sự việc trên cõi Tam Thập Tam Thiên, tất cả Thiên Thần thủy đều quy phục.

### 31 ) Thứ 31: Địa Nạn Ấn Chú:

Dựa theo Ấn Thiên Nạn lúc trước, chỉ sửa 02 ngón vô danh co ngang bằng đầu ngón cùng dính nhau – Chú là:

“Ấn (1) già tra bàng già(2) hạ tất\_đá duệ (3) sá hạ (4)”

ॐ ङ्क्लं ङ्क्लं ङ्क्लं ङ्क्लं

☞ OM – KHATVA NGA HASTÀYE – SVÀHÀ.

Tác Ấn pháp này thời tất cả Địa Thần thủy đều quy phục.

### 32 ) Thứ 32: Tặc Nạn Ấn Chú:

Đem ngón trở, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út của tay phải móc ngược 04 ngón của tay trái, 02 ngón cái đều bung thẳng cứng – Chú là:

“Ấn (1) Tát bà đồ sắt\_tra (2) Bả la đồ sắt\_tra na (3) Sân đà gia (4) Sá Hạ (5)”

ॐ त्रं त्रं त्रं त्रं त्रं त्रं त्रं त्रं

☞ OM – SARVA DUṢṬA, PARADUṢṬANÀM, CCHINDÀYA – SVÀHÀ.

Tác Ấn này thời tất cả nạn giặc cướp thủy đều tự cột trói, chẳng có thể làm hại.

### 33 ) Thứ 33: Vương Nạn Ấn Chú:

Dựa theo Ấn Tặc Nạn lúc trước, bên trên chỉ sửa ngón cái của tay phải móc lấy ngón cái của tay trái – Liên nói Chú là:

“Ấn (1) Tát bà hạt la xà (2) đồ sắt\_tra na (3) Sá ha (4)”

ॐ त्रं त्रं त्रं त्रं त्रं त्रं त्रं त्रं



☞ OM – SARVA RÀJA DUṢṬANÀM - SVÀHÀ

Tác Ấn Pháp này thời tất cả vương nạn ( Nạn do vua chúa gây ra ) , dụng cụ gây khổ, dao, gậy... chẳng thể làm hại được.

**34 ) Thứ 34: Thí Vô Úy Ấn Chú:**

Đứng dậy, đem cánh tay trái duỗi thẳng xuống dưới, 05 ngón tay dài duỗi hướng xuống dưới, lưng bàn tay hướng về phía sau. Tay phải cũng vậy, đem lòng bàn tay hướng về phía trước như ban Cam Lộ là Ấn pháp của tay phải – Chú là:

“**Đá diệt tha (1) A lê (2) đá lê (3) Đô đá lê (4) Đô lê (5) Hê lan noa dạ già la\_tỳ (6) La xoa, ma\_xà (7) [tự xưng tên] tát bà đột khế bỉ-trị (8) Tát bà đá đạt\_la\_tỳ bỉ\_trị (9) Sá ha (10)**”

ॐ ह्रीं क्लृप्ताय नमः ॐ क्लृप्ताय नमः ॐ क्लृप्ताय नमः ॐ क्लृप्ताय नमः ॐ क्लृप्ताय नमः  
ॐ क्लृप्ताय नमः ॐ क्लृप्ताय नमः ॐ क्लृप्ताय नमः ॐ क्लृप्ताय नमः ॐ क्लृप्ताय नमः

☞ TAYATHÀ: HÀRE TÀRE TUTTÀRE TURE – HIRANYAGARBHE\_RAKṢA RAKṢA MÀM \_ SARVA DUḤKHEBHYAḤ SARVA UPADRAVEBHYAḤ – SVÀHÀ.

Tụng Chú mãn 10 vạn biến – Tác Ấn này thì tất cả Chúng sinh có sự sợ hãi đều được an tâm không lo sợ (Bản xưa Thiếu Chú này – Trong Bản ngày nay có Chú).

**35) Thứ 35: Phòng Độc Nạn Ấn Chú:**

Đem 04 ngón của 02 tay cùng cài ngược nhau, 02 ngón cái cùng dính đầu ngón, lật lòng bàn tay hướng ra ngoài – Chú là:

“**Ấn (1) Bả\_la già xá dạ diên (2) bàn đà, bàn đà (3) Sá ha (4)**”

ॐ अक्षयिणि वृष वृष ॐ

☞ OM – PRAKṢÀYATI BANDHA BANDHA – SVÀHÀ.

Nếu vào núi, cốc . Tác Ấn Chú này thì tất cả rắn độc, bọ cạp, cạp sói, sư tử, các Cầm Thú độc chẳng có thể làm hại được , tất cả các loại độc cũng chẳng thể hại được.

**36 ) Thứ 36: Cầu Thông Minh Ấn Chú:**

Hai tay đem 02 ngón cái vịn trên móng 02 ngón vô danh, kèm dựng 02 ngón út cùng nắm nhau, đặt 02 ngón giữa cùng dính cạnh đầu ngón, co 02 ngón trở đều phụ trên vạch thứ hai của ngón giữa, sau cho đầu ngón cách nhau một thốn .Tác Ấn pháp này đặt ngay trước trái tim, tụng Thân chú.

Nếu có kẻ Độn Căn (Căn tính ngu độn) kết tác Ấn này cúng dường cầu nguyện ắt được như ý, người ngu độn phải làm 07 ngày. Thuở xưa tại nước Pha Lê có một vị Trưởng Giả, tuy là bậc Đại Phú mà căn tính lại ngu độn, nhờ bậc Thầy y theo Pháp cầu nguyện trong 07 ngày liền được thông minh, một ngày tụng một ngàn bài kệ, tự chứng nghiệm các điều khác, chẳng thể nói hết được.

**37 ) Thứ 37: Phá Địa Ngục Ấn:**

Hai tay đều co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay sao cho chạm lưng nhau . 02 ngón cái, 02 ngón trở, 02 ngón út đều cách nhau nửa thốn, tụng Thân Chú.

Tác Ấn này thời cửa Địa ngục mở ra, chúng sinh đang chịu khổ nhất thời được giải thoát, Vua Diêm Ma La sinh tâm vui vẻ. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Từ Đại Bi vì thương xót Chúng Sinh nên nói Pháp này.

### **38 ) Thứ 38: Cầu Sinh Tĩnh Thổ Ấn:**

Chấp tay để ngang trái tim, đem 02 ngón cái đều đặt dính trái tim (tụng Thân Chú)

Tác Ấn pháp này, nhất tâm tụng Chú thì tùy theo niềm vui, muốn sinh về quốc thổ của Phật nào sẽ tùy ý vãng sinh.

### **39 ) Thứ 39: Cứu Nhất Thiết Bệnh Khổ Chúng Sinh Ấn:**

Đem 02 ngón giữa và 02 ngón giữa cùng móc nhau, bên phải đè bên trái, 02 ngón cái đều co trong lòng bàn tay, đem 02 ngón vô danh với 02 ngón út đè đầu 02 ngón cái, hướng lòng bàn tay vào bên trong (tụng Thân Chú).

Phàm tất cả nơi có bệnh khổ, vì người bị bệnh ấy mà tác Ấn Pháp này thì bao nhiêu bệnh khổ của vô lượng chúng sinh thấy đều trừ khỏi.

### **40 ) Thứ 40: Thủ Địa Trung Phục Tàng Ấn (Ấn lấy kho tàng trong lòng đất)**

Hai tay đem 04 ngón đều cùng cài ngược nhau ở trong lòng bàn tay, kèm 02 ngón cái hướng xuống dưới chạm đất – Biết nơi có vật báu (Bảo xứ), tác Ấn này xong, tụng Thân Chú 108 biến thì vị Thần của 07 báu ấy một thời đều đến, tùy theo câu hỏi mà trả lời.

### **41 ) Thứ 41: Cầu Kiến (cầu thấy) Quán Thế Âm Bồ Tát Ấn:**

Đem 02 ngón vô danh và 02 ngón út đều cùng cài ngược nhau, bên phải đè bên trái, kèm 02 ngón giữa dựng thẳng đầu ngón dính nhau, 02 ngón trở đều co lỏng lỏng thứ hai với lỏng thứ ba sao cho 02 móng tay chung lưng, 02 ngón cái đè trên lỏng 02 ngón trở, tụng Thân Chú.

Tác Ấn này xong, chí tâm tụng Thân Chú, chuyên tâm chính niệm – Bấy giờ Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân ngay – Hành giả nhìn thấy liền sám hối mọi tội.

### **42 ) Thứ 42: Cầu Kiến Phật Ấn Chú:**

Dựa theo Ấn trước, chỉ sửa ngón giữa của tay trái co vào kẽ tay của ngón vô danh với ngón trở của tay phải, ngón giữa của tay phải đè trên lưng ngón giữa của tay trái – Chú là:

“Đá diệt tha (1) y lê (2) Đá lệ (3) Sá ha (4)”

𑖀 𑖄𑖅𑖆 𑖇𑖈 𑖉𑖊𑖋 𑖌𑖍 𑖎𑖏

☞ TADYATHÀ: ILI TÀRE – SVÀHÀ.

Bản của Thầy Thông: “Nếu tác Ấn này, tụng Chú này mãn 10 vạn biến thì Chư Phật ở 10 phương đi đến vì Hành giả mà xoa đầu thụ ký”

Thầy Thông nói là: “Thông bị bệnh, trải qua 21 ngày chí cầu tác Ấn Pháp mong được xoa đỉnh thụ ký, sau đó tất cả pháp đều được thành tựu – Lúc tác Ấn này thì mỗi lúc đều có mùi thơm lạ bay đến”

### **43 ) Thứ 43: Tùy Thân Thành Tựu Mãn Túc Lục (6) Ba La Mật Ấn Chú:**

Đặt ngược hai tay, chắp lại sao cho dính lưng nhau, vặn cổ tay hướng ra ngoài , đem 02 ngón cái đặt ngang lông mày (Tam tinh) hướng xuống dưới rừ bông – Liền nói Chú này:

**“Đá diệt tha (1) Tát bà bồ đà gia (2) Tát bà bả\_lạt thận nhạ ba la nhĩ đà duệ (3) Án (4) Hạ bà hạ bà (5) Sá ha (6) – Đá diệt tha (7) nhĩ li, nhĩ li, đá li (8) Sá ha (9)”**

ॐ त्र्यम्बकं यजामहे सुब्रह्मणेव्यं नमः शिवाय ॥  
ॐ त्र्यम्बकं यजामहे सुब्रह्मणेव्यं नमः शिवाय ॥

☞ TADYATHÀ: SARVA BUDDHÀYA – SARVA PRAJÑA PÀRAMITÀYE – OM – HAVA HAVA – SVÀHÀ.

TADYATHÀ: MILI MILI TÀRE – SVÀHÀ.

Tác Ấn này thời khởi Tâm Bồ Đề, quán khắp tất cả chúng sinh giống như con đở (xích tử) – Tác niệm này xong, chí tâm tụng Chú 10 vạn biến – Do Pháp Lực này, tất cả chúng sinh thấy đều đầy đủ 06 Ba La Mật, mãn túc sở nguyện – Hằng hà sa đấng tất cả Thế Giới Chư Phật Thế Tôn thấy đều vui vẻ.

#### **44 ) Thứ 44: Tỳ Tâm Cụ Túc Nhất Thiết Công Đức Ấn:**

Tay trái: co ngón cái vào trong lòng bàn tay, 04 ngón còn lại nắm quyền rồi đặt dính dưới nách bên phải . Tay phải cũng vậy, lại hướng đặt dính dưới nách bên trái, bên phải đè bên trái, tụng Thân Chú.

Tác Ấn này xong, tụng Thân Chú thời tất cả vô lượng vô biên chúng sinh thấy đều đầy đủ tất cả Công Đức.

#### **45 ) Thứ 45: Tỳ Tâm Thân Túc Ấn:**

Trước tiên, dùng tay trái co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, lại đem ngón cái đè lên trên móng ngón vô danh, ngón giữa, duỗi mở thẳng ngón trỏ, ngón út, liền tụng Thân Chú.

Tác Ấn này xong, dùng xoa 2 bàn chân thì ngày đi ngàn dặm . Lúc tác Ấn này thời Địa Thần mỗi lần đem đài hoa 07 báu nâng đỡ chân của Hành Giả, kẻ phàm phu mắt thịt chẳng nhìn thấy . Có điều phải sinh tâm Đại Từ Bi cứu hộ, đừng vì cầu danh tiếng lợi dưỡng thì quyết định cảm được vạn Thần phò trợ.

#### **46 ) Thứ 46: Tỳ Tâm Kỳ Nguyện Ấn: (Ấn dùng của Thầy Thông)**

Pháp Sư Thông dùng, kèm 02 bàn tay cùng nắm cạnh nhau. Dựng thẳng 02 ngón út hướng lên trên , giương ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh cùng nắm lấy nhau sao cho ngón vô danh dính cạnh nhau , đưa 02 ngón cái qua lại, tụng Thân Chú.

Lúc tác Ấn này thời nên khởi Thủy Đàn rộng 04 khuỷu tay, cầu tất cả nguyện thấy đều mãn túc.

#### **47 ) Thứ 47: Kỳ Nhất Thiết Nguyện Ấn:**

Tay trái: co ngón cái hướng về lòng bàn tay, lại co ngón trỏ cách đầu ngón cái khoảng 4 hay 5 phân, từ ngón giữa trở xuống duỗi chung 03 ngón cùng nắm nhau. Đặt ấn nằm ngang sao cho cạnh Ấn dính trên trái tim, ngón trỏ hướng về bên phải – Tụng Thân Chú.

Một Pháp Ấn này, muốn cầu nguyện thời trước tiên, làm 01 cái Thủy Đàn ngang dọc khoảng 04 khuỷu tay . Treo các phướng, lọng, mọi thứ trang nghiêm. Ở trong Đàn ấy đặt riêng 04 cái chén , trong 04 cái chén ấy đều chứa một vị là Thạch Mật (mật ong), Sa Đường (đường cát), Sữa, Mật nên đựng các vật như thế mà cúng dường . Rải mọi thứ hoa, thiêu đốt hương Trầm Thủy cúng dường Tượng . Xong đối trước Tượng, chí tâm bày tỏ sám hối; tùy theo ước nguyện ngưỡng mong cầu thỉnh . Xong rồi ở trước Tượng tác Ấn. Dùng áo Cà sa hoặc khăn sạch phủ Ấn đó . Tác Pháp xong, chí tâm tụng Chú măn 800 biến dừng nên duyên vào việc khác. Tùy theo việc lớn nhỏ 01 ngày cho đến 07 ngày, mỗi ngày 03 thời: sáng sớm, giữa trưa, chiều tối y theo Pháp trước tác Ấn ắt nguyện cầu thành tựu, ngoại trừ kẻ chẳng chí tâm.

**48 ) Thứ 48: Tùy Tâm Giải Nhất Thiết Quỷ Thần Kim Cương Đẳng Pháp Ấn:**

Chấp 02 tay lại sao cho lưng bàn tay dính nhau, đặt ngang trái tim, hiển tướng giận dữ, chí tâm tụng Thân Chú lúc trước 14 biến. Lật gấp 02 bàn tay thành Hợp Chưởng, xong lại tụng 07 biến. Tụng 07 biến xong, liền đem 02 bàn tay mở nhanh . Tác Ấn này thời hay phá tất cả người tác pháp khiến cho bao nhiêu pháp đã làm thảy đều chẳng thành.

Ấn này tức là Pháp Ấn “Giáng Ma Thành Đạo” của Quán Thế Âm Bồ Tát . Xin bậc Thiệ Tri Thức đồng tâm đừng lưu truyền cho người chẳng cùng Căn Khí. Nếu vọng lưu truyền thì thân sẽ bị tai ương. Lại nói rằng: “Người chưa trải qua 03 Mạn Trà La Đại Pháp thì cẩn thận đừng cho nhìn thấy”.

**49 ) Thứ 49: Quán Thế Âm Bồ Tát Tùy Tâm Mẫu Đà La Ni Ấn:**

Chấp 02 tay lại, đều dựng 10 ngón tay sao cho bên trong lòng bàn tay hơi để trống không và 02 cổ tay dính nhau, rồi đặt ngay trái tim – Ấn này là Không Tâm Hợp Chưởng . Vận tâm đem tất cả hương hoa, cúng vật có được trong 10 phương Thế Giới dùng hết để hồi hướng Đẳng Quán Thế Âm Bồ Tát không sai khác với Tâm của Quán Thế Âm Bồ Tát, tự nhiên cúng dường rộng lớn tràn khắp.

**50 ) Thứ 50: Tổng Nhiếp Ấn Chú:**

Ngửa 02 cổ tay cùng cài nhau, ngón cái phải đè ngón cái trái, 08 ngón của 02 tay cấp nộ (nhạnh chóng giận dữ) nắm quyền. Chú là:

“Ấn (1) Tát Bà Na dữu đa (2) mộ đà\_la già (3) bàn đà, bàn đà (4) Sá ha (5)”

ॐ सर्व नयथ मुद्रया बंध बंध मुद्र

☞ OM – SARVA NAYOTHA MUDRÀYA – BANDHA BANDHA – SVÀHÀ

Tổng Nhiếp Ấn Chú này hay gom nhiếp tất cả nhóm Ấn Chú. Nếu người thọ trì Chú này, hết một đời chẳng được ăn ngũ Tân, rượu thịt, Hồ Tuy, Vân Đài, dùng dâm dục, thanh tịnh, phạm hạnh, thường niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, giữ Trai Giới, nhất tâm tụng Chú này đủ 10 vạn biến xong sẽ diệt tội nặng của 08 vạn ức kiếp sinh tử.

Nếu mỗi ngày mới thức dậy, dùng nước sạch rửa tay, xúc miệng, tụng Chú vào áo 03 biến rồi mặc vào thời nơi đi đứng, nơi ngồi nằm chẳng hề gặp tai họa. Ác Thần nhìn thấy liền mau lìa xa trong vòng 100 bước, người ác chẳng dám làm hại.

Nếu muốn ăn thời chú vào tất cả thức ăn rồi ăn thì 444 bệnh đều được trừ khỏi, sức lực tăng gấp 10 lần, cũng tịch trừ Quỷ Thần. Nếu trước kia bị 95 loại Ma và Quỷ Thần nhập vào trong thân người hoặc nhiếp tâm thần của người chẳng cho niệm Phật, tụng Kinh . Khiến người vui nói không đâu , khiến người cống cao ngã mạn, khen mình chê người – Lúc bàn luận nghĩa lý chỉ tìm điều hơn người, muốn được lợi dưỡng và muốn được làm Thầy của người, làm Pháp Chủ, khinh mạn Kinh Tượng, tham, sân, ngu si, nằm nhiều, ngủ nhiều hoặc vui, hoặc giận thất thường. Như vậy chỉ cần chú vào thức ăn, chú vào nước uống rồi ăn uống thì các nhóm Ma, Quỷ, Thần thấy đều chạy ra và tâm lại được thanh tịnh, trừ khỏi các bệnh.

Nếu muốn đi xa thì tắm gội sạch sẽ, thân mặc quần áo sạch, tụng một Chú hộ tự thân, hai Chú hộ đồng bạn (bạn cùng đi) 03 biến đều hết 04 phương Pháp Giới Man Trà La, 05 biến thì loài 04 chân và 02 chân đều đến qui kính, 06 biến thì khi vào sâu trong rừng Thi Đà đều không sợ hãi loài quỷ La Sát hung ác, 07 biến thì tất cả chúng sinh nhìn thấy đều vui vẻ.

Nếu thân bị trúng độc trầm trọng thì chất độc ấy chẳng có thể hoạt động được. Liền sai Đồng Nữ xe chỉ làm dây rồi thắt gút, tụng Chú, chú vào gút thắt, cứ một lần kết 01 gút cho đến 07 gút, xong đem buộc vào cánh tay trên chỗ trầm trọng liền được thân nhẹ nhàng, khí lực sung mãn.

Nếu bị trúng thuốc sắp chết thì chú vào nước, rưới vẩy lên thân, đầu mặt ắt khỏi ngay lập tức.

Lại có pháp: Chú vào 04 cái Thạch tử đặt ở 04 nơi trú ngụ, kết giới 04 phương cũng đều tịch trừ tất cả , muốn đi liền lấy giữ rồi đi.

Nếu đến chỗ nào bị người lẳng nhục thì chú vào sợi dây trắng, chú một biến thì kết một lần, cho đến 21 lần thắt gút ắt người kia tự hôn mê chẳng có thể tiến tới trước. Tác pháp thì xa lìa được người ác ấy cho đến cả giặc cướp ác, khi đi xa rồi thì chú 01 biến cõi bỏ 01 gút kết, cõi bỏ hết 21 gút kết xong thì kẻ kia mới hồi phục như cũ.

Nếu chẳng có thể giải được tội, hoặc không có sợi dây trắng thì dùng giải áo, cỏ... cũng được.

Nếu có người ác khinh chê Pháp, lại có tâm ác, lời nói ác, tính ác, hành động ác . Lấy tóc của kẻ ấy chú vào rồi ném vào trong lửa thiêu đốt thì người ấy bị tất cả mọi người dùng mắt hung ác mà nhìn –.Chẳng giải liền thương hại đến mạng.

Nếu gặp các nhọt ác thì chú vào đất sạch, hòa với nước rồi bôi lên nhọt, liền khỏi . Gân thịt bị sưng phù lên cũng làm như vậy.

Lại có Pháp dùng cây có nhựa trắng (Bạch Tráp) thiêu đốt. Lấy hai loại gạo cánh và hạt mè hòa nhau giã quết rồi lấy chút ít chú vào, cứ 01 biến ném vào

01 lần trong lửa thiêu đốt, cho đủ 1008 biến . Một ngày làm 03 thời thì tự thân được gia tăng sắc lực (sắc đẹp và sức mạnh).

Lại có Pháp: lúc mặt trời chưa mọc, và sau lúc mặt trời lặn . Dùng tay trái nắm lấy cám nhỏ của gạo cánh rồi chú vào, cứ một chú ném một lần vào lửa thiêu đốt, mỗi một lần đều xưng tên họ. Như vậy làm 07 đêm, mãn 1008 biến thì tùy theo sở niệm của tâm, nam nữ đều vui vẻ yêu thích.

Lại có Pháp: lấy hạt cải trắng, cứ 01 hạt chú vào ấy 01 biến rồi ném vào lửa thiêu đốt. Như vậy mãn 1008 biến ắt Hạt La xà ba nhĩ (Ràjapati – Vương Chủ) vui vẻ kính tin. Các Phi Chủ còn lại cũng đồng theo cách này . Tất cả việc thiện mong cầu đều được tốt lành , có điều chẳng được sinh tâm tham trước . Nếu khởi tâm tham trước mà làm thì Pháp chẳng thành.

Lại có pháp: Lấy Quân Đổ Lỗ Hương (tức Huân Lục Hương) chú 03 biến rồi một lần ném vào lửa thiêu đốt .Tác Pháp vào 03 lúc: sáng sớm, giờ Ngọ, mặt trời lặn , như vậy mãn 07 ngày sẽ được mọi thứ tài bảo qui về.

Lại có Pháp: chú vào hương hoa 03 biến rồi ném vào trong lửa thiêu đốt, một ngày làm 03 lần. Như vậy mãn 07 ngày thời được y thường (quần áo).

Lại có Pháp: vào ngày 08 của kỳ Bạch Nguyệt, trì Trai ở nơi thanh tịnh, chú vào một cánh cơm gạo cánh, cứ 01 lần chú 01 lần ném vào trong lửa thiêu đốt. Như vậy mãn 1008 biến ắt Ngũ Cốc trong nhà thường dư dả không bị thiếu hụt.

Lại có Pháp: chú vào rễ Xương Bò 108 biến rồi ngậm trong miệng, ắt tất cả nơi ngôn luận với nơi trình bày lý lẽ ở quan phủ hoặc nơi đấu tranh thấy đều thắng kể khác.

Lại có Pháp Triệu: lấy An Tức Hương hòa với dầu làm thành viên, mỗi viên chú vào 01 biến rồi ném vào lửa thiêu đốt . Như vậy mãn 1008 biến ắt tất cả Ma Ha Đề Bà (Mahà Deva – Đại Thiên) Đại Quỷ Vương với tất cả Quỷ Thần dưới quyền không có ai không quy phục.

Lại có Pháp: dùng cây Thọ Vương lúc trước làm củi thiêu đốt, mau mau chú vào Hùng Hoàng ném vào trong lửa thiêu đốt. Lửa ấy biến thành màu vàng rờn cũng như màu thuốc. Như vậy 07 ngày thì được vàng để dùng. Lại nói rằng: “Chỗ có thuốc này thành vàng vậy”. Liền lấy sữa màu đỏ của con bò có con nghé cũng màu đỏ, khiến Đồng Nữ nặn sữa làm thành Lạc, làm Sinh Tô quét lên thuốc rồi đặt vào trong lửa, để nguội rồi cắt từng khúc mà dùng. Đây gọi là Bí Pháp chẳng có thể vọng truyền . Lúc mua thuốc này chỉ nói một lời rồi lấy . Lại nói rằng: “chẳng được trả giá cao thấp – nếu y như thói thường (thường pháp) tranh mua cao thấp thì làm Pháp chẳng thành”.

Lại có Pháp: chú vào rễ Xương Bò 1008 biến, thường buộc trên cánh tay rồi đi ắt tất cả Quỷ ác chẳng có thể xâm tổn.

Lại có Pháp: chú vào rễ Xương Bò 1008 biến, cầm cho Quý Nhân liền được tài vật.

Lại có Pháp: muốn được cầu tài, lấy An Tức Hương làm hạt nhỏ, chú biến 01 lần ném vào trong lửa thiêu đốt . Như vậy mãn 1008 biến làm đủ 07 ngày.

Lại có Pháp: lúc Dịch khí lưu hành, 04 phương thành ấp đều có người bị bệnh . Tùy chọn một nơi làm Đàn Trường có 04 bờ rạch đều rộng khoảng 01 mủi tên . Ở trong ban đêm làm phép. Ban ngày 03 lần rải thức ăn, ban đêm cũng dùng Bạch Trấp làm củi để nhóm lửa, chú vào sữa bò, cứ 01 biến 01 lần ném vào trong lửa đốt . Như vậy mãi 1008 biến rồi đi đến bên cạnh người bị bệnh dịch ất mọi bệnh đều được trừ khỏi. Nếu hay vận tâm vòng khắp liền làm cho Địa Giới của 01 nước được nhờ ân.

Lại có Pháp: sáng sớm thức dậy, tùy theo tâm tùy tiện bày biện cúng dường vừa sức, xong chỉ ở trước tượng Phật, chí tâm tụng Chú mãi 10 vạn biến rồi đi, chẳng cần phải làm Pháp khác thì tất cả nguyện cầu chỉ cần chí tâm tụng Chú thì sẽ không có gì không vừa ý. Hết thầy Cấm Chú của tất cả Ngoại Đạo , dùng Chú này chú thì đều phá chẳng cho thành vậy.

Lại có Pháp tác Chú: có mọi thứ việc chướng nạn khởi chẳng đúng thời. Lấy cây Tử Đàn, lấy Tiểu mộc Đinh Tử, lấy A Xoa Lợi Thảo Tử làm dầu, Đại Hữu của đất này nên hỏi Hồ Tăng, xoa tô một cây đinh, cứ Chú một biến thì ném vào trong lửa thiêu đốt, mãi 1008 biến trải qua 03 ngày ất Tỳ Na Dạ Ca, loài Quỷ gây chướng nạn đều bỏ đi xa.

Lại có Pháp: lấy lớp da mà rắn đã lột bỏ, hòa với tro rồi đem đốt cũng khiến cho Oan Gia bỏ đi.

Lại có Pháp: chú vào tóc người rồi thiêu đốt ất khiến cho oan gia nam chẳng ra nam, nữ chẳng ra nữ, lại khiến cho mọi người mắt ác nhìn.

Lại có Pháp: Nếu phụ nữ khó sinh, lấy dầu sạch chú vào 03 biến rồi xoa lên Sản Môn thì dễ sanh đứa bé.

Lại có Pháp: muốn được kẻ đứng hầu bên phải bên trái của Đại Tự Tại Thiên thuận với ta . Lấy một miếng Bạch Giao Hương, cứ chú 01 biến 01 lần ném vào lửa thiêu đốt, cho đến 1008 biến thì chẳng dám trái nghịch với sự yêu cầu.

Lại có Pháp: Thọ 08 Tế Giới, 01 ngày 01 đêm mặc quần áo sạch, xoa tô đất làm Đàn Trường, dùng lượng của mủi tên làm phương tiện. Như trước bày thức ăn, lấy cây non đang sống của Đại Mạch, đủ 1008 thân cây, chú 1008 biến vào 06 cái lá nhỏ mới mọc của cây dương liễu, làm hình tượng con người, cắt từ đầu cho đến chân đủ 108 đoạn, rồi Hành Tụng dùng để đứt một phần nào. Liền chú 07 biến rồi ném vào trong lửa, cho đến 108 đoạn. Tức dùng tay trái duỗi ra xông lên khói . Khi đã hết thứ ném vào trong lửa thì dùng tay đã xông ướp nắm quyền . Tùy theo ý lựa chọn: hảo gia (nhà có lòng tốt) muốn họ đến thuận theo. Tùy nơi người tốt, liền dùng mắt mình nhìn vào mặt họ rồi buông quyền ra sẽ khiến họ tùy thuận chẳng dám làm trái với sự yêu cầu của mình.

Lại có Pháp: Đạo Trường như trước, tắm gội sạch sẽ, chọn lấy cành cây có nhựa trắng (Bạch Trấp) rĩ ra làm củi, Chú vào rồi nhóm lửa. Một ngày 03 thời đem Huân Lục Hương ném vào trong lửa, cho đến 1008 lần liền được 01 văn tiền vàng. Mỗi một thời Chú 1008 biến cho đến 07 ngày thì tùy ý mà dùng.

Lại có Pháp: Đạo Trường như trước, đến bên bờ sông, lấy hương hoa thanh tịnh, cứ một lần Chú 01 lần ném vào trong lửa cho đến 1008 biến . Tác xong liền được ít nhiều quần áo vừa ý.

Lại có Pháp: Đạo Trường tác pháp như trước, lấy hạt Hồi Hương, rễ Thiên Môn Đông, Bạch Xương Bồ, hạt cải trắng, Đại Mạch với số lượng bằng nhau, hòa chung một chỗ rồi đặt trong một cái bình sạch, mỗi ngày 03 thời, mỗi một thời chú 21 biến, trải qua 49 ngày xong, sau đó, bao nhiêu Thượng Nhân đều được tùy thuận theo mình.

Lại có Pháp: muốn được lúa gạo vô tận . Lấy một nắm lúa nếp, cây có nhựa trắng ném vào trong lửa thiêu đốt , Chú đến 1008 biến liền được.

Lại có Pháp: Vì người khác làm Công Đức, tùy ý tất cả đều nên thỉnh tất cả Chư Phật gia hộ sẽ được tịnh khẩu .Tụng Chú này – Chú là:

**“Nam mô bà đế tra (1) Na lợi đế tra (2) Sá ha(3)”**

ॐ नमो वसिष्ठाय नमो वसिष्ठाय नमो

\*) NAMO VASISṬHA NÀRIṬṬHA – SVÀHÀ

Tụng cũng 21 biến . Phạm muốn tụng Chú tác Pháp, nên dùng ngày 08, ngày 14, ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt mà làm thì tất cả đều thành tựu.

Hành Pháp Chú này phải ăn Đại mạch, sữa, mè hoặc dùng nước hòa với Đại Mạch nấu mì, hoặc thuần quả trái, hoặc chỉ khát thực như người tu Thiền, hoặc chẳng ăn. 07 loại như thế chỉ ăn được một loại, chẳng được ăn tạp. Một ngày 03 thời tắm gội mặc áo sạch màu trắng chẳng được dùng Chú Pháp bất chính. Như vậy, Chú một biến thì hộ thân của mình, 02 biến thì hộ thân kẻ khác, 03 biến thì làm Giới Trường, 04 biến tùy mình tự tưởng làm Giới Tưởng và loài oán ác chẳng thể vào, 05 biến thì loài 02 chân loài 04 chân đều bị Chú đánh ngã, 06 biến được vào rừng Thi Đà, 07 biến thì chúng sinh yêu mến chẳng khởi niệm ác với mình.

Lại có Pháp: lấy chỉ màu xanh, chú 01 biến thì gút 01 gút, như vậy 07 gút thì cột dưới rốn quấn quanh eo lưng của thân mình thời trừ được bệnh trĩ và bệnh kiết lị. Buộc ở cổ thì trừ được tất cả các bệnh. Người bị thuốc độc, Chú vào cũng trừ khỏi. Nếu có người bị chết, chú vào nước rồi rưới vẩy lên liền sống lại. Nếu bị gánh trách nhiệm của người khác, lấy 01 bụm nước, Chú vào bảy biến rồi tự uống, chú vào kẻ bị gánh trách nhiệm thì người bị chết liền sống lại. Nếu chẳng đứng dậy được thì Chú 14 biến liền đứng dậy, cho đến bị hại bởi chất độc của Đức Xoa Ca Long Vương thì cũng khỏi ngay.

Lại lấy Xương Bồ, Chú 07 biến rồi buộc ở khuỷu tay liền được thẳng (vượt hơn) ngay tại chỗ.

Chú vào sợi chỉ 07 biến rồi đeo trên cánh tay thì kẻ khác tự hợp các chất độc đem đưa cho ta cũng chẳng thể làm hại được. Tất cả người nhìn thấy chẳng dám đánh, nếu bị độc của người khác cũng có thể trừ khử được.

Chú Đa La này được tất cả chúng sinh cung kính . Ở trong Tỉnh Thất đặt Tượng Quán thế Âm . Treo hoa sen, phượng, lọng, đốt Trầm Thủy Hương; 01 ngày 01 đêm hành đạo, tụng Chú 7000 biến dừng để cho tâm bị tán loạn. Nếu muốn diệt tội, ở trước Tượng quỳ dài xưng niệm, dùng hương hoa cúng dường, tụng 1000 biến



sẽ diệt tội nặng trong vạn kiếp Sinh tử. Tụng Chú, chú vào tất cả người bệnh thì họ liền khỏi.

Nếu muốn Văn Trì (nghe giữ) chẳng quên, lấy Xương Bồ lột bỏ da, khắc ghi từng lông. Thoạt tiên dùng tay nắm lấy, tụng Chú 40 biến xong đặt giữa ống chân của tượng Quán Thế Âm, Hành Đạo một vòng tụng một Chú, chú 30 biến thì chéo tay lấy một lông, liền ra cửa chẳng cần nhiều lời. Như vậy mỗi ngày 01 lần như trên trải qua 40 ngày cho đến hết lông cây liền được Văn Trì. Hãy cẩn thận, chẳng được nhìn thấy Tang Hiếu khóc than . Nếu nhìn thấy liền bị mất.

Nếu muốn thấy Quán Thế Âm Bồ Tát . Ở trong Tĩnh Thất, dùng đất màu vàng làm Đàn, trên Đàn đặt một chén đèn; đèn được thắp bằng bơ. Lại lấy cái chén bằng bạc đựng Thạch Mật hoặc nước sạch, bên trên rải hoa hồng che phủ. Tắm gội sạch sẽ, kiên trì Trai Giới, ở trong thất tụng 1000 biến thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền đến, ắt nhìn thấy hào quang, tướng lạ . Tùy theo cầu nguyện điều gì, Ngài liền ban cho.

Lại có Pháp: chú vào roi ngựa với cây gậy, 03 lần vạch trên đất thì mặt đất sẽ tuôn nước.

) Quân Đổ Lỗ Hương (tức là Huân Lục Hương)

) Đà La Ni Nhiếp (11) tróc tương lai, phộc (5) lạc (6) lực (6) Sá ha.

) Chú này tùy Tâm dùng nhiếp Quỷ – Một Ấn này, sư Trí Thông ở nơi Thầy Tam Tạng Huyền Trang Pháp Sư gần gũi thọ nhận . Thầy Tam Tạng biết Ấn Quyết này nên truyền cho sư Trí Thông.

) Ở nước Trung Thiên Trúc có Trưởng Niên (? Trưởng lão) Bạt Tra Na La Diên và nước Kế Tân có Sa môn Hạt La Na Tăng Già đồng ở 03 Mạn Trà La Hội thọ trì Pháp này. Sau đó nhận Sắc Triệu vào Kinh . Lại có Tăng Trí Thông ở Chùa Đại Tổng Trì nghe giải phiên dịch , cùng với 10 vị Đại Đức cầu xin Ấn Pháp này để lưu truyền phiên dịch. Sư Thông y theo làm Đàn, trải qua 49 ngày như Pháp thọ trì, nguyện đều mãn túc, uy lực đã khác với ngày thường, cũng chẳng dám lưu truyền ở đời. Cũng có 100 vị Tăng tụng Chú Sư ở bên cạnh Thầy Thông cầu học Pháp này mà rất ráo chẳng hành. Số người được Ấn Pháp chẳng quá 03 vị. Thầy Thông tác Pháp này thì Quán Thế Âm Bồ Tát tự hiện thân, từ bên ngoài chẳng có thể thuật đủ.

Y theo Phạn Bản dịch ra, tổng cộng có 47 món . Về sau người đồng hành thỉnh y Pháp tôn sùng. Chú Văn tuy ít mà Công Đức thì nhiều, rộng nói hết kiếp cũng chẳng nói hết được.

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÙY TÂM CHÚ KINH ( Hết )

Hiệu chỉnh xong vào ngày 20/06/2008

Mật Tạng Bộ 3 \_ No.1103B (Tr.463 \_Tr.470)

## QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT ĐẤT PHỘC ĐA LỊ TÙY TÂM ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Đời Đường- Chùa Tổng Trì \_ Sa Môn TRÍ THÔNG  
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Bạc Già Phạm ngự tại Thế Giới Cực Lạc. Bấy giờ Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát đi đến nơi Phật ngự rồi bạch Phật rằng:”Thế Tôn ! Con có **Tùy Tâm Tự Tại Tâm Vương Đà La Ni** hay vì tất cả chúng sinh đời vị lai làm lợi ích lớn.

Thế Tôn ! Nếu có **Bật Sô, Bật Sô Ni, Ưu Bà Tắc, Ô Bà Tư Ca** thọ trì **Đà La Ni** này sẽ mau chóng thành tựu Tam Ma Địa Môn, mau chóng thành tựu các **Đà La Ni Môn** , khiến cho nghiệp chướng của vô lượng vô biên Thế Giới đều được thanh tịnh, tăng trưởng căn lành, gom chứa vô lượng vô biên tư lương phước đức, hay sinh vô lượng vô biên Trí Tuệ, hay vượt qua cảnh giới thần thông vào phương tiện, khéo tăng đầy đủ sáu Ba La Mật. Tăng trưởng: Sức lực, Vô sở úy, 18 Bất Cộng của tất cả Bồ Tát; Thánh Đế, Thần Túc, Căn, Lực, Giác Đạo của La Hán ; được Định Duyên Giải Thoát Tam Muội Tam Ma Bát Đề. Hay khiến cho bậc Kiến Giả, Thanh Văn, Duyên Giác chứng nơi Phật Địa...thành tựu Trí Tuệ , sức uy đức đã tu . Thành tựu thông minh, phước đức, cát tường. Siêng tinh tiến kinh hành cho đến đầy đủ Biện Tài, bay trên hư không, ẩn hình tự tại, địa vị của Trì Chú Tiên. Đầy đủ niềm vui của Thế Gian, nhiều tiền của giàu có. Thành tựu Hiền Bình, Như Ý, An Thiện Na. Chữa trị tất cả bệnh đau nhức, Quỷ My đều hay trừ khỏi. Tiêu diệt tai địch, hay thành tất cả việc lành, hay diệt tất cả tội chướng, khéo hay thành tựu vô lượng vô biên **Đà La Ni Tam Muội**, được Pháp Yếu tối thắng rộng lớn”

Liền nói **Đà La Ni** là:

- 1\_ **Nãṅg mô la đát-na đát-la đả gia**
- 2\_ **Nãṅg mô a lị-gia**
- 3\_ **Phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la gia**
- 4\_ **Mạo địa tát đát-phộc gia**
- 5\_ **Ma ha tát đát-phộc gia**
- 6\_ **Ma ha ca lô ni ca gia**
- 7\_ **Đát nễ-đả tha**
- 8\_ **An , đa lị, đa lị. Đốt đa lị**

9\_ Đốt đốt đa li, đốt li

10\_ Sa-phộc ha

ॐ नमो रत्नत्रयै  
ॐ नमो अर्या अलोकितेश्वर्या बोधिसत्त्व्या , महा  
सत्त्व्या , महा करुणिक्या  
नमो उं नरनरं उरं उरं उरं

NAMO RATNATRAYAYA

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITE'SVARAYA BODHISATVAYA , MAHÀ  
SATVAYA , MAHÀ KÀRUṆIKAYA

TADYATHÀ: OM \_ TÀRE TÀRE TUTTÀRE TUTUTÀRE TURE \_  
SVÀHÀ

Thế Tôn ! Pháp Đà La Ni này thường làm nơi cúng dường, cát tường, ca ngợi  
lễ bái của tất cả hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Đát Bà, A Tô La, Ca Lô La,  
Khẩn Na La, Bộ Đa Na, Tất Xả Đa, Câu Bàn Trà, La Sát Sa, 7 Diệu, chư Bát Đạt  
Na, Tỳ Na Dạ Ca... Thường làm cho Phạm Vương Hộ Thế , các Tiên Chúng, Thành  
Tựạ Đà La Ni Tiên cúng dường tùy hỷ tin nhận gia trì đắc được Phạm Hạnh thanh  
tịnh. Xưng tán, cung kính, tôn trọng, cúng dường, tất cả điều Thừa Sự đều khiến  
cho mãn túc”

Khi ấy Quán Thế Âm Bồ Tát lại nói Pháp Thọ Trì :

Nếu có người thọ trì Đà La Ni này, cần phải tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới  
sạch, thọ Luật Nghi, trụ vào Tâm Từ. Dùng Đại Bi, Ý lạc (niềm vui của ý) , lời  
chân thật trừ bỏ tham lam trái lẽ. Đối với chúng sinh, sinh tâm lợi ích. Ý vượt trội  
an vui, buông bỏ tâm Sân Dục. Thường nên ghi nhớ đừng để cho cắt đứt, tác cúng  
dường rộng lớn. Ở trước Tượng Quán Tự Tại Bồ Tát rải hoa, hương bột, vòng hoa,  
dầu thơm, phướng, phan, lọng báu trang nghiêm. Ở trước tượng Bồ Tát , một lòng  
bền chắc sinh ý tin hướng về Quán Tự Tại Đa Lị Tùy Tâm Đà La Ni, mỗi ngày  
tụng 1008 biến chẳng để gián đoạn. Mãn 30 vạn biến xong thì tất cả việc đã làm  
đều được thành tựu, gom chức công đức, chẳng bị nước lửa cuốn thiêu, tất cả việc  
độc ác chẳng thể xâm hại được.

Nếu vì bốn Chúng mà nói Pháp đều nên đốt hương, tụng Đà La Ni này 7 biến  
thì hay khiến cho điều nói ra được thông lợi không có chướng ngại, biện tài không  
sợ hãi. Lại khiến cho mọi việc Chú Trớ, tất cả Yểm Mỵ của tất cả Thiên Ma,  
Ngoại Đạo chẳng thể gây hại được, tăng trưởng thọ mệnh, hết thảy nguyện cầu tùy  
tâm đều được.

Người tu Chân Ngôn nên biết như vậy: Mỗi mỗi y theo lúc trước, mỗi khi vào  
Đạo Trường nên ở trước Tượng, ngồi Kiết Già rồi tác Gia Trì, kết Liên Hoa Căn  
Bản Ấn tụng Chân Ngôn lúc trước, tùy theo Phạm Âm của tình hình thực tại mà  
cúng dường, âm thanh điều hòa như từ trong miệng Bản Tôn tuôn ra nhập vào  
trong thân của Hành Nhân. Ở trước Tòa ấy nên quán có hoa sen lớn, trên hoa  
tượng có chữ Đổ-long (𑖀 TÂM) chữ ấy biến thành hoa sen màu xanh cho đến  
biến thành Đa Lợi Bồ Tát (Tàrà Bodhisattva) với mọi thứ trang nghiêm, trên mão  
báu có Quán Tự Tại Vương Như Lai (Avalokite'svara ràjaya Tathàgata) , tay trái

cầm hoa sen xanh để ngay trên trái tim, tay phải ban cho các nguyện không sợ hãi. Lúc tụng niệm thì nên Quán như vậy. Chữ Chân Ngôn của Bản Tôn ấy ở trong vành trăng trong sạch xoay vòng bên phải như búi tóc giống như hạt châu thủy tinh bày ngay trong cái gương sáng. Ánh sáng tỏa chiếu trong ngoài rõ ràng, âm thanh như rung chuông dừng để bị cắt đứt, chẳng chậm chẳng gấp khiến vừa đủ nghe. Điều hòa hơi thở ra vào, an tường khảo xét ghi khắc. Như vậy mãn 30 vạn biến liền được thành tựu, các nguyện như ý. Khi ấy Quán Tự Tại Bồ Tát liền ở trong mộng thị hiện thân Tỳ Khưu, hoặc thân Bà La Môn, hoặc thân đồng nam đồng nữ, hoặc hiện thân quốc vương, hoặc hiện thân đại thần, hoặc hiện thân trưởng giả cư sĩ khen ngợi rằng:” Lành thay ! Lành thay Đại Sĩ ! Người đã hay nhiếp hộ Giáo Pháp. Sở nguyện thành tựu của người muốn được mong cầu như thế nào?”. Lúc đó Hành Giả đã tu nguyện gì cần phải mới ra, liền được thành tựu tất cả quả báo cát tường.

## **\_ ÁN PHÁP THỨ HAI:**

### **1\_ Tổng Nhiếp Thân Án** thứ nhất:

Hai tay đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều hướng ra ngoài cài chéo nhau rồi chấp tay lại, bên phải đè bên trái, ngón trở nắm dính lưng bàn tay, hai ngón cái đều kèm đứng song song dính nhau. Chú là:

Tụng Chú lúc trước 7 biến, tùy tâm sở tác đều được thành tựu

### **2\_ Triệu Thỉnh Án** thứ hai:

Đem tay phải hướng về phía trước nắm cổ tay trái, đặt trên đỉnh đầu, đưa 4 ngón của tay trái qua lại. Chú là:

**Án\_ Tát bà bồ đề tát đỏa phộc gia, di hê yên hê, sa phộc ha**

ॐ स्र्व षुद्धिस्तु ॐ ह्रीं ह्रीं

OM \_ SARVA BODHISATVÀYA EHYEHI SVÀHÀ

Án Chân Ngôn này. Thiêu đốt An Tát Hương, tụng 7 biến, thỉnh Bồ Tát liền đến. Về sau muốn tụng Đa Lợi Tâm Chân Ngôn, trước tiên tác Pháp này

### **3\_ Liên Hoa Đài Án** thứ ba:

Hai tay cùng hợp nhau, ngửa lòng bàn tay hướng lên trên, các ngón đều hơi co như hình hoa sen hé nở. Liền tụng Chân Ngôn là:

**Án\_ Tát bà bả la ty sắt-tra bồ đà na, sa-phộc ha**

ॐ स्र्व पुष्पवृक्षस्तु ॐ ह्रीं ह्रीं

OM \_ SARVA PRATIṢṬA BODHÀNÀM SVÀHÀ

Chân Ngôn Án này hay khiến cho vô lượng Bồ Tát đều đến tập hội

### **4\_ Hoa Án** thứ tư:

Tay phải; Đem ngón cái vịn trên móng ngón vô danh, co thẳng 3 ngón còn lại. Lại đem tay trái phụ bên dưới tay phải. Chân Ngôn là:

**Án\_ Tát bà bả gia, bố sắt bà già gia, sa-phộc ha**

ॐ स्र्व पद्म पुष्पस्तु ॐ ह्रीं ह्रीं

OM \_ SARVA PÀYA PUṢPAYÀYA SVÀHÀ

Chân Ngôn Án này hay cảm được 8 Bộ Trời Rồng đều đến cúng dường.

### **5\_ Hương Thủy Án** thứ năm:

Hai tay đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều nắm ngón cái như Quyền pháp. Hợp cổ tay để 2 ngón trở cùng dính nhau. Tụng Chân Ngôn là:

**Ân , tát bà ô đà ca gia la xà, sa-phộc hạ**

ॐ मङ्कलशङ्कराय नमः

OM \_ SARVA UDAKÀYA RÀJA SVÀHÀ

Chân Ngôn Ấn Pháp này cúng dường hằng hà sa chư Phật Bồ Tát

**6\_ Hộ Thân Ấn** thứ sáu:

Trước tiên chấp hai tay lại, co ngón út sao cho móng ngón chung lưng, 2 ngón cái phụ 2 ngón trở, 3 ngón còn lại hợp đầu ngón cùng trụ nhau. Hơi mở lòng bàn tay rồi đặt trên đỉnh đầu, đưa ngón trở qua lại. Chân Ngôn là:

**Ân, a li đa li, đô đa li, đô li, tứ lan noa dạ, yết la tỳ, la xoa la xoa mãng, tát bà đột bệ-dã, tát bồ bá đạt la tỳ bệ-dã, sa-phộc hạ**

ॐ हरे नमो भद्रं कुर्वते तुरे हरे (ॐ ह्रीं शुक्रे नमः मङ्कलशङ्करायः मङ्कलशङ्करायः नमः)

OM HÀRE TÀRE TUTTÀRE TURE HIRANYAGARBHE RAKṢA RAKṢA MÀM \_ SARVA DUḤKHEBHYAḤ SARVA UPADRAVEBHYAḤ SVÀHÀ

Chân Ngôn này tụng mãi 10 vạn biến, giáng phục tất cả Cổ Đạo (đường lối xấu ác), trừ tất cả bè nhóm của các Ma và Ngoại Đạo khiến chúng chẳng thể gây hại và dùng Hộ Thân. Lại tác Ấn này, tụng Tâm Chân Ngôn lúc trước, ở trước Tháp Xá Lợi, chí tâm phát lộ sám hối thì tiêu diệt được mọi tội.

**7\_ Khẩu Ấn Chân Ngôn** thứ bảy:

Dựa theo Tâm Ấn lúc trước, chỉ sửa 2 ngón cái, co vào trong lòng bàn tay và đè trên lóng 2 ngón út. Chân Ngôn là:

**Ân, tỳ bà thí già già, sa-phộc ha**

ॐ त्रिचण्डिकाय नमः

OM \_ VIPA'SIYÀYA SVÀHÀ

Chân Ngôn Ấn này ấn lên miệng, tụng Chân Ngôn thời trừ được tất cả tội chướng của Khẩu Nghiệp.

**8\_ Đại Sám Hối Ấn Chân Ngôn** thứ tám:

Trước tiên tay phải : Đem ngón cái vịn trên móng ngón giữa, duỗi thẳng 3 ngón còn lại. Tay trái cũng vậy, đem ngón cái phải đè trên ngón cái trái để ngay trước trái tim. Chân Ngôn là:

**Ân, tát bà bồ đà mạo địa tát đa-phộc gia, sa-phộc ha**

ॐ मङ्कलशङ्कराय नमः

OM \_ SARVA BUDDHA BODHISATVÀYA SVÀHÀ

Ấn Chân Ngôn Sám Hối này hay trừ tất cả nhóm Nghiệp Chướng, hết thấy tội đều tiêu diệt

**9\_ Truy Hoán Nhất Thiết Đại Lực Quỷ Thần Thiên Long Bát Bộ Ấn** thứ chín:

Đem tay phải đè trên lưng tay trái, hướng 4 ngón xuống dưới cùng cài chéo nhau, đưa 4 ngón của tay phải qua lại. Chân Ngôn là:

**Ấn, câu lỗ đà, tát bà đề bà gia, sa-phộc ha**

ॐ क्रोध सर्व देवया स्वहा

OM KRODHA SARVA DEVAYA SVÀHÀ

**10\_ Đại Kết Giới Tịch Trừ Tần Na Dạ Ca Ấn Chân Ngôn** thứ mười:

Đem ngón vô danh phải cài ngược trên lưng ngón vô danh trái, ngón cái phải móc lấy ngón út trái ở trong lòng bàn tay trái đè trên móng ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh của tay trái. Ngón trỏ phải và ngón út trái cùng dính đầu ngón. Ngón cái phải đè trên lưng ngón giữa trái, vặn cổ tay phải. Chân Ngôn là:

**Ấn, tát bà được xoa, la sát sa na, bàn đà bàn đà, sa-phộc ha**

ॐ सर्व यक्ष रक्षसं वृ वृ वृ वृ स्वहा

OM SARVA YAKṢA RAKṢASANĀM BANDHA BANDHA SVÀHÀ

**11\_ Tỳ Tâm Ấn Chân Ngôn** thứ mười một:

Dựa theo Ấn Kết Giới lúc trước chỉ sửa ngón trỏ phải và ngón út trái cùng cách nhau khoảng bảy thốn. Tác Ấn này, tụng Tỳ Tâm Chân Ngôn lúc trước thì ước nguyện đều đạt được

**12\_ Độ Ma Vương Ba Tuần Nhập Đạo Ấn** thứ mười hai:

Tay phải: đem ngón giữa, ngón vô danh cùng co dính ngay trong lòng bàn tay, dựng thẳng ba ngón còn lại, duỗi lòng bàn tay hướng về lòng ngực. Tay trái cũng vậy đưa lòng bàn tay hướng ra ngoài. Tác Ấn này thời Ba Tuần (Marapapiya) thống lãnh các Đồ Chúng đều mộ nhập vào Đạo, đỉnh lễ dưới chân. Tụng Bản Chân Ngôn lúc trước.

**13\_ Giáng Phục Ngoại Đạo Lục Sư Ấn** thứ mười ba:

Dựa theo Ấn trước chỉ sửa ngón cái vịn trên móng ngón vô danh và ngón giữa. Tác Ấn này thời Lục Sư quy phục. Cũng tụng Bản Chân Ngôn

**14\_ Bồ Tát Ngũ Nhãn Thanh Tịnh Chân Ngôn Ấn** thứ mười bốn:

Hai tay đem 2 ngón cái vịn 2 ngón trỏ, kèm cứng 2 ngón giữa sao cho đầu ngón dính nhau, 2 ngón vô danh đè trên móng 2 ngón út. Khấn mở chính giữa rồi đặt trên vầng trán. Chân Ngôn là:

**Ấn, tát bà chúc sô, đà la già la gia, sa-phộc ha**

ॐ सर्व यक्ष गृक्षय स्वहा

OM SARVA CAKṢU TÀRĀJVALĀYA SVÀHÀ

Tác Ấn Chân Ngôn này thời được nhìn thấy chúng sinh trong sáu nẻo xa lìa khổ được giải thoát

**15\_ Thí Cam Lộ Ấn** thứ mười lăm:

Tay trái đem ngón trỏ và ngón cái cùng vịn nhau, dựng thẳng ba ngón còn lại hướng ra ngoài. Lại rũ bàn tay phải hướng xuống dưới, duỗi thẳng năm ngón. Pháp **Thí Cam Lộ** này khiến cho chúng sinh trong 6 nẻo thấy đều no đủ được giải thoát. Cũng tụng Bản Chân Ngôn.

**16\_ Phòng Nạn Ấn** thứ mười sáu:

Tay phải: ngón cái cài cạnh sườn bên phải ngón giữa, hướng về phía sau, 4 ngón còn lại nắm quyền. Tay trái cũng vậy, hướng về phía trước Nộ Tý (cánh tay giận dữ) . Tác Ấn này xong, tụng Chân Ngôn là:

**Ấn, tát bà đồ sắt-tra gia, sân đà sân đà, sa-phộc ha**

ॐ सर्व इष्टय कष्टकष्ट सदन

OM SARVA DUṢṬĀYA CCHINDHA CCHINDHA SVĀHĀ

**17\_ Tự Tại Ấn Chân Ngôn** thứ mười bảy:

Hai tay trái phải cùng cài ngược 4 ngón với nhau, lại để 2 ngón trở dính nhau, 2 ngón cái cách nhau hướng lên trên dựng thẳng. Chân Ngôn là:

**Ấn, tát bà bồ đà đá la gia, ma la gia, sa-phộc ha**

ॐ सर्व बुद्ध गृह्य वृष्ट्य सदन

OM SARVA BUDDHA TĀRĀYA BALĀYA SVĀHĀ

**18\_ Tam Muội Ấn** thứ mười tám:

Ngồi Kiết Già ngay thẳng, đem lòng bàn tay trái đỡ lưng bàn tay phải cùng đè nhau để ngang trái tim, tụng Tâm Chân Ngôn lúc trước, liền được hay nhập vào Diệt Tận Thiền Định Tam Muội

**19\_ Triệu Diễm Ma Thiên Vương Ấn** thứ mười chín:

Đem 2 ngón út cùng móc ngược nhau, bên phải đè bên trái. Co 2 ngón giữa 2 ngón vô danh đều đè trên móng 2 ngón cái. Dựng thẳng 2 ngón trở cách nhau 5 thốn, đưa ngón trở qua lại. Chân Ngôn là:

**Ấn, tát bà diễm ma la diễm, đệ tỳ-gia, sa-phộc ha**

ॐ सर्व यम ईश्वर्य सदन

OM SARVA YAMA RĀJĀDEVYA SVĀHĀ

Tác Chân Ngôn Ấn này thời muốn biết tội nhân có số lượng nhiều ít, hỏi họ tên người ấy thì vua (Diêm La) tự áp lãnh các Quan từ hư không đi đến báo đầy đủ cho Hành Nhân biết

**20\_ Triệu Tứ Thiên Vương Ấn Chân Ngôn** thứ hai mươi:

Hai tay đem 4 ngón cùng cài ngược nhau. Co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay khiến che dấu đầu ngón, đưa ngón trở qua lại. Chân Ngôn là:

**Ấn, tát bà đề bà, yết la ha na, sa-phộc ha**

ॐ सर्व इव वदन् सदन

OM SARVA DEVA GRAHĀṆAM SVĀHĀ

Tác Ấn này thời 4 vị Thiên Vương cùng đến một lúc, Hành Nhân hỏi việc của 4 thiên hạ thấy đều cho biết.

**21\_ Thanh Tĩnh Trì Giới Ấn** thứ hai mươi một:

Quỳ gối phải sát đất, ngẩng đầu hướng lên trên, chắp tay ngang trái tim, lại đem 2 ngón trở đè lóng thứ nhất trên lưng ngón giữa, 2 ngón cái đều phụ bên cạnh 2 ngón trở. Chân Ngôn là:

**Ấn, tát bà ba la đề được khất-xoa, tứ-lật đà na, sa-phộc ha**

ॐ सर्व प्रसक्त हृदय सदन

OM SARVA PRATIMOKṢA HRDAYA SVĀHĀ

Tác Ấn Chân Ngôn này thời tất cả loại chúng sinh trong vô lượng vô biên Thế Giới đều được **Giới Thanh Tĩnh**

**22\_ Tùy Thân Ấn Hình Nhập Đạo Ấn Chân Ngôn** thứ hai mươi hai:

Tay phải: đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh, ngón giữa, dựng thẳng ngón trỏ và ngón út. Tay trái cũng vậy. Dem ngón cái phải từ dưới hướng lên trên nhập vào lòng bàn tay trái móc lấy ngón giữa và ngón vô danh của tay trái, bên phải đè bên trái. Chân Ngôn là:

**Ấn, câu lệ dạ đế, tát bà ca lệ gia, sa-phộc ha**

ॐ कुलियसु सरवा कालिया स्वहा

OM KULIYASU SARVA KÀLIYA SVÀHÀ

**23\_ Hoán (kêu gọi) Ngũ Thông Đẳng Tiên Nhân Ấn** thứ hai mươi ba:

Hai tay đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều nắm quyền, 2 tay cùng hợp nhau, 2 ngón cái đều phụ bên cạnh ngón giữa, đưa ngón trỏ qua lại. Chân Ngôn là:

**Ấn, tát bà cật lệ-đa trí-gia, yết ma bà gia, cù đá duệ, sa bà ha**

ॐ सरव कृत्या कर्म भया कुतये स्वहा

OM SARVA KṚTAṢYA KARMA BHAYA KUṬṬÀYE SVÀHÀ

Tác Ấn Chân Ngôn này thời tất cả Tiên Nhân được hô hoán đều đến, hỏi việc của Tiên Nhân ấy thì mỗi mỗi đều nói đủ.

**24\_ Quán Đỉnh Thanh Tĩnh Ấn Chân Ngôn** thứ hai mươi bốn:

Dựa theo Ngũ Thông Ấn lúc trước, chỉ sửa 2 ngón trỏ đều đè đầu 2 ngón cái sao cho 2 ngón trỏ dính nhau, lại dựng thẳng 2 ngón giữa dính đầu ngón, hướng trên đỉnh đầu đặt Ấn. Chân Ngôn là:

**Ấn, đề kiến bà, mộ đá la, tăng kiến, sa ha**

ॐ (ॐ) देवि सुखं मयि भवेत् स्वहा

OM 'SIKYÀVAT MUDRA SAMKAN SVÀHÀ

Nếu làm Đại Man Đà La Đạo Trường thời dùng Ấn này, tụng Chân Ngôn Quán Đỉnh vô biên chúng sinh đều được thanh tịnh.

**25\_ Thủy Nạn Ấn** thứ hai mươi lăm:

Hai tay: đem ngón giữa, ngón vô danh cùng cài chéo nhau, bên phải đè bên trái, dựng thẳng 2 ngón trỏ và 2 ngón út cùng dính đầu ngón, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay. Chân Ngôn là:

**Ấn, ô đà già, tát bà đệ bà ô đà già, sa-phộc ha**

ॐ उदारा सरव देव उदारा स्वहा

OM UDAJA SARVA DEVA UDAJA SVÀHÀ

Tác Ấn này thì nước chẳng thể cuốn trôi, chư Thiên quy phục

**26\_ Hỏa Nạn Ấn** thứ hai mươi sáu:

Dựa theo Thủy Nạn Ấn lúc trước, chỉ sửa 2 ngón trỏ 2 ngón út đều cách nhau khoảng một thốn. Chân Ngôn đồng với Thủy Nạn Chân Ngôn lúc trước. Hay khiến cho lửa chẳng thể đốt cháy, chư Thiên quy phục.

**27\_ Phong Nạn Ấn** thứ hai mươi bảy:

Dem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải cài vào trên lưng ngón vô danh (?ngón giữa) của tay trái. Hai ngón trỏ ngón út tùy nhập vào đè trên lưng ngón vô danh với ngón giữa của tay phải. Ngón trỏ và ngón út đè trên lưng ngón giữa, ngón vô danh của tay phải và ló ra. Dựng thẳng 2 ngón cái cách nhau, ngược lòng bàn tay hướng ra ngoài. Dùng Thủy Nạn Chân Ngôn.





Tác Ấn Chân Ngôn này , tụng 10 vạn biến thì tất cả chúng sinh có việc sợ hãi đều được sự không sợ hãi.

### **33\_ Phòng Độc Nạn Ấn Chân Ngôn** thứ ba mươi ba:

Hai tay 4 ngón cùng cài ngược nhau, 2 ngón cái cùng trụ nhau, ngược lòng bàn tay hướng ra ngoài. Chân Ngôn là:

**Ấn, bả la già xá dạ diên, bàn đà bàn đà, sa-phộc ha**

ॐ བཤམ་པོ་ལྷོ་ལྷོ་ལྷོ་ལྷོ་ སྐྱེ་མེད་

OM PRAKṢĀYATI BANDHA BANDHA SVĀHĀ

Nếu vào núi, cốc. Tác Ấn này thời tất cả rắn độc , cạp, sói, sư tử , các cầm thú độc chẳng thể gây hại, tất cả thuốc độc chẳng thể gây hại.

### **34\_ Cầu Thông Minh Ấn Chân Ngôn** thứ ba mươi bốn:

Hai tay đem ngón cái đều vịn trên móng ngón vô danh, kèm dựng thẳng 2 ngón út nắm bên cạnh 2 ngón giữa dính đầu ngón, co 2 ngón trở đều phụ trên vạch thứ hai cạnh ngón giữa sao cho 2 đầu ngón cách nhau một thốn.

Tác Ấn này xong, ở ngay trước trái tim, cũng tụng Tỳ Tâm Chân Ngôn. Nếu người Độn Căn vì tác Ấn này cúng dường cầu nguyện ắt được như nguyện. Xưa kia ở nước Pha Lê có một vị Trưởng Giả , nhà tuy giàu có lớn mà tính thuộc độn căn, nhờ vị Thầy y theo Pháp cầu nguyện 7 ngày thì được thông minh, một ngày tụng ngàn bài Kệ. Tự chứng nghiệm khác chẳng thể trình bày đủ

### **35\_ Phá Địa Ngục Ấn** thứ ba mươi lăm:

Hai tay đem 2 ngón giữa ngón, vô danh co chung lưng trong lòng bàn tay trái. Hai ngón cái, ngón trở, ngón út cùng cách nhau khoảng nửa thốn. Cũng tụng Căn Bản Chân Ngôn lúc trước.

Tác Ấn này thời cửa Địa Ngục mở ra, chúng sinh đang chịu khổ một thời được giải thoát. Vua Diêm La ấy sinh tâm vui vẻ. Vì Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Từ Đại Bi thương xót chúng sinh nên dạy Pháp Ấn này.

### **36\_ Cầu Sinh Tinh Thổ Ấn** thứ ba mươi sáu:

Chấp hai tay để ngay trái tim, kèm 2 ngón cái trụ trên trái tim. Tụng Căn Bản Chân Ngôn.

Tác Ấn này thời vì tất cả các hàng chúng sinh. Lúc lâm chung tác Pháp Ấn này, một lòng tụng Chân Ngôn , tùy lòng vui muốn sinh về cõi Phật nào ắt tùy ý vãng sinh

### **37\_ Cứu Nhất Thiết Bệnh Khổ Chúng Sinh Ấn** thứ ba mươi bảy:

Đem 2 ngón trở cùng móc 2 ngón giữa, bên phải đè bên trái, 2 ngón cái đều co trong lòng bàn tay trái. Hai ngón vô danh, ngón út đều vịn 2 ngón cái, hướng lòng bàn tay vào bên trong. Tụng Căn Bản Chân Ngôn lúc trước

Nếu có tất cả chúng sinh bị bệnh khổ, vì tác Pháp Ấn này nên hết thảy bệnh khổ của vô lượng chúng sinh đều được trừ khỏi

### **38\_ Thủ (Lấy) Địa Trung Phục Tàng Ấn** thứ ba mươi tám:

Hai tay đem 4 ngón cài ngược nhau trong lòng bàn tay, kèm 2 ngón cái hướng xuống dưới chạm mặt đất ắt biết có nơi chứa vật báu (Bảo xứ)

Tác Ấn này xong, tụng Căn Bản Chân Ngôn 108 biến thì **Thất Bảo Thần** ấy một thời đều đến trả lời tùy theo câu hỏi.

### **39\_ Cầu Kiến Quán Thế Âm Ấn** thứ ba mươi chín:

Đem 2 ngón vô danh với ngón út cùng cài ngược nhau, bên phải đè bên trái, kèm thẳng 2 ngón giữa cùng dính đầu ngón, đều co lỏng thứ hai và lỏng thứ ba của 2 ngón trở sao cho 2 móng ngón chung lưng, đem 2 ngón cái đè trên lỏng của 2 ngón trở, cũng tụng Căn Bản Chân Ngôn.

Tác Ấn này xong, chí tâm tụng Chân Ngôn, chuyên tâm chính niệm, khi ấy Quán Thế Âm sẽ hiện thân. Hành Nhân nhìn thấy xong, sám hối mọi tội, tiếp cầu thấy Phật.

### **40\_ Kiến Phật Ấn** thứ bốn mươi:

Dựa theo Ấn trước, chỉ sửa co 2 ngón trở nhập vào khoảng giữa của ngón vô danh và ngón trở phải, ngón giữa phải đè trên lưng ngón giữa trái. Chân Ngôn là:

**Đá diệt tha: Y lợi đa li, sa-phộc ha**

𑖦𑖩𑖰𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

TADYATHÀ: ILI TÀRE SVÀHÀ

Nếu tác Ấn này, tụng Chân Ngôn mãn 10 vạn biến thì mười phương chư Phật đều đến nghe Hành Nhân làm hành động gì, liền xoa đỉnh đầu thọ ký.

Thầy Thông ghi chú là: "Thông bị bệnh, trải qua 21 ngày chí cầu, tác Ấn Pháp này, hiện mong xoa đỉnh thọ ký. Việc này chẳng nên nói cho người khác chỉ tự mình biết thôi, sau đó tất cả Pháp đều được thành tựu. Tác Ấn này thời mỗi lúc có hương khói khác lạ bay đến. Nếu hay chuyên thành sẽ được thành Phật, chẳng thể luận bàn. Người đời nghe việc này chưa có thể sinh lòng tin, chỉ sợ kẻ sinh nghi bài báng nên chẳng muốn lưu truyền. Người đồng tu hành mới có thể biết. Chỉ tụng Căn Bản Chân Ngôn"

### **41\_ Tùy Tâm Thành Tựu Mãn Túc Lục Ba La Mật Ấn** thứ bốn mươi một:

Ngược hai tay hợp nhau, lưng chưởng cùng dính nhau, vặn cổ tay hướng ra ngoài. Để 2 ngón cái ở ngay tam tinh, hướng xuống dưới rưỡi. Chân Ngôn là:

**Đát diệt tha: Tát bà bồ đà gia, tát bà bạt la hiền nương ba la nhĩ đa duệ.**

**An, hạ bà hạ bà, sa-phộc ha**

𑖦𑖩𑖰𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿𑖦𑖩𑖰𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿𑖦𑖩𑖰𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿𑖦𑖩𑖰𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

TADYATHÀ: SARVA BUDDHÀYA SARVA PRAJÑÀ PÀRAMITÀYE OM HAVA HAVA SVÀHÀ

Tác Ấn này thời khởi Tâm Bồ Tát quán khắp tất cả các loài chúng sinh giống như con đờ. Tác niệm ấy xong, chí tâm tụng mãn 10 vạn biến. Do lực của Pháp này mà tất cả chúng sinh thấy đều đầy đủ 6 Ba La Mật, mãn túc sở nguyện, hằng ha sa hết thấy Thế Giới chư Phật Thế Tôn thấy đều vui vẻ.

### **42\_ Tùy Tâm Cụ Nhất Thiết Công Đức Ấn** thứ bốn mươi hai:

Tay trái: co ngón cái vào trong lòng bàn tay, 4 ngón còn lại nắm quyền, để bên dưới nách phải. Tay phải cũng vậy để bên dưới nách trái, bên phải đè bên trái. Tụng Căn Bản Chân Ngôn.

Tác Ấn Pháp này thời vô lượng chúng sinh thấy đều mãn túc tất cả Công Đức.

#### **43\_ Tỳ Tâm Thần Túc Ấn** thứ bốn mươi ba:

Tay phải: co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, ngón cái đè trên móng ngón giữa và ngón vô danh, duỗi thẳng ngón trỏ và ngón út. Tụng Chân Ngôn.

Tác Ấn này xong, đem xoa 2 lòng bàn chân thì trong một ngày đi được ngàn dặm.

Tác Ấn này thời Địa Thần (Prthivi devata) đem hoa sen 7 báu nâng đỡ bàn chân Hành Nhân, mắt thịt chẳng nhìn thấy được. Có điều phải sinh Tâm Từ Bi cứu hộ, đừng vì tự cầu danh tiếng lợi dưỡng ắt quyết định đều được vạn Thần phò trợ. Tụng Căn Bản Chân Ngôn.

**44\_ Tỳ Tâm Kỳ Nguyện** (cầu nguyện) **Ấn** thứ bốn mươi bốn” (Ấn của Thầy THÔNG):

Tay phải: co ngón cái hướng về lòng bàn tay, lại co ngón trỏ cách đầu ngón cái khoảng 4,5 phân; duỗi chung 3 ngón còn lại (Ngón giữa, ngón vô danh, ngón út) cùng nắm nhau. Đặt Ấn nằm ngang sao cho cạnh bên dính trên trái tim, hướng đầu ngón về bên trái. Tác Ấn này xong, tụng Căn Bản Chân Ngôn.

Nếu muốn cầu nguyện, trước hết làm một cái Thủy Đàn rộng 4 khuỷu tay. Treo các phướng, lọng, mọi thứ trang nghiêm. Ở trên Đàn ấy đặt **Tỳ Tâm Tượng**, bày các thứ cúng dường trước Tượng, tụng Chân Ngôn ấy cầu nguyện thành tựu.

#### **45\_ Tỳ Tâm Kỳ** (Cầu đảo) **Nhất Thiết Nguyện Ấn** thứ bốn mươi lăm:

Tay phải: co ngón cái hướng về lòng bàn tay, lại co ngón trỏ cách đầu ngón cái khoảng 4, 5 phân. Duỗi chung 3 ngón còn lại (ngón giữa, ngón vô danh, ngón út) cùng nắm nhau. Đặt Ấn nằm ngang sao cho cạnh bên dính trên trái tim, hướng đầu ngón về bên trái. Tác Ấn này xong, tụng Căn Bản Chân Ngôn.

\_ Nếu muốn cầu nguyện thời trước tiên làm một cái Thủy Đàn rộng 4 khuỷu tay; treo các phướng, lọng, mọi thứ trang nghiêm. Đặt Tượng **tỳ Tâm** ở trong Đàn ấy. Nên ở trước Tượng đặt bày 4 cái chén đều chứa đầy mọi loại hoa, đốt hương Trầm Thủy cúng dường.

Trước Tượng, chí tâm sám hối, tỳ Tâm cầu nguyện đảo thỉnh xong.

Trước Tượng tác Ấn, dùng áo Cà Sa che phủ hoặc dùng khăn sạch che trên Ấn ấy, chí tâm tụng Chân Ngôn mãn một vạn 108 biến (100108 biến) đừng theo duyên khác. Tụng Chân Ngôn xong, tỳ tâm ước nguyện đều được vừa ý.

Tỳ việc lớn nhỏ, một ngày cho đến 7 ngày tác Pháp, mỗi ngày 3 thời :Sáng sớm, giữa trưa, chiều tối y theo Pháp trước ắt được **Quả ước nguyện**, chỉ trừ kẻ chẳng chí tâm.

Nếu chẳng phải là Thiện Tri Thức đồng tâm cầu thỉnh thì chẳng được lưu truyền, nếu chẳng phải đúng người ấy thì thân gặp tai họa. Lại nữa người chưa vào Quán Đỉnh cũng chẳng được truyền.

**46\_ Tỳ Tâm Giải Thoát Nhất Thiết Thần Quỷ Kim Cương Đẳng Pháp Ấn** thứ bốn mươi lăm:

Hai tay hợp ngược nhau sao cho lưng bàn tay dính nhau. Tùy tâm sân nộ (giận dữ) tụng Căn Bản Chân Ngôn lúc trước 14 biến . Xong lật gấp 2 bàn tay thành Hợp Chưởng, lại tụng 7 biến rồi bung mở Ấn.

Tác Ấn Pháp thời hay phá tất cả các Pháp đều chẳng cho thành. Ấn này là **Quán Thế Âm Thành Đạo Giáng Ma Ấn** , chẳng phải Đại Thiện Tri Thức có cùng Tâm Hạnh hỏi thì đừng lưu truyền. Nếu chẳng đúng người mà hư vọng truyền ắt thân bị tai ương. Lại người chưa vào Đại Pháp Đàn Mạn Trà La Quán Đỉnh cũng chẳng được truyền.

**47\_ Quán Thế Âm Bồ Tát Tùy Tâm Mẫu Đà La Ni Ấn** thứ bốn mươi bảy: (Tam Tạng QUẬT ĐA dịch Ấn này)

Trước hết hai tay hợp nhau sao cho 10 đầu ngón tay ngang bằng nhau, để 2 cổ tay dính nhau đưa ngay trên chắp tay lại khiến cho lòng bàn tay trống không (Không Tâm Hợp Chưởng), tụng Căn Bản Chân Ngôn

**48\_ Tổng Nhiếp Ấn Chú** thứ bốn mươi tám:

Hai tay ngửa cổ tay cùng cài chéo nhau, ngón cái phải đè ngón cái trái, 8 ngón của 2 tay đều Cấp Nộ (gấp rút tức giận) nắm quyên. Chân Ngôn là:

**Ấn, tát bà na dữu đa mộ đà la gia, bàn đà bàn đà, sa-phộc ha**

ॐ स्र्व नयथ मद्रया बंधा बंधा स्वहा

OM SARVA NAYOTHA MUDRÀYA BANDHA BANDHA SVÀHÀ

**Tổng Nhiếp Ấn Minh** này đều hay nhiếp chung tất cả Ấn Pháp (Thầy TRÍ THÔNG nhận được Ấn này ở Ngòi HUYỀN TRANG)

*\*) Ngũ Nhân Thanh Tịnh Chân Ngôn:*

**Ấn, tát bà chước sô, đà la già la gia, sa-phộc hạ**

ॐ स्र्व क्शु तराज्वालया स्वहा

OM SARVA CAKṢU TÀRÀJVALÀYA SVÀHÀ

Mỗi ngày: sáng sớm thức dậy, tùy theo khả năng mà cúng dường. Ở trước Tượng chí tâm tụng Chân Ngôn mãn 10 vạn biến, xong rồi đi lại và chẳng tác Pháp khác thì tất cả sự mong cầu không có gì không vừa ý.

Bao nhiêu Cấm Chú của tất cả Ngoại Pháp , dùng Chú này đánh tan chẳng cho thành .Trước tiên tụng 30 vạn biến.

**Đa La Chân Ngôn Pháp** này là lực Thệ Nguyện của Đức Thánh Quán Âm. Giả sử trên thân có tội nặng 5 Nghịch mà hay y theo Pháp làm thì chúng đều được tiêu diệt. Nếu được một lần làm Pháp thọ trì thì sẽ được ứng nghiệm. Sau đó tùy tâm tụng 3 biến hoặc 1 biến đều được thành nghiệm.

\_ Quán Thế Âm nói về **Đàn Pháp trị liệu tất cả bệnh:**

Đàn vuông 3 xích (3 thước Tàu), cái Thành chính giữa (**Trung Thành**) vuông 2 xích, cái Thành bên trong (**Nội Thành**) vuông một xích, tất cả đều đào bỏ đất như uest rồi đem đốt sạch mà làm. Lấy bùn thấm chất nước thơm, lấp bằng phẳng rồi lau quét sạch sẽ. Đem bột gạo, mọi loại màu sắc của lụa tạp hòa với nhau làm Hoa Sen nâng đỡ Tượng Quán Âm. Ở Đàn trong Viện cuối cùng (**Tối Nội Viện Đàn**) trên 4 góc đặt 4 Tòa Thiên Vương , nên vẽ vuông vắn ở trên Đàn rồi làm .

Đốt mọi thứ hương thơm tối thượng diệu, hương Trầm Thủy thỉnh Phật Bồ Tát với các Thiện Thần, xong rồi rải hoa và ngõi xuống tụng Chân Ngôn 108 biến, liền nên phát nguyện **làm điều thiện** . Xong rồi lại đứng dậy đốt hương, nhiều quang Đản 3 vòng rồi lại ngõi xuống tụng Chân Ngôn 108 biến cho đến khi đủ một vạn biến. Liền đứng dậy ở vị trí bên cạnh của cửa Nam đọc Chân Ngôn vào cái bát khiến cho nó chuyển động liền biết ứng nghiệm.

Trước hết thọ trì Pháp Dụng. Nếu đi đến nơi khác trị bệnh thì tùy tâm tưởng niệm mà làm, tốt nhất hãy làm Đản thì trị bệnh mau chóng ứng nghiệm.

\_ Lại có Pháp **tác oan gia**: Lấy xương ống chân, vót làm 2 cái đinh (cái then) cầm tay, chú 1008 biến rồi để ở cửa thêm nhà Oan Gia 3 ngày thì oan gia tự lui. Nhỏ cây đinh đi thì quay trở lại, chẳng nhỏ cây đinh đi thì chẳng quay lại.

Ở Phật Pháp tác **chương nạn điều phục giả** (Pháp điều phục chương nạn) thỉnh lực ba Báu vào Phật Đạo. Nếu muốn được mau lìa khổ, nên lấy Khổ Luyện Tử , chú một biến ném vào trong nước, như vậy đủ 108 biến. Mỗi ngày riêng 3 thời, đủ 7 ngày ắt đều xa lìa , chẳng dám xâm phạm. Nếu muốn khiến cho người làm ác bỏ đi, như vậy tác Pháp, xưng tên họ người ấy.

\_ Lại có Pháp: Lấy 4 cái Thạch Tử, tùy ý lớn nhỏ, có thể chú 7 biến để ở 4 phương thì tất cả trộm cướp chẳng thể vượt qua được nhà ấy.

\_ Lại có Pháp: Lấy cái then bằng gỗ Đản Hương, chú 108 biến rồi đem theo người tùy đi. Hoặc nơi đến có đường lộ hiểm ác, lúc muốn nằm ắt tất cả cạp, sói, sư tử, loài chim thú... chẳng dám đến xâm phạm. Nếu muốn đi riêng, quay lại thì nhỏ cây đinh này . Vào ban đêm, nếu muốn nằm thì quay lại, lại dùng tĩn trừ tất cả ác.

\_ Lại có Pháp: Lấy đai áo, chú 21 biến thì hết thủy ác hướng đến mình đều tự an bình (ninh tức)

\_ Lại có Pháp: Chú vào chỉ ngũ sắc 7 biến, cứ một biến thì thắt một gút, rồi tự buộc vào cánh tay trái thì đều được thắng ở tất cả nơi tranh cạnh

\_ Lại có Pháp: Mất vật mà chẳng biết nơi chốn đã đánh rơi, đốt hương chí tâm tụng Chú 7 biến. Nằm ngủ đừng nói chuyện với người khác, tức ở trong mộng có vị Thần hiện đến nói đủ danh tính của người lấy, cũng nhìn thấy hình dạng của người đó, tức biết nơi giữ vật ấy, chẳng được Đạo Thuyết (nói bảo)

\_ Lại có Pháp:Chú vào Xương Bồ 7 biến rồi đưa lên mũi người thì chẳng buồn ngủ, hoặc chỉ ngủ say chút ít

\_ Lại có Pháp: Nếu bị trúng Cổ Độc, chú vào nước 7 biến rồi uống vào liền được trừ khỏi

\_ Lại có Pháp: Chú vào nước 7 biến rồi cho tất cả người bệnh ăn uống vào cũng vậy, ắt vạn bệnh được trừ khỏi

\_ Lại có Pháp: Nếu có người muốn hại mình. Lấy cây dao bằng thép già, chú 108 biến rồi chặt hình người ấy thì đi trên đường chẳng thể bị hại

\_ Lại có Pháp: Muốn cầu tiền bạc. Trong hai ngày 14,15 của kỳ Hắc Nguyệt, ngày ngày riêng ba thời lấy 2 loại mè đen (Ô ma) hoa gạo tẻ đốt trong lửa 1008 biến, một biến thiêu đốt một lần, liền được tài bảo như ý

\_ Lại có Pháp: Nếu có người giận nhau. Lấy chất cặn của mè đen, gạo tẻ, đường hòa với nhau rồi thiêu đốt, cứ một lần Chú thì một lần thiêu đốt, mãi 1008 biến tức đều vui vẻ

\_ Lại có Pháp: Chú vào phân của Bạch Hộc Linh (Con chim Chìa Vôi màu trắng) 21 biến rồi đem bôi xoa vào gông cùm thì tự nhiên được giải thoát

\_ Lại có Pháp: Nếu có người ác tâm. Ở trong Thất, tắm gội sạch sẽ, lấy một đấu rượu Chú 21 biến tức tùy ý triệu người ác đến, liền Chú 108 biến thì người ấy nghe hơi rượu liền tự nhiên say

\_ Lại có Pháp: Có các người ác đi đến. Lấy đất Chú 7 biến rồi rải chung quanh cái giường, ắt kẻ ấy chẳng thể gia hại, cũng hay miễn tất cả con muỗi (Không bị muỗi đốt)

\_ Lại có Pháp: Chú vào nước rải bốn phương kết Giới, Tâm trụ chính giữa thì tất cả các ác đều chẳng thể gây hại.

\_ Lại có Pháp: Nếu bị quan phủ với oan gia, người ác giận dữ. Miệng ngậm rễ cây Xương Bò, tụng Chú trong tâm, nên Nộ Tụng (Tụng một cách giận dữ) liền ngưng. Phàm tụng Chú hoặc đối với Trời hoặc tụng thầm, nhậm ý dụng lực đều khởi sắc tức giận (Sân sắc) động khí tụng gấp ắt chỗ làm đều ứng nghiệm.

\_ Lại có Pháp: Nếu có người ác, Cấp Tính Nhân, các quý nhân ác đồng tìm đến. Ở trong tinh thất, tắm gội sạch sẽ, chú vào đất 7 biến, hướng bốn phương rải tán ắt tất cả đều ngưng không còn sót, chẳng thể gây hại.

\_ Lại có Pháp: Nếu muốn trói giặc, tùy Tâm tụng Chú, nhìn vào giặc cướp, thời lấy tay áo đơn hoặc cổ áo, sai khiến độ 7 lần, cột gấp tay cầm, tụng Chú đi qua thì tất cả giặc trộm đều đứng yên.

\_ Lại có Pháp: Nếu có người ngang ngược, người dùng miệng lưỡi biện luận gây tội. Lấy rễ Xương Bò thiêu đốt thành tro, chú 108 biến rồi rải ở trong nhà người ấy thì kẻ lớn người nhỏ trong nhà tự tranh đấu với nhau, chẳng thể hòa giải. Lấy một thăng nước hoa dưới giếng (Tĩnh hoa), chú 21 biến, rải dính thì nhà đó liền yên.

\_ Lại có Pháp: Chú vào dao với gậy 7 biến. Nếu Hành Giả đi trong đêm thời dùng dao gậy vẽ lên mặt đất một vòng kín ắt tất cả thú ác, trộm cướp đều chẳng dám đến gần.

\_ Lại có Pháp: Người ác vọng dùng miệng lưỡi tăng thêm các tội. Vuết chép tên họ của người ấy lên giấy lụa rồi để dưới bàn chân. Người ấy muốn bày lý lẽ, ắt chẳng nói được. Muối giải thì bỏ tên dưới bàn chân, chú 7 biến thì trở lại như xưa.

\_ Lại có Pháp: Nếu giặc cướp đến lấn bức người. Chú vào nước 7 biến, ngậm nước trong miệng hướng về phương ấy phun ắt miệng, lưỡi, mũi, môi, bụng của người ác ấy đều như bị lửa đốt, liền ngưng việc cướp hại.

\_ Lại có Pháp: Phàm muốn tụng Chú. Trước tiên Chú Sư lễ Tam Bảo, lúc ấy tay cầm lò hương đứng trước mặt Phật, giữ niệm u hiển trong hư không và chú tưởng tám Bộ Trời Rồng. Nếu muốn biết được tàm lực, có mùi thơm lạ, liền tụng Chú. Hoặc cầm cành dương liễu phủi phất trên người bệnh ắt kẻ ấy khỏi bệnh.

\_ Lại có Pháp: Chú vào gỗ, than củi rồi thiêu đốt trong lửa ắt tất cả oan gia tự nhiên lui tan

\_ Lại có Pháp: Ở nơi thanh tĩnh, Chú vào cơm gạo tẻ, một ngày ba thời, đủ 7 ngày thì thấy mọi thứ tài bảo, mọi mong cầu đều được.

\_ Lại có Pháp: Chú vào Huân Lục Hương 3 biến rồi ném vào lửa đốt. Sáng sớm, giữa trưa, chiều tối, mỗi lần 7 biến sẽ khiến cho nhà người đều tràn đầy ngũ cốc

\_ Lại có Pháp: Lấy lông bò, một lần Chú một lần đốt, mãn 108 biến sẽ khiến cho người chẳng thể gần phụ nữ. Mỗi lần Chú thì một lần xưng tên người ấy tức hiệu nghiệm.

\_ Lại có Pháp: Nếu trị người nhiều lưỡi. Lấy bùn làm hình trạng người nhiều lưỡi ấy. Lấy cây vông làm cái then đóng, Chú vào 1008 biến rồi đóng trong miệng hình ấy, tức người đó chẳng nói được.

\_ Lại có Pháp: Bị rắn cắn sắp chết. Lấy nước sao chép Chú 7 lần rồi uống vào liền đứng dậy. Nếu chưa đứng được, liền Chú vào chỗ bị rắn cắn 14 biến liền khỏi.

\_ Lại có Pháp: Nếu người bị đau buốt đầu. Liền lấy nước thơm rửa đầu, rửa tay. Chú vào tay 14 biến, nghĩ nhớ đến chỗ đau ắt ngừng đau nhức.

\_ Lại có Pháp: Bị đau mắt, lấy nước hương Trầm Thủy rửa mắt, lại Chú 21 biến. Hoặc Huân Lục Hương, Thanh Mộc Hương, hoặc Cam Thảo ... đều chưng nấu làm nước nóng rồi rửa mắt, Chú 21 biến ắt được khỏi bệnh.

\_ Lại có Pháp: Nếu bị chuột phá quấy rối người, Chú vào tro 7 biến để trước hang chuột, liền Chú vào nước 7 biến rưới vào trong hang ổ cho đến làm 3 ngày thì chuột sẽ chạy ra không quay trở lại.

\_ Lại có Pháp: Muốn rửa mặt. Trước tiên lấy nước, Chú vào 7 biến sau đó rửa thì tất cả nơi đi qua, chẳng kể giàu hèn, người nhìn thấy đều vui vẻ, mong cầu như ý.

\_ Lại có Pháp: Muốn tất cả người ác khởi tâm Từ Bi. Chú vào thức ăn 21 biến rồi đưa cho người ấy ăn, sẽ biến ác thành tâm hiền lành (Tâm Từ)

\_ Lại có Pháp: Lấy một nắm đất, Chú 21 biến để dưới cửa nhà người ác, qua 7 ngày người ấy sẽ biến ác thành tâm lành.

\_ Lại có Pháp: Lúc bị phát bệnh sốt rét. Dùng nước rửa sạch cành dương liễu, ở bên cạnh người bệnh, tụng Chú 7 biến liền khỏi. Nếu người chẳng tin, muốn khiết phát bệnh lại, tụng Chú 7 biến thì người ấy liền phát bệnh chẳng thể tự giải.

\_ Lại có Pháp: Nếu người bị trúng bệnh chẳng nói được. Lấy lông chó, Chú 7 biến dùng xoa miệng người ấy thì kẻ ấy liền nói được.

\_ Lại có Pháp: Tất cả loại nhọt. Chú vào Tất Bát (lá Lốt) , cây gừng khô hoà với Mật rồi giã quết 108 biến, dùng xoa lên nhọt, liền khỏi.

\_ Lại có Pháp: Lấy cây gừng khô, hạt tiêu, lá Lốt. Đem các thứ trên chia thành hạt nhỏ. Hàng ngày lúc sáng sớm thức dậy, lấy một phương Thốn Chử (1 thìa) tụng Chú 21 biến , uống khô sẽ được thông minh. Nếu bị bệnh rét lạnh, cũng y theo cách uống này sẽ khỏi.



\_ Lại có Pháp: Nếu đang bị Tà Ma gây nhiễu loạn khiến mê muội chẳng tỉnh. Ở bên cạnh lỗ tai người ấy, tụng gấp Chú 21 biến liền khỏi.

\_ Lại có Pháp: Nếu bị trúng bệnh Quỷ chẳng thể nói được. Dùng góc áo Cà Sa , Chú 21 biến rồi đánh thì kẻ ấy liền nói được.

\_ Lại có Pháp: Lấy lá cây Khổ Luyện, dùng lửa đốt, Chú 108 biến đều được khỏi bệnh. Dùng Khổ Luyện Tử cũng được.

\_ Lại có Pháp: Lấy Khổ Luyện Tử, Chú 108 biến thiêu đốt tất cả Quỷ Thần ác quỷ đều lìa xa, chẳng dám gây chướng nạn cho người.

\_ Lại có Pháp: Người đi, từ xa nhìn thấy tất cả bốn Chúng quý thắng, cách ngoài 7 bước, tụng Chú 7 biến liền sinh vui vẻ, đừng để cho người ấy nghe được. Muốn cách nhà người , cũng tụng 21 biến, niệm niệm tụng rồi xưng tên người ấy, thỉnh sức ban vui của Tam Bảo, Thiện Thần tất chuyển người ấy hướng tâm lành đến mình.

\_ Lại có Pháp: Nếu thân thể bị thủng (gân thịt sưng vù lên) . Lấy dầu, Chú 21 biến rồi xoa lên chỗ bị Thủng, liền khỏi.

\_ Lại có Pháp: Nếu bị đau tim. Sáng sớm thức dậy, lấy nước hoa dưới giếng (Tĩnh hoa) hòa với muối cục (thạch diêm) nhiều ít tùy ý, Chú 7 biến rồi khiến người bệnh uống vào và phun lên chỗ bị đau, liền khỏi.

\_ Lại có Pháp: Nếu bị đau màng mắt, Chú vào nước 21 biến rồi rửa mắt, trải qua 7 ngày liền khỏi.

\_ Lại có Pháp: Nếu bị bệnh Ly . Chú vào nước muối 21 biến rồi uống vào, liền khỏi.

\_ Lại có Pháp: Nếu trên thân người sinh tất cả nhọt ác. Chú vào đất 21 biến, hòa với bùn rồi xoa trên nhọt, liền khỏi.

\_ Lại có Pháp: Nếu người muốn đoạn cốc (không ăn ngũ cốc) . Lấy một thìa muối trắng, dùng nửa thăng gạo tẻ nấu cháo, hòa muối nung khiến cho điều hoà rồi uống vào. Được 7 ngày, nên Chú 21 biến rồi uống, cũng có thể được 21 ngày chẳng bị đói.

\_ Lại có Pháp: Nếu có chó dữ muốn đến cắn người. Gấp tụng Chú 7 biến thì con chó ấy cũng chẳng thể đi. Nếu muốn giải, Chú 7 biến mong con chó chạy tức giải được.

\_ Lại có Pháp: Nếu người nữ bị kinh nguyệt chẳng dứt, ngày ngày chảy ra. Chú vào gạo tẻ, rửa lấy nước cốt hòa với Mật rồi khiến người nữ ấy uống, cũng Chú 21 biến rồi uống, tức ngưng bệnh

\_ Lại có Pháp: Nếu người bị bệnh Trĩ nhiều năm tháng chẳng khỏi. Có thể lấy một tiền Hồ Phấn, 3 tiền Thủy Ngân Kiên Thác, 7 hột Khư Hạnh. Giã vỡ ba vật ấy làm thành viên , đặt bên trong mảnh lụa mỏng rồi để trong hạ bộ, chưa quá 3 lần. Chỉ 5 lần liền khỏi. Phần lớn người làm thuốc đều chia ra làm, Chú 21 biến để bên trong liền khỏi

\_ Lại người bị Ly Hạ (đi tiêu chảy) chẳng thể khỏi. Lấy Xích Thạch , mỡ, cơm hoà làm viên , phơi nắng cho khô, Chú 21 biến rồi cho nuốt uống, một ngày uống

hai lần, một lần uống 36 viên, **Cấm** (điều kiêng kỵ) như phép làm thuốc (Dược Pháp). Người bệnh bị lạnh, phần lớn dùng gừng khô cũng tốt, đều dùng hai phần

\_ Lại có Pháp: Nếu người bị nổi hạch ở hông sườn. Chứ vào đầu 21 biến rồi xoa lên trên, liền tiêu hạch.

\_ Lại có Pháp: Nếu người bị thương do dao chém, đau nhức chẳng thể nhẫn chịu. Hoặc rơi từ trên cao xuống bị thương. Chứ vào bùn đống (Bùn ở chỗ nước ứ đọng) 7 biến rồi xoa lên, liền khỏi

\_ Lại có Pháp: Nếu người bị bệnh: Bạch Lại, Hoàng Lại.. hoặc bị chó điên cắn, hoặc trên thân sinh nhọt ác. Hoặc bị tên bắn, dao chém, bể nhọt bị thương... Chứ vào đất 21 biến hoà với bùn rồi xoa lên trên đều khỏi. Chân thật như thế.

\_ Lại có Pháp: Chứ vào bơ 1008 biến dùng xoa mắt sẽ không ngủ. Ăn vào sẽ chẳng bị đói

\_ Lại có Pháp: Nếu mắt người bị kéo màng trắng khoảng một năm trở lại. Lấy lá lốt thấm nước rồi mài, Chứ 21 biến rồi bôi trong mắt, liền khỏi

\_ Lại có Pháp: Nếu tai bị điếc. Chứ vào 108 biến. Nếu người bị chướng nặng, lấy dầu với bơ , vỏ cây hoa, Thanh Mộc Hương. Mỗi thứ Chứ 7 biến qua tai rồi uống vào liền khỏi

\_ Nếu đau răng. Chứ vào cành dương liễu 7 biến rồi rửa răng, liền khỏi

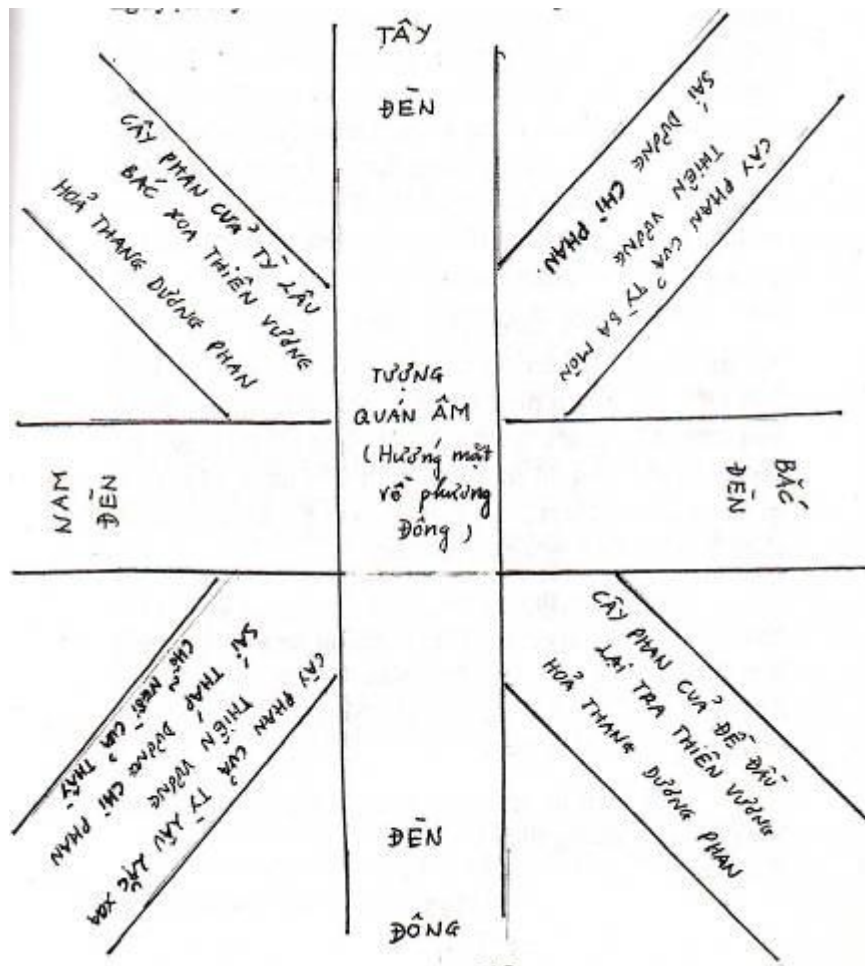
\_ Lại có Pháp: Nếu bị đau tai. Chứ vào vỏ cây hoarôi cho uống thì chỗ tai bị nghẽn tắc liền khỏi.

\_ Lại có Pháp: Nếu người nữ bị hoạ khi sinh để muốn chết. Mở rộng tóc, Chứ 7 biến rồi kết trở lại liền khỏi. Nếu chẳng ăn được, Chứ vào nước 7 biến rồi cho uống liền khỏi.

\_ Lại có Pháp: Nếu bị rét lạnh, hoặc bị gió lạnh làm cho thân bị sưng vù, xương có nước. Lấy Xương Bò hoà với Mật trắng, đứng trước tượng Phật, đốt hương tụng Chứ một ngàn biến, để bụng trống rồi cho uống liền khỏi. Hay khiến cho người thông minh.

Đức Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! **Đa Lợi Tâm Chú** này có công năng và uy đức chẳng thể luận bàn, hay đem lại sự an vui nhiều ích rất nhiều cho Thế Gian. Nếu có người trong bốn Chúng thọ trì thì tất cả đều yêu kính, được sinh về Tịnh Thổ, chẳng xa lìa Bồ Tát. Nếu ngày đêm tụng trì thì con thường che giúp. Nguyên xin Đức Thế Tôn rũ lòng thương, nghe hứa cho con vì lòng thương xót tất cả chúng sinh"

Liền nói **Tùy Tâm Tạo Tượng Thủy Thiên Tượng Pháp** Dùng gỗ Bạch Đàn khắc làm hình tượng, thân cao 5 thốn (tấc Tàu) tạo hình Thiên Nữ , mặt có 3 mắt, đầu đội mào Trời (Thiên Quan) , đeo chuỗi Anh Lạc trang nghiêm, hai tay nâng viên ngọc Như Ý. Thân cao hai thốn rưỡi cũng được. Làm Tượng xong, đặt bên trong cái hộp gỗ, lấy lụa gấm phủ rồi buộc ở cánh tay trái. Các Nguyên tùy theo **Tâm Đàn** mà nhiếp tất cả Đàn.



**Đàn** này: Viện bên ngoài (Ngoại Viện) vuông ba xích (thước Tàu), viện chính giữa (Trung Viện) vuông hai xích, Viện bên trong (Nội Viện) vuông một xích. Tất cả đều nên đào bỏ đất như ướ. Liền lấy đất sạch mà làm. Lấy bùn thấm chất nước thơm, nện cho bằng phẳng. Dùng cái sàng mà sàng lọc đá vôi rồi hòa chung với Chu Sa, đất đỏ hoặc bột gạo làm hoa sen nâng Tượng Quán Âm. Nếu không có Chu Sa thì dùng đất đỏ cũng được. Ở viện trong cùng (Tối Nội Viện), trên 4 góc đặt 4 Tòa Thiên Vương. Nên vẽ vuông vức trên Đàn rồi làm. Chỉ được đốt Huân Lục Hương với Trầm Thủy Hương.

Trước tiên thỉnh Phật Bồ Tát với Thiên Vương. Xong rồi liền rải hoa và ngời xuống tụng Chú 108 biến. Liền nên Phát Nguyện làm điều lành. Xong liền đứng dậy, nhiễu quanh Đàn ba vòng rồi lại ngời xuống tụng Chú 108 biến cho đến đủ một vạn biến thì đứng dậy. Ở vị trí bên cạnh cửa Nam, Chú vào cái bát khiến nó chuyển động, liền biết ứng nghiệm.

Thoạt đầu thọ trì Chú Pháp dùng. Nếu đi đến nơi khác trị bệnh thì tùy theo tâm tưởng mà làm. Nếu làm Đàn thì rất ứng nghiệm. Nếu không có vật bằng đồng dùng để rửa vẩy thì dùng cành dương liễu nhúng vào trong nước cũng được.

— Lại có Pháp: Dùng nước cốt của sữa trắng, gỗ, vỏ than củi thiêu đốt. Lấy hai loại gạo tẻ, mè giã quết. Lấy chút ít nước, Chú một biến thì một lần thiêu trong lửa, mãn 100 biến, một ngày ba thời làm ắt tự thân được tăng sắc đẹp sức khỏe.

\_ Lại có Pháp: Vào lúc mặt trời chưa mọc và sau khi mặt trời lặn, dùng tay trái nắm gạo tẻ, Chú một biển thì quăng một lần vào trong lửa đốt, xưng tên họ kẻ ấy. Như vậy 7 đêm mãi một ngàn biển, tùy tâm ghi nhớ thời Nam Nữ thấy đều vui vẻ.

\_ Lại có Pháp: Chú vào bờ một biển, một lần ném vào lửa đốt. Mãi 7 biển ắt tất cả Cầm Thú thấy đều quy phục. Muốn đi qua chỗ có thú ác, trước tiên nên tác Pháp này.

\_ Lại có Pháp: Lấy Mộc Hoạn Tử, gỗ, than củi thiêu đốt trong lửa ắt khiến tất cả quan gia ác tiêu tan. Cũng có thể dựa theo Pháp khác mà làm.

\_ Lại có Pháp: Dùng nước cốt của sữa trắng, gỗ, than củi, tro...một đấu lớn. Dem Lạc, Mật, Bơ hòa với nhau rồi bôi trên cây Tùng, Tùng Minh, Mộc Hương, than củi. Chú một đoạn thì một lần ném vào lửa đốt, đốt đủ 25 lần, một ngày ba thời. Đi đại tiểu tiện đều tắm gội. Chú Sư giữ tám Trai Giới.

Lại nói rằng: Một ngày ba thời tắm tẩy, mỗi mỗi Đoàn Thực cúng dường. Ngày ngày như vậy, mãi 7 lần. Tùy tâm triệu thỉnh, Thiên Thần đều đến, tùy người sai khiến không dám trái ngược.

\_ Lại có Pháp: Lấy một hạt cải trắng, Chú một biển thì một lần ném vào lửa đốt. Như vậy mãi 1008 biển. Một ngày ba thời thì tất cả kẻ quý thặng đều quy kính.

\_ Lại có Pháp: Lấy cháo sữa hòa với bơ, Chú một chút. Một biển thì một lần ném vào lửa đốt, như vậy mãi 1008 biển ắt Hạt La xà (Ràja: vua chúa) vui vẻ, Hậu (vợ vua), Nễ Nhĩ (Devi:Thiên Nữ) vui vẻ, tin tưởng lẫn nhau. Phi Nữ quý thặng khác cũng giống như vậy ắt tất cả việc Thiện mong cầu đều tốt. Có điều chẳng được sinh tâm nhiễm dâm, nếu không thì Pháp chẳng thành tựu.

Lại có Pháp: Lấy cây **A Lê Sắt Ca**, Chú 1008 biển rồi thiêu đốt trong lửa. Sáng sớm, giữa trưa, chiều tối, một ngày ba thời. Như vậy 21 ngày thì Chú Sư được mọi loại tài bảo, sóng nước chẳng thể cuốn chìm hoặc có thể đi trên nước chẳng chìm. Lại chú vào Cự Lỗ Hương ba biển rồi ném vào lửa thiêu đốt.

\_ Lại có Pháp: Vào ngày mồng tám của kỳ Bạch Nguyệt. Ở tại đất thanh tịnh, Chú vào cơm gạo tẻ, một nắm. Chú một biển thì một lần ném vào lửa đốt, như vậy mãi 1008 biển ắt trong nhà thường tràn đầy ngũ cốc.

\_ Lại có Pháp: Ch1 vào Xương Bồ 108 biển, ngậm trong miệng ắt tất cả chốn ngôn luận với nơi quan phủ hoặc nơi tranh cãi đều được thắng.

\_ Lại có Pháp: Chú Sư muốn được cúng dường chư Phật ở mười phương. Muốn tịch trừ tất cả chướng nạn, trừ tất cả bệnh đau nhức nên tác Pháp này.

Nếu biết có bệnh Quỷ. Làm Thủy Đàn rộng 4 khuỷu tay, chính giữa để lò lửa, thiêu đốt cành cây Bách, mỗi mỗi số tụng Chú liền khỏi. Ngày ngày tác làm cho đến 7 ngày liền khỏi.

Pháp **Đa Li** này là sức Thệ Nguyện của Thánh Chúng của Quán Thế Âm Bồ Tát. Giả sử trên thân có tội 5 Nghịch, 7 Giá... chỉ hay y theo Pháp thọ trì, hành dụng thì tất cả tội chướng thấy đều tiêu diệt, mọi việc làm đều được vừa ý và được

thành tựu. Đừng nên vọng truyền ắt chịu quả báo khổ đau ở nẻo Súc Sinh, Địa Ngục.

\_ Lại có **Cam Lộ Pháp Ấn** :

Dựng thẳng 2 ngón út, 2 ngón vô danh. Hai ngón út phụ cạnh trên của 2 ngón vô danh sao cho đầu ngón cách nhau chừng 3 phân. Đem 2 ngón trở quẩn trên lưng 2 ngón giữa, liền co song song 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay sao cho đầu ngón dính vào vạch giữa của 2 ngón vô danh. Đưa 2 cổ tay chạm dính nhau. Tiếp đưa gốc 2 cổ tay đặt trên trái tim rồi hướng xuống dưới rữ ắt tất cả bệnh tật đều tùy theo Ấn mà diệt.

Tụng Chú rồi nên thương xót tất cả loài Quỷ đói bị đau khổ. Tác Tâm Ấn thì Quỷ Thần vui vẻ, tất cả đều được ăn uống no đủ dư thừa. Rất là hiệu nghiệm, khiến cho tất cả không có các bệnh tật.

Nếu thường trì Pháp Ấn này liền vượt 10 Địa qua các cõi Phật. Pháp này rất thâm sâu vi diệu, chẳng thể luận đủ.

Pháp Chân Ngôn này hay diệt gốc rễ của tất cả tội. Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện trì Chân Ngôn này thì đời đời được 5 loại quả báo:

1\_ Đời đời gặp Đức Thế Tôn, có Túc Mệnh, Biện tài vô ngại, luôn được thanh tịnh

2\_ Khiến được Phật Nhãn (Con mắt của Phật)

3\_ Sinh ra thường được 32 tướng không sai khác với Ta (Đức Phật)

4\_ Thường ở trước mặt Đức Phật

5\_ Hành xử ở Thế Gian đều được chấn động

Bấy giờ Đức Thế Tôn khen ngợi Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: "Lành thay ! Lành thay ! Ông vì tất cả chúng sinh khiến được an vui"

Khi Quán Thế Âm Bồ Tát nói Pháp Chân Ngôn này xong. Tất cả các Đại Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di với các hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Đát Bà, A Tố La, Ca Lỗ Trà, Khẩn Na La, tất cả chúng sinh... nghe nói Pháp **Tùy Tâm** này xong đều rất vui vẻ, phát Vô Sinh Pháp Nhãn, làm lễ phụng hành.

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT ĐẤT PHỘC ĐA LỊ  
TÙY TÂM ĐÀ LA NI KINH (HẾT)

ॐ नमो रत्नत्रयै

NAMO RATNATRAYÀYA

ॐ मः मृष्टवृक्षे गवर्षाय वल्लभाय मन्मथाय मन्मथे मन्मथे

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA

MAHÀSATVÀYA MAHÀKÀRUṆIKÀYA

ॐ त्रये उं तरे तरे तुतरे तुतुतरे तुरे स्वहा

TADYATHÀ: OM TARE TARE TUTARE TUTUTARE TURE SVÀHÀ

Hiệu chỉnh xong vào ngày 20/06/2008

Mật Tạng Bộ 03- No.1104 (tr 470 – tr 472)

## PHẬT NÓI KINH THÁNH ĐA LA BỒ TÁT

Hán dịch: Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng – Triều Tấn đại phu Thí Quang Lộc Khanh – Minh Giáo Đại Sư PHÁP HIỂN phụng chiếu dịch.

Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe – Một thời Đức Phật ngự tại núi HƯƠNG TÚY trong cung của Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương – Nơi đấy có mọi loại kỹ nhạc , đàn ca phát ra âm thanh vi diệu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi trong Cung điện lớn cùng với các chúng Bồ Tát Ma Ha Tát đến dự – Lại có các chúng Đại Thánh đến tập hội là các chúng Thanh Văn Hữu Học, Vô Học cùng với vô lượng vô biên Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Sát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, Phi Nhân, ...

Lại có vô lượng vô biên bậc Thành Tựu Trì Minh, Trì Kim Cương, Kim Cương Thủ với trăm ngàn chúng của Hoàng Phần Nộ Vương, Trì Minh Vương...

Lại có **đủ mọi loại chúng của hàng Trì Minh**, Bảo Kế Phật Đỉnh Luân Vương.

Lại có Tú Diệu Mẫu , Quý Mẫu , Quý Vương, với các Trời Đế Thích, Phạm Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Na La Diên Thiên, Khánh Tự Tại Thiên, Đại Hắc Thiên Thần, Đồng Tử Thiên, Dạ Ma Thiên, Thủy Thiên, Phong Thiên, Tứ Thiên Vương Thiên và Ngũ Thông Tiên Nhân ... đều đến dự hội, tác cúng dường rộng lớn, vây quanh Thừa Sự, chấp tay cung kính.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở nơi chúng hội ví như núi Tu Di hiện trên biển lớn – Khi ấy Càn Đạt Bà Vương cùng với 72 trăm ngàn Nữ Càn Đạt Bà tấu mọi loại kỹ nhạc đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu mặt lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, quay lại ngồi một bên rồi chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

“Thế Tôn! Nay con nguyện nghe về việc lợi ích. Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con diễn nói. Thánh Đa La Bồ Tát kia tức là Tâm Từ của Chư Phật Như Lai, là ĐẠI MINH VƯƠNG Giáng Ma Tối Thắng, là Đại Trì Minh, là Đại Luân Vương có đầy đủ thế lực lớn thâm sâu rộng rãi – Nguyện xin Đức Thế Tôn thương xót con với Trời, Người, A Tu La, ... khiến cho người thường được lợi ích an vui mà diễn nói về 108 tên của Thánh Đa La Bồ Tát .”

Lúc đó, Đức Thế Tôn nhận lời của Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương xong thì khen ngợi rằng:

“Lành Thay! Lành Thay Càn Đạt Bà Vương! Ông hay hỏi Như Lai về nghĩa như vậy khiến cho các Trời, Người, tất cả chúng Hội được lợi ích lớn và được an lạc – Ông nên lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ! Nay ta vì ông mà diễn nói thứ tự”

Thời vị Càn Đạt Bà Vương kia nghe Đức Phật xong, liền tin nhận lắng nghe – Bấy giờ Đức Thế Tôn vì Càn Đạt Bà Vương ấy với tất cả chúng hội, thoạt tiên nói Thánh Đa La Bồ Tát Đà La Ni là:

1. Na mô tam mãn đa na li\_thủy tỳ\_dược
2. Tát li\_phộc đát tha nga đế tỳ\_du
3. A la\_hạt nột\_tỳ\_dược
4. Tam miệu Tam một đề tỳ\_dược
5. Na mô bà nga phộc đỏi\_duệ
6. A li\_dã đa la duệ
7. ÁN – Tát li\_phộc đát tha nga đa
8. Đát tha đa, Bộ đa, cổ trí
9. Ba li Thú đề, một đề, Tát li\_phộc đát tha nga đa
10. Tát li\_phộc đát li\_ma đa
11. Nga nga na, A mặt la, vĩ Thú đà, đát li\_ma đế
12. Ma hạ na dã, ba li phộc li, sá ha.

Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong, lại vì Càn Đạt Bà Vương với tất cả chúng hội diễn nói 108 tên của Đa La Bồ Tát, rồi nói kệ rằng:

Đa La Bồ Tát này

Vốn từ chữ A (𑖀) sinh.

Hoặc sinh các Hành Tướng

Chẳng sinh cũng chẳng diệt

Tướng ấy như Hư không.

Vì tính Hư không sinh

Tùy ứng, hiện Bản tính

Tướng một, Nhiều không ngại

Sắc tướng hiện vô biên.

Thuần một Thể Thiện Tịch

Thường hiện tướng Huyền Hóa

Mật Ngữ, Chân Thật Ngữ

Nhiếp lý Đại Chân Thật

Thường hành Hạnh chân thật

Cho nơi không sợ hãi

Vắng lặng thường Trừ giận.

Lìa các Khổ đáng sợ

Khéo phá lỏng phiền não

Hay giải (cởi bỏ) Tam Hữu phộc (sự trói buộc của ba cõi)

Đền lìa hẳn biển khổ

Hay làm pháp Thành Tựu

Tự, Tha đều thành tựu  
Chỉ cho Pháp Tối Thượng  
Tổng Trì Tự Tại Vương  
Cũng từ Tổng Trì Sinh  
Cho Đại Nghĩa Tổng Trì  
Tương ứng Đại Tự Tại  
Tâm ý, tương ứng đủ.  
Chẳng là tương tương ứng.  
Tương tương ứng chẳng lia  
Định ý thường bất động  
Có động thường lặng lẽ  
Thường ở Tòa hoa sen.  
Cũng từ hoa sen sinh  
Mắt tịnh như sen xanh  
Thường làm mắt chúng sinh.  
Thanh tịnh rất thù diệu  
Mắt Từ ( Mắt hiền lành ) nhìn chúng sinh  
Mắt Phật Tuệ vô lậu (không dò rỉ)  
Đủ Đại Bi thuần nhất.  
Thường phát tâm Đại Bi  
Thường hành hạnh Đại Bi  
Cũng từ Đại Bi sinh  
Xót thương kẻ khó phục  
Dùng Bi giáng khắp cả  
Bao nhiêu điều khổ não  
Trừ khổ khiến vui vẻ  
Vị Cam Lộ pháp thí  
Cứu khổ được an vui  
Làm trong mát biển khổ  
Gọi là Tự Tại Mẫu.  
Chiếu sáng khắp các cõi  
Dung mạo sáng rực rỡ.  
Mọi ngọc báu, mào tóc  
Sáng thanh tịnh viên mãn.  
Ma Ni, Ngọc Trang sức  
Tóc kết màu xanh biếc  
 Xoắn ốc xoay bên phải  
Trang nghiêm **Thể Vô Vi**  
Người Bất Thiệt khiến Thiệt  
Tất cả nguyện đều tròn  
Thân trang nghiêm khó sánh  
Thiệt Ý và Thiệt Thệ



Vắng lặng thường an lạc  
Đại Lạc Như Ý Thông.  
Sáu niệm đủ sáu thông  
Được các Ba La Mật  
Khéo nói Pháp **Bốn Đế** (Tứ Diệu Đế)  
Đại Biện Tài khai mê.  
Trong biển khổ huyễn hóa  
Hiện hành tướng huyễn hóa  
Cầm kiếm phá phiền não  
Cung, Tên và Tam xoa  
Bát, Gậy với cây thương  
Đô ma la Thước Đế  
Một Nga La Kim Cương  
Đủ mọi loại Khí Trượng  
Quán nhìn chỗ cầm Tên (mũi tên)  
Đều cho vô sở úy (không còn sợ hãi)  
Tay ném chày Kim Cương.  
Hiện tác Vô Ngại Thông.  
Hay giảng phục quân địch  
Biểu Sát, hiện tướng phượng.  
Đủ lực Trí Tuệ lớn  
Khéo phá quân dững mãnh  
Làm tan phiền não ám  
Đều phá giặc ma oán  
Như Nhật (mặt Trời) trừ tăm tối  
Đây là Thượng Tối Thắng.  
Khéo vượt biển luân hồi  
Tối Thượng Đại cát tường  
Thực tế trụ duy chân  
Nghe Tên, xứng phổ biến.  
Thường cho, nhận, kính, nguyện.  
Thắng mình lại thắng người  
Thường hành Hoan Hỷ Thí.  
Vi diệu tối thượng tịch  
Đây là Trí Như Lai  
Báu Như Ý giữa khắp  
Giữ đầy đủ Giới Tướng  
Dùng Giới, hành Chánh Đạo  
Phạm Âm rất vi diệu  
Âm Tối Thượng ba đời  
Một tiếng vang vi diệu  
Như Đại Tạng Hư Không

Khéo sinh các Thế Gian  
Không tranh vật nường tựa  
Ba Thừa là chỗ nường  
Y hạnh, hành ba Thừa  
Giáo ba Thừa giải Thoát  
Chư Phật y ba Thừa  
Năm mặt cũng năm mắt  
Y năm Trí Tính Sinh.  
Chính Giác Thành Bồ Đề  
Tức là Đại Chính Đạo.  
Tất cả mọi loại Tướng  
Thân Thanh Tĩnh thù diệu.  
Đều tùy ứng hiện sinh.  
Soi đời như Tú Diệu  
Tự hay đạt bờ kia.  
Cũng khéo độ người khác  
Tùy ý hóa trăm ngàn  
Khéo nhiếp các Thiện Nghĩa  
Đầy đủ trăm ngàn phước  
Thuần nhất hóa Thế Gian  
Khéo buông (xả bỏ) mọi tiền tài  
Mọi loại tướng huyễn hóa  
Thế Gian Đại Tự Tại  
Cát tường các Thiên Tôn  
Cầm sen xanh mẫu nhiệm  
Đủ Giới, Thí, các nguyện  
Vui Thiện thường vắng lặng  
Ánh lửa Tuệ đại Tĩnh  
Trừ sạch các ác chướng  
Tất cả ma chủ kia  
Cứu nạn cho an vui  
Tâm bình đẳng vô đẳng  
Trừ hết cả đấu tranh  
Bộ Đa chủ Tế mẫu  
Bảo là Dược Xoa Vương  
Hiện thân làm Rồng lớn  
Đủ trăm đầu ngàn mắt  
Trăm lưỡi, tướng đại ác  
Tâm Vô Úy chân thật  
Đủ trăm ngàn chủng thắng.  
Địa Thiên Khéo Trì Thế (giữ gìn Thế Gian)  
Thường vui, lời vô úy

Trừ hết: bệnh, dịch, độc  
Hào quang lớn thù diệu  
Không dơ thường thanh tĩn  
Tất cả Thế Gian Mẫu  
Giữ Pháp Lợi Thế Gian  
Tối Thắng Quán Đỉnh Vương  
Làm xong điều cần làm  
Đủ mười Ba La Mật  
Thường ở mười địa vị  
Tặng hiến mười pháp thừa  
Mười lý đại chân thật  
Trụ mười câu Kim Cương  
Biểu sát, Mười Pháp Giới  
Mười Trí Trừ Ám Tối  
Mất Quán Thế Tự Tại  
Đủ sắc tướng đại diệu  
Ngang hư không vô biên  
Hoặc hiện Ngũ Thông Tiên  
Đủ Giới, tướng tự tại  
Thân ly dục, ứng cúng  
Thường an đạo Tịch Tĩnh  
Chính Giác đã ca ngợi  
Đa La Bồ Tát này.

Khi Đức Thế Tôn nói Kệ này xong, bảo Càn Đạt Bà Vương với tất cả chúng hội rằng:

“Đây là 108 Tên của Đa La Bồ Tát – Ta vì Ông diễn nói – các ông cần phải chí tâm thọ trì 108 tên của Đa La Bồ Tát với Đa La Ni – mà Chư Phật đời quá khứ với vị lai đã nói và sẽ nói vì lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ Thiện phát tâm chí thành – vào buổi sáng thanh tịnh hoặc vì mình vì người tụng 108 tên với Đa La Ni của Đa La Bồ Tát cho đến niệm thâm (mặc niệm), hoặc dùng 4 miếng lụa trắng làm thành nền vẽ tượng, hoặc trên một bức tường sạch, y như phép dùng màu sắc tối thượng diệu vẽ tượng Bồ Tát, hoặc dùng gỗ Đàn Hương làm thành tượng Bồ Tát – dùng tâm Thanh Tĩnh tùy ý thực hiện – sau đó ở trước tượng Bồ Tát. Bày mọi thứ cúng dường, một ngày ba thời chấp tay làm lễ, y như pháp chí tâm quán tưởng, tụng 108 tên với Đa La Ni này – Vị Đa La Bồ Tát này có đủ thế lực lớn, tối thượng cát tường, cầu tiêu tan các tội, khéo phá quân ma hay phá pháp thành tựu của người ở hoặc sơ thiện, trung thiện.

Nếu lại có người phát tâm chí thành, trì niệm một biến thì tất cả việc tốt lành, giàu sang với pháp thành tựu của người đó tùy theo Bản Nguyện đạt được vĩnh viễn không có chướng ngại, được các Hiền Thánh đích thân ủng hộ – lại được

hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Thích Phạm, Hộ Thế, Na La Diên Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Mẫu Quý chủ, Đại Hắc Thiên Thần, Tầu Na Dạ Ca, Khánh Tự Tại Thiên... cho đến được Chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, tất cả Phần Nộ Vương, Đại Uy Đức Minh Vương ... đều nói lời này:

“Lành Thay! Lành Thay Thiện Nam Nữ! Các người đối với hạnh của Chư Phật Bồ Tát đã đủ, người sẽ sinh vào Tô Kha phộc Đế Phật Sát (cõi Cực Lạc: Sukha-vatì)”

Bấy giờ, Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương vui vẻ hơn hởi, sinh tâm Tín Trọng – Liền từ chỗ ngồi đứng dậy cỡi mọi loại vật nghiêm thân, châu báu, ngọc Ma Ni, Trân Châu, bạc vàng, chuỗi anh lạc vô giá cúng dường Đức Phật, chấp tay cung kính chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn rồi nói kệ rằng:

***Lành Thay! Thế Tôn!***

***Thiện Thệ Kỳ đặc! (Đặc biệt kỳ lạ)***

***Thường dùng Tâm Bi***

***Cứu hộ Tất cả***

***Mà hay vì con***

***Cùng với chúng Hội***

***Nói nghĩa chân thật***

***Của Tối Thượng này.***

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Kinh này xong – các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, các vị Thanh Văn, bậc Trì Minh, Đại Phần Nộ chủ, tất cả Minh Vương, các chúng Trời Rồng với Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương nghe điều Phật nói điều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT THUYẾT THÁNH ĐA LA BỒ TÁT KINH (Hết)

15/02/2002

## THÁNH ĐA LA BỒ TÁT ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú thích Phạm văn: HUYỀN THANH

नमो सम्यग् दक्षिणः सर्वं गच्छन्तु अरुणः सम्यग् बुद्धः  
उं सर्वं गच्छन्तु गच्छन्तु गच्छन्तु गच्छन्तु गच्छन्तु सर्वं गच्छन्तु सर्वं  
दक्षिणं गच्छन्तु गच्छन्तु गच्छन्तु गच्छन्तु गच्छन्तु गच्छन्तु गच्छन्तु

NAMO (Quy mệnh) SAMANTA (bình đẳng) DAR'SEBHYAH (Thị Sát Chúng: chúng xem xét kỹ lưỡng)

SARVA TATHAGATEBHYO (Tất cả Như Lai Đẳng)

ARHATEBHYAH (A La Hán Đẳng)

SAMYAKSAM BUDDHEBHYAH (Chính Đẳng Chính Giác Đẳng)

OM (Nhiếp Triệu)

**SARVA TATHÀGATA, TATHÀTÀ BHÙTA KOṬI, PARI'SUDDHE  
BUDDHE** (Giác ngộ cõi chân như thực tế tràn đầy thanh tịnh của tất cả Như Lai)

**SARVA TATHÀGATA, SARVA DHARMATÀ, GAGANA AMALA  
VI'SUDDHA** (Tất cả Như Lai Tính, Tất cả Pháp tính đều thanh tịnh không nhớ  
bẩn như hư không)

**DHARMATE MAHÀ NÀYA PARIVARE – SVÀHÀ** (quyết định thành  
tự viên mãn Thắng nguyện đại lý thú của Pháp Tính)

Tạm dịch là :

*Quy mệnh Bình Đẳng Thị Sát chúng\_Tất cả Như Lai Chúng\_Ứng cúng  
Chúng\_Chính Đẳng Chính Giác Chúng*

*OM! Giác ngộ cõi Chân Như Thực Tế tràn đầy Thanh Tịnh như tất cả Như  
Lai – tất cả Như Lai Tính, tất cả Pháp Tính đều Thanh Tịnh vô cấu như Hư  
không – quyết định Thành tựu viên mãn Thánh nguyện đại lý thú của Pháp Tính.*

Hoàn chỉnh Phạm Văn vào ngày 12/02/2008

Mật Tạng Bộ 2 \_ No.1105 (Tr.472 \_ Tr.474)

## KINH THÁNH ĐA LA NHẤT BÁCH BÁT DANH ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng\_ Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô  
Thiếu Khanh\_ Truyền Giáo Đại Sư (kể bây tôi là) PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch  
Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh **Chủng Chủng Ma Ni Anh Lạc Thù Diệt Trang Nghiêm Tăng  
Cái Tội Thắng Đại Thế Giới Đa La Bồ Tát.**

Bấy giờ **Đa La Bồ Tát** (Tà-rà-bodhisatva) nguyện ban bố tuyên nói hết thảy  
Pháp Đại Đà La Ni xưa kia chưa từng được thấy nghe.

- 1\_ **Án** (OM)
- 2\_ **Đát-lại lộ cát-dã** (TRAILOKYA)
- 3\_ **Vĩ nhạ dã** (VIJAYA)
- 4\_ **A nhạ đán** (AJITAM)
- 5\_ **Nhạ dã** (JAYA)
- 6\_ **A nễ-dần nhạ đá** (ANIRÀJITA)
- 7\_ **Nhạ dã** (JAYA)
- 8\_ **A nhạ dã** (SUJAYA)
- 9\_ **Vĩ nhạ dã** (VIJAYA)
- 10\_ **Ma hạ nhạ dã** (MAHÀ-JAYA)
- 11\_ **Vĩ nhạ dã** (VIJAYA)
- 12\_ **Nhạ dã, nhạ dã** (JAYA JAYA)
- 13\_ **Hứ hứ** (HI HI)
- 14\_ **Sa-ma la, sa-ma la** (SMARA SMARA)
- 15\_ **Tả la, tả la** (CALA CALA)
- 16\_ **Phộc la nỉ, phộc la nỉ** (VARADA VARADA)
- 17\_ **Ca lỗ ni kế, nỉ vĩ** (KÀRUṆIKA DEVI)
- 18\_ **Vĩ la sa, vĩ la sa** (VILASA VILASA)
- 19\_ **Vĩ la sa** (VILASA)
- 20\_ **Phộc nhật-la** (VAJRA)
- 21\_ **Mô na ca lý** (AMOTA-KARI)

- 22\_ Vị nhạ dã nữ vĩ (VIJAYA-DEVI)  
 23\_ Hứ hứ (HI HI)  
 24\_ Cát-dựng, cát-dựng (KINI KINI)  
 25\_ Vĩ lâm ma tế (VILAMPASE)  
 26\_ Sa-ma la, sa-ma la (SMARA SMARA)  
 27\_ Ma hạ bát-la đế nghệ (MAHÀ-PRAJÑA)  
 28\_ A nễ phộc lý đá (ANIVARTA)  
 29\_ Bát-la sa lý (PRA'SÀRI)  
 30\_ Ma hạ ca lỗ ni kế (MAHÀ-KÀRUNIKA)  
 31\_ Đá lâm nghệ nễ (TÀRÀMGINI)  
 32\_ Hồng, hồng (HUM HUM)  
 33\_ Tát-phả tra, tát-phả tra (SPHARA SPHARA)  
 34\_ A vĩ sắt-tra dã, tam vĩ sắt-tra dã (AVIṢṬÀYA SAMVIṢṬÀYA)  
 35\_ Độ năng, độ năng (DHUNA DHUNA)  
 36\_ Vĩ độ năng, vĩ độ năng (VIDHUNA VIDHUNA)  
 37\_ Kiếm ba, kiếm ba (KAMPA KAMPA)  
 38\_ Kiếm ba ba dã (KAMPAYA)  
 39\_ Tô la tỳ (SURABHI)  
 40\_ Hiến đà (GANDHA)  
 41\_ Địa phộc tất đá mục khế (DHÌVAK-SITA MUKHE)  
 42\_ Hạ la, đà la, đà mặt la (HARA-DHARA-DAPÀLA)  
 43\_ Tán nga lý-nhạ năng tỳ (SAMGARÀJANI)  
 44\_ Ma ni lỗ (MAÑIRU)  
 45\_ Vĩ xả na, vĩ xả na (VI'SANA VI'SANA)  
 46\_ Hứ hứ (HI HI)  
 47\_ Bà nga phộc đế (BHAGAVATE)  
 48\_ Tán đất-la sa dã (SAMTRASAYA)  
 49\_ Vĩ cận-nam (VIGNAM)  
 50\_ Ba lý ba la dã (PARI-BALÀYA)  
 51\_ Sa-ma kiếm (ASMÀKAM)  
 52\_ Ma nễ nễ, ma nễ nễ (MADANI MADANI)  
 53\_ Na ma nễ na ma nễ (NÀMA DÀNA-MAÑI)  
 54\_ Tam một đà nễ (SAMBODHANI)  
 55\_ Tam một đà dã (SAMBODHÀYA)  
 56\_ Tam mô hạ dã, tam mô hạ dã (SAMMOHAYA SAMMOHAYA)  
 57\_ Hạ la, hạ la (HARA HARA)  
 58\_ Hứ lý, hứ lý (HIRI HIRI)  
 59\_ Hộ lỗ, hộ lỗ (HURU HURU)  
 60\_ Vĩ đá la tế (VITARÀSE)  
 61\_ Vĩ la nhạ hám (VIRAJA HAM)  
 62\_ Vĩ la nhạ hám (VIRAJA HAM)

- 63\_ Đá-lỗ tra dã (TROṬÀYA)  
 64\_ Đát-lỗ tra dã (TROṬÀYA)  
 65\_ Tán đát-lỗ tra dã (SAMTROṬÀYA)  
 66\_ Tán đát-lỗ tra dã (SAMTROṬÀYA)  
 67\_ Mãn lý-na, mãn lý-na (MARDÀ MARDÀ)  
 68\_ Na ma, na ma (NÀMA NÀMA)  
 69\_ Tam mặt la, tam mặt la (SAMVARA SAMVARA)  
 70\_ Cự la, cự la (GURA GURA)  
 71\_ Vĩ nga, vĩ nga (VEGA VEGA)  
 72\_ Vĩ nga phộc đế (VEGAVATI)  
 73\_ Nẳng mô (NAMO)  
 74\_ Nẳng ma (NAMAḤ)  
 75\_ Sa-phộc hạ (SVÀHÀ)

Nói Chú này xong. Bảy giờ hàng Trời, Người, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Ca, La Sát, Bộ Đa, Tần Nẳng Dạ Ca... nghe câu **Đại Chú** đều che mặt sợ hãi, xin dừng Đại Thần Lực, cầu xin thương xót cứu giúp, quy mệnh khen ngợi Đa La Bồ Tát:

*"Mắt trong dài rộng  
 Tâm hành chân thật  
 Ngắm nhìn ba cõi  
 Tất cả bình đẳng  
 Mắt phóng Từ Quang (Ánh sáng hiền lành)  
 Như Quán Tự Tại  
 Lợi ích chúng sinh  
 Như hoa sen nở"*

Bảy giờ Tự Tại Thiên Vương trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất với tất cả hàng Trời, Người, A Tu La, chúng Trì Minh... tập hội, quỳ thẳng lưng cũng đều như vậy.

Lúc đó Tự Tại Thiên Vương liền nói Chú là:

**"Nẳng mô, nẳng ma, đát sa-muội đá la, duệ nỉ bát-đá văn lý-tả tế, phộc cật-xoa-dã, mặt-dã nỗ ba, ma nỉ phộc-diệm, nẳng ma sắt-tra thiết đá mẫu-dựng đá hàm sắt-tra, sa-phộc tất đế ca, vĩ nhạ dã, tô thất-ly cật-sử, bát-la tỳ nhạ-noa, bát-la tế thấp-phộc lý, y thấp-phộc lý, thất-tá tất-ly dã, tỳ sắt-ma tán noa, ma hạ tả la phộc đế"**

**Ba nạp-ma nễ đát-la, ba nạp-ma mục khế, ba nạp-ma nẳng tỳ tô tảo cật-xoa na, tô lộ tả nẳng vĩ xá, lạc cật-sử, nễ la nễ lộ đát-bát la, bát-la bà đát-la đá, xá la noa-dã, tô khư na mặt la na, lỗ ba na đát tha, nẳng tha nẳng tha ca lý, nạo nại-la, la đát-nẳng, đát-la dã, vĩ xá lệ nễ đát một-nạo sắt-sử đá, mặt-la nẳng khế, la cật-đổ đát-bát la, lộ tả nẳng, nan na nan na, mặt la**

**Bát nạp-ma, bát nạp-ma bà, bát nạp-ma đá la ca, đát-lại lộ chỉ-dã, na ma nễ phiến đá tỳ ma vĩ nga, ma hạ mặt la, na ma nễ na ma nễ, tái phộc xá lệ nễ,**



nễ-ly phộc la ba la, bát-la noa đá, phộc nhật-ly, vĩ nhạ duệ, bát-la bà thấp-phộc lý, vĩ la nhạ, ma la tát phộc, một địa thất-tán nại-ly, tô la phộc la lý-tức đá

A hộ đế, bát-la hộ đế thất-tái phộc, phộc lỗ ni tả lỗ phộc lý-tả, sa phộc lỗ ni dụ địa nễ lệ noa, bổ-cảo sát-ba, năng ma ma nỗ hạ lý đất-ly thi khứ, đất-ly mặt lệ thất-tái phộc, đất-ly nễ đất-la, đất-ly ma la ba hạ, đất-ly sát-noa ba năng đã, năng sa địa-vĩ đất tha, sa la thấp-phộc đá, ma đế, bố sát-trí na

Bôn ni-dã na tái phộc bá ba hãn đế, vĩ xả la, na đà năng na, kiến đế na, táo ma-dã, tô lỗ bá, tố câu tổ na lý, ma dã ma dã phộc đế, nan đế nan đế, lạc cật-xoa la tế, ma hạ ma lệ nễ, na ma tái phộc, na ma năng, na ma năng, ba hạ ca la, lệ kiến đế ma đất-bát-la, nhạ-noa, đà phộc lộ ma na, xả ma nễ đất tha tô khứ

Bát-la nhạ ba đế, đế lý-tha, một-la hám-ma phộc đế, một-la hám-ma na, ba la nhĩ xá-phộc lý tán nại-la, bát-la bà tán nại-la, mục khế tán nại-la, kiến đất-dã, ba lý hạ ni, tô lý-dã, nỉ bát-đế hạ la, la ma-dã la ma ni, tô mục khế, thi phộc cật-sử ma, cật-sử ma phộc đế, đế-ly-tha mộng nga la-dã, vĩ cận-năng, năng xá nễ đà nễ-dã

Bôn ni-dã vĩ tái đá tả đá bát-đá, nhạ-cảm mô năng na, bát-la bà bà dã hãn vĩ, a bà dã na, đá la đá la, địa ba năng năng, tát lý-phộc tát đất-phộc, nỗ ba la đá, bố nhạ-dã văn nỉ-dã, bát-la sa na nễ nễ la kế xá, tô vĩ xá tả, la đất-năng bà la noa, bộ sa noa bế đán, mặt la đà la nỉ, vĩ thương lý-ngu nại-bà tát đồ, nhập-phộc la, vĩ lỗ tả năng, lỗ tả năng, đế la kiểu-dựng đế ca la bế.

Phộc nhật-la đà lý ni, mạn noa la, nga-la đà lý tỳ ma, hám sa hám sa, thú tức tất-nhĩ đá kế dụ la, quân noa đà la, hạ la, nhập-phộc la ca la, bế nễ tô nỉ khứ la lỗ, mục khế nễ-dần năng năng, tỳ đà la tô khế.

Ma ni bát-la bà, ma ni đà la, ma ni bộ sa noa, bộ sử đá, ma ni bát-la phở nỉ-dụ đá phộc đế ma hứ, mạn noa la, mạn noa năng nỉ bát-đế kiến đế đà lý, phộc nhật-ly năng la năng lý. Bát-la một đà nễ, năng sát-trí-ly, nan noa đà lý, tô ma-dã, một-la hám-ma, vĩ nga tam ma hứ đá, nga nga năng tam ma, nga nga năng tả lý ni, phộc la ba-bà la hạ la, bát-la bà ca nhĩ nễ, na ma nễ, tát lý-phộc ca ma, câu-lỗ đà, bát-la ma lý-phộc ca tô noa, đà lý-nhạ trí, nạo nại-ly. Một-la hám-nhĩ, một-la hám-ma, xá-phộc la dã, nhạ ca la vĩ-dựng ca, bà ni tô bộ-lỗ nhạ lộ kế, xá-phộc la, câu la, nga-la nhạ nan ni, nan noa phộc đế.

Tán ni phộc nhật-ly, la đất-năng bát-la bà, vĩ bộ sa noa, quân noa la, ma la, tam phộc đà dã, đá dã ma-dã, ma nỗ nỗ nga, vĩ nễ-dã đà lý, lỗ ba đà lý, mặt la ca lý, mặt la mặt la, đà la tái phộc. Bát-la nhạ-noa, thiết tát đất-la, bát-la hạ lý ni, ca la ca la, phộc đế tái phộc, bát-la nhạ ba la ma năng, tát-đất tha hạ lý-nỉ, hạ lý ma-dã, tô hạ lý ma-dã tả, tán ba cúng na ma bà

Tô la, tân nga la, sa ma, xá-ly dã, nhạ sát-nô, ca la lệ ca la na ba nễ, tô bà nga, bát-la lãm nhĩ nễ tát phộc, đất tha tả, hạ lý-số, đất-ca tra câu la nỗ, lỗ ba đế mặt la, phộc cật-la câu-lỗ đà, bát-la sa na nễ vĩ-dựng nỗ, phộc nhật-la mục khế, địa ma địa ca lý

Bát-la nhạ-noa, phộc lý-đà nễ mưu lệ, vĩ lỗ tả nễ nỉ vĩ, tát lý-phộc nỉ phộc, địa ca phộc la, a năng già, năng la dã, ni ba ba hạ lý, lạc cật-sử-nhĩ, lăm nhạ phộc đế, tát-lý dã, tô tát-lý dã, tát-lý dã, tán phộc sa, tát-lý dã,

Tức sắt-tra, tát-lý dã, phộc đế tát-lý dã, tát-lý đế ca lý tái phộc, tát lý-phộc đạt lý-ma, tam ma thất-la dã, một dã nễ lý-ma noa, nễ lý-ma noa, ma năng ba năng dã nam, ca lý, yết lý-ma cật-lệ xá

Bát-la mặt thể nễ ca ma tái nễ-dã, bát-la mặt thể nễ na xả nhạ-noa năng, đà lý, một đà na xả, ba la nhĩ đá, thất-la dã na xả bộ nhĩ phộc thi, bát-la bát-đá, ma hạ na xả mặt lộ, nhạ-phộc la

Phộc nhật-la lỗ ni, phộc nhật-la đà lý, phộc nhật-la tô sô-ma tô la, ma hạ ca la, phộc nhật-la tô ma năng na, phộc nhật-lăm câu thế tô khế bà trí, phộc nhật-la bá xá, tô bá xá tả.

Phộc nhật-la hạ sa-đá, vĩ la tát nễ, ma nễ nhạ-noa ma nam, tán phộc đà ba la, vĩ cận-năng, vĩ năng xả nễ, bát-la hạ-la na nễ đế một-la, mục khế, cật-lý noa năng tra ca, nại lý-xá nễ, hạ la hạ la, bát-la bà đạt lý-nhĩ, đạt lý-ma, nan đá, phộc lộ cát nễ, năng mô sa-đổ đế.

Ma hạ nỉ vĩ nỉ bát-đá, phộc nhật-la, ma hạ vị la dã, dát-tông, di phộc, phộc nhật-la sa lý ni, bà sử ni, mật-lý đá, phộc nhật-lý ni, sa-phộc hạ "

Khi ấy, Tự Tại Thiên Vương khen nói 108 tên (nhất bách bát danh) này xong, rồi lại bảo rằng:"Ngài ! Đa La Bồ Tát khéo hay tuyên nói"

Bấy giờ Đa La Bồ Tát duỗi cầm lửa rực sáng chiếu khắp mười phương rồi tự nhớ nghĩ Đức Phật quá khứ nói:"Tự Tại Thiên Vương với các Trời, Người chí tâm lắng nghe ! Tất cả Như Lai đủ mười lực lớn, luôn làm che giúp. Có uy đức rộng lớn, Bồ Đề Đạo Hạnh như vậy cứu thoát nỗi sợ to lớn sinh tử, luân hồi trong biển khổ của các người, đưa đến bờ kia của Niết Bàn Cứu Cánh, khiến cho tâm phát hạnh, tin nhận **Minh Pháp** (Vidya-dharma).

Khi ấy có Đức Phật hiệu là **Quang Diệm Chủng Chủng Trang Nghiêm Như Lai** lại nói rằng:"Sức của Đại Minh này, nơi tất cả chúng sinh trên bờ dưới nước ấy làm Đại Cứu Hộ. Ở chốn hắc ám kia, làm ánh sáng lớn. Nơi các tội chướng, sinh ra căn lành. Đại Kim Cương Đà La Ni này, nghe Đức Phật quá khứ làm Hạnh tương ứng. Người biết, tâm được trong sạch biến thành **Tối Thượng Cát Tường Tam Muội**, tất cả điều ác quá khứ rồi tự tiêu trừ, tất cả nghiệp tội rồi tự chẳng sinh

Nếu lại có người lắng nghe thọ trì, chuyên tâm đọc tụng như lời Pha65t nói thì tất cả sự nghiệp đều được thành tựu, tất cả phiền não đều được giải thoát, thành mãn ước nguyện của tất cả chúng sinh. Pháp Trí của Như Lai ở Thế Gian không có gì ngang bằng được.

Lại nữa đọc tụng 108 tên này, Đa La Bồ Tát cứu giúp dẫn lối được gặp Chính Giác, thành tựu mong cầu.

Nếu Quốc Vương, Đại Thần, Trưởng Giả đối với chúng sinh lúc trước, thấy đều quy phục, hay phá tất cả mê vọng phiền não của Thế Gian"

Bấy giờ Đức **Quang Diệm Phật** nói rằng:" Người ấy vào Như Lai Tộc (Tathàgata-kulàya), là Chân Sư Tử Quang Minh Lực Đẳng, hay hiểu Trời Người,

đủ sức đại tinh tiến, được tối thượng đon nghiêm của Đức Như Lai ấy, nổi danh Đại Sĩ, khéo giải Pháp Tướng, lợi ích tối thắng"

Lại Đức Phật ấy nói rằng:"Lìa dục, tâm vui, chẳng sinh phiền não, khéo trụ ưa thích, phát tâm rộng lớn, ngày đêm an ổn, Đa La Bồ Tát yêu thích thủ hộ. Lại được tất cả Trời, Rồng, Quỷ, Thần...kinh ngạc chưa từng có, vui vẻ yêu thích, đỉnh lễ, chấp tay đứng thẳng khen ngợi"

KINH THÁNH ĐA LA NHẤT BÁCH BÁT DANH ĐÀ LA NI  
\_Hết\_

07/12/2009

Mật Tạng Bộ 3\_ No 1106 (Tr 474 → Tr 476)

## KINH TÁN DƯƠNG 108 DANH CỦA ĐỨC ĐA LA TÔN BỒ TÁT

Hán dịch: Tây Thiên Trung Ấn Độ, nước Nhạ Lan Đà La, Chùa Mật Lâm  
Tam Tạng Minh Giáo Đại Sư\_ Sa Môn được ban áo tía là THIÊN TỨC TAI phụng  
chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Nhất tâm quy mệnh lễ!

Núi **Bồ Đa La Ca** (Potalaka)

Tốt lành đáng yêu mến.

Cõi đó dùng mọi thứ

Châu báu để nghiêm sức

Mọi loại rừng cây báu

Rũ cành lá rậm kín

Có mọi thứ thành tựu

Hoa diệu, Câu Tô Ma (Kusuma)

Hoa ấy chiếu sáng khắp.

Có mọi thứ ao hồ

Suối tuôn đủ mọi tiếng

Cũng có mọi màu sắc

Hương Tượng (Voi lớn) với Lộc Vương (vua Nai)

Phong Vương (Ông chúa) tiếng ca hay.

Nữ Khẩn Na (Kimnari) múa đẹp

Càn đạt Bà (gandharva) tấu nhạc.

Thánh Thiên với nhân dân

Mâu Ni (Muni) chúng Ly Dục

Luôn tập hội trong đấy.

Còn có chúng Bồ Tát

Với Mười Địa TỰ Tại

Thánh Đa La Bồ Tát (Àrya Tàrà Bodhisatva)

Cùng ngàn đấng Minh phi (Vidya Rànñi)  
 Vây quanh đấng Mã Đầu  
 Phần Nộ đại Minh Vương (Hayagriva Krodha mahà Vidya Ràja)  
 Lúc đó Thánh Cụ Đức  
 Quán Tự Tại Bồ Tát (Àrya Avalokite 'svaràya Bodhisatva)  
 Vì lợi các Hữu Tình  
 Đã đầy đủ hạnh lớn (Đại Hạnh)  
 Đấng Từ Bi Hỷ Xả  
 An lành ngồi ngay thẳng  
 Trên tòa sen Cát Tường  
 Trong Thai Tạng Sinh kia.  
 Cùng đại chúng người, Trời  
 Vì họ nói Diệu pháp.  
 Bấy giờ Kim Cương Thủ (Vajra pàni)  
 Đại Lực Phần Nộ Vương (Mahà bala Krodha Ràjà)  
 Vì thương sót kẻ khác  
 Nên hỏi Quán Tự Tại  
 “Sư tử, voi, cọp, rắn  
 nước, lửa, giặc, gông cùm  
 Tắm nạn tai như vậy.  
 Hữu Tình kém cõi lười  
 Làm sao miễn lìa được?  
 Biển luân hồi, ở lâu  
 Bị tham, dục, sân, nghi  
 Xoay chuyển vòng buộc quẩn  
 Nếu khiến được giải thoát  
 Tôi nói NẶNG NHÂN ấy  
 Được Thế Gian tôn trọng”.  
 Khi ấy Quán Tự Tại  
 Tuôn lời nói mỹ diệu.  
 Cảnh giác Kim Cương Thủ:  
**“Bí Mật Chủ! Lắng nghe**  
**Tôi từ Vô Lượng Thọ (Amitàyus Buddha)**  
**Đã khởi sinh Thệ Nguyện**  
**Làm mẹ các Thế Gian.**  
**Tay cầm hoa Ưu bát (Utpala – Hoa sen màu xanh da trời)**  
**Phóng quang chiếu cõi này.**  
**Nhân gian với cõi Trời**  
**Kinh động loài Dực Xoa (Yakṣa)**  
**La Sát (Ràkṣasa) của cõi đó**  
**Bảo rằng: Đừng Kinh Sợ!**  
**Ta từ Phật biến hóa**

*Hộ giúp cho Thế Gian.  
Mọi hiểm nạn, sợ hãi  
Đao binh với dôi khát  
Mọi sợ hãi luân hồi  
Ta cứu Hữu Tình nên  
Đời xưng là Đa La ( Tà-rà )  
Nói là con của Phật  
Lành thay! Nên tôn kính ”*  
Nói xong liền chấp tay  
Nhảy lên trụ trong không.  
Hào quang thân rực lửa  
Diễn bày lời nói này:  
*“ Một trăm lẻ tám tên  
Phật đời trước đã nói  
Hàng Thập địa Tự Tại  
Vô lượng các Bồ Tát  
Nghe xong, sinh vui vẻ  
Nếu có người thọ trì  
Các tội đều tiêu diệt  
Tăng phước, danh xưng rộng  
Nhiều tiên của, tốt lành  
Các bệnh tiêu tan hết  
An lành trụ ruộng phước  
Sống lâu và an vui  
Hiền lành độ Hữu Tình  
Tên ấy: Đại Mâu Ni  
Đủ Đức như đã nói. ”*  
Quán Tự Tại mỉm cười  
Xem xét khắp mười phương.  
Vận Tâm Từ biến hóa  
Liền duỗi bàn tay phải  
Tay phước tướng trang nghiêm  
Bảo đấng Đại Trí rằng:  
*“ Lành Thay! Kim Cương Thủ!  
Nay nghe Đại phước đức  
Tên Diệu Tịch Tĩnh ấy.  
Thẳng thắn vì ông nói  
Nếu nghe được an vui  
Giàu có và tự tại  
Các bệnh được giải thoát  
Đầy đủ các công đức  
Ngừng dứt nạn chết yếu  
Cuối cùng sinh Cực Lạc*

*Hàng chữ Thiên nên biết*

*Lắng nghe! Nay ta nói*

*Các người hãy tùy vui*

*Trăm lẻ tám tên là:*

- 1\_ An, thất-ly ca lý-dã ni, ma ha đế nhạ
- 2\_ Lộ ca đà đát-ly, ma ha dã xả
- 3\_ Tát la sa-phộc đế
- 4\_ Vĩ sa lạc khất-sử
- 5\_ Bát-la chỉ-nhương
- 6\_ Thất-ly
- 7\_ Một địa
- 8\_ Phộc lị-đạt ninh
- 9\_ Địa-lị đễ na
- 10\_ Bồ sát-trí na
- 11\_ Sa-phộc hạ
- 12\_ An, ca La
- 13\_ Ca ma lộ nhĩ ni
- 14\_ Tát phộc tát đát-phộc, tứ câu ne-\_ dụ ngật-đá
- 15\_ Tăng nghiệt-la mộ đa la ni
- 16\_ Nhạ dã
- 17\_ Bát-la chỉ-nhương, bá la mặt đá, nhĩ vĩ-duệ
- 18\_ A lị-dã đá la
- 19\_ Ma nỗ la ma
- 20\_ Nộ nỗ ty
- 21\_ Thương xí nễ
- 22\_ Bố la-noa
- 23\_ Vĩ nễ-dã la nghệ dĩ
- 24\_ Phả lị-diễm phộc na.
- 25\_ Tán nại-la năng năng
- 26\_ Ma hạ kiểu lị
- 27\_ A nỉ đá
- 28\_ Tỷ đá phộc tát sa
- 29\_ Ma hạ ma dã
- 30\_ Ma hạ thất-phê đá
- 31\_ Ma hạ mặt la phả la ngật-la ma.
- 32\_ Ma hạ lỗ nại-la
- 33\_ Ma hạ tán noa
- 34\_ Nột sát-tra tát đát-phộc, nễ tố na nễ.
- 35\_ Bát-la tán đá
- 36\_ Tán đá lỗ bá tả
- 37\_ Vĩ nhạ dã
- 38\_ Nhập-phộc la năng, bát-la bà

- 39\_ Vĩ nễ-dụ la-ma lý.  
40\_ Đặc phộc nỉ  
41\_ Thương xí  
42\_ Già nặc nghệ  
43\_ Tác ngật-li  
44\_ Đạt nỗ la-dạt la  
45\_ Nhiễm bà nễ  
46\_ Tát diêm bà nễ  
47\_ Ca lý  
48\_ Ca la, la đát-li  
49\_ Nễ xả tạt li  
50\_ Lạc khát-sái tỷ  
51\_ Mệ ha nễ  
52\_ Tán đễ  
53\_ Kiến đá li  
54\_ Nại-la vĩ nị  
55\_ Thú bà  
56\_ Một-la hám-ma ni  
57\_ Phệ na ma đá tả  
58\_ Ngu tứ la  
59\_ Ngu hạ, phộc tất nễ  
60\_ Mãng nghệ-li đã  
61\_ Thương ca li  
62\_ Táo mỹ ca  
63\_ Nhạ đá phệ na  
64\_ Ma nỗ nhạ phộc  
65\_ Ca ba lý nễ  
66\_ Ma hạ nhĩ vĩ  
67\_ Tán địa đã  
68\_ Tát đá đã  
69\_ Phả la nỉ đá  
70\_ Sa la-tha phộc hạ ngật-li bá vĩ sắt-tra  
71\_ Nặng sắt-tra, ma la-nga, bát-la na li-xả nễ  
72\_ Phộc la na  
73\_ Xả tạt nễ  
74\_ Xả tất đát-li  
75\_ Tất-đát-li lỗ bá  
76\_ Mật-li đá, vĩ ngật-la ma  
77\_ Xa phộc li  
78\_ Dụ nghiệt nễ  
79\_ Tất đà

- 80\_ Tán noa lý  
 81\_ A nhĩ đá, độ-lỗ phộc  
 82\_ Thán ni-dã  
 83\_ Mãng ni-dã  
 84\_ Ma hạ bà nga  
 85\_ Tố bà nga.  
 86\_ Tất-li đã, nại li-xả nãng  
 87\_ Ngật-li đát đá  
 88\_ Đát-la tát nễ  
 89\_ Tịch ma  
 90\_ Ổ nghệ-la, ổ nghệ-la  
 91\_ Ma ha đá bá  
 92\_ Nhạ nga nhĩ ca  
 93\_ Tứ nộn nhĩ-dụ ngật-đá  
 94\_ Tát la ni-dã, bà ngật-để, phộc đát-sa la.  
 95\_ Phộc nghiệt thát-phộc li  
 96\_ Thát phộc  
 97\_ Tố khất-sắt ma  
 98\_ Nễ để-dã tát phộc đát-la nha nồ nhạ  
 99\_ Tát phộc la-tha, sa đạt ninh  
 100\_ Bạt nại-la  
 101\_ Ngu tất-đát-li  
 102\_ Đà đát-li  
 103\_ Đạt nan na ná  
 104\_ A bà đã  
 105\_ Kiểu đá nhĩ  
 106\_ Mãng ni đã  
 107\_ Thát-li hàm  
 108\_ Lộ kế thấp-phộc la, ma tổ để.

Đem nói trăm lẻ tám

Tên **Tịch Tĩnh bí mật**

Hay lợi các Hữu Tĩnh

Ruộng phước kín (bí mật) hiếm có.

Trên Trời và Nhân Gian.

Cũng khó thể gặp gỡ.

Khiến tất cả Hữu Tĩnh

Chiêm ngưỡng được an vui

Bạc Trí nên nhất tâm

Tắm rửa thân sạch sẽ

Ba thời chuyên niệm tụng

Chẳng bao lâu người ấy

Được vua chúa yêu kính



Lìa khổ được an vui  
 Người tham được tài bảo  
 Ngu được trí tuệ lớn.  
 Thông sáng chẳng nghi ngờ  
 Giải thoát được gông cùm  
 Khó thắng lại được thắng  
 Oán phản làm bạn lành  
 Nhanh nhẹn với sừng bén  
 Đấu tranh và hiểm nạn  
 Hết thấy sự sợ hãi  
 Ghi nhớ các tên này.  
 Hay cứu sự hãi ấy  
 Ngừng dứt mạng chết yếu  
 Danh xưng được rộng bày  
 Thường sinh giòng Thiện quý.  
 Chi riêng một thân mình  
 Hoặc do đi, ngồi, nằm.  
 Sẽ được người khen ngợi  
 Thọ mệnh được tăng trưởng  
 Nhận vui sướng nhân gian.  
 Trời (Deva) Rồng (Nàga) với Dực Xoa (Yakṣa)  
 La Sát (Rākṣaṣa) Càn Đát Phộc (Gandharva)  
 Xú Thần (Putana) Thực uế Thần (Pi'sàca)  
 Ma Đát Lỗ (Màtr), Tâm ác (màra)  
 Nữ My , Noa Chỉ Nỗ (Dàkinì)  
 Ổ Bà, Đát La đẳng (Tàraka)  
 Điên, cùi và Bác hạnh  
 Phê Đát Noa (vetàla) Đại Quỷ  
 Nhóm Noa Chỉ Nễ (Dàkinì), Thần (Devatà)  
 Với loài tâm ác khắc  
 Chẳng dám vượt hình bóng  
 Huống chi nơi chiến đấu.  
 Các Hữu Tình bạo ác  
 Cấm chú và Huyền Thuật  
 Đều chẳng thể xâm hại  
 Tự Tại có Uy Đức  
 Con cháu, tiền, súc vật  
 Tăng trưởng không hạn lượng  
 Được Túc Mệnh Trí Thông.  
 Thượng Tộc nhìn đều vui  
 Đại biện tài vô ngại  
 Liễu đạt các luận nghĩa

Được gặp Thiện Tri Thức  
Trang nghiêm Tâm Bồ Đề  
Nơi đời đời kiếp kiếp  
Luôn gần gũi chư Phật.

TÁN DƯƠNG THÁNH ĐỨC ĐA LA BỒ TÁT 108 DANH KINH (Hết)

13/01/2002

## 108 TÊN CỦA TÀRÀ

Phục hồi và chú thích Phạm văn: HUYỀN THANH

1\_ ॐ श्रीकृष्ण महेश्वर

OM – (Quy mệnh) 'Sri kalyāṇi (Đạo đức nữ) mahāteja (Đại Uy nghiêm mẫu)

2\_ लोकास्त्री महेश्वरि

Loka stri (Thế gian nữ) mahā ya'sa (Đại danh xưng mẫu)

3\_ सरस्वती

Sarasvati (Biện tài Thiên Nữ)

4\_ विमलेश्वरि

Visarākṣu (Đại Nhãn mẫu)

5\_ प्रज्ञा

Prajña (Trí Tuệ Mẫu)

6\_ श्री

'Sri (Cát Tường Nữ)

7\_ बुद्धि

Buddhi (Giác Tuệ Nữ)

8\_ वरदा

Vardhani (Tăng Trưởng Nữ)

9\_ धृति

Dhṛ 'sina (Trì chủng loại mẫu)

10\_ पुष्टि

Puṣṭina (Tăng Ích Mẫu)

11\_ स्वहा

Svāhā (Thành tựu cát tường)

12\_ ॐ नमो

OM – (Quy mệnh) Kārā (Tạo tác mẫu)

13\_ कमलजिनि

Kamalo Jini (Liên hoa Thắng Nữ)

14\_ सर्वसत्त्वहितोद्योग

Sarva sattva hīta adhyuṣṭa (Tăng trưởng lợi ích nhất thiết Hữu Tình mẫu)

15\_ सर्वसुख

**Sàgra mudraṇi** (Hải Ấn Nữ)

16\_ स्रग्य

**Jaya** (Tôn Thắng Thần Nữ)

17\_ जय परमथ देविय

**Prajña paramartha devīye** (Trí Tuệ Tối Thượng Thiên Nữ)

18\_ प्रज्ञापरमार्थदेविये

**Àrya Tàrà** (Thánh Cứu Độ Mẫu)

19\_ अर्या ताराम्

**Mano ràrà** (Thích Duyệt ý nữ)

20\_ मनोरथ

**Duṇḍubhi** (Cổ Thần Nữ – Nữ thần Đánh trống)

21\_ दुन्दुभि

**'Saṃ khini** (Tù Và Thần Nữ)

22\_ सखिनि

**Pùṇa** (Viên Mãn Mẫu)

23\_ पुणाम्

**Vidya ra'smi** (Minh Quang Nữ)

24\_ विद्या रासमि

**Paryam vacana** (Thích Duyệt Ngôn Ngữ Mẫu)

25\_ पार्याय वचनाम्

**Candra nàrà** (Nguyệt Diện Mẫu)

26\_ चन्द्रानाम्

**Mahà Gaurì** (Đại Bạch Huy Quang Mẫu)

27\_ महागौराम्

**Ajità** (Vô Năng Thắng Thần Nữ)

28\_ अजिता

**Pita vastram** (Hoàng Y Mẫu)

29\_ पितृवस्त्रम्

**Mahà Mayà** (Đại Huyền Hóa Mẫu)

30\_ महामयाम्

**Mahà 'sveta** (Đại Bạch Sắc Mẫu)

31\_ महासुवाम्

**Mahà prakrama** (Đại Anh Hùng Mẫu)

32\_ महाप्रक्राम्

**Mahà Rudra** (Đại Tự Tại Mẫu)

33\_ महासुवाम्

**Mahà Caṇḍa** (Đại Bạo Nộ Mẫu)

34\_ महाकण्डाम्

**Duṣṭa sattvà nìsùdanì** (Trảm ác Hữu Tình Nữ)

35\_ दुष्टसत्त्वनिषेदनि

**Pra 'santa** (Bình Loạn Mẫu)

36\_ प्रे सं सं सं सं

**'Santa rūpaṣya** (Kiến Tạo Hòa Bình Mẫu)

37\_ सं सं सं

**Vijaya** (Tối Thắng Thần Nữ)

38\_ सं सं सं

**Jvala prabha** (Uy Diễm Quang Mẫu)

39\_ सं सं सं

**Vidyurmale** (Điển Man Mẫu – Người đeo Tràng Hoa lóc ánh điện)

40\_ सं सं

**Dhvajī** (Thắng Tràng Nữ – Người cầm Cây Phướng Chiến Thắng)

41\_ सं सं

**'Samkhi** (Bình Bát Nữ - Người nữ ôm bình bát)

42\_ सं सं सं

**Khatva ṅgi** (Lợi Kiếm Nữ – Người cầm cây kiếm sắc bén)

43\_ सं सं

**Cakri** (Luân Nữ – Người cầm bánh xe)

44\_ सं सं सं

**Dhaṇḍordhàra** (Trì Nhân Đầu Bổng Mẫu)

45\_ सं सं सं

**Jambhani** (Tội Phục Nữ)

46\_ सं सं सं

**Sajambhani** (Thiện Tội Phục Nữ)

47\_ सं सं

**Kàli** (Hắc Mẫu Thiên)

48\_ सं सं सं

**Kàla ràtri** (Hắc Dạ Thần Nữ)

49\_ सं सं सं

**Nī'sa carye** (Dạ Hành Thần Nữ)

50\_ सं सं

**Rākṣasi** (La Sát Nữ hay Hộ Vệ Nữ)

51\_ सं सं

**Mohani** (Mê Hoặc Nữ)

52\_ सं सं

**'Santi** (Tịch Tĩnh Nữ)

53\_ सं सं

**Kuṇḍali** (Quân Trà Lợi Nữ – Người ôm ấp yêu thương)

54\_ सं सं

**Dramili** (Dũng Mãnh Nữ)

55\_ सं सं

- 'Subha (Đức Hạnh Mẫu)  
56\_ सुभाम्
- Brahmani (Phạm Thiên Nữ)  
57\_ ब्रह्मण्य
- Veda màtasya (Vệ Đà Mẫu Đẳng)  
58\_ वेदमता
- Guhera (Bảo Hộ Mẫu)  
59\_ गुहरी
- Guha Vasini (Ẩn Cư Nữ)  
60\_ गुहावसि
- Ma ñ galya (Cát Khánh Mẫu)  
61\_ माङ्गल्या
- 'Sa ñ kari (Thuận Lợi Mẫu)  
62\_ साङ्गरी
- Saumya (Hiền Thiện Mẫu)  
63\_ सौम्या
- Jaṭa veda (Thông Minh Mẫu)  
64\_ जटवेद
- Mano japa (Thiên Xảo Ý Mẫu)  
65\_ मानोजप
- Kàpalini (Độc Lôu Thân Nữ)  
66\_ कपालिनी
- Mahà Devi (Đại Thiên Nữ)  
67\_ महादेवी
- Satya (Chân Thật Mẫu)  
68\_ सत्य
- Sàdhaya (Nghĩ Thức Thành Tựu Mẫu)  
69\_ साधया
- Parajita (Năng Thắng Thân Nữ)  
70\_ पराजिता
- Sàrtha vaha kṛpà dṛṣṭi (Bi Mẫn Kiến Thân Nữ)  
71\_ सार्थवाकर्षिणी
- Nàṣṭi marga pradar'sani (Hướng Đạo Nữ)  
72\_ नास्तिमार्गप्रदासि
- Varada (Dữ Nguyện Mẫu)  
73\_ वरदा
- 'Sàrani (Huấn Luyện Nữ)  
74\_ सारणी
- Sastri (Giáo Viên Nữ)  
75\_ सास्त्री

**Strì rùpa** (Trì Nữ Hình Mẫu)

76\_ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Amṛta vikrama** (Bất Tử Anh Hùng Mẫu)

77\_ ॐ ॐ ॐ

'**Sabari** (Đa Sắc Nữ – Người hay ẩn thân)

78\_ ॐ ॐ ॐ

**Yoginì** (Du Già Nữ)

79\_ ॐ ॐ

**Siddhe** (Thành Tựu Nữ)

80\_ ॐ ॐ ॐ

**Caṇḍari** (Bạo Nộ Nữ)

81\_ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Ajita 'sruta** (Vô Năng Thắng xuất chúng Mẫu)

82\_ ॐ ॐ ॐ

**Sannya** (Ly Hạnh Mẫu)

83\_ ॐ ॐ ॐ

**Maṇiya** (Như Ý Đẳng Mẫu)

84\_ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Mahà bhaga** (Đại Đức Tính Mẫu)

85\_ ॐ ॐ ॐ

**Subhaga** (Thiện Đức Tính Mẫu)

86\_ ॐ ॐ ॐ ॐ

'**Sriya dar 'sana** (Cát Tường Kiến Mẫu)

87\_ ॐ ॐ

**Kṛtva** (Khởi Tạo Mẫu)

88\_ ॐ ॐ ॐ

**Trasani** (Tam Lợi Nhuận Nữ – Người nữ có 3 thứ sắc đẹp, danh vọng, của cải)

89\_ ॐ ॐ

'**Sima** (Giới Đàn Mẫu)

90\_ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Urga durga** (Uy Mãnh Bạo Ác Thần Nữ)

91\_ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Mahà Sarpa** (Đại Xà Mẫu)

92\_ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Jagat Jik** (Thắng Thế Gian Mẫu)

93\_ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**He!**<sup>(Mừng thay)</sup> **Anu adhyuṣṭa** (Thuận Tăng Trưởng Mẫu)

94\_ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Sara adhya Bohakti vassara** (Tín Giáo Thiện Hữu Mẫu)

95\_ ॐ ॐ ॐ ॐ

- Bhage 'svari** (Đức Tính Tự Tại Mẫu)  
96\_ भृङ्ग
- Svàk** (Ngôn Ngữ Chủ Mẫu)  
97\_ शृङ्ग
- Sukṣmà** (Hoan Hỷ Mẫu)  
98\_ शृङ्ग मृङ्ग मृङ्ग मृङ्ग
- Nitya sarvathà anugate** (Nhất Thiết xứ đồng hành Mẫu)  
99\_ मृङ्ग मृङ्ग मृङ्ग
- Sarvārtha sàdhani** (Thành Tựu nghĩa lợi nữ)  
100\_ मृङ्ग
- Bhadra** (Hiên Mẫu)  
101\_ शृङ्ग
- Guhya strì** (Bí Mật Nữ)  
102\_ श्री
- Strì** (Y Tá Nữ)  
103\_ श्री श्री श्री
- Dhanadani** (Tài Thí Nữ)  
104\_ श्री श्री
- Abhaya** (Vô Úy Mẫu)  
105\_ श्री श्री श्री
- Gotamì** (Cồ Đàm Mẫu)  
106\_ श्री श्री
- Malya** (Thắng Man Mẫu – Người đeo vòng hoa chiến thắng)  
107\_ श्री श्री
- 'Sri mam** (Tôi Khen ngợi ca tụng)  
108\_ श्री श्री श्री श्री श्री श्री श्री
- Loke 'svara masuti** (Người con gái mỹ lệ của Thế Tự Tại)

Hoàn chỉnh Phạm Văn vào ngày 20/05/2008

Mật Tạng Bộ 03 (Tr 331 – Tr 332)

## ĐA LA BỒ TÁT HỘ TRÌ

(Trích trong Kinh **Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Đà La Ni Chân Ngôn Đản Ấn Tam Muội Gia** này cho người trì Chân Ngôn ở Thế Gian được lợi ích lớn, quyển 19, phẩm 37)

Hán dịch: BỒ ĐỀ LƯU CHI

Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ **Đa La Bồ Tát** từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng theo bên phải, quay trở về trụ một bên, rồi bạch với Đức Phật rằng:

“Thế Tôn! Tôn Giả Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ấy hay khéo diễn bày. Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Đà La Ni Chân Ngôn Đản Ấn Tam Muội Gia này cho người trì Chân Ngôn ở Thế Gian được lợi ích lớn.

Thế Tôn! Nay con cũng có Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Đa La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia – Nếu người tu Chân Ngôn ở trong 21 ngày thanh tịnh như Pháp, tinh tiến niệm tụng, hoặc thường tụng trì Chân Ngôn này – Con sẽ tùy theo ủng hộ, dùng mọi thứ Thần biến của Tam Muội, thị hiện ban cho các Nguyên Quả – Con muốn ở trước mặt Đức Phật diễn bày, nguyện xin rủ lòng thương nhận cho”

Bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai bảo Đa La Bồ Tát rằng “Lành thay! Lành thay! Người nên nói – Ta sẽ gia bị cho”

Khi ấy Đa La Bồ Tát liền nói **Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Ma Ni Tâm Đà La Ni Chân Ngôn** là:

- 1\_ Na mạc tắc-trất lệ duệ, đặc tấn ca nam.
- 2\_ Đả tha nga đá nam
- 3\_ Xá chỉ dã, la nhạ
- 4\_ A địa sắt xá na
- 5\_ Na mạc tắc khất lệ đa nam.
- 6\_ Na mô la đất na đất la gia dã
- 7\_ Na mạc A\_lợi gia
- 8\_ Phộc lộ chỉ đế Thấp phộc la dã
- 9\_ Bồ địa tát đỏa dã



- 10\_ Ma ha tát đỏa dã
- 11\_ Ma ha ca lỗ ni ca dã
- 12\_ Na mạc tắc đả la duệ
- 13\_ Ma la nhĩ mê
- 14\_ Án- Đả la ni, đả la ni
- 15\_ Đả lệ, bát đầu ma
- 16\_ Nhĩ bộ sử đa, đả lệ
- 17\_ Ma ni, ca ná na
- 18\_ Nhĩ chất đất, ma lê
- 19\_ Nhạ tra, ma câu tra.
- 20\_ Ma ni đả, bát đầu mê
- 21\_ Độ lỗ, độ lỗ
- 22\_ Bát đầu ma, bá xã, bộ nan
- 23\_ A mô già, bá xã, ca tắc đê.
- 24\_ Đả la dã, bả già phộc đê.
- 25\_ Ma ha tát địa, bà la ni
- 26\_ Đổ lỗ, đổ lỗ
- 27\_ Ma ha đả la ni
- 28\_ Bà la nê, sa đa dã, tát đê
- 29\_ A mộ già, bả la nê
- 30\_ Sa\_phộc hạ

- Ma Ni Đại Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:

**“Án – A Mô già, bát đầu nhĩ nễ, đả lê, sa\_phộc ha”**

Ma Ni Tiểu Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:

**“Án – Ma Ni, đả lê, Hàm”**

Thế Tôn! Ma Ni Tâm Đà La Ni Chân Ngôn này ban cho người tu Chân Ngôn mãn các điều cầu nguyện.

Nếu tô điểm Đạo Trường, đặt Tượng Đa La – Lấy An Tất Hương, Tô Hợp Hương, Tái Tất Lật Ca Hương, ... hòa hợp như Pháp – Dùng chân ngôn ấy, ngày đêm như pháp gia trì vào Hương, rồi thiêu đốt thừa sự cúng dường, tụng 10 vạn biến thì Con (Đà La Bồ Tát) liền hiện thân ban cho điều nguyện cầu , trừ bỏ tai nạn về các Dục xoa, La sát, Quỷ Thần, đấu tranh,...

Thế Tôn! Nếu người tu Chân ngôn, mỗi khi muốn nằm thì ở trước Tượng, đốt hương, tụng 21 biến rồi nằm ngủ , con mau chóng hiện trong mộng, ở trước mặt người ấy diễn nói tất cả việc Pháp trong 03 đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) khiến cho người ấy được viên mãn tất cả tri giải, thành tựu phước đức, trừ diệt tất cả tai quái bệnh não – Sau khi người ấy chết, con sẽ hiện thân ban cho chính niệm và đưa người ấy vĩnh sanh về cõi Phật, hóa sinh trong hoa sen, viên mãn mọi sắc tướng, được Túc Trụ Trí, được các Như Lai thọ ký riêng, được thân Kim Cương trụ trong Đoàn Hội chủng tộc của các Như Lai cho đến chẳng bị thoái chuyển nơi vô Thượng chính đẳng Bồ Đề.”

Lúc bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai bảo Đa La Bồ Tát rằng:  
“Lành thay! Lành thay! Người hay nói về **Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Ma Ni Chân Ngôn** để hộ trì cho tất cả người tu Chân ngôn được Tất Địa Tối Thắng – Người nên Gia bị tối thượng Nguyên Địa mà ủng hộ cho họ”.

\_Hết\_

14 /02/ 2002

**\*) Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Ma Ni Tâm Đà La Ni Chân Ngôn**

Phục hồi và chú thích Phạm văn: HUYỀN THANH

ॐ नमः श्रियै शुकं गणपतये

NAMAḤ STRIYADHVIKANĀM TATHĀGATĀNĀM (Kính lễ các Đấng Như Lai của ba đời).

ॐ शक्यराजाधिष्ठानं नमस्कृतये

'SĀKYA RĀJA ADHIṢṬHANA NAMASKṚTANĀM (Kính lễ lực gia trì của Thích Ca Vương).

ॐ नमो रत्नत्रये

NAMO RATNATRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo).

ॐ नमः शक्रदेवेन्द्राय वसुदेवाय महासत्याय महासत्यदेवेन्द्राय

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITE'SVARĀYA BODHISATVĀYA MAHĀ SATVĀYA MAHĀ KĀRUNĪKĀYA (Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát ma ha tát).

ॐ नमः सधारे माला निमि

NAMAḤ SADHĀRĀYE MĀLĀ NIMI (Kính lễ Đấng Diệu Trì với chuỗi ngọc lấp lánh).

ॐ

OM (Quy mệnh).

ॐ तारानि तारानि तारा

TĀRĀNI (Đấng Chiến Thắng) TĀRĀNI (Đấng Tự Do) TĀRA (Đấng Cứu Độ Mẫu).

ॐ पद्म विभूषिता तारे

PADMA VIBHŪṢITA TĀRE (Đấng Cứu Độ Mẫu dùng hoa sen để trang sức).

ॐ मणि कानका वicitra माले जता मुकुटा मण्डिता पद्मे

MAṆI, KANAKA, VICITRA MĀLE JATA MUKUṬA, MAṆḌITA PADME (Ngài ngự trong hoa sen được trang điểm bằng mào báu vòng hoa nhiều màu; vàng; ngọc như ý).

ॐ धुरु धुरु

DHURU DHURU (lóa sáng, tỏa những tia sáng của lửa)

ॐ पद्मपति सुखं समप्यपति कुण्डलये

**PADMA PÀ'SA BHÙTÀM AMOGHA PÀ'SA KṢATI TÀRÀYA** (Sợi dây hoa sen trở thành sợi dây Bất Không cứu giúp vượt qua sự tổn hại bất lợi).

ॠॠॠॠ ॠॠॠॠ ॠॠॠॠ

**BHAGAVATE MAHÀ SIDDHI BHARAṆI** (Thế Tôn Đại Thành Tựu ủng hộ).

ॠॠ ॠॠ

**TURU TURU** (Tốc tạt, mau chóng, gấp rút)

ॠॠॠॠ ॠॠॠ ॠॠॠ ॠॠॠ

**MAHÀ TÀRÀNI BHARAṆI SÀDHAYA SIDDHI** (Thành Tựu hoàn toàn phong thái của Đại Cứu Độ Mẫu).

ॠॠॠ ॠॠॠ ॠॠ

**AMOGHA BHARAṆI SVÀHÀ** (Thành Tựu viên mãn phong thái của Đấng Bất Không)

*\*) Ma Ni Đại Tâm Đà La Ni Chân Ngôn*

ॐ ॠॠॠॠॠॠॠ ॠॠ ॠॠ

**OM – AMOGHA PADMIṆI TÀRE – SVÀHÀ.** (Quy mệnh Bất Không Liên Hoa Cứu Độ Mẫu – Thành Tựu cát tường)<sup>1</sup>

*[Quy mệnh – Người đàn bà tuyệt hảo của Đấng Bất Không – Thành tựu cát tường]*

*\*) Ma Ni Tiểu Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:*

ॐ ॠॠ ॠॠ ॠ

**OM – MAṆI TÀRE – SVÀHA** (Quy mệnh Như Ý Cứu Độ Mẫu – Thành Tựu cát tường).

Hoàn chỉnh Phạm Văn vào ngày 11/02/2007

Mật Tạng Bộ 3 – No 1109 (Tr. 484)

## BẠCH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU TÁN

Hán dịch: Trụ Trì chùa Tĩnh Trụ ở Bắc Kinh – A VƯỢNG TRÁT THẬP  
Việt dịch: HUYỀN THANH



母佛度救白

### \* Nạp ma Chí Tôn Thánh Cứu Độ Phật Mẫu

- An (Om) Cứu Độ Du Hồi Đáp Liệt Mẫu (Samskara Tàre: Độ thoát luân hồi Mẫu)

Dùng **Đô Đáp Liệt** (Tuttàre) thoát tám nạn.

Tất cả bệnh tội, **Đô Liệt** (Ture) cứu

Trước Cứu Độ Mẫu kính tán lễ

- Chính giữa hoa sen màu Trắng tịnh

Trên đó an bày tòa Nguyệt Luân.

Tòa hiện **Kim Cương Du Già Mẫu** (Vajra yoginì)

Trước Thích Nguyện Mẫu, chí kính lễ.

- Mặt như tướng ánh sáng Trăng Thu

Thân Phật Mẫu tựa Hạo phách luân.

Mọi thứ trang nghiêm đầy đủ cả

Trước Đấng cầm hoa (Ulpàla – Hoa sen xanh da trời) xin kính lễ

- Đây đủ Thế tướng mười sáu tuổi.

Tất cả chính Giác đều là con

Đảm đương ban bố tùy ước muốn

Kính lễ trước Cứu Độ Phật Mẫu.

- Luân Trắng tinh tỏa hào quang trắng

Trên tám cây cặm hiện tám chữ.

Tất cả đồng với tướng xoay chuyển

Hướng trước Cụ Luân, chí kính lễ.

- Tất cả sát Thổ (cõi, nước) đều thanh tịnh

Trong đó rải đầy nhiều hoa báu

Đản sinh Mẹ của Phật ba đời

Trước Mẫu Tôn ấy, chí kính lễ.

- Thánh Mẫu, Độ Mẫu, Cứu Độ Mẫu

Tăng ích Thọ Mẫu, Như Ý Luân.

Trước Phật Mẫu Tôn xin cầu đảo

Làm tiêu thọ duyên Ma của con.

- Bệnh tật, tất cả nạn khổ đau.

Cầu xin bảo hộ giúp cho con.

Các Thành Tựu Thắng với Thông Thường

Ban bố cho con không dư sót

- Trước Thánh Mẫu Tôn, thành kính lễ

Xin thường ghi nhớ như con đở

Trước Tôn con cũng chí khẩn cầu

Cầu xin thường cầm Từ Bi Câu (móc câu Từ Bi)

- Thắng Thân Phật Mẫu như ánh trăng.

Yếu diệu nhu thiện thể đoan nghiêm.

Diệu tướng điểm tô nhiều vật báu

Dùng lụa là tốt tạo quần xiêm

- Trên tòa báu vành trắng hoa sen.

Hai chân ngồi Kim Cương Kiết Già

Một mặt, hai tay, dung mạo vui

Sinh làm mẹ của Phật ba đời.

- Trước Phật Mẫu Tôn thường quì lạy

Nay đối trước Tôn dùng diệu tán

Xin giúp chúng con lúc tu đạo

Từ nay cho đến được Bồ Đề

Tiêu trừ mọi nghịch duyên trong đó.

Nguyện được đầy đủ nơi Thuận duyên.

**“Án – đáp liệp, đô đáp liệp, đô liệp, mạ mạ, a du li bồ nột điệp, ni nạp, bồ  
chân, cổ lỗ điệp, xá ha”.**

\* Bạch Độ Mẫu Chú:

ॐ नमो बुद्धे बुद्धे बुद्धे बुद्धे बुद्धे बुद्धे बुद्धे बुद्धे बुद्धे बुद्धे  
OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – ÀYUḤ PUṆYE JÑÀNA PUṢṬIṀ KURU  
– SVÀHÀ.

BẠCH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU TÁN (Hết)

14/01/2002

Vạn Tự Tục Tạng Kinh \_ Tập 59 \_ No.1054

## LIÊN HOA BỘ ĐA LỢI TÂM BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán văn: Nam Thiên Trúc Tam Tạng **BẠT CHIẾT LA BỒ ĐỀ** (Vajra-bodhi)  
tập soạn

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Ngài Tam Tạng của Nam Thiên Trúc là **Bạt Chiết La Bồ Đề** (Vajra-bodhi: Kim Cương Trí) đã góp nhặt rồi biên soạn **Khu Yếu Niệm Tụng Môn**. Trong đó ý muốn khéo thành **Đa Lợi Tâm Bồ Tát** cũng thông tất cả các Bộ. Nếu dùng Bộ khác thời nên theo bậc **Minh Pháp** (Hiểu rõ Pháp), gần gũi hỏi han, quyết lược bỏ định liệu **Minh Chú Ấn**, các thứ tự khác, đừng nên thêm bớt

Pháp Môn này kết hợp với Pháp Môn của các Kinh và Du Già Môn tạo thành. Vì người sơ tâm cầu giải thoát đều được địa vị, cho nên tu tập thành tựu Hạnh đó

Người tu Môn này. Trước tiên nên vào **Đại Tam Muội Gia Đàn** (Mahà-samaya-maṇḍala), thọ **Bồ Tát Giới** (Bodhisatva-vinaya), hành **Bồ Tát Hạnh** (Bodhisatva-carya), khởi ý **Đại Bi** (Mahà-karuṇa), buông bỏ tiền tài thân mệnh, làm lợi ích cho Hữu Tình. Chuyên tâm mong cầu kính ngưỡng **Phật Bồ Đề**, chẳng dính tham giận, siêng năng dũng mãnh nhiếp Tâm chẳng loạn, **Từ Bi Hỷ Xả** luôn không tạm ngưng, Tâm thường phát Nguyện thủy đều khiến cho vô biên chúng sinh vượt qua bờ kia.

Người hành Pháp này, bên trong bên ngoài của thân mình trong sạch, khiến thật nghiêm khiết. Ở chỗ của các bậc trưởng túc, hoà thượng, **A Xà Lê** (Àcàrye)...thường nên tôn trọng, tâm không có nịnh hót quanh co (xiểm khúc), nói năng thành thật, chẳng trái ngược với Tín Mệnh, tùy phần hành **bố thí** (Dàna), đừng tham dính tài thí, Tâm không gián đoạn nơi bốn uy nghi đừng để khuyết đứt, thường tu **Phạm Hạnh** (Brahma-carya), đừng nghĩ đến sắc dục, buông thả phóng túng với các việc mua bán.

Như vậy khoảng giữa, mỗi một sát na thời phần, lắng niệm chân thật nhìn các **Hành** đều **Vô Thường**. Lược nói là: "*Tất cả các Pháp giống như hình tượng trong gương*". Đã biết điều đó xong, cần phải mặc áo giáp tinh tiến, phá hoại quân phiền não, trì Minh Chú, nghiệm phá tận lưới mê, ra khỏi biển hư vọng của Sinh Tử đến

Bồ Đề Trưởng ngồi trên toà Kim Cương, quyết định tâm của mình đừng khiến thoái chuyển.

Người tác ý như vậy mới nên tu tập Pháp Môn tối thắng trong **Đại Thừa Giới Tạng** này. Chính vì thế cho nên Ta theo thứ tự nói:

Người muốn niệm tụng, trước tiên làm sạch đất. Pháp làm sạch đất là: Chọn lựa đất ấy hoặc rộng bốn khuỷu tay, tám khuỷu tay, mười một khuỷu tay, mười sáu khuỷu tay... ở trong lượng ấy tùy theo sức mà chọn. Xong đào sâu xuống đến đầu gối, hoặc sâu một khuỷu tay. Lựa bỏ trùng, kiến với các nhóm vật uế ác thuộc nhóm các gói, đá vụn, tóc, xương, tro, than, vỏ trấu, hạt lúa lép, gai góc, gốc cây... Lấy đất sạch lấp đầy rồi nện chặt cho thật bằng phẳng. Xong, nên ở bên trên dựng Diệu Tịnh Xá, xoa tô cái thất ấy. Thoạt tiên định phương hướng

Nếu người cầu Pháp **Trừ Tai** thì thất ấy nên mở cửa Nam, ngồi hướng mặt về phương Bắc. Lúc ngồi thời giao hai ống chân.

Nếu người cầu Pháp **Tăng Ích**. Nên mở cửa Tây, ngồi hướng mặt về phương Đông, ngồi theo thế Kiết Già

Nếu người làm Pháp **Sân Nộ**. Nên mở cửa Bắc, ngồi hướng mặt về phương Nam, ngồi xồm, hai bàn chân, bên trái đè bên phải.

Nếu người làm Pháp **Bằng Hữu Tương Thân**. Nên mở cửa Đông, ngồi hướng mặt về phương Tây, kèm hai ống chân, dựng mở hai đầu gối.

Đây gọi là làm Tịnh Xá với ý cầu việc. Chú Sư ngồi, khởi kết Ấn, làm Pháp. Đã lược nói xong.

Nếu trước tiên có Tịnh Thất, hoặc ở đất ở ngoài đồng trống, hoặc ngay trên nhóm đá, núi... chỉ làm Đàn ấy cũng được, tùy theo việc mong cầu, y như Pháp làm ất được tùy nguyện.

Thất ấy, trước tiên dùng nơi có xoa bôi tô điểm. Liền lấy Chú sau mà chú, sau đó mới tụng.

Nếu muốn làm sạch đất ấy thì lau quét khiến cho trong sạch.



Lúc mới lau quét thời nên tụng Chú này. Chú là:

"**Ān, ha la ha la, la nho, yēt la, ha la noa gia, toa ha**"

ॐ हं [ॐ] [ॐ] [ॐ] [ॐ] [ॐ] [ॐ]

OM \_ HÀRA HÀRA RAJA-UGRA AHÀRANYA \_ SVÀHÀ

Tụng ba biến rồi lau quét.

Lau quét xong, lúc trừ bên trên thời lại tụng Chú sau là:

"**Ān (1) thuế đề, ma ha thuế đề (2) thú đạt nễ (3) toa ha**"

ॐ सुद्धे महे सुद्धे सुद्धे सुद्धे

OM \_ 'SUDDHE MAHÀ-'SUDDHE 'SODHANE \_ SVÀHÀ





Đem Ấn này ấn bên trên các vật, chuyển theo bên phải khua múa dùng để phòng hộ tất cả vật của nhóm hương, hoa, đèn, hương xoa bôi với thức ăn uống

Sau đó người làm Pháp đi đến nơi muốn tác Pháp đó thời hoặc tự mình làm, hoặc khiến đệ tử làm, đều được. Nếu muốn kết Ấn thời trước tiên nên kết **Tam Muội Gia Ấn** xong, sau đó mới được kết các Ấn Tam Muội Tướng.

Thứ nhất là **Phật Tam Muội Gia Ấn** : Hai tay kèm bên cạnh thân tướng dính nhau, như thường bụm vật. Đem đầu ngón trỏ phụ ở vạch bên trên của ngón giữa, tiếp đem đầu ngón cái phụ ở vạch bên dưới của ngón trỏ liền thành Ấn đó.



Chú là:

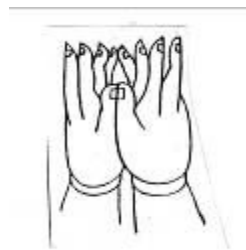
"**Án (1) đát tha yết đồ (2) nạp bà ba gia (3) toa ha**"

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

OM \_ TATHAGATA UDBHAVAYA \_ SVÀHÀ

Tụng Chú này xong, nâng Ấn an trên đỉnh đầu, nên tác tướng là: "*Án này tức là thân Phật*"

Tiếp nói **Liên Hoa Tam Muội Gia Ấn**. Đem hai cổ tay cùng dính nhau, dựng hai bàn tay, bung mở mười ngón tay, hai ngón cái kèm dính nhau, hai ngón út cũng vậy, liền thành.



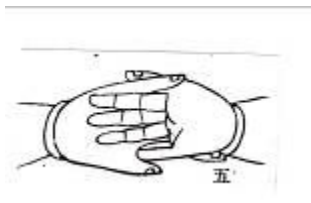
Nâng Ấn này để trên đỉnh đầu như tướng sát bên phải. Nên tác tướng này: "*Án này tức là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát*". Liền nói Chú là:

"**Án (1) bát đầu mâu (2) nạp bà ba gia (3) toa ha**"

ॐ पद्मे नमो ॐ

OM PADMA UDBHAVAYA SVÀHÀ

Tiếp nói **Kim Cương Tam Muội Gia Ấn**. Hai tay, bên phải đè bên trái. Tức ngón út phải cài chéo với ngón cái trái, ngón cái phải cài chéo với ngón út trái, liền thành.



Chú là:

"**Ấn (1) bạt chiết lô (2) nạp bà ba gia (3) toa ha**"

ॐ वज्र उद्वहया स्वहा

OM VAJRA UDBHAVAYA SVÀHÀ

Nâng Ấn này an trên đỉnh đầu như tướng sát bên trái, tưởng làm Kim Cương.

Tác ba **Tam Muội Gia Ấn** xong, sau đó mới có thể kết tất cả các Ấn. Nên tuân theo ba **Bộ Chú Vương Bí Tạng**, nên y theo Pháp đó hành dụng. Đã nói xong điều cần thiết.

Phàm người tu hành, lúc sáng sớm, mới thức dậy, chưa có làm gì. Muốn đi ra, nên làm Pháp này, sau đó ra vào. Trước tiên nên kết Ấn, niệm Minh Chú xong, sau đó mới đi. **Minh Chú** đó là:

"**Nam mâu la đất na đất la gia dạ (1) Na mô thủy chiêm đồ bạt chiết la ba noa duệ (2) ma ha dước xoa, tê na ba đa duệ (3) Na mô bạt chiết la câu lô đà gia (4) đặng sắt đồ lô gia tra, bội dị la ba gia (5) Đất địa tha (6) Ấn (7) a mật lý đa quân đồ lý (8) khư khư (9) khư hề khư hề (10) để sắt đà, để sắt xá (11) bạn đà bạn đà (12) ha na ha na (13) yết xà yết xà (14) tỳ tất bố tra gia, tỳ tất bố tra gia (15) tát bà tỳ cận na, tỳ na dạ ca, ma ha già na bạt đế (16) thị tử đan đa yết la na (17) hồng phán (18) toa ha**"

नमो रत्नत्रय

नमो शिखे वज्रधर्याय मह्ये यक्षे सनपतये

नमो वज्रे क्रोधये दाम्प्ट्रा उद्वहया

तद्यथा ॐ अमृताकुण्डले खक्खा खहि खहि

तिष्ठा तिष्ठा बन्धा बन्धा हाना हाना गरजा गरजा  
विष्णवे विष्णवे सर्वे विघ्नान् विनायका मह्ये  
गणपते एतन्मन्त्रं कुरु कुरु स्वहा

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMO 'SCANÐA VAJRAPÀÑÀYE MAHÀ-YAKṢA-SENAPATAYE

NAMO VAJRA KRODHAYA DAMṢṬRA-UDGHATA BHAIKAVAYA

TADYATHÀ: OM \_ AMṚTA-KUṆḌALI \_ KHAKHA KHAHI KHAHI \_

TIṢṬA TIṢṬA \_ BANDHA BANDHA \_ HANA HANA \_ GARJA GARJA\_

VISPHOTAYA VISPHOTAYA \_ SARVA VIGHNAṀ VINAYÀKA MAHÀ

GAṆAPATI JIVITA ANAKARÀṆA HUM PHAT \_ SVÀHÀ

Tụng Chú này xong. Hai tay đều đem ngón cái vịn trên móng ngón út, duỗi ba ngón còn lại. Liền giao hai cánh tay, bên phải đè bên trái, đều phụ trên bắp tay, liền thành.



Trong Tâm nên tác tưởng, hai bàn chân đứng như chữ **Bát** (八) tương gò má cắn môi bên phải, làm dạng giận dữ, tụng Chú bảy biến. Đây gọi là **Tịch Ma** (trừ bỏ Ma, xa lánh Ma)

Nếu muốn cột trói các Quỷ Thần gây chướng ngại. Liền nâng hai bàn tay chỉ ba lần, liền cột trói các chướng. Lúc cột trói các chướng thời nên nói là: "**Bạn đà, bạn đà**" (Bandha bandha). Tác Pháp này xong, sau đó mới ra khỏi phòng.

Nếu người trì tụng lúc tắm gội thời nên lấy đất sạch, dùng lửa thiêu đốt khiến cho nóng kỹ xong, làm bụi nhỏ. Đem bụi ấy để trong một vật khí, liền thành. Dùng Ấn tụng Chú xong liền làm sạch vật dụng chưa sạch.

Tướng của Ấn đó là: Hai tay, ba ngón từ ngón trở trở xuống, bên phải đè bên trái, hướng ra ngoài cùng cài chéo nhau, kèm hợp dựng cạnh hai ngón trở, dựng hai ngón cái.



Tức Chú đó là:

"**Ấn (1) nễ khư na (2) ba tô đệ (3) toa ha**"

ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

OM \_ NIKHANA VASUDHE \_ SVÀHÀ

Tụng Chú này xong, ba lần dùng Ấn tiếp chạm trên đất ấy. Khởi đầu gọi là **làm sạch**, mới có thể thọ dụng

Người trì Pháp nếu muốn đi đến các nơi, trước tiên dùng Ấn hộ thân. Ấn đó là: Hai tay đem hai ngón út, hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, hướng vào bên trong cài chéo nhau, dựng thẳng hai ngón giữa dính nhau, hai ngón trở phụ vạch bên trên của hai ngón giữa cùng cách nhau một phân, kèm dựng hai ngón cái vịn vạch ở giữa hai ngón trở.



Liên Chú là:

"**Ấn (1) bạt chiết la (2) kỳ nễ, bát la niệm ba đa gia (3) toa ha**"

ॐ वज्राय प्रदिपत्या स्वहा

OM \_ VAJRA-AGNI PRADIPTAYA \_ SVÀHÀ

Dùng Ấn này ấn ở năm chỗ: cái đầu, hai vai, trên trái tim với cổ họng. Đó gọi là Ngũ Xứ rồi mới có thể đi. Đây gọi là Pháp Hộ Thân

Nếu đi nhà xí thời trước tiên nên búng ngón tay ba lần để Cảnh Giác, sau đó đi.



Chú búng ngón tay (Đàn Chỉ Chú) là:

"**Ấn (1) chỉ lý, chỉ lý (2) chỉ la, lao chỉ la (3) hồng phán**"

ॐ किलिकिला रावुरा हुं ह्रूं रुद्र

OM \_ KILI \_ KÌLIKÌLA RAUDRA \_ HÙM PHAT

Một lần tụng, một lần búng ngón tay cho đến ba lần thì mới có thể đi nhà xí.

Nếu lúc Tẩy Tịnh thời trong Tâm giữ niệm, tưởng Chú với hình của **Quân Trà Lợi** (Kuṇḍali) lúc trước, sau đó rửa tay xong, liền xúc miệng. Xúc miệng xong đem ấn miệng. Tay phải: co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, duỗi thẳng ngón cái, ngón trỏ, ngón út, nâng nước. Dùng ba lần xúc nhỏ.

Chú là:

"**Ấn (1) trụ trụ lễ (2) câu lỗ câu lỗ (3) toa ha**"

ॐ तुतुल कुरु कुरु स्वहा

OM TUTULA KURU KURU SVÀHÀ

Dùng Ấn Chú đó, xúc nhỏ xong.

Lại tác Ấn Chú Tịnh Trì nhóm Quỷ Thần gây chướng ảnh hình trong thân. Hai tay đều nắm quyền, liền duỗi hai ngón trỏ, đem ngón trỏ phải để ở trong quyền trái rồi nắm lại, ngón trỏ trái đối với tay phải cũng vậy.



Chú là:

"**Ấn (1) ha na ha na (2) a mật lý đế (3) hồng phán**"

ॐ ह न ह न अ म र्ते हू ष हू

OM \_ HANA HANA \_ AMRTE \_ HÙM PHAT

Tụng Chú ba biến xong, đem Ấn từ cái đầu từ từ xoa, hướng xuống dưới ba lần để hay khiến cho tất cả Ma Chướng trong thân thấy đều tiêu diệt. Tưởng biết các nhóm Ma xuất ra xong.

Lại tác **Phộc Chư Ma Ấn**, Ấn đó là **Đại Nộ Kim Cương Ấn**. Đem tay trái hướng ra ngoài nâng nhắc, liền đem tay phải lật nghiêng lưng ở trên lưng tay trái xong, đem tám ngón tay cùng cài chéo nhau. Tức bên trái lật xoay lại, hướng trên trái tim, gom thành quyền xong, kèm dựng hai ngón cái để ngang trái tim, lại để bên trong chùi chỗ phải ở trong cùi chỗ trái, hướng xuất ra ngoài. Đem Ấn an trên đầu xong, liền mở Ấn ấy từ từ hạ xuống. Chú là:

"**Ấn (1) chỉ lý chỉ lý (2) tỳ ma lao đạt la (3) bát la cật lý đế (4) ma ha câu lô đà (5) tỳ xã gia (6) nễ cật lan đa (7) hồng hồng (8) phán (9) bàn đà bàn đà (10) toa ha**"

ॐ क्रि क्रि क्रि क्रि म म र्ते च र क्र म क्र क्र व वि र य वि र य हू हू हू हू व व व व व व

OM \_ KILI KILI\_ 'SÌMA RAUDRA PARAKRTE \_ MAHÀ-KRODHA VIJAYA \_ NIKRÀNTA \_ HÙM HÙM PHAT \_ BANDHA BANDHA \_ SVÀHÀ

Dùng sức của Ấn Chú đó hay khiến tất cả nhóm Ma bị cột trói. Lại tưởng thân mình mặc áo giáp Kim Cương khiến cho cung Ma chấn động chẳng yên đều đến quy hàng.

Lại đem đất sạch chia làm ba phần. Lúc chia đất thời lại tác Ấn Chú xong, tay phải: đem ngón cái vịn đầu ngón út.



Liền an Ấn ở cạnh eo phải. Tay trái cũng tác Ấn này đem nước rưới vảy ở trên đất. Chú là:

"**Ấn (1) a mật lý đề (2) hồng phán**"

ॐ अ म र्ते हू ष हू

## OM AMṚTE HŪM PHAT

Tụng Chú này ba biến xong, dùng rượu vẩy xong sau đó dùng đất.

Lại tác Pháp **Tịnh Thủy**. Tay trái: co ngón cái vào lòng bàn tay, liền co ngón giữa ngón vô danh đè trên ngón cái, tiếp co ngón trỏ ngón út như móc câu, đầu của hai ngón trỏ kèm nhau ở lưng lóng giữa của ngón giữa ngón vô danh. Tay phải đem ngón cái vịn đầu ngón út, duỗi thẳng ba ngón còn lại, dùng bàn tay chống eo, co cánh tay trái hướng ra ngoài, liền thành.



Chú là:

"**Na mâu bạt chiết la, hồng (2) ha na, độ na (2) ma tha vĩ thời phụng sa du sai la gia, hồng phán**"

ॐ नमो वाज्रहृमहाधुनामथविध्वंसया उदसारया हृमफत

NAMO VAJRA HŪM\_ HANA DHUNA MATHA VIDHVAMŚAYA  
UDSARÀYA HŪM PHAT

Tụng Chú này bảy biến, tác Ấn lúc trước, vào ở trong nước. Hoặc trong sông lớn, hoặc biển, hoặc ao... đều tác Ấn đó. Nếu dùng Chú chứa nước thời chỉ dùng Ấn đó tiếp chạm, sau đó tắm.

Vào trong nước, liền nâng bàn tay phải chưởng buông Ấn ấy, dùng khoa múa phương bên dưới với bốn phương, phương bên trên dùng để Kết Giới. Lúc khua múa Ấn thời nên tụng Chú này. Chú là:

"**An (1) thương yết lý (2) tam muội duệ (3) toa ha**"

ॐ अकारं समये स्वाहा

OM 'SAMKARE SAMAYE SVÀHÀ

Tụng Chú đó ba biến, dùng khua múa kết Giới xong, liền thành bờ mé của Giới

Lại nếu lúc dùng đất sạch thời dùng tay phải: đem ngón cái vịn đầu ngón út, duỗi thẳng ba ngón còn lại, đem nước rượu vẩy trên đất với trên nhóm Táo Đậu dùng.



Chú là:

"**Án (1) chỉ lý chỉ lý (2) bạt chiết la (3) hồng phán**"

ॐ 𑖀𑖩𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

OM \_ KÌLIKÌLA VAJRA \_ HÙM PHAT

Lại nữa **Tịnh Thủy Án**. Hai tay, ba ngón từ ngón trở trở xuống hướng vào bên trong cùng cài chéo nhau, co đầu hai ngón trở cùng trụ nhau, như vật hơi tròn, kèm dựng hai ngón cái.



Chú là:

"**Án (1) ha na, bạt chiết la (2) bạt chiết lý noa, ha**"

ॐ 𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

OM HANA VAJRA VAJREṆA HÀ

Tụng Chú trên ba biển xong. Ở bên trong nước, quấy nhiễu hay khiến cho tất cả loài Cá, Rồng với các trùng độc và các nhóm chướng trong nước chẳng thể gây hại.

Lại nếu dùng nhóm Táo Đậu, muốn mở xoa thân thể thời nên dùng tay phải: đem ngón giữa, ngón vô danh co song song vào lòng bàn tay. Đem ngón cái vịn trên móng hai ngón ấy, duỗi thẳng ngón trở ngón út.



Nhóm Táo Đậu, tro, đất phải dùng kèm an trong lòng bàn tay. Trước tiên dùng xoa đầu, nếu tẩy rửa phần bên trên thời Chú là:

"**Án (1) a mật lý đế (2) hồng phán**"

ॐ 𑖀𑖩𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

OM AMRTE HÙM PHAT

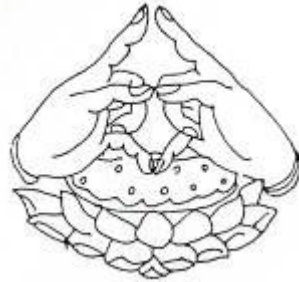
Tiếp tẩy rửa phần bên dưới của thân thời Chú là:

"**Án (1) bộ (2) thập ba la (3) hồng**"

ॐ 𑖀𑖩𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩

OM BHÙR JVALA HÙM

Tiếp nếu tẩy rửa phần bên dưới của thân xong. Lại dùng Ấn Chú xúc miệng lúc trước tẩy sạch rồi mới tiếp chạm cái đầu.... Khi tắm rửa xong thời rửa sạch bàn tay, xúc miệng... cũng làm giống như vậy. Tắm xong, liền dùng **Quân Đồ Lợi Giáp Trụ** dùng khăn quấn mặc nơi thân. Pháp đó nên dùng hai tay: co ngón giữa ngón vô danh vào lòng bàn tay, liền đem ngón cái vịn trên móng của hai ngón ấy, lưng lóng giữa của ngón giữa ngón vô danh dính nhau. Hai ngón trỏ, hai ngón út trụ nhau liền thành.



Chú là:

"Nam mâu la đát na đát la gia dạ (1) Na mô thủy chiên đồ (2) bạt chiết la ba noa duệ (3) ma ha đước xoa, tê na ba đa duệ (4) Na mô bạt chiết la câu lô đà gia (5) bát la thập phộc lý đa niệp ba đa (6) đặng sắt đồ lô yết tra, bội la ba gia (7) a tư mẫu bà la (8) bạt chiết la, ba la du ba xá ha bà đa gia (9) Đát địa tha (10) Ấn (11) a mật lý đa quân đồ lợi (12) khư khư khư khư (13) khư na, khư na, khư na, khư na (14) khư đà, khư đà, khư đà, khư đà (15) khư hê, khư hê, khư hê, khư hê (16) đế sắt đà, đế sắt xá (17) đà ha đà ha (18) ba già, ba già (19) ngư lỗ ha na, ngư lỗ ha na, ngư lỗ ha na (20) bàn đà bàn đà (21) yết xà yết xà (22) tỳ tất bố tra gia, tỳ tất bố tra gia (23) bà già bàn, a mật lý đa, quân đồ lợi (24) mẫu lật đát na đa xà gia (25) bạt chiết lợi noa, tát bà tỳ cận na, tỳ na dạ ca, nễ bà la (26) ma ha già na bà đế, thị tử đản đa ca la (27) hồng hồng (28) phán phán"

नमो रत्नत्रये  
 नमो शिखे वज्रपत्नये महे यक्ष सैन्यपते  
 नमो वज्र क्रोधये प्रज्वालिते दीप्ते दाम्पट्ये अत्रिये शिखे  
 सुसारे वज्रपात्रे च महे कर्मणे  
 नमो उं शिखे कुक्षये शिवशिवशिव शिवशिवशिवशिव  
 शिवशिवशिवशिवशिव शिवशिवशिवशिवशिवशिव शिवशिवशिवशिवशिवशिव  
 शिव  
 शिव  
 शिव  
 महे शिव  
 महे शिव

NAMO RATNATRAYAYA  
 NAMO 'SCANḌA VAJRAPANĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE  
 NAMO VAJRA KRODHAYA PRAJVALITĀ-DĪPTA\_ DAMṢṬRA-  
 UDGHAṬA BHAIKAVAYA \_ ASI MUSARA \_ VAJRA PARA'SU PĀ'SA  
 HASTĀYA



TADYATHÀ: OM \_ AMṚTA-KUṆḌALI \_ KHAKHA KHAKHA\_ KHANA KHANA KHANA KHANA\_ KHADA KHADA KHADA KHADA\_ KHAHI KHAHI KHAHI KHAHI \_ TIṢṬA TIṢṬA \_ BANDHA BANDHA \_ DAHA DAHA\_ PACA PACA\_ GR̥ḤṆA GR̥ḤṆA\_ HANA HANA\_ GARJA GARJA\_ VIṢPHOṬAYA VIṢPHOṬAYA \_ BHAGAVAM AMṚTA-KUṆḌALI \_ MÙRDHANATÀ JAYA\_ VAJRIṆI SARVA VIGHNAM VINAYÀKA NIVARAYA\_ MAHÀ GAṆAPATI JIVITA ANTAKARÀṆA HÙM HÙM \_ PHAṬ PHAṬ

Tụng Chú này bảy biến xong, dùng Ấn quán quanh thân, cột buộc. Tưởng thân mặc áo giáp.

Lại dùng Chú đó chú vào nước, rưới rót đỉnh đầu (quán đỉnh). **Quán Đỉnh Ấn** là: Hai tay: đem hai ngón út hướng vào bên trong, bên phải đè bên trái, cùng cái chéo nhau; liền đem hai ngón vô danh kèm đè lên, hai ngón giữa cùng dính đầu ngón, hai ngón trở đều phụ lông trên của hai ngón giữa, hai ngón cái đều phụ bên cạnh hai ngón trở, liền thành.



Dùng Ấn này múc lấy nước dùng làm Quán Đỉnh. Chú là:

"Án (1) hạc, khư lý lý (2) hồng (3) phán"

ॐ हः ॐ हः ॐ हः

OM \_ HAḤ \_ KHAKALI \_ HÙM PHAṬ

Tụng Chú này ba biến Quán Đỉnh xong, lau thân khiến cho khô ráo

Tức lại kết tóc ở đỉnh đầu, làm một búi tóc. **Kết Đỉnh Phát Ấn**: Tay phải nắm quyền, duỗi thẳng ngón cái tức là **Kết Đỉnh Phát** (kết tóc ở đỉnh đầu), sau đó mới kết Ấn.



Chú là:

"Án (1) thủy khế, toa ha"

ॐ श्री ॐ श्री

OM \_ 'SIKHI \_ SVÀHÀ

Lại nếu lúc tắm gội thời chẳng nên gần chỗ bùn lầy, hoặc gần chỗ có gai góc, những nơi nguy hiểm, vùng có nước xoáy chảy nhanh cho đến rất sâu hoặc lúc

rất cạn... đều chẳng nên tắm. Nếu ở suối, ao, sông , giếng... đều chẳng được đi tiểu tiện, chắt nước mũi, nhổ nước bọt... Trên bờ sông, ao, suối đều chẳng được ném vứt vật chẳng sạch. Hoặc lúc vượt qua, hoặc lúc lặn chìm , hoặc thả nổi đùa giỡn, hoặc nằm, hoặc chuyển, hoặc là hình đó mà sinh tâm Dục... Mọi điều này đều chẳng nên làm.

Một lòng nhớ niệm chư Phật, Bồ Tát...đừng để tán loạn. Tưởng **Bản Chú Thiên** cùng với thân của mình không có khác. Tưởng **Bản Chú Thần** với nhóm **Tam Bảo** như ngay trước mắt. Dùng ba bụm nước muốn tắm để hiến.

Ấn đó là: Hai tay như thường làm thành bụm tay, chỉ đem hai ngón cái với hai ngón trỏ cùng vịn nhau, trước tiên dâng phụng Tam Bảo với Bản Thiên. **Hiến Thủy Chú** là:

"Án (1) đế lý đế lý (2) bột đà (3) toa ha"

ॐ नमो बुद्धाय

OM \_ TERALE BUDDHA \_ SVÀHÀ

"Án (1) đế lý đế lý (2) đạt ma (3) toa ha"

ॐ नमो धर्माय

OM \_ TERALE DHARMA \_ SVÀHÀ

"Án (1) đế lý đế lý (2) tăng già (3) toa ha"

ॐ नमो संघाय

OM \_ TERALE SAMGHA \_ SVÀHÀ

**Hiến Bản Thiên Thủy Chú** là:

"Án (1) đa lý (2) đốt đa lợi (3) đốt lợi (4) a lý kiềm (5) bà già bà đế (6) bát la để xa, ế hàm (7) toa ha"

ॐ नमो बुद्धाय बुद्धाय नमो बुद्धाय बुद्धाय नमो बुद्धाय बुद्धाय नमो बुद्धाय

OM \_ TARE TUTTARE TURE ARGHAM BHAGAVATE PRATICCHA IMAM SVÀHÀ

Làm nước bên trên của Pháp đó xong, tùy theo sức nhiều ít, ở trong nước niệm nơi Bản Chú xong, từ từ ra khỏi nước, lấy áo mặc. Lúc mặc áo thời dùng nước rưới vẩy ở trên áo, sau đó lấy mặc vào.

Tiếp hai tay lấy nước làm quyền, dùng rưới vẩy liền thành.



Chú là:

"Án (1) tát bà đát tha yết đa (2) địa sắt-sỉ đa (3) a ma chí bà la (4), toa ha"

Tiếp Ấn Chú mặc áo. Ấn ấy là: Hai tay đều nắm quyền, liền thành.



Chú là:

ॐ वमल पारिवर वज्र हुं

OM \_ VIMALA PARIVARTTA-VAJRI \_ HÙM

Tụng Chú đó mặc áo kèm với đeo Anh Lạc, đội mũ, đeo vòng xuyên với các vật nghiêm thân đều cùng dùng Chú lúc trước.

Ngay lúc tắm gội, mặc áo kết Hộ. Ở khoảng giữa ấy chẳng nên khởi tức giận với nhớ nghĩ tà bậy. Tất cả vật của nhóm uế ác với chẳng lành đều chẳng nên nhìn.

Nếu tắm gội xong, đi đến Tịnh Xá thời chẳng thể để chân không mà đi, trong Tâm tác tưởng có hoa sen tám cánh nâng bàn chân ấy. Thân của mình cùng với hình của **Bản Thiên** cùng một loại, tưởng hai bên trái phải đều có đủ tám Bộ Trời Rộng, Thần Vương vây quanh theo hầu. Lại quán **Bản Thân** ở ngay trước mặt của mình, nghiêm nhiên trụ trong ba cõi.

Tất cả người trì tụng, lúc muốn xuất hành thời không kể xa gần, trong đường đi có cỏ tươi với các hàng súc sinh... chẳng nên ngồi cỡi lên. Các vật cúng dường với bóng tháp, ảnh của Tôn tượng với bóng ảnh của sư tăng, cha mẹ... đều chẳng nên đạp lên.

Đến trước Tịnh Xá, lại rửa sạch xúc miệng rồi vào Tịnh Xá. Lúc mới mở cửa thời tác một tiếng **Hồng** (HÙM) rồi vào. Vào xong rồi làm lễ. Lúc làm lễ thời tác Tâm như vậy: "*Chư Phật, Bồ Tát, tất cả Pháp Vương của ba đời, thường trụ không biến đổi, chỉ vì người phạm mất thịt chẳng gần gũi nhìn thấy*"

Tác tưởng đó xong, nên trừ ba **Si**, phát tu ba **Phước**, cúi năm vóc sát đất ân trọng mà lễ.

Lúc lễ bái thời Tâm, miệng tương ứng nói lời như vậy: "*Nay con quy mệnh tất cả chư Phật với các Bồ Tát*".

Nói lời đó, lễ xong liền quỳ hai gối, chấp tay chí tâm sám hối tất cả tội lỗi do tự mình làm hoặc dạy người khác làm, thấy nghe chỉ dẫn vui mừng....các Ác của nhóm như vậy, thấy đều sám hối.

Sám hối xong, lại nên tùy vui tất cả Công Đức, rộng phát Nguyện lớn, thể tu các điều lành chẳng gây hại cho vật.

Tác Pháp đó xong, liền quỳ gối phải sát đất, y theo **Kim Cương Tam Muội Ấn** lúc trước, tụng Chú này.



Chú là:

"**Án (1) bạt chiết la, mật (2) toa ha**"

ॐ वज्र ः सूह

OM \_ VAJRA VIH \_ SVÀHÀ

Lúc tác Án đó thời đồng với dùng ba Nghiệp cúng dường chư Phật, hay khiến cho Hành Giả mau được thân bền chắc của Kim Cương.

Tác Pháp đó xong, nên ngồi Bán Già, mở hai mắt ấy. Ở trên con mắt bên phải tưởng một chữ **Ma** (𑖣-MA), tức chữ **Ma** này biến thành mặt trời sáng rực. Ở trên con mắt bên trái, tưởng một chữ **Tra** (𑖔-T), tức chữ **Tra** này biến làm mặt trăng trắng sạch

Tác tưởng đó xong, ngoái nhìn bốn chung quanh như Sư Tử Vương. Ở trong mắt ắt bắn ra uy quang Kim Cương sáng rực, bốc lửa đỏ rực thiêu tan tất cả **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinayàka:Loài gây chướng). Tác Pháp đó hay khiến cho **Chú Thần** thấy đều vui vẻ.

Tác tưởng đó xong thời Chú là:

"**Án, bạt chiết la (2) đạt lữ sắt sỉ, ma tra**"

ॐ वज्र इक्ष मद्र

OM \_ VAJRA DRṢṬI \_ MAT

Lại nên đốt hương, dùng khói hương này xua đuổi tất cả các Ma trong cõi hư không ở phương trên. Chú là:

"**Án, bát đầu di nễ (2) mâu a gia, mâu ha gia (3) xà ngải mâu ha nễ (4) toa ha**"

ॐ पद्मिणि म्हाय म्हाय जगदमोहनि सूह

OM \_ PADMINI MOHAYA MOHAYA JAGAD-MOHANI \_ SVÀHÀ

Tụng Chú này đốt hương tịnh trừ Ma trong cõi hư không ở phương trên xong.

Liên tụng **Bộ Tâm Chú** chú vào hương bột hoà với nước, dùng để kết Giới bốn phương. Chú là:

"**Án (1) a lộ lực (2) toa ha**"

ॐ अरुल्ल सूह

OM \_ AROLIK\_ SVÀHÀ

Tác Pháp đó xong. Lại tác quán này: một chữ **Hột-lý** (𑖔-HRÌH), **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitàyus-tathàgata) từ chữ đó khởi thân, tuôn ra nước sữa màu nhiệm tạo thành biển lớn. Ở trong biển đó, tưởng một chữ **Bát-la** (𑖔-PRA), toàn chữ **Bát-la** này hoá thành một con rùa với thân hình rộng dài vô lượng, màu sắc như vàng ròng. Ở trên lưng rùa, tưởng một chữ **Hột-lý** (𑖔-HRÌH), tức chữ này lại hoá làm một hoa sen. Hoa ấy màu đỏ đều có tám cánh, cánh có ba lớp. Lại ở trong hoa này, tưởng chữ **Tô** (𑖔-SU), hai bên chữ **Tô** đều tưởng có một chữ **Hồng** (𑖔-HUM) rồi hoá thành một núi Tu Di (Sumeru), núi có tám ngọn do mọi báu hợp thành



Người thuận theo Pháp này, hay trừ vi trần số tội trong vô lượng kiếp của Hành Nhân. Ví như hư không trong sạch thì mặt trời sáng khéo chiếu soi tất cả u ám, tự nhiên bừng sáng. **Nhật** (mặt trời) là **Tuệ Nhật** (mặt trời Tuệ), **Không** ('Sùnya) là **Chú Không**. Dùng mặt trời Tuệ chiếu nơi Chú Không, trừ ám tối phiền não xong. Lăng Tâm tịnh, quán cõi hư không có các Như Lai nhiều như số hạt mè, đầy đủ tướng tốt. Các Như Lai đó đều hiện ngay trước mặt, búng ngón tay cảnh giác bảo rằng: "*Thiện Nam Tử ! Người muốn phát Tâm Bồ Đề thì nên tụng Quán Tâm*"

Bấy giờ Hành Giả được lời này xong, cần phải hôn hờ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nơi của Phật, cúi năm vóc sát đất, một lòng kính lễ. Lúc lễ chư Phật thời nên tụng Chú này là:

"**Án (1) tát bà dát tha yết da (2) bà đà, bàn đạt na (3) yết lô nhĩ**"

ॐ स्र्त्त वरुणव वरु वरु ऋत्त

OM – SARVA TATHAGATA PÀDA VANDANAM KARA UMI.

Tụng Minh Chú đó, tưởng lễ các Như Lai xong. Liền tụng Quán Tâm.

Lúc quán tâm của mình thời nên tụng Chú này. Chú là:

"**Án (1) chất đa, bát la để phệ đà (2) yết lô di**"

ॐ स्र्त्त वरु वरु ऋत्त

OM – CITTA PRATIVEDHAM KARA-UMI

Tụng Minh Chú đó, tự tưởng trong trái tim làm tướng vành trăng. Nếu chưa rõ ràng, liền bạch Phật rằng: "*Con đã tác quán nhưng chưa rõ ràng*".

Đức Phật bảo: "*Thiện Nam Tử ! Người nên tụng Chú đó lần nữa, quán tâm ấy khiến cho rất sáng trong*". Chú là:

"**Án (1) bồ đề chất đa mẫu dát ba đà, dạ nhĩ**"

ॐ वरु वरु वरु वरु वरु

OM – BODHICITTAM UTPÀDA YAMI

Tụng Chú đó, quán mặt trăng ở trái tim rất sáng trong xong, được Bồ Đề bên chắc. Ở trên mặt trăng quán một hoa sen Kim Cương.

Lúc quán hoa đó thời tụng Chú này. Chú là:

"**Án (1) để sắt-xá (2) bạt chiết la (3) bát đà ma**"

ॐ स्र्त्त वरु वरु वरु

OM – TIṢṬA VAJRA-PADMA

Tụng Chú này dùng quán nơi hoa. Ở trên hoa ấy có một Kim Cương. Dùng tướng đó nên gọi là **Kim Cương Liên Hoa** (Vajra-padma). Nên tác "*Tâm đó tức là Ta, thân này cùng với hoa Kim Cương chẳng phải một chẳng phải khác, dần dần mở bày ánh sáng rực rỡ vượt qua vô lượng cõi*".

Lúc nhập vào **Kim Cương Liên Hoa Khai Phú Quang Minh Tam Muội** đó thời lại tụng Chú này. Chú là:

"**Án (1) tát phả la (2) bạt chiết la (3) bát đà ma**"

ॐ स्र्त्त वरु वरु वरु

OM – SPHARA VAJRA -PADMA

Tụng Chú đó, quán hoa nở bày. Ánh sáng của hoa chiếu soi vô lượng hằng hà sa số cõi màu nhiệm của chư Phật. Ở trong ánh sáng đó diễn xướng tiếng của **Đa Lợi Bồ Tát** (Tàrà-bodhisatva), tiếng màu xanh sáng thuận cong theo.

Như Lai của các cõi ở các phương đều nhập vào trong hoa đó. Các Như Lai đó nhập vào hoa này xong, liền lại từ từ rút nhỏ hoa này lại, như lúc xưa không có khác. Tùy theo sức hay quán thân đó lớn nhỏ mà khiến trụ. Lúc tác **Liễm Hoa Tam Muội** thời nên tụng Chú này. Chú là:

"**Án (1) tăng ha la (2) bạt chiết la (3) bát đà-ma**"

ॐ संकल वज्रपद्म

OM – SAMHARA VAJRA-PADMA

Tụng Chú thu nhỏ hoa này (liễm hoa), tùy theo lớn nhỏ, trụ xong.

Lại nhập vào **Kim Cương Liên Hoa Chi Thân Tam Muội**, toàn hoa sen này thành thân của Ta. Lúc nhập vào Quán đó thời lại tụng Chú này. Chú là:

"**Án (1) bạt chiết-la (2) bát đà-ma (3) hằng-mãng cú hàm (4) tam ma dữu hàm (5) ma ha tam ma dữu hàm**"

ॐ वज्रपद्मसंक्रान्तं समिपदं मन्समिपदं

OM – VAJRA-PADMA ATMAKA-UHAM \_ SAMAYA-UHAM \_ MAHA SAMAYA-UHAM

Quán thân của hoa sen Kim Cương đó xong, liền quán nơi thân này là nơi **Thánh Giả Quán Thế Tự Tại Bồ Tát** (Àrya-avalokite'svara-bodhisatva). Thân tướng ấy là: Ngồi trên hoa sen báu, đội mũ hoa báu, ở trong mũ ấy có Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitàyus-tathàgata) ngồi trên hoa sen báu, tác tướng nói Pháp. Đây gọi là Tướng của Như Lai trong mũ. Tay trái cầm giữ hoa sen Kim Cương, tay cầm hoa ấy: trước tiên tác Liên Hoa Quyền xong, sau đó duỗi đem vạch của ngón giữa với đầu của ngón trở cùng với ngón cái cùng vịn nhau; ngón út, ngón vô danh như Quyền. Dùng tay Ấn này cầm hoa Kim Cương. Bên phải cũng như vậy, chỉ ở trên hoa vịn một cánh hoa làm thế bóc lật hoa.

Như vậy Quán. **Đa Lợi Tâm Bồ Tát Thành Giả** đến Quán, bởi thế trước tiên nhập vào Quán này, vì muốn dựng lập thân này mau được thân của Kim Cương bền chắc.

Lại muốn đời đời được như thân của Thánh không có khác, dựng lập thân này dùng Ấn Chú đó. Hai tay: ba ngón từ ngón trở trở xuống, hướng ra ngoài cài chéo nhau, hai ngón trở cùng trụ đầu ngón như cánh hoa sen, kèm duỗi dụng hai ngón cái.



Chú là:

"**Án (1) cật-ly tát bà ca lý (2) a địa sắt-dà, bà phộc hàm (3) hột-ly**"

ॐ 𑖀 𑖄 𑖆 𑖈 𑖊 𑖌 𑖎 𑖐 𑖒 𑖔 𑖖 𑖘 𑖚 𑖜 𑖞 𑖠 𑖢 𑖣

\*) OM – GRI - SARVA-KARI ADHIṢṬA SVÀMAM – HRÌH

Dùng Án Chú đó ấn ở bốn chỗ. Bốn chỗ là: trên trái tim, tam tinh (my gian), trên cổ họng, trên đỉnh đầu. Đây là bốn chỗ.

Tiếp tác Pháp **Tự Quán Đỉnh** hay khiến cho Hành Giả mau được thành tựu đầy đủ ba thân. Tướng của Án đó là: Hai tay như thường, chắp lại, liền đè ép bốn ngón từ ngón trở trở xuống, cùng trụ đầu ngón, xếp nếp lưng ngón tay ấy làm hình cánh hoa sen sáu.



Chú là:

"**Án (1) địa lý, ma nễ, bát đầu-ma (2) a tỳ sãn giả hàm, hột-ly**"

ॐ 𑖀 𑖄 𑖆 𑖈 𑖊 𑖌 𑖎 𑖐 𑖒 𑖔 𑖖 𑖘 𑖚 𑖜 𑖞 𑖠 𑖢 𑖣

OM – DHR – MAṆI-PADMA ABHIṢIMCA MAM – HRÌH

Tụng Chú này, nâng Án ấy trụ trên trán, liền chia bung tay quán quanh đầu đến phía sau đỉnh đầu. Từ từ lần theo thân cho đến trụ ở trái tim, trước tiên lại dùng hai tay nắm Kim Cương Quyền, liền duỗi ngón trở khiến ngay thẳng, ở mặt ngón trở phải tưởng có một chữ **Án** (ॐ-OM), ở mặt ngón trở trái tưởng một chữ **Châm** (𑖀-TUM), liền đem hai ngón tay cùng quán quanh nhau, trên chữ của ngón tay ấy phóng ra ánh sáng rất có uy đức.



Lại đem hai tay quán quanh thân hướng đến ở trên lưng, cũng lại từ trên lưng quán quanh, đến trên rốn cũng thế. Lại từ trên rốn quán quanh, đến ở sau eo lưng. Từ sau eo lưng quán quanh, giáp vòng chỗ ngồi ấy. Từ bên dưới hướng lên trên, đến ở phía trước cổ họng cũng như thế. Lại từ phía trước cổ họng đến ở sau đỉnh đầu cũng như vậy. Từ sau đỉnh đầu đến ở trên trán cũng thế. Từ trên trán quán quanh đến sau đỉnh đầu. Quán quanh như vậy xong, từ tư bung tán mười ngón của hai tay.

Tác Pháp đó xong thì tất cả hàng Trời, Rồng, Người, Phi Nhân đều nhìn thấy Hành Giả là thân Kim Cương, mặc áo giáp Kim Cương. Các hàng Tà Ma chẳng dám nhìn thẳng, lui tan chạy trốn, chẳng thể gây hại.

Tác Pháp đó. Tiếp lại ở trước mặt quán Tượng của Bản Pháp từ hình tướng của **Quán Âm** như thường. Lại nữa như trước đã nói núi Diệu Cao, quán trong năm cái thất báu, ở trong ấy một lòng chân thật quán Đức Phật **Vô Lượng Quang** (Amitàbha) có 32 tướng, 80 chủng tử ánh sáng rực rỡ. Ở bên phải Đức Phật có một vị **Quán Âm Thánh Giả**, ở bên trái của Đức Phật có một vị **Vô Cấu Hạnh Bồ**



**Tát**, ở trước mặt Đức Phật, hơi gần mé bên phải có vị **Thánh Giả Đa Lợi** (Ārya-Tàrà)

Đức **Di Đà Như Lai** từ chữ **Hột-ly** (𑖦\_HRĪḤ) khởi hình, **Quán Âm Bồ Tát** từ chữ **Sa** (𑖦\_SA) khởi hình, **Vô Cấu Hạnh Bồ Tát** từ chữ **Bà** (𑖦\_VA) khởi hình, **Đa Lợi Thánh Giả** từ chữ **Đông-lộng** (𑖦\_TĀM) khởi hình. Bên phải Đa Lợi Bồ Tát có một vị Sứ Giả tên là **Nhất Kế** (Ekajaṭa-bodhisatva) là vị Thánh Giả từ chữ **Ế** (𑖦\_E) biến khởi nơi hình. Ở bên phải của Vô Cấu Hạnh Bồ Tát có một vị **Tỳ Câu Chi Bồ Tát** (Bhṛkuṭi-bodhisatva) là vị Bồ Tát từ chữ **Bì** (𑖦\_BHR) mà khởi. Ở bên trái có một vị **Mã Đầu Bồ Tát** (Hayagrīva-bodhisatva) là vị Bồ Tát lại từ chữ **Hà** (𑖦\_HA) mà khởi nơi hình

Hình tướng của nhóm như vậy rộng như Kinh nói. Ở trước mặt Đức Phật có một vị **Địa Thiên** (Pṛthivīye-deva) là vị Trời từ chữ **Ba** (𑖦\_PA) mà khởi nơi hình.

Ở bốn phương đều tướng có Thần (Devatā) dùng làm thị vệ.

Vị Thần ở phương Đông tên là **Ấn Đạt La** (Indra) là Thần Nữ mặc áo giáp Kim Cương, tay cầm Kim Cương hộ giúp phương Đông

Phương Nam có vị Thần tên là **Diêm Ma** (Yama) là Thần Nữ mặc áo giáp, tay cầm cây gậy Diêm Ma hộ giúp phương Nam

Phương Tây có vị Thần tên là **Bà Lô Nễ** (Varuṇi) mặc giáp trụ, cũng làm dung nghi người nữ, cầm cung tên thủ hộ phương Tây.

Phương Bắc có vị Thần tên là **Câu Tỳ Lý** (Kuveri) khoác mặc áo giáp, y như lúc trước, tay cầm một cây gậy hoa thủ hộ phương Bắc.

Nhóm Thần như vậy đều có uy quang, thấy khiến rõ ràng như thế, tướng quán như đối trước mắt.

Tác Pháp đó, quán xong. Lại dùng chữ của Chú trong Bản Minh Chú, tướng ngay trên thân.

Trước tiên dùng chữ **Ấn** (𑖦) trên, tướng ở trên đỉnh

Tiếp dùng chữ **Đa** (𑖦) tướng ở ngay trán

Lại dùng chữ **Lê** (𑖦) tướng ở hai mắt

Lại dùng chữ **Đốt** (𑖦) tướng an trên cổ

Tiếp dùng chữ **Đa** (𑖦) tướng ở vai vai

Lại dùng chữ **Lê** (𑖦) tướng ngay trên trái tim

Tiếp dùng chữ **Đồ** (𑖦) tướng ngay trên rốn

Lại tướng chữ **Lợi** (𑖦) ở ngay hai lá lách

Lại tướng chữ **Toa** (𑖦) ở trên hai cẳng chân

Lại tướng chữ **Ha** (𑖦) ở trên hai bàn.

Nay tướng mười chữ này an bày vòng khắp nơi thân xong

Lại tác **Bảo Xa Ấn** dùng nghênh đón các hàng Thánh Giả. Bởi thế trước tiên tác **Bản Thân Thân Quán** lúc trước, sau đó mới thỉnh Thánh Giả. Ấy là mỗi mỗi

quán chư Thiên, biết tướng ấy xong mới thỉnh **Tuệ Thân** đi đến **Pháp Thể**. Do nghĩa đó cho nên trước tiên Quán Thỉnh.

**Bảo Xa Ấn** là: Hai tay ngửa ngang bằng nhau, ba ngón từ ngón trở trở xuống hướng vào trong cùng cài chéo nhau, để cạnh của hai ngón trở cùng trụ nhau, đem ngón cái hướng vào bên trong, bật hai ngón trở ra. Đây gọi là **Bảo Xa Ấn**.



Tướng xe báu ấy đi đến chỗ của các Tôn. Chư Tôn đều cùng ngồi trên xe báu ấy đi đến. Tướng ở trên xe đó có bảy báu, mọi báu trang nghiêm, giăng che lưới báu, chuông, dây đeo rũ vòng quanh. Ở khoảng giữa của lưới ấy đều có ngọc Ma Ni màu nhiệm toả sáng rực rỡ, nương theo mây năm màu, bay trên không đi đến.

Chú của Ấn đó là:

"**Án (1) đố lô, đố lô (2) hồng**"

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM\_ TURU TURU HUM

Tụng Chú đó xong, dùng Ấn lúc trước, tướng đến chỗ của Thần. Bởi thế lại dùng **Bản Bộ Tâm Chú** thỉnh Thánh Giả giáng phó.

Tâm Ấn là: Đem mười ngón tay hướng vào bên trong cài chéo nhau làm quyền, liền rút ngón cái phải ra, hướng vào bên trong, chiêu mời.



Chú là:

"**Án (1) a lô lực (2) toa ha**"

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM \_ AROLIK\_ SVÀHÀ

Lúc trước dùng **Bảo Xa Ấn Chú** trước tiên nghênh đón. Tiếp nên dùng **Bộ Tâm Chú ấn** thỉnh giáng xuống và đều đi đến, nhận cúng vật của Hành Giả, lợi ích cho Người, Trời.

Lúc đi đến thời lại dùng **Mã Đầu Bồ Tát Ấn Chú** để triệu mời. Ấn ấy là: Hai tay: ba ngón từ ngón trở trở xuống, hướng ra ngoài cùng cài chéo nhau làm quyền. Hai ngón cái, bên phải đè bên trái, cùng giao nhau. Co lóng giữa của hai ngón trở cùng dính lưng nhau, liền thành.



Dùng Ấn Chú đó thỉnh tất cả các hàng Chú Thiên trong Liên Hoa vào cái Thất báu. Vào xong mới bày toà ngồi khiến ngồi.

**Toạ Ấn** là: Hai cổ tay cùng dính nhau, dựng thẳng mười ngón tay, mở bung, tưởng như hoa sen tự nở.



Tức Chú đó là:

"**Ấn (1) tát bà bát la tỳ sắt-tra (2) bồ đà na gia (3) toa ha**"

ॐ सर्व प्रलिष्ट बुद्धाय नमः

OM \_ SARVA PRATIṢṬA BUDDHA-NĀYA\_ SVĀHĀ

Dùng Chú Ấn đó bày toà ngồi xong, thỉnh chư Thiên ngồi xong.

Liên hiến nước thơm, nước ấy tên là **Át Già Thuỷ**. Ấn là: Hai tay:ba ngón từ ngón trở trở xuống, nắm ngón cái làm quyền, co hai ngón trở cùng trụ đầu ngón.



Chú là:

"**Ấn (1) tát bà ô đặc ca, yết la xà gia (2) toa ha**"

ॐ सर्व उदकाकराय नमः

OM \_ SARVA UDAKA-AKARṢĀYA\_ SVĀHĀ

Dùng **Ấn Hương Thuỷ** đó cúng dường. Nước ấy nên dùng nhóm bùn Bạch Đàn Hương hoà với nước cúng dường xong.

Liên tác **Bế Môn Ấn**. Chắp hai tay lại, giữa rỗng, co vạch trên của hai ngón trở, bên trái đè bên phải, cùng cài chéo nhau. Đem hai ngón cái, bên phải đè bên trái, cài chéo nhau đều vịn đầu ngón trở. Chú là:

"**Ấn (1) bát đầu ma (2) tắc bố tra, bàn đà (3) tát bà bát đầu ma, câu la (4) tam ma diển (5) thử yết lam (6) hồng (7)**"

ॐ चक्रं चक्रं वृक्षं चक्रं चक्रं चक्रं चक्रं

OM \_ PADMA SPHOṬA BANDHA \_ SARVA PADMA-KULA-SAMAYAM\_ 'SIGHRAM HŪM

Tụng Chú đó, dùng Ấn đó để đóng bốn cửa của cái Thất báu.

Tác Pháp đó xong. Lại tác Pháp **Hoan Hỷ Ấn Chú** khiến cho các hàng Thánh Giả đều rất vui vẻ. Chắp hai tay lại, co hai ngón trỏ cùng trụ đầu nhau, kèm co ngón cái vào lòng bàn tay.

Chú là:

"**Ấn (1) sa mâu khư, bà nại la, câu ma la (2) phệ sa đạt la (3) bát đầu ma, kiến tra gia, tỳ xá gia (4) tát bà bát đầu ma, câu la (5) tam ma diển (6) tát bà một tấu lam (7) bàn đà gia (8) tát bà tát địa dụ di (9) bát-la duệ xa (10) bát đầu ma, phệ xá (11) a a a (12)**"

ॐ मञ्जुवर रुद्र कुमर शिवरा चक्र चंद्रम मत् चक्रकुल सम्यं मत् सुत्र वक्ष्य मत् (सिद्धि सुख प्रदक चक्रशिव म्: म्:म्:म्)

OM \_ SADMUKHA-BHADRA KUMARA VE'SA-DHARA PADMA GHAMTAYA \_ SARVA PADMA-KULA-SAMAYAM\_ SARVA MUDRAM BANDHAYA \_ SARVA SIDDHI SUME PRAYACCHA \_ PADMA-VE'SA AH \_ AH AH AH

Tác Pháp đó xong.

Liên tác **Tịnh Địa, kết Hạ Phương Kim Cương Quyết Ấn**. Dem ngón giữa, bên phải đè bên trái, cùng giao nhau, đều dùng đầu an ở khoảng ngón trỏ. Hai ngón vô danh cũng bên trái đè bên phải cùng giao nhau, dùng đầu an ở khoảng ngón út. Dem hai ngón út cùng trụ đầu ngón, đầu ngón trỏ cũng trụ nhau, hợp đầu hai ngón cái cùng dính nhau.



Chú là:

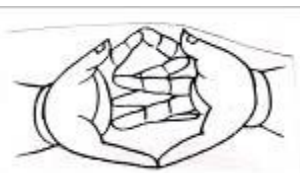
"**Ấn (1) chỉ lý chỉ lý (2) bạt chiết la, bộ la (3) bàn đà bàn đà (4) hồng (5) phán (6) toa ha"**

ॐ क्रि क्रि वज्र वज्र सु वव वव हू कल मुद

OM\_ KILI KILI\_ VAJRA VAJRI BHUR\_ BANDHA BANDHA \_ HUM PHAT \_ SVÀHÀ

Dùng Ấn này tiếp chạm mặt đất, hay khiến cho tất cả Tỳ Na Dạ Ca ở phương dưới thấy đều xa lìa.

Tác Pháp này xong, lại tác **Kết Hộ Tứ Phương Ấn**. Dựa theo lúc trước, chỉ sửa dụng hai ngón cái liền thành.



Chú là:

"**Ấn (1) sa la sa la (2) bạt chiết la (3) bát la ca la (4) hồng (5) phán (6) toa ha"**

ॐ मी मी वज्र चक्र हू कल मुद



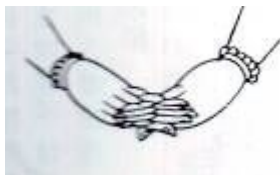


Chú là:

"Án (1) bát đầu ma độ ba (2) bố xà, tam ma duệ (3) bát la ha la nại gia (4) bát đầu ma câu la, nãi đế (5) ma ha yết nễ (6) bát đầu ma la đế (7)"

ॐ वश्यवृष पूरु समय प्रह्लाद वश्यकुल (ॐ मन्मथ वश्यर (ॐ  
OM \_ PADMA-DHÙPA PÙJA SAMAYE \_ PRAHLA-NÀYA \_ PADMA-  
KULA DINI\_ MAHÀ-KAÑI \_ PADMA RATI

2\_ **Hoa Ấn:** Hai tay như thường, chắp lại xong liền mở ra hướng lên trên bung tán, liền thành.



Chú là:

"Án (1) bố sất ba, bố xà, tam ma duệ (2) bát đạt ma, ma lý nễ (3) ma ha thất lý duệ (4) bát đạt ma câu la (5) bát la đế ha lý (6) tát bà át tha (7) sa đạt dạ (8) hồng"

ॐ पुष्प पूरु समय वश्य मन्मथ मन्मथ वश्यकुल प्रह्लाद  
मन्मथ मन्मथ ॐ

OM \_ PUŞPA PÙJA SAMAYE \_ PADMA-MÀLINI \_ MAHÀ-'SRÌYE \_  
PADMA-KULA PRATIHÀRE \_ SARVA-ARTHA SÀDHAYA \_ HÙM

3\_ **Đặng Ấn:** Hai tay, bên phải đè bên trái, hướng ra ngoài cùng cái chéo nhau làm quyền, kèm hai ngón cái đè trên quyền ấy.



Chú là:

"Án (1) địa ba, bố xà, tam ma duệ (2) bát đạt ma, tôn nại lý (3) ma ha nô đế dạ (4) lộ hôn tán xà na dạ (5) bát đạt ma, sa la bà đế (6) hồng"

4\_ **Đồ Hương Ấn:** Tương của Ấn đó như thường, chắp tay lại, giữa rộng. liền mở cổ tay, đưa tay hướng đến trái tim, bung tán liền thành.



Chú là:

"Án (1) kiến đà, bố xà, tam ma duệ (2) ma ha bát đạt ma, câu la, chế chi (3) câu lô, tát bà yết ma nễ di (4) bát đạt ma, tất địa (5) hồng"



ॐ गन्ध पूजा समय मन्त्र पश्च कुल श्रेष्ठ कुरु सर्व कर्मणि मे  
पद्मसिद्धि ॐ

OM \_ GANDHA PÙJA SAMAYE \_ MAHÀ-PADMA-KULA-CETI  
KURU\_ SARVA KARMAṆI ME \_ PADMA SIDDHI \_ HÙM

Tiếp nói Pháp **Hiển Thực Ấn Chú**. Nên ngửa hai bàn tay bằng nhau, cạnh bàn tay cùng dính nhau, liền thành.



Chú là:

"**Ấn (1) tát bà đất tha yết đa (2) la sa la sa (3) ngu lô, đất la, bố xà, tam ma duệ, hồng**"

ॐ सर्व तथगत रासरस गुरुगुरु पूजा समय ॐ

OM \_ SARVA TATHÀGATA \_ RASA RASA \_ GURU TÀRÀ \_ PÙJA  
SAMAYE \_ HÙM

Các Ấn bên trên gọi là **Ấm Thực Cúng Dường Ấn Chú**.

Tiếp nói Pháp **Thân Cúng Dường của Ấn Bộ**.

**Sám Hối Ấn:** Hai tay như thường chắp lại, liền co hai ngón út cùng dính lưng nhau, hai ngón trở cùng trụ đầu nhau, liền thành. Chú là:

"**Đát địa-gia tha (1) a lợi lệ, đa lợi (2) đốt đa lợi (3) đốt lợi (4) hê lan noa dạ, yết la tỳ (5) la xoa, la xoa, hàm (6) tát bà nậu khế tỳ-gia (7) tát bà ô ba nại la phê tỳ-gia (8) toa ha**"

गद्यथ ॐ हरे नरे तुतरे तुरे हरिगणक रक्षक मं  
सर्व दुःखनिशुः सर्व पश्चशुः सुद

TADYATHÀ: OM \_ HÀRE TÀRE TUTTÀRE TURE HIRANYA-  
GARBHE RAKṢA RAKṢA MÀM \_ SARVA DUḤKHEBHYAḤ SARVA  
UPADRAVEBHYAḤ SVÀHÀ

Đây gọi là **Căn Bản Ấn**. Ấn này đối trước Đức Phật, hối hận sửa chữa tội lỗi, hay diệt vô lượng tội nặng.

Lại tác **Tâm Ấn**. Chỉ sửa hai ngón cái vịn ngón trở xong, để ngang trái tim. Chú là:

"**Ấn (1) tát bà (2) ha lý đà gia (3) tam bồ đà gia (4) toa ha**"

ॐ सर्व हृदय संबोधय सुद

OM - SARVA HRDAYA SAMBODHÀYA - SVÀHÀ.

Lúc làm cúng dường đó thời hay trừ tội thuộc ba nghiệp của Hành Giả.

Tiếp nói Pháp **Khẩu Ấn**. Dựa theo Tâm Ấn trước, chỉ sửa hai ngón cái, co vào trong lòng bàn tay vịn trên móng ngón út, liền thành. Chú là:

"**Án (1) tỳ bà la thủy (2) già già na (3) toa ha**"

ॐ त्रिबलसुव्रतं सुह

OM – VIPA 'SIYÀYA – SVÀHÀ

Sức của Ấn Chú này hay trừ tất cả lỗi thuộc về miệng của Hành Giả.

Tiếp nói **Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Ấn**. Tay phải đem ngón cái vịn trên móng ngón giữa, tay trái cũng vậy. Liền đem tay phải hợp ở trên tay trái.



Chú là:

"**Án (1) tát bà bệ đà, bồ đề tát đỏa gia (2) toa ha**"

ॐ त्रिबलसुव्रतं सुह

OM – SARVA BUDDHA BODHI-SATVÀYA – SVÀHÀ

Tiếp nói **Triệu Nhất Thiết Thiên Long Ấn**. Đem tay trái úp che, duỗi dài năm ngón tay. Liền đưa tay phải hướng xuống dưới cài chéo nhau làm quyền. Đưa tay trái chỉ hướng về phía trước chiêu mời. Chú là:

"**Án (1) câu lô đà (2) bà bà đệ bà nam (3) toa ha**"

ॐ क्रोधसर्वदेवानाम सुह

OM – KRODHA SARVA DEVÀNÀM – SVÀHÀ.

Tụng Chú này dùng triệu các tám Bộ Trời Rồng

Tiếp nói **Kết Hộ Nhất Thiết Phương Giới Tịch Trừ Chướng Ấn**. Trước tiên đem hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau. Liền đem ngón giữa phải đè ở trên ngón vô danh trái. Đem ngón cái trái đè đầu ngón út phải. Tiếp đem ngón giữa, ngón trỏ với ngón vô danh của tay trái nắm đầu ngón trỏ phải và cùng trụ với đầu ngón út trái. Đem Ấn quán quanh thân khua múa. Tùy theo Tâm của Hành Giả muốn xa gần... làm phòng hộ đều được thành tựu. Chú là:

"**Án (1) tát bà dước xoa, la xoa bà (2) bàn đà bàn đà (3) toa ha**"

ॐ त्रिबलसुव्रतं सुह

OM – SARVA YAKṢA RÀKṢASA\_ BANDHA BANDHA – SVÀHÀ.

Tiếp tác **Ngũ Tịnh Nhãn Ấn**. Chắp hai tay lại, giữa rộng, liền co hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón, đem ngón cái vịn lên, tiếp hai ngón vô danh phụ trên móng ngón út. Chú là:

"**Án (1) tát bà chước xô (2) kiến la, yết la gia (3) toa ha**"

ॐ त्रिबलसुव्रतं सुह

OM \_ SARVA CAKṢU TÀRÀ-JVALÀYA – SVÀHÀ

Người kết Ấn này thì năm loại mắt thường được trong sạch.

Tiếp tác **Thí Nguyệt Ấn**. Tay trái đem ngón cái vịn đầu ngón trỏ, duỗi ba ngón còn lại. Tay phải cũng vậy. Xong dựng tay trái, rũ tay phải, dùng **thân Ấn** lúc trước. Lúc tác Ấn này thời hay khiến cho Hữu Tình trong sáu nẻo không có các khổ não.

Tiếp tác **Triệu Tứ Vương Ấn**. Hai tay: ba ngón từ ngón giữa trở xuống, bên phải đè bên trái, hướng vào bên trong cùng cài chéo nhau, co hai ngón cái ở trong lòng bàn tay, đem hai ngón trỏ hướng vào bên trong móc nhau. Chú là:

"**Án (1) tát bà đệ bà, a yết lý sa gia (2) toa ha**"

ॐ स ह ऋ ऌ वृ ऋ ऌ सू ऋ

OM \_ SARVA DEVA AKARṢĀYA \_ SVĀHĀ

Tác Ấn này dùng triệu bốn vị Thiên Vương, hỏi việc của thiên hạ thảy đều tùy theo ý.

Tiếp tác **Cấm Thủy Ấn**. Hai tay: mười ngón hướng vào bên trong cùng cài chéo nhau, liền rút dựng hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón, hai ngón út cũng vậy. Chú là:

"**Án (1) tát bà đệ bà, ô đặc ca (2) toa ha**"

ॐ स ह ऋ ऌ वृ ऋ ऌ सू ऋ

OM -SARVA DEVA UDAKA - SVĀHĀ

Lúc tác Ấn này thời hay khiến cho **Thủy Thiên** hàng phục

Tiếp tác **Cấm Hoả Ấn**. Ở trên Thủy Ấn, chỉ sửa ngón trỏ ngón út sao cho đầu ngón cách nhau chút ít. Chú là:

"**Án (1) a kỳ na duệ (2) tát bà đệ bà đa (3) a kỳ na duệ (4) toa ha**"

ॐ अ न इ य स ह ऋ ऌ वृ ऋ ऌ सू ऋ

OM \_ AGNĀYE \_ SARVA DEVATĀ AGNĀYE \_ SVĀHĀ

Tiếp tác **Cấm Phong Nạn Ấn**. Trước tiên đem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải cài chéo nhau nhập vào trên lưng ngón vô danh của tay trái. Hai ngón trỏ, ngón út tùy nhập vào đè trên tâm ngón vô danh với ngón giữa của tay trái. Ngón trỏ với ngón út của tay trái đè trên lưng ngón giữa, ngón vô danh của tay phải. Ló hai ngón cái cách nhau, dựng thẳng. Lật ngược lòng bàn tay hướng ra ngoài.

Tác **Phong Ấn** này trị tất cả nạn về gió đều chẳng thể gây hại. **Phong Vũ Thần Vương** đều quy phục tùy Phong Ấn. Chú là:

"**Án (1) ma gia phệ (2) tát bà ma câu lô đà (3) nễ phộc đa gia (4) toa ha**"

ॐ म ग य स ह ऋ ऌ वृ ऋ ऌ सू ऋ

OM \_ VĀYAVE \_ SARVA MĀ KRODHA-DEVATĀYA \_ SVĀHĀ



Lúc tác Ấn pháp này thời vì tất cả chúng sinh sắp chết, tụng Chú, một lòng vì họ tác Ấn Pháp thì tùy theo niềm vui, muốn sinh về quốc thổ của Phật nào sẽ tùy ý vãng sinh. Tụng **Căn Bản Chú**

**Kiến Quán Âm Bồ Tát Ấn.** Đem hai ngón vô danh với hai ngón út đều cùng cài ngược nhau, bên phải đè bên trái, kèm hai ngón giữa dựng thẳng đầu ngón dính nhau, hai ngón trở đều co lóng thứ hai với lóng thứ ba sao cho hai móng tay chung lưng, hai ngón cái đè trên lóng của hai ngón trở.



Chuyên tâm chính niệm, sẽ hiện thân. Khi nhìn thấy xong thời sám hối. Quán Thế Âm Bồ Tát nói với Hành Giả rằng: "Người muốn ước nguyện gì thời tùy theo nguyện đều đầy đủ"

Người tác Pháp này nên tụng **Căn Bản Chú**.

**Tổng Nhiếp Ấn.** Ngửa hai cổ tay cùng cài chéo nhau, ngón cái phải đè ngón cái trái, bập tám ngón của hai tay nhanh chóng nắm quyền.



Ấn này nhiếp chung tất cả **Mẫu Đà La Ni**.

**Tổng Nhiếp Ấn Chú** là:

"Án (1) tát bà na dữu đa (2) mẫu đà la gia (3) bàn đà bàn đà (4) toa ha"

ॐ त्रं म्बु न्दयै सुसुय व व व व सुन

☞ OM – SARVA NAYOTHA MUDRÀYA – BANDHA BANDHA – SVÀHÀ

**Mãn Lục Độ Ấn.** Đặt ngược hai tay, chắp lại sao cho dính lưng nhau, vắn cổ tay hướng ra ngoài, đem hai ngón cái đặt ngang lông mày (Tam tinh) hướng xuống dưới rử buồng

Lúc tác Ấn này thời khởi Tâm Bồ Đề, quán tất cả chúng sinh giống như con đở (xích tử) ắt tất cả chúng sinh đều đầy đủ sáu Ba La Mật, đầy đủ ước nguyện, chư Phật Thế Tôn của hằng hà sa Thế Giới thấy đều vui vẻ. Chú là:

"Đát diệt tha (1) tát bà bồ đà gia (2) tát bà bát lợi nương (3) ba la mật đa duệ (4) Án (5) ha bà ha sa (6) toa ha (7) đát diệt tha (8) nhĩ lý, đa lý (9) toa ha

ॐ त्रं म्बु न्दयै सुसुय व व व व सुन

ॐ त्रं म्बु न्दयै सुसुय व व व व सुन

TADYATHÀ: SARVA BUDDHÀYA – SARVA PRAJÑA PÀRAMITÀYE –  
OM – HAVA HAVA – SVÀHÀ.

TADYATHÀ: MILI TÀRE – SVÀHÀ.

**Thần Túc Ấn.** Trước tiên, dùng tay phải co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, lại đem ngón cái đè lên trên móng ngón vô danh, ngón giữa, tụng **Căn Bản Chú** xong, dùng xoa hai bàn chân thì ngày đi ngàn dặm. Lúc tác Ấn này thời Địa Thần nâng đài hoa bảy báu đỡ chân của Hành Giả, kẻ phàm phu mắt thịt chẳng nhìn thấy. Có điều phải sinh tâm Từ Bi cứu hộ, đừng vì tiếng tăm lợi dưỡng thì được vạn Thần phò trợ.

**Tuỳ Tâm Ấn.** Đem ngón trở của tay phải với ngón út của tay trái cùng mở cách nhau khoảng một thốn. Lúc y theo Ấn này thời **Căn Bản Chú** ắt ước nguyện đều được.

**Phá Chư Thiên Long Ấn.** Đem tay phải vịn trên lưng tay trái, bốn ngón hướng xuống dưới cùng cài chéo nhau, đưa bốn ngón của tay trái qua lại. Chú là:

"Án (1) câu lô đà (2) tát bà đề bà đa (3) toa ha"

ॐ ീ൬ ീ൬ ീ൬ ീ൬ ീ൬ ീ൬

OM – KRODHA SARVA DEVATÀ – SVÀHÀ.

**Ấn Hình Nhập Lục Đạo ấn.** Tay phải: đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh, ngón giữa. Dựng thẳng ngón trở và ngón út. Tay trái cũng vậy, xong đưa ngón cái phải từ dưới hướng lên trên vào ở trong lòng bàn tay phải, móc lấy ngón giữa, ngón vô danh của tay trái, ngón bên phải đè ngón bên trái. Chú là:

"Án (1) câu ngư gia đế (2) tát bà ca lê gia nễ (3) toa ha"

ॐ ീ൬ ീ൬ ീ൬ ീ൬ ീ൬ ീ൬

OM – KULIYASU SARVA KÀLIYA – SVÀHÀ.

Lúc tác Pháp Ấn này thời ấn hình du hành tự tại, tất cả hưng tâm thấy đều ngư nguyện.

**Đa Lợi Bồ Tát Thân Ấn.** Đem ba ngón từ ngón giữa trở xuống cùng cài chéo nhau, dựng hai ngón trở dính nhau, kèm dựng hai ngón cái.



Chú là:

"Án (1) đa lợi đa lợi (2) đốt đa lợi (3) đốt đa lợi (4) đốt lợi, đốt lợi (5) toa ha"

ॐ ീ൬ ീ൬ ീ൬ ീ൬ ീ൬ ീ൬

OM \_ TÀRE TÀRE \_ TUTTÀRE TUTTÀRE \_ TURE TURE \_ SVÀHÀ



Lại nên như trước **Phát Nguyên, Hồi Hưởng** xong, lễ tất cả chư Phật, Bồ Tát... khen ngợi. Trước tiên tự quán **Tự Thân Bồ Tát** khiến trở lại Bản Hình, tâm thường đối với các hữu tình khởi tâm cứu độ, sau đó tùy ý ra khỏi Tinh Xá.

## LIÊN HOA BỘ ĐA LỢI TÂM BỒ TÁT PHÁP \_MỘT QUYỂN (Hết)\_

**Thiên Minh**, năm thứ hai, Nhâm Dần, Trọng Đông, đêm ngày mồng ba, canh hai. Dùng **Linh Vân Tạng Bản** ghi chép, lại hợp khảo xét xong, tức dùng Bản ấy Bảo Vĩnh, núi Trung Nam, viện Bồ Đà Lạc **Nghĩa Cương** dùng bản xưa của chùa Như Ý Luân mà viết chép xong, dùng bản riêng để khảo xét kiểm điểm.

Cùng năm, tháng mười hai, ngày mười chín. Dùng Kinh **Đát Phộc Đa Lợi Tuỳ Tâm Đà La Ni** do Ngài **Trí Thông** dịch để khảo xét duyệt lại xong

**Khoan Chính**, năm thứ mười một, Kỷ Mùi, tháng mười, ngày mồng năm. Ghi chép, khảo xét xong

Đông Đô Vương Tử **Hựu Ứng** (53 tuổi)

Hiệu chỉnh xong một quyển vào ngày 19/05/2011\_ Huyền Thanh

## THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU TU HÀNH PHÁP

Hán Tạng văn : Kim Cương Thượng Sư Tây Khang **NẶC NA HỒ ĐỒ KHẮC ĐỒ** truyền thụ.

Phạn Việt dịch : HUYỀN THANH

### I. KHAI THỊ PHÁP THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU:

Trung Hoa Dân Quốc, năm thứ 23, tháng 03, ngày mồng 04

Kim Cương Thượng Sư Tây Khang **NẶC NA HỒ ĐỒ KHẮC ĐỒ** tại Nam Kinh đi đến xứ Lưu Tích truyền thụ 21 pháp Thánh Cứu Độ Phật Mẫu, lúc ấy trong Hội có hơn 200 người thọ Pháp, mong nhờ Thượng Sư khai thị.

Lược dạy rằng: “Ta nhận lời thỉnh cầu của Pháp Hội cầu ngưng tai nạn, lợi dân cho đất Quảng Đông nên đem pháp tu lúc trước, hôm nay đặc biệt rộng truyền Đại pháp Thánh Cứu Độ Phật Mẫu để cùng kết Thắng Duyên. Thánh Cứu Độ Phật Mẫu tổng cộng có 21 Tôn, giản xưng là 21 Độ Mẫu . Các Tôn này đều là Hóa Thân của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Tu pháp này có lợi ích rất nhiều và công Đức rất lớn.



Ngày nay trên Thế giới xảy ra nhiều cuộc chiến tranh lớn, sự kinh sợ không còn xa, Ánh sáng giết hại, khí độc, đạn phá, súng ống, ... giết người. So với lúc trước lại còn mãnh liệt hơn. Hạn Kiếp lâm đầu cần phải biết rõ.

Siêng năng tu Pháp này có thể miễn trừ được tất cả: Thiên tai, nhân hoạn, các tai nạn nguy hiểm về Đất, Nước, Lửa, Gió, Không khí và dùng tránh được độc hại lại càng có công hiệu đặc thù. Ta từng bị trúng độc 03 lần mà vẫn không sao là nhờ đã tu mãn Pháp này.

Pháp này chưa được truyền rộng ở Khang Tạng. Tại Trung Thổ (Trung Hoa) trước đây chưa được nghe Pháp này lưu truyền rộng rãi. Nay do nhân duyên đặc biệt thù thắng nên mới rộng truyền. Rất mong các vị Cư sĩ thọ Pháp hãy giữ gìn tâm “**cứu mình cứu người**” ôm ấp ý niệm “**lợi thế lợi sinh**” một truyền mười, mười truyền trăm, trăm truyền ngàn, ngàn truyền vạn, vạn truyền cho đến vô cùng, ngày khác ắt được Quả Báo thù thắng. Có thể dứt lời được vậy.

Có điều Pháp này tuy có thể truyền thụ cho người nhưng muốn tự mình được lợi ích, tăng thêm hiệu nghiệm thì Chú Lục Độ Mẫu trong 21 Độ Mẫu hay tổng quát Công Đức của 21 Độ Mẫu, hạn số ít nhất là 10 vạn biến. Còn lại chú Độ Mẫu của 21 Tôn thì mỗi Chú phải niệm ít nhất là một vạn biến, nếu chẳng đủ thì không được. Nếu có thể niệm đủ Chú của 21 Độ Mẫu thì Công Đức rất viên mãn, còn chuyên niệm Chú Lục Độ Mẫu cũng có công hiệu đặc biệt. Lại như phụ nữ chịu nhiều thống khổ, nếu thành tâm tụng Chú này cũng có công hiệu kỳ diệu.

Công đức của pháp tu, quan trọng nhất là Quán Tưởng, Lúc niệm Chú nên quán tưởng ranh giới của trái tim (Tâm Tế) của Lục Độ Mẫu là Chủng Tử với Tự Luân (vòng tròn chữ) của Chú thì Công Đức rất lớn. Nếu chỉ niệm mà không quán tưởng, tuy có Công Đức nhưng hiệu nghiệm ít ỏi.

Chữ Tây Tạng tuy khó nhận rõ, xong lâu ngày để nhận rõ một chữ cũng chẳng phải là việc khó. Giã sử chẳng có thể quán tưởng các chữ của toàn Chú và chữ của Chủng Tử chẳng quán được rõ ràng minh bạch thì chẳng thể được.

Nay lược thuật pháp tu trì của Lục Độ Mẫu như sau, còn pháp niệm tụng Chú Độ Mẫu của 21 Tôn còn lại có thể suy ra từ cách này.

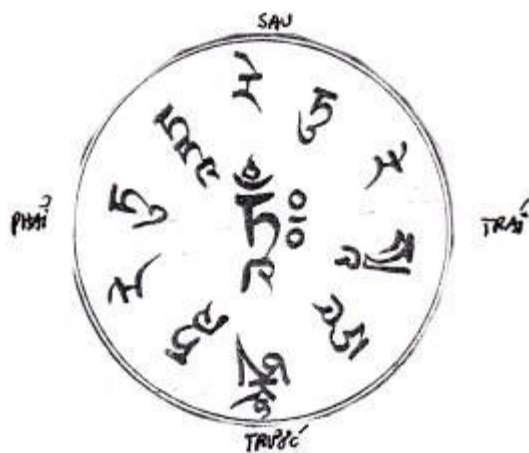
Ngồi ngay thẳng thân mình, chẳng sinh một niệm. Trong khoảng sát na, tưởng thân mình biến thành Lục Độ Mẫu đầu đội mào Ngũ Phật, ở Đỉnh Kế trong mào có Đức Phật A Di Đà ngồi (20 Tôn Độ Mẫu còn lại, nên quán trên Đỉnh Kế có Đức Phật A Di Đà ngồi hoặc là Lục Độ Mẫu). Lại quán ngay trái tim của mình có hoa sen, trong hoa có vành Nhật Nguyệt, vành mặt trời màu hồng, vành mặt trăng màu trắng, chữ **Đặng** (𑀅𑀲 – DUM – TÀM) tức chữ Chủng Tử chung của Lục Độ Mẫu và 20 Tôn Độ Mẫu) có vị trí ở chính giữa vành trăng, mặt chữ xoay về bên trái. Bên ngoài, từ phía trước mặt xoay theo hướng bên phải có chữ của Chú Lục Độ Mẫu bao quanh mà lập thành hình Tự Luân. Chữ Chủng Tử và Tự Luân đều phóng ra ánh sáng màu xanh lục (nếu Độ Mẫu là màu trắng thì ánh sáng cũng màu trắng. Độ Mẫu là màu vàng thì ánh sáng cũng màu vàng. Từ đây suy ra dạng khác). Cúng dường Chư Phật ở 10 phương. Chư Phật ở 10 phương cũng phóng ra ánh sáng tương ứng, bao nhiêu công đức của Chư Phật đều tùy theo ánh sáng mà

quay lại nhập vào thân của mình. Thân khẩu ý của mình trở thành thân khẩu ý của Độ Mẫu – Lại từ chữ TÂM ( 𑖀 ) phóng ra ánh sáng chiếu khắp tất cả chúng sinh, tiêu diệt nghiệp tội và khiến cho họ lìa khổ được vui, muôn sự như ý, tất cả đều thành Độ Mẫu phóng ra ánh sáng tương ứng. Lại quán ánh sáng này quay lại nhập vào chữ Chủng Tử của Thân mình, ngay nơi ấy bắt đầu niệm Chú, càng nhiều càng tốt. Khi niệm quán, bên ngoài Tự Luân có ánh sáng màu xanh lục theo phía trước mặt hướng bên trái xoay chuyển . Niệm xong đem công đức này bố thí cho tất cả chúng sinh tức là hồi hướng. Như có mong cầu điều gì, có thể lặn lẽ cầu khẩn.

Lại nữa, Thánh **Liên Hoa Sinh Đại Sĩ** (Padma Sambhava) là chính mạch của Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** ('Sàkyamuni). Ngài là vị Tổ đầu tiên (Tổ Tổ) khai sáng Mật Giáo ở Tây Tạng. Nay đang thời Mạt Pháp, cúng dường Thánh Tượng Đại Sĩ sẽ có công đức chẳng thể luận bàn, các Đại Thiện Tri Thức nếu có thể ở các nơi tạo nhiều Tượng Liên Hoa Sinh Đại Sĩ, cung kính cúng dường ắt tất cả tai nạn của này đời sau có thể tiêu diệt, Quả Đức vô biên đều hay viên mãn. Mong các vị hãy cố gắng.

## II. LỤC ĐỘ MÃU CHÚ TỰ LUÂN ĐỒ:

(Tây Khang Nặc Na Hô Đồ Khắc Đồ Thân Thứ)



□ Thuyết minh Đồ hình thứ nhất:

Trong đồ hình, chữ 𠄎 (TÂM) tức chữ Chung Tử đứng thẳng ở chính giữa vành trắng, mặt chữ hướng về bên trái.

Tự luân của chú: phía trước mặt, thứ nhất là chữ 𠄎 (OM) mặt chữ hướng về bên phải, đến phương hướng của chữ thứ hai với các chữ còn lại đều y theo phương hướng của chữ trước xoay theo bên phải làm hình vành xe (Luân hình) cho nên các chữ của Chú y theo đấy mà định phương hướng. Hình trạng an bày như ngựa chạy lên cao.

Đồ hình này an 04 góc: trước, sau, trái, phải hiển thị cho sở quán của Bản Tôn. Đặt ở trước mặt Hành Giả dùng để lễ bái cúng dường.

Hành Giả tu Pháp này, lúc quán thân mình đã thành Bản Tôn sẽ dùng phương hướng của thân mình mà làm: Trước, sau, phải, trái.

Ánh  
Sáng  
Màu  
Xanh  
Lục  
Từ  
Phía  
Trước  
Hướng  
Bên  
Trái  
Xoay  
Chuyển



Chữ  
của  
Chú  
từ  
phía  
trước  
hướng  
theo  
bên phải  
an bày  
thành  
vòng  
tròn

□ Thuyết minh đồ hình thứ hai:

Đồ hình này là chỗ dùng Tác Quán của Hành Giả tu pháp. Phương hướng của chữ Chủng tử với sự an bày các chữ của Chú có thể tham cứu lời thuyết minh của đồ hình thứ nhất mà tự biết.

Quán ánh sáng màu xanh lục từ phía dưới hướng lên về bên trái xoay chuyển. Chữ Chủng Tử với các chữ của Chú đều đứng thẳng bất động.

Khi tu pháp nên xem xét mức độ tác quán. Trước hết đem Chủng tử với Tự Luân, quán tưởng rõ ràng. Lại quán từ chữ Chủng tử với Tự Luân phóng ra ánh sáng cúng Phật, độ sinh. Khi niệm tụng quán ánh sáng bên ngoài Tự Luân từ từ xoay chuyển khắp vòng rồi trở về như lúc ban đầu. Nếu chẳng có thể quán tưởng thuần thực thì không nên quán ánh sáng xoay chuyển.

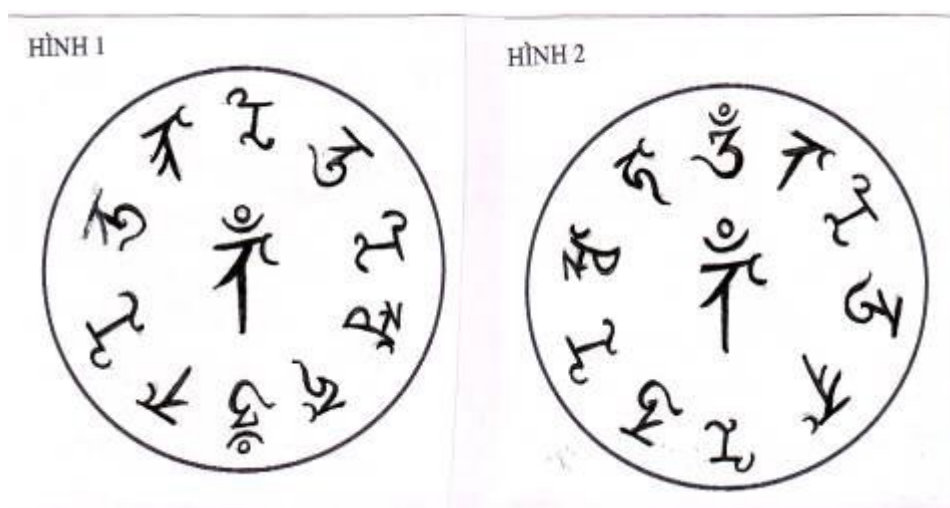
Khi tác pháp, yếu lĩnh quan trọng là tập trung tinh thần quán chữ Chủng Tử của Tâm Tế (giới hạn của Trái tim) rồi đến Tự Luân. Màu sắc của chữ Chủng Tử nên quán rõ ràng và đậm màu. Màu sắc của các chữ Tự Luân thì nhạt hơn. Màu sắc của ánh sáng với màu sắc của chữ đều nhạt.

❖ Lời đề nghị của người dịch:

Nếu không quen quán chữ Tây Tạng (Tức chữ Uchen) thì có thể dùng chữ Tất Đàn (Siddham) để quán tưởng. Đồ hình cũng theo thứ tự 1 và 2.

Lục Độ Mẫu Chú là:

ྐ ཨྱ ྐ ྐ ྐ ྐ ྐ ྐ ྐ ྐ ྐ ྐ  
TÀM\_OM TÀ RE TU TTÀ RE TU RE SVÀ HÀ.



### III. CÔNG ĐỨC VÀ PHÁP QUÁN TƯỚNG CÁC TÔN ĐỘ MẪU:

#### 1) Lục Cứu Độ Mẫu:

Bản Tôn có thân hình màu xanh lục, dung mạo hiền từ, ngồi bán già trên vành nhật nguyệt của hoa sen. Hoa sen có 08 cánh màu trắng hơi hồng, chân phải đạp xéo, chân trái co lại. Hai tay cầm cành hoa Ô Ba Lạp (Utpala: hoa sen màu

xanh da trời), đầu đội mào Ngũ Phật. Thân trên áo bay phấp phới như lá phướng. Thân dưới mặc quần trong dài, quần ngoài ngắn. Chuỗi đeo ba chuỗi châu: chuỗi thứ nhất dài đến ngực, chuỗi thứ hai dài đến tim, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Tay đeo vòng khoen, khuỷu tay đeo vòng xuyên, ống chân đeo vòng có chuông nhỏ, các vật trang sức dùng để trang nghiêm.



Hai mươi Tôn Độ Mẫu còn lại, tư thế ngồi với mào áo, vật trang sức cũng giống như Lục Độ Mẫu, song nhan sắc đều khác biệt.

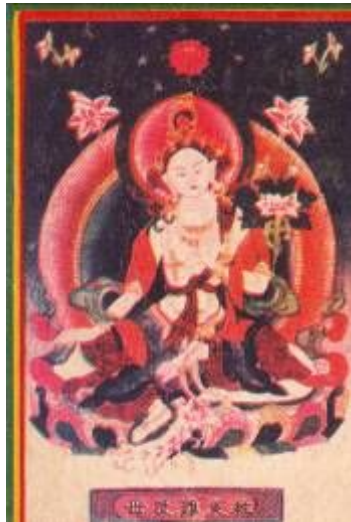
Bản Tôn xưa kia xưng là **Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát** (Tàrà Avalokite 'svara Bodhisatva) tức Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát. Bản Tôn là Tôn Chủ của 21 Độ Mẫu. Chú Lục Độ Mẫu là chú Căn bản của 21 Độ Mẫu. Nếu thường chuyên cần niệm tụng hay cắt đứt gốc rễ của Luân hồi. Miễn trừ tất cả Ma Chướng, ôn dịch, bệnh khổ. Tiêu trừ tất cả tai nạn về nước, lửa, đao binh, trộm cướp. Hay tăng trưởng thọ mệnh và Phước Tuệ. Phàm sự mong cầu không có gì không như nguyện. Sau khi chết vãng sinh về Cực Lạc. Thành tâm phụng trì, linh ứng đến liền như âm dội của tiếng vang vọng, Công Đức rộng lớn không thể nói

hết. Nếu lúc trì bái Nam Hải Phổ Đà Sơn, trì tụng Chú này càng dễ đạt được sự cảm ứng đặc thù.

Lục Độ Mẫu Chú là:

**Oõm \_ Dareh dũdareh dùreh \_ sõha**  
↪ OM \_ TÀRE TUTTÀRE TURE – SVÀHÀ.

## 2 ) Cứu Tai Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về đất, núi,...

Cứu Tai Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Oõm \_ Bat-ja dareh \_ sarva bigganen shindum gooru sõha**  
↪ OM \_ VAJRA TÀRE – SARVA VIGHNAN 'SÀNTIṀ KURU – SVÀHÀ

## 3 ) Cứu Địa Tai Độ Mẫu



Bản Tôn có thân màu lam, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có chày Kim Cương Ngũ Cổ dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về: động đất, núi lở, đất nứt, nhà cửa nghiêng sập.

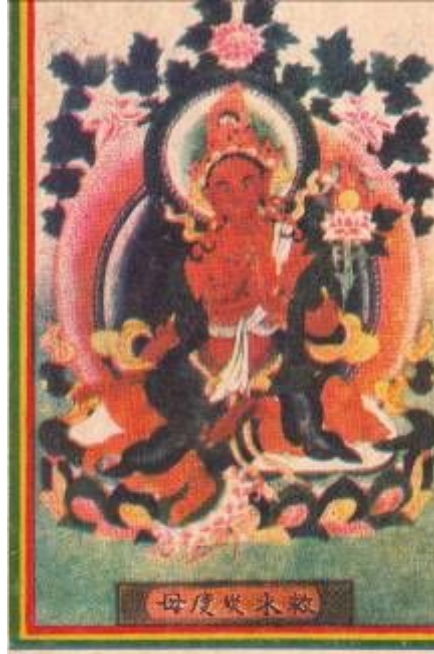
Cứu Địa Tai Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_ Dareh dudareh dùreh\_ mama\_sarva lum lum**

**Baya shin-dum gooru\_ Sõha.**

☞ OM\_ TÀRE TUTTÀRE TURE\_ MAMA SARVA LAM  
LAM\_BHÀYA 'SÀNTIM KURU – SVÀHÀ.

#### 4) Cứu Thủy Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có Hỏa Kính. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về nước và tất cả sự nguy hiểm về nước.

Cứu Thủy Tai Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_ Dareh dũdareh dùreh\_ ma ma sarva bum bum**

**Jala baya shin-dum gooru\_ sõha**

☞ OM\_ TÀRE TUTTÀRE TURE – MAMA SARVA VAM VAM  
\_JÀLA BHÀYA 'SÀNTIM KURU – SVÀHÀ.

#### 5) Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có viên Thủy Tinh Châu, trong châu tuôn ra nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về lửa và tất cả sự nguy hiểm về lửa.

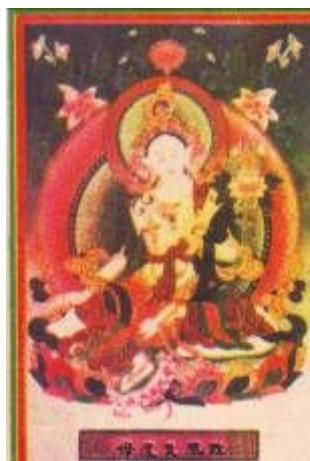
Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Dareh dũdareh dùreh\_ mama \_ sarva rum rum**

**Ng-jõla baya shin\_dum gooru\_ sõha**

☞ OM \_ TÀRE TUTTÀRE TURE – MAMA SARVA RAṂ RAṂ  
JVALA BHÀYA 'SÀNTIṂ KURU - SVÀHÀ

### 6 ) Cứu Phong Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có núi Tu Di, trên núi Tu Di có bánh Xe (luân). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về gió và tất cả sự nguy hiểm về gió.

Cứu Phong Tai Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Dareh dũdareh dùreh\_ mama sarva yum**

**yum Jala baya shin-dum gooru\_ sõha**

☞ OM \_ TÀRE TUTTÀRE TURE – MAMA SARVA YAM  
YAM\_CALA BHÀYA 'SÀNTIṂ KURU – SVÀHÀ.

### 7 ) Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu:





Bản Tôn có thân màu vàng, tướng mạo uy mãnh . Tay phải cầm Như Ý Bảo Châu (Cinta maṇi) tay trái cầm móc sắc là cán của Bảo châu. Trì tụng chú của Bản Tôn có thể được tiền của, thế lực, trí tuệ và thần thông.

Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu chú là:

**Oõm\_redna dareh\_ sarva löga jana batya\_Dara dara,  
deiri deiri, shing shing\_Ja ng\_ ja na bootjïng gooru\_Oõm**

↳ OM \_ RATNA TÀRE – SARVA LOKA JÑÀNA VITYA, DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, HRÌM HRÌM, JAḤ JÑÀNA PUṢTIM KURU – OM.

Theo ý người dịch thì câu Chú trên là:

**OM - Ratna Tàre – Sarva loka jñàna vidya – dhàra dhàra – dhiri dhiri  
– Hrìm Hrìm – jaḥ – puṇya jñàna puṣtim kuru – OM.**

### 8 ) Cứu Thiên Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu xanh lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có chày Yết Ma (Karma daṇḍa). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ sự sợ hãi về sấm sét, mưa đá, hạn hán, sóng lớn với tất cả thiên tai.

Cứu Thiên Tai Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Dareh dũdareh dùreh\_mama sarva eh eh  
Maha hana baya shin-dum gooru\_ sõha**

↳ OM \_ TÀRE TUTTÀRE TURE – MAMA SARVA E E MAHÀ HANA BHÀYA 'SÀNTIM KURU – SVÀHÀ.

### 9 ) Cứu Binh Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu xanh, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cây kiếm báu dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về binh khí, đạn dược...

Người tu pháp này nên chăm chỉ chân thành nghiêm trì Trai Giới . Nếu lúc gặp nạn nguy cấp trong chiến tranh thời tu Pháp này dù cho có loại: đao, kéo, cung tên, thương giáo, khí giới,... cũng chẳng thể khiến cho mũi nhọn của nó hướng vào thân mình được. Nếu có giày, ủng , hài chẳng có thể treo trên đầu được. Con gái tu Pháp này càng nên xét tìm sự Tịch Khiết ở bên ngoài.

Cứu Binh Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oõm\_Dareh      dũdareh      dùreh\_      mama      sarva      dig  
 dig\_Dig-chana      racha      racha gooru\_      sõha  
 ↳ OM\_ TÀRE TUTTÀRE TURE – MAMA SARVA TIG TIG  
 TÌKṢṂA\_ RAKṢA RAKṢA KURU – SVÀHÀ.

**10 ) Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu:**

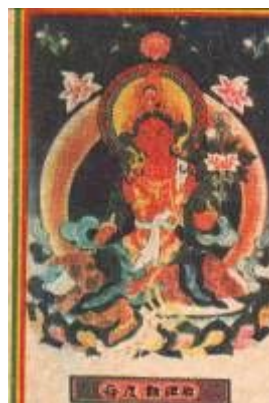


**Bản Tôn có thân màu đen**, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái búa (phủ việt). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về trộm cướp.

Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oõm\_Dareh      dũdareh      dùreh\_      mama\_      sarva  
 jõra\_Benda benda      jiktum\_      sõha  
 ↳ OM\_ TÀRE TUTTÀRE TURE – MAMA SARVA CORA BANDHA  
 BANDHA TRIG THUM SVÀHÀ.

**11 ) Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu:**



Bản Tôn có thân màu hồng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái móc sắc. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả lao ngục và tất cả tai nạn về hình phạt oan uổng.

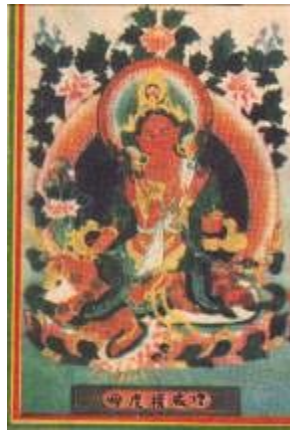
Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Dareh dũdareh dùreh\_ mama\_ sarva rãnja\_  
Dujing jõda shin-dum gooru\_ sõha**  
☞ OM \_TÀRE TUTTÀRE TURE – MAMA SARVA RÀJA TUṢṬAN  
KRODHA - 'SÀNTIṀ KURU SVÀHÀ.

Theo ý người dịch thì câu Chú trên là:

**\*) OM \_ Tàre tuttàre Ture – mama sarva Ràjà Duṣṭan Krodha  
'sàntiṀ Kuru\_ Svàhà.**

## 12 ) Tăng Uy Quyền Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tướng mạo nhu hòa, tay phải cầm Hoa Câu hương lên trên, tay trái cầm sợi dây. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay được uy quyền lớn khiến cho người khâm kính. Như Bộ Thuộc, dân chúng chẳng phục tùng thì hay khiến cho tuân phục. Lại vợ chồng chẳng hòa thuận, chân thành tu pháp của Bản Tôn hay khiến cho thuận hòa thương yêu nhau mãi mãi.

Tăng Uy Quyền Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Behma dareh senda ra sheh\_ sarva lõga\_Vashum  
gooru\_ Sõha**  
☞ OM – PADMA TÀRE SANTARA HRÌḤ – SARVA LOKA VA'SAM  
KURU HO.

Theo ý người dịch thì câu Chú trên là:

**\*) OM – Padma Tàre saṃdhàre HrìḤ – Sarva loka BhaṣiṀ kuru  
Hoḥ.**

### 13 ) Cứu Ma Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái chày Giáng Ma có ba đầu (Tam Đầu Giáng Ma Xử). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả các bệnh quái về Cổ Mị, Linh Tinh và tất cả tai nạn về Thiên Ma, Địa Ma, Không Ma, Địa Long.

Cứu Ma Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Dareh dũdareh dùreh\_ mama\_ sarva  
dũjing\_Bigganen bum peh\_ sõha**

☞ OM\_ TÀRE TUTTÀRE TURE – MAMA SARVA TUṢṬAN VIGNÀN  
VAM PHAT – SVÀHÀ.

Theo ý người dịch thì câu Chú trên là:

\*) Om\_ Tàre Tuttàre Ture – mama sarva Duṣṭan vighnàn Hùm phat – Svàhà.

### 14 ) Cứu Súc Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu nâu đậm, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cây giáo dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay miễn trừ tất cả sự nguy hại về các loài vật không ăn thịt như voi, bò, ngựa, ... làm cho người bị thương.

Cứu Súc Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Dareh dũdareh, dureh\_ sarva hunk  
hunk\_Dũjing hana hana jasaya peh\_ sõha**

☞ OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SARVA HAM HAM TUṢṬAN (?  
DUṢṬÀN) HANA HANA TRÀSAYA PHAT – SVÀHÀ.

### 15 ) Cứu Thú Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có ngọn lửa. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay miễn trừ tất cả các loài thú mạnh ăn thịt người như sư tử, chó sói, cọp, heo, và sự nguy hại về tất cả động vật khác.

Cứu Thú Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Dareh dũdareh dureh\_ sarva heh heh JaLeh  
jaleh benda peh\_ sōha**

☞ OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SARVA HE HE CALE CALE  
BANDHA PHAT – SVÀHÀ.

### 16 ) Cứu Độc Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình thủy tinh chứa đầy nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả thuốc độc, khí độc, trùng độc, với tất cả tai nạn về đất, nước, gió, không khí, chất độc tự nhiên, chất độc do con người tạo ra.

Cứu Độc Nạn Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_ Dareh dũdareh dùreh \_sarva batka jalaya\_  
hara hara peh\_ sōha**

☞ OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SARVA VIṢA CALÀYA \_ HARA  
HARA PHAṬ – SVÀHÀ.

### 17 ) Phục Ma Độ Mẫu:



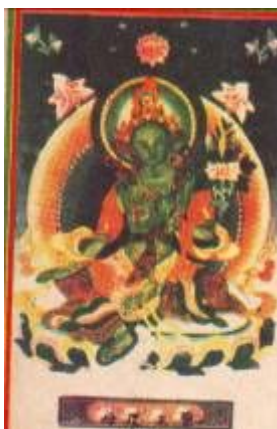
Bản Tôn có thân màu đen, một mặt ba mắt, tướng rất phẫn nộ, hai tay chấp lại cầm Tam Đầu Giáng Ma Xử. Nếu lúc gặp nạn cấp bách đem cái chày này chà chuyển chẳng ngừng thì hay đập vỡ tâm Ma. Trì tụng Chú này của Bản Tôn hay giáng phục Thiên Ma, chế ngự Ngoại Đạo.

Phục Ma Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Garma dareh\_sarva chăt Jeon bigganen mara  
shena\_ha ha heh heh hõ hõ hunk hunk binda binda  
peh**

☞ OM – KARMA TÀRE – SARVA 'SÀTRUN MÀRASENA – HA HA –  
HE HE – HO HO – HAM HAM – BHINDHA BHINDHA PHAṬ.

### 18 ) Dược Vương Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có quả Ha Tử sáng như ánh mặt trời. (Ha tử chính là Thanh quả Liên Chi Diệp ở Tây Tang như vật cầm trong bàn tay phải của Đức Phật Dược Sư) phóng ra mũi nhọn ánh sáng như nước Cam Lộ tiêu trừ bách bệnh. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ bệnh truyền nhiễm với tất cả bệnh tai, ôn dịch.

Dược Vương Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Dareh dũdareh dùreh\_ sarva jõra sarva Dooka  
ju\_ã samanaya peh\_ sõha**

☞ OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SARVA JVARA, SARVA DUḤKHA  
PRA'SAMANAYA PHAT – SVÀHÀ.

### 19 ) Trường Thọ Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình Trường Thọ chứa đầy nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay diên niên ích thọ , miễn trừ tất cả sự nguy hại về chết yểu, đoản mệnh và tất cả hung tai.

Trường Thọ Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Dareh dùda reh dùreh\_ behja Ấy kei\_ sõha**

☞ OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – VAJRA AYUṢE – SVÀHÀ

### 20 ) Bảo Nguyên (Nguồn Báu) Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình Bảo Tàng chứa đầy châu báu nhiều vô cùng, vô biên – Trì

tụng Chú của Bản Tôn hay đủ tài bảo, miễn trừ sự nghèo khổ và tất cả sự bức bách về kinh tế.

Bảo Nguyên Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Dareh dũdareh dùreh\_ jumbeh mǎheh\_Dana  
mehdeh shit\_ sǎha.**

☞ OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – JAMBHE, MOHE, DHANA, MEDHI  
HRÌḤ – SVÀHÀ

### 21 ) Như Ý Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có Như Ý Kết (?). trì tụng Chú của Bản Tôn hay như Ngọc Báu Ma Ni, mọi sự như ý, tùy nguyện mong cầu không có gì không thành tựu, như cầu con kế tự, tu pháp của Bản Tôn rất linh nghiệm.

Như Ý Độ Mẫu Chú là:

**Oõm\_Da reh dũdareh dùreh\_ Sarva arta sitdei  
gooru\_ sǎha**

☞ OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SARVA ARTHA SIDDHI – SIDDHI  
KURU - SVÀHÀ

21 Độ Mẫu bên trên . Bình thường thì quán tưởng ngồi nhưng lúc cấp bách liền quán tưởng đứng. Tổng Tâm Chú thứ 22 là Tâm Chú chung của các Tôn Độ Mẫu. Niệm Chú này hay tổng quát tất cả Công Đức của 21 Độ Mẫu.

Lại nữa, trong mỗi tháng mùa hạ, ngày 25 là ngày kỷ niệm Độ Sinh của tất cả Phật Mẫu. Nếu ở ngày đó mở lập Pháp hội Độ Mẫu thì cảm ứng rất nhanh.

Độ Mẫu tổng Tâm Chú là:

**Oõm\_Dareh dum\_ sǎha**

☞ OM – TÀRE TÀM – SVÀHÀ.



#### IV. CÔNG ĐỨC CHÂN NGÔN VÀ NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG CỦA LIÊN HOA SINH ĐẠI SĨ.



Đại sĩ vì một đại sư nhân duyên là cứu độ kẻ Xiển Đề ác tính . Khi Đức Thích Ca Văn Phật nhập vào Niết Bàn. Tám năm sau, vào ngày 10 tháng 07 năm Thân tại Tây Ấn Độ, Ngài hóa sinh trong hoa sen trên biển Đạt Lạt Quách Túc. Đại Sĩ sinh ra rồi thành Phật đó là sự kết hợp **Thân** (kàya) của Đức Phật A Di Đà, **Khẩu** (vāk) của Ngài Thiên Thủ Quán Âm, **Tâm** (citta) của Đức Phật Thích Ca và tất cả Phật mà thành thân Kim Cương biến hóa của Chư Phật Bồ Tát. Lại trải qua việc phụng sự các Thầy, đầy đủ mọi loại phương tiện độ sinh. Tại Ấn Độ và Ni Bạc Nhĩ hoằng dương Phật pháp hơn 900 năm, ứng cơ Phổ độ, chúng sinh tắm trong mưa pháp của Đại Sĩ mà vô lượng vô biên người lên ngang bậc Thập Địa, chứng thẳng Phật Quả. Sau đó Ngài quay lại nhận lễ vật vào Tây Tạng truyền Pháp mà làm Tổ khai sáng Mật Giáo Tây Tạng. Đại Sĩ chứng 05 Trí Phật, đầy đủ 03 thân, vô lượng Yết Ma.

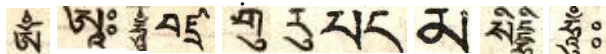
Hành Giả muốn được dễ dàng quán tưởng nơi thành tựu, có thể quán tưởng hình tượng của Ngài trong sách. Đại Sĩ tuyên diễn Mật Chú này rất nhiều, nay cần trọng cầm bút vâng theo sự khai thị của Thượng Sư NẶC NA sao chép lại hai loại như sau:

- 1 ) Căn Bản Chú.
- 2 ) Tâm Chú.

Công đức của hai Chú này không có sai khác, chân thành trì tụng sẽ hay tiêu tai, diên mệnh, tăng trưởng Phước Tuệ, mọi sự mong ước được như ý. Sau khi chết tùy nguyện vãng sanh về Cực Lạc hoặc Quốc Thổ của Đại Sĩ. Muốn cầu Tức Thân Thành Phật cũng hay như nguyện.

Lại mỗi tháng mùa hạ, ngày mồng 10 là ngày kỷ niệm độ sinh của Đại Sĩ. Ngày đó, lễ tụng tu Pháp rất dễ cảm ứng.

Liên Hoa Sinh Đại Sĩ Căn Bản Chú:



Oom\_ah hone\_betja gooru behma seedee hone

↳ OM ÀH HÙM – VAJRA GURU PADMA SIDDHI HÙM

Liên Hoa Sinh Đại Sĩ Tâm Chú:



Oom\_behma betja hone

↳ OM – PADMA VAJRA HÙM

## V. TOÁT YẾU THÁNH TÍCH CỦA THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU:

Vô lượng kiếp về trước có Thế Giới tên là Tụ Quang. Bảy giờ trong thế giới ấy có Đức Phật ra đời hiệu là **Cổ Âm Như Lai** (Duṇḍubhi-svara-tathàgata). Vị Vua nước đó có cô con gái tên là **Bát Nhã Nguyệt** (Prajñà-candra), cô sinh ra đã có Tuệ Căn kính lễ Tam Bảo. Thời ấy, mạng sống của con người rất dài. Bát Nhã Nguyệt cung kính cúng dường các Đệ tử của Đức Phật. Nàng chí tâm cúng dường tất cả mọi vật cần thiết đến 1.008.000 năm, lại dùng 600 dặm Trân châu Anh Lạc cúng dường bậc Thượng Tọa. Các bậc Tỳ Kheo đồng thanh ca ngợi rằng: “Người! Đời này nhất định thành chính quả. Nếu chí thành phát nguyện ắt thành tựu như nguyện”

Bát Nhã Nguyệt nói rằng: “Lúc này, trong ý thức của tôi không có nam, không có nữ, không có ta, không có người, không có biết, không có thấy, không có tên nam nữ. Phàm tướng nghiệp của Thế Gian đều do tâm này vọng chấp mà có. Xem lại, người dùng thân nam tu Đạo Bồ Đề thì rất nhiều, còn dùng thân nữ tu Bồ Đề thì rất ít. Tôi nguyện: từ Thế Giới này cho đến khi Thế Giới tận, Hư Không Giới tận, tôi dùng thân nữ độ cho chúng sinh”

Bát Nhã Nguyệt phát nguyện đó xong, liền ngồi quán các căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cho đến lúc đạt được tâm khai, chứng nhập Vô Sinh Pháp Nhẫn, thành Phật Mẫu, độ tất cả Hữu Tình. Thành Đạo xong, mỗi buổi sáng sớm phát Tâm Bồ Đề, độ trăm vạn chúng sinh. Nếu chẳng được như vậy thì chẳng ăn sáng. Sau giờ Ngọ cũng thế cho nên thành ĐỘ MẪU. Danh xưng lan rộng cả khắp 10 phương Thế Giới. Đức Phật thọ ký rằng: “Vị ĐỘ MẪU này khi chưa thành Phật quyết không thoái chuyển”

Lại ở trước mặt Đức **Phật Bất Không Thành Tựu** (Amoghasiddhi buddha) phát nguyện rằng: “Nguyện hộ trì cho tất cả chúng sinh bị tội khổ trong 10 phương Thế Giới” liền giáng phục Ma xong, bình đẳng nhập định mà ngồi. Từ đây, trong 95 đại kiếp, mỗi ngày đều có vạn vạn Hữu Tình được ban cho sự an vui, thanh tịnh. Cho nên gọi là ĐỘ MẪU, lại xưng là Năng Mẫu, Tốc Mẫu, Dũng Tướng Mẫu vì hay không có sự sợ hãi.

Chín kiếp về trước ở thế giới **Cực Lạc** (Sukhàvatì) có vị tỳ kheo Vô Thượng Quang Chiếu được 10 phương Chư Phật Đại Bi Quán Đỉnh. Vị Tỳ Kheo

này quán đỉnh xong liền thành Đại Bi Quán Âm. Lại nhờ ánh sáng quang minh Trí Tuệ của Ngũ Phương Phật (Trung ương Tỳ Lô Giá Na Phật, Đông phương Bất Động Phật, Nam phương Bảo Sinh Phật, Tây phương A Di Đà Phật, Bắc phương Bất Không Thành Tựu Phật) làm Đại Quán Đỉnh. Ánh sáng trước, ánh sáng sau qua lại không dứt, thành tựu Đại Bi Quán Thế Âm Tâm. Lại từ trong Tâm Đại Bi sinh ra Độ Mẫu, tất cả Trí Nguyên của Chư Phật đều viên mãn đầy đủ, tất cả khổ của chúng sinh đều nguyện độ thoát.

Bảy kiếp về quá khứ có Thế Giới tên là Bất Động . Vị Độ Mẫu ở trong Thế Giới Bất Động khai thị Pháp yếu. Ngay lúc sinh thời, 10 phương Chư Phật đều đến quán đỉnh, khen ngợi rằng: “Mẫu của tất cả Chư Phật”.

Thời Đại Kiếp ở quá khứ, tất cả Chư Phật, Bồ Tát, 08 bộ Trời Người Rộng... Nhiều vô lượng vô biên đều vân tập đến Đạo Trường của Quán Thế Âm Bồ Tát nói pháp căn bản của Độ Mẫu Đà La Ni này, mở bày trăm vạn vạn Pháp Môn, thấy đều hiển hiện trước Thế Giới, cứu độ Hữu Tình trong 6 nẻo với tất cả Chúng Sinh trong 3 đời. Về Diệu Pháp: đời quá khứ và đời hiện tại, có lưu xuất 60 vạn Pháp Bảo, đời vị lai còn 202000 Pháp Bảo. hiện nay là thời Đấu tranh mãnh liệt chỉ còn lưu xuất 4000 bài tụng. Như vậy vô lượng các Kinh lưu bố trong cung Trời, cung Rộng nhiều vô lượng vô biên. Lúc Đức Thích Ca thành Đạo, ngồi dưới cây Đại Bồ Đề, ở giữa hai chân mày phóng ra ánh sáng. Quân Ma nhìn thấy ánh sáng liền xuất hiện muốn quấy nhiễu Đức Phật. Ngài Độ Mẫu nhìn thấy liền tác tám loại Đại Tiểu (cười lớn tiếng), quân Ma liền té xuống đất. Ngài lại trụ vào Không Định hiện làm Bất Động Minh Vương (Acala vidyārāja). Lúc đem tất cả quân Ma lên cao, Ngài đập nát chúng thành bụi nhỏ. Khi ấy, Đức Thích Ca mới thành Vô Thượng Chính Giác.

Khi Bồ Tát Long Thọ tu hành cũng gặp Độ Mẫu chỉ dạy mà được thành tựu.

Ở Ấn Độ có người rất nghèo, khi thấy tượng Độ Mẫu trên tảng đá liền quỳ xuống cầu khẩn, chợt thấy Tượng chỉ đến nơi tháp. Người ấy liền đào lên được một cái bình chứa đầy Trân Châu và trở nên giàu có. Lẽ ra người ấy phải chịu 07 đời nghèo khổ, nhưng từ đây sự nghèo khó của 07 đời đều tiêu tan hết. Đời đời sinh ra đều làm người giàu có.

Thời Vua **A Dục** (A'soka) ở Ấn Độ có một vị Trưởng Lão rất giàu. Nhà Vua khởi tâm ác muốn hại nên ra lệnh bắt vị Trưởng Lão. Vị ấy sợ hãi liền cầu cứu với Độ Mẫu. Khi chân bước lên thêm cửa thì thêm cửa liền biến thành vàng, trên hư không lại thêm mưa báu rớt xuống như mưa, vị Trưởng Lão lại đem dâng vua. Khi ấy, cây khô héo liền hóa ra cây đầy hoa trái, nhà Vua ưa thích liền phong cho Trưởng lão làm Đại Thân.

Ở Ấn Độ có vị Sa Di đang đi nhìn thấy trên đường có nơi thờ cúng Thiên Thần. Vị Sa Di liền bước qua, vị Thần nổi giận dùng sấm sét để giết. Sa Di ấy sợ hãi liền cầu cứu với Độ Mẫu rồi vội vã quay về thỉnh 500 người tụng Chú Độ Mẫu, cuối cùng sấm sét cũng không làm hại được.

Lại có người nướng theo bóng đêm dùng lửa đốt nhà kẻ thù. Trong nhà chỉ có một cô gái yếu đuối bị lửa bức bách. Cô lớn tiếng kêu cứu với Độ Mẫu. Đột nhiên có một vị Độ Mẫu thân vàng đứng trên lửa và tuôn nước xuống như trút nước, nhờ vậy lửa liền tắt.

Lại có 5000 người nướng theo cái thuyền lớn vào biển tìm báu vật. Đến xứ Đại Tử Đan, Long Vương chẳng thích, lúc quay trở về bỗng gặp gió lớn đưa thuyền qua vô số biển có nhiều màu sắc. Mọi người sợ hãi kêu gọi Nhật, Nguyệt, Thượng Đế đều vô hiệu. Dây cột buồm lại đứt, nguy hiểm vạn phần, tính mệnh như hơi thở ra vào. Bỗng trong Chủng có một vị tụng Chú Độ Mẫu. Đột nhiên gió chuyển ngược thổi thuyền quay trở lại, qua một đêm chiếc thuyền chở đầy châu báu với mọi người đều về đến nhà an toàn.

Lại có một vị Tăng Chủ mắc bệnh rụng chân mày, 05 vị tăng khác cũng mắc bệnh này. Thịt rụng, lông mày rơi không có phép trị, chẳng ai dám lại gần vì sợ truyền nhiễm. Trên đường đi khuất thực, các vị thấy trên tảng đá có khắc Chú Độ Mẫu và tượng Độ Mẫu, liền khóc lóc cầu khẩn. Trên tay tượng đá bỗng tuôn ra một chất nước có dạng như thuốc. Các vị ấy liền lấy rửa thì bệnh đều khỏi và tướng mạo lại tốt đẹp trang nghiêm giống như người cõi Trời vậy.

Lại có 100 vị Tăng qua sông bị nước cuốn ra giữa dòng sông, bèn niệm Độ Mẫu Chú. Đột nhiên thấy tượng của Độ Mẫu đang được thờ cúng ở bờ sông đi ra cứu giúp. Về sau, tượng Độ Mẫu này có tên là Phong Thủy Độ Mẫu.

Tại Ấn Độ có cái tháp Đại Bồ Đề, trên tháp có tượng Độ Mẫu. Một vị Tăng mới đưa với Tượng rằng: “Hương mặt vào trong tháp, đừng hương ra ngoài tháp, há chẳng tiện hơn sao?” ... nói xong bỗng nghe Tượng đáp: “Ông đã không vừa ý, ta quay thân như thế nào đây?” tượng đá liền quay thân hương mặt vào trong tháp. Đang lúc quay ngược thân thì cửa tháp và gạch đều tùy theo thân tượng mà chuyển ngược lại. Đến nay còn gọi là Phản Thân Độ Mẫu.

Vùng Đông Bắc Ấn Độ có vị Tỳ kheo ở gần nơi cấp nước, xứ đó có tảng đá khắc tượng Độ Mẫu mà xứ này đều tu. Vị tỳ kheo Tiểu Thừa thấy các kinh Đại Thừa liền thiêu đốt, lại rất ghét Mật Tông như thù địch và hay phá tượng Mật Tông. Đức Vua nổi giận muốn trừng phạt, liền bắt vị Tỳ kheo. Tỳ kheo này bỗng quỳ trước tượng Độ Mẫu cầu khẩn. Đột nhiên nghe Độ Mẫu nói: “Khi người vô sự chẳng cần ta sao?” bèn chỉ nằm trong cái rãnh nước kia thì có thể thoát. Vị Tỳ Kheo thấy cái rãnh nước dưới thêm chỉ như cái bát, liền tự nghĩ “làm sao có thể nằm được? Thật khó quá!” Độ Mẫu thúc giục “Mau nằm xuống, người đi bắt đã đến tới cửa rồi” Vị Tỳ kheo quá sợ hãi không kịp suy nghĩ liền cúi xuống nằm. Nhà Vua chẳng bắt được liền tha.

Trước thời Long Thọ, người tu hành thành tựu pháp Độ Mẫu được hơn 5000 người. Ngay thời Long Thọ, người tu hành pháp này chứng quả hơn 5000 người. Người tu hành pháp này tiêu diệt tất cả nghiệp tội, tiêu diệt tất cả Ma chướng, hay cứu tất cả tai nạn, lại được trường thọ, giàu có. Thành tựu công đức rất nhanh chóng, lợi ích vô lượng vô biên chẳng thể nói hết. Ta lược nói thánh tích của Độ Mẫu chẳng qua chỉ là một giọt nước trong biển lớn mà thôi.

# PHAÙP THAØNH TÖÛU QUAÙN NIEÄM LUÏC ÑOÄ MAÄU

( Nhanh chóng kêu gọi sự Giác ngộ )

Tác phẩm của Đức DALAI LAMA thứ nhất (1391 - 1474 )  
Trích trong quyển “Thiền Định trên Tantra Bậc thấp”

Anh Văn : DENDUN DRUB  
Sưu tập và hiệu chỉnh: GLENNH.MULLIN  
Phụ tá Tác giả: MICHAEL RICHARDS  
Viết dịch : ĐIỀU LÝ

Những người cầu Đạo mong mỗi thực hành sự thiền định về Thánh TARA cần phải xếp đặt một bàn thờ và một chỗ ngồi. Hành giả ngồi theo tư thế Kim Cương, bắt đầu buổi lễ bằng sự Quy Y và phát khởi Tâm Bồ Đề, rồi đọc thần chú Svabhava ( Thần chú về Tự Tính )

ॐ OM SVABHÀVA SHUDDHÀḤ SARVA DHARMÀḤ SVABHÀVA SHUDDHO ‘HAM

Mọi vật đều trống rỗng. Từ bên trong sự trống rỗng của không gian trước mặt ta hiện ra Chủng tử PAM (𑖣𑖦) Chủng tử PAM biến thành một hoa sen trên hoa sen

có chủng tử AH (𑖦𑖧) Chủng tử AH biến thành vành trăng chứa chủng tử TAM

(𑖦𑖧). Chủng tử TAM biến thành hoa sen Utpala, bên trên hoa sen có chủng tử

TAM màu xanh lục. Từ chủng tử TAM này phát ra những tia sáng tạo thành lễ vật dâng cúng các Đấng tối cao, làm thỏa mãn mọi mong cầu của tất cả hữu tình, rồi tụ họp lại với nhau. Đó là một sự chuyển đổi mỹ mãn và Đức Thánh Tara tôn quý

hiện ra một cách tự nhiên với thân hình màu xanh lơ một mặt hai tay, ngồi theo tư thế co chân phải và duỗi chân trái . Tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái đặt ở trái

tím dùng ngón cái ngón trỏ cầm cuống hoa sen Utpala đang hé nở bên cạnh tai của Ngài. Thân trên khoác mảnh vải mềm mỏng đẹp, thân dưới được bao phủ bằng

thiên y. Toàn thân được trang điểm đẹp đẽ bằng các vật trang sức quý giá : vòng hoa, vương miện, bông tai, dây chuyền, vòng xuyên, nhẫn, vòng đeo chân..... Ngài

hiện ra dưới hình dạng phụ nữ 60 tuổi nhìn chăm chăm vào ta với nụ cười hoan hỷ. Trên vương niệm của Ngài có chữ OM (𑖦𑖧) trên cổ họng có chữ AH (𑖦𑖧), trên

trái tim có chữ HUM (𑖦𑖧) Từ chữ HUM trên trái tim phát ra những tia sáng thỉnh

mời Đức Thánh Tara tối cao từ vùng đất Potala tinh khiết với vô số chư Phật, Bồ Tát vây quanh.

*Từ nội thể tối thượng của Potala*

*Sinh ra từ chữ TÂM xanh lục  
Chủng tử TÂM đang tỏa ra ánh sáng  
Với muôn tia giải thoát chúng hữu tình  
Hỡi Đức Thánh Tara và quyến thuộc  
Con xin khẩn cầu Ngài hãy đến  
ÀRYÀ TÀRA !*

JAḤ HÙM BAM HOḤ . Các Vị được câu triệu này hòa hợp thành một thể với Ngài. Từ chữ HÙM trên trái tim của Ngài lại tỏa ra ánh sáng triệu mời chư Hiền Thánh cùng với các quyến thuộc trong Năm Bộ

***Hỡi Đức Như Lai ! Xin hãy quán đỉnh cho con !***

Chư vị Hiền Thánh đến trước Đức Thánh Tara, trên tay cầm những cái bình chứa nước Cam Lộ Trí Giác của lễ Thụ Pháp

☞ OM SARVA TATHÀGATA ABHIṢHEKATA SAMAYA SHRÌYE HÙM

Dòng nước được rót chảy vào vương miện trên đầu, chảy tràn vào cơ thể của Thánh Tara , thanh lọc tất cả sự dơ bẩn. Phần nước Cam Lộ Trí Giác dư thừa cuốn xoáy trên đỉnh kế và biến thành Đức Phật A Di Đà ngự trong vương miện trang sức của Thánh Tara

( Sự kiện trên trở thành phẩm vật trong sạch và tinh khiết )

OM SARVA TATHÀGATA ÀRYÀ TÀRÀ SAPARIVÀRA ARGHAM PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM SARVA TATHÀGATA ÀRYÀ TÀRÀ SAPARIVÀRA PÀDYAM PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM SARVA TATHÀGATA ÀRYÀ TÀRÀ SAPARIVÀRA PUṢHPE PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM SARVA TATHÀGATA ÀRYÀ TÀRÀ SAPARIVÀRA DHUPE PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM SARVA TATHÀGATA ÀRYÀ TÀRÀ SAPARIVÀRA ÀLOKA PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM SARVA TATHÀGATA ÀRYÀ TÀRÀ SAPARIVÀRA GANDHE PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM SARVA TATHÀGATA ÀRYÀ TÀRÀ SAPARIVÀRA NAIVIDYE PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM SARVA TATHÀGATA ÀRYÀ TÀRÀ SAPARIVÀRA SHABDA PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

*Hỡi Đức Thánh Tara tôn quý !*

*Đấng có bàn chân hoa sen*

*Chư Thần và Bán Thần đều cung kính cúi đầu*

*Đức Tara, mẹ của các vị Phật*

*Con xin đánh lễ Ngài*

*Bậc giải thoát mọi khổ não bản hàn*

( Xong rồi lập lại Thần Chú cùng với sự nguyện cầu )

Chúng tử TÂM màu xanh lục ở trên vành trắng nơi trái tim của Ngài được bao quanh bằng Thần Chú OM TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ . Ánh sáng phát ra từ Thần Chú này sẽ thực hiện những chức năng thỉnh cầu. Nếu thiền định theo đường lối này thì Thần Chú phải được lập lại nhiều lần

( Đây là Thần Chú chủ yếu nên phải được lập lại thường xuyên. Lại có một vài sự khác biệt của Thần Chú nhằm hoàn thành những hoạt động khác nhau. Hai mẫu quan trọng của sự khác nhau được biết như là “ **Cách thức của sự tăng trưởng**“ và “ **Cách thức của sự định tĩnh**” Một vài cách sử dụng chung cho những sự khác nhau này là những phần sau đây )

♦ **Tăng trưởng tuổi thọ**

☞ OM TÀRE TUTTÀRE TURE MAMA ÀYUḤ PUṢṬṬHIM KURU SVÀHÀ

♦ **Tăng trưởng năng lực công đức**

☞ OM TÀRE TUTTÀRE TURE PUṆYA PUṢṬṬHIM KURU SVÀHÀ

♦ **Tăng trưởng trí tuệ**

☞ OM TÀRE TUTTÀRE TURE PRAJÑÀ PUṢṬṬHIM KURU SVÀHÀ

♦ **Tăng trưởng sự thông minh lanh lợi, học rộng hiểu nhiều**

☞ OM TÀRE TUTTÀRE TURE KĪRTI PUṢṬṬHIM KURU SVÀHÀ

♦ **Trị ốm đau và bệnh truyền nhiễm**

☞ OM TÀRE TUTTÀRE TURE SARVA JÀRA BHYAḤ SHÀNTI KURU SVÀHÀ

♦ **Đẹp trừ sự bế tắc và chướng ngại**

☞ OM TÀRE TUTTÀRE TURE SARVA VIGHNA SHÀNTI KURU SVÀHÀ

♦ **Giải thoát tâm trí khỏi sự điên cuồng**

☞ OM TÀRE TUTTÀRE TURE SARVA VIKULE BHYAḤ SHÀNTI KURU SVÀHÀ

♦ **Đẹp trừ mộng ác và giấc mơ chẳng lành**

☞ OM TÀRE TUTTÀRE TURE SARVA DURSO VADURMINI SHÀNTI KURU SVÀHÀ

( Ở đây Thần Chú được lập lại trong lúc đang trì giữ sự ghi nhớ mà Thần Chú đang được sử dụng bao quanh chữ TÂM nơi trái tim, phát ra những sóng ánh sáng rộng lớn để hoàn thành các mục đích)

Kết thúc sự trì niệm Thần Chú là tạo ra những lễ vật và lời cầu nguyện như trước, bao gồm mọi lễ nghi với bất kỳ người cầu nguyện nào và những điều ước may mắn có thể thích hợp. Sau đó Đức Thánh Tara tan biến thành chữ TÂM . Chữ TÂM tan thành ánh sáng chiếu rớt vào đầu hành giả, đi qua kẽ hở Brahma (Huyệt Bách Hội ) đến trái tim của hành giả và trở thành một con người tự nhiên với tâm trí của chính hành giả.

Ghi chú : SADHANA (Pháp Thành Tự) của Lục Tara ở trên được Ngài GENDUN DRUB viết theo yêu cầu của các bạn hữu tinh thần trong khi Ngài đang cư trú tại Ganden Monastery .

PHƯƠNG PHÁP TRƯỜNG THỌ  
CỦA BẠCH TARA  
(Như Ý Luân)

Tác phẩm của Đức DALAI LAMA đời thứ VII (1708 - 1757)  
Trích trong quyển “Thiền Định trên Tantra Bậc thấp”

Anh Văn : DENDUN DRUB  
Sưu tập và hiệu chỉnh: GLENNH.MULLIN  
Phụ tá Tác giả: MICHAEL RICHARDS  
Việt dịch : DIỆU LÝ

Ở một nơi yên tĩnh, sắp đặt một bàn thờ với tượng của Bạch Tara cùng luân xa Như ý ở giữa . Trước mặt Ngài đặt hai hàng chén lễ vật, dùng để dâng cúng đến các Vị đã nhắc ở trước và đến bản thân như một vị thần . Cũng như sắp đặt bánh ngọt nghi lễ màu trắng được làm bằng ba loại đường và ba thức màu trắng theo truyền thống Tantra Bậc thấp . Nếu tạo ra tâm tu dưỡng đầy đủ, bảo đảm tuân theo những lời hứa khác nhau của Kriya Tantra, như là tắm sạch ... và tránh ăn những thức ăn mặn như thịt, tỏi, hành, các củ cải đỏ, ....

Nghi thức có ba phần : Phần mở đầu, Phần thực hành thực tế, Phần kết thúc (Đầu tiên là những phần mở đầu . Phần này liên quan đến những sự thiền định chung của việc quy y và phát tâm Bồ đề . Nghi thức cho phần này như sau : )

Hãy nhớ nghĩ bản thân ta như là Bạch Tara . Chúng tử TÂM (ॐ) nơi tim ta phát sáng. Đấng Tara có Đức A Di Đà trên đầu và mười ngàn chư Phật, Bồ tát được mời từ nơi cư trú của Ngài vây xung quanh Ngài, đến khoảng không gian trước mặt ta.

ॐ NAMO GURU BYAḤ NAMA ĀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA BYAḤ

[ Đầu tiên tạo ra Quy mệnh ấn và những lời xưng tán Ngài . Kế đến là Quy y, phát tâm Bồ đề và suy tưởng tứ đại theo kinh chuẩn mực .

Khi thực hành xong việc này, cần tiếp tục việc thiền định trên thực thân . Điều này bắt đầu bằng việc tinh lọc Thiền định trong THỨC KHÔNG nhờ sự trợ giúp của thần chú Svabhava ( Thần chú về Tự tính) ] :

ॐ OM SVABHÀVA SHUDDHOḤ SARVA DHARMÀḤ SVABHÀVA SHUDDHO ‘HAM



Tất cả các Pháp, sự trống rỗng của sự tồn tại tự tính, tan thành tính KHÔNG. Từ bên trong khoảng không của sự trống rỗng mênh mêng này, xuất hiện chủng tử PAM (𑖣𑖦). Chủng tử PAM này biến thành hoa sen trắng có chủng tử ÀH (𑖦𑖪). Chủng tử ÀH biến thành vành trăng có chủng tử TÂM (𑖦𑖪) màu trắng ở giữa biểu trưng cho tâm trí ta .

Chủng tử TÂM (𑖦𑖪) phát ra những tia sáng tạo thành lễ vật dâng cúng đến Đấng Chí Tôn, tạo ra mọi điều tốt lành cho các loài hữu tình rồi tụ họp lại . Chủng tử TAM biến chuyển hoàn toàn và ta hiện ra như là Bạch Tara với Luân xa Như ý .

Cơ thể ta màu trắng có một mặt hai tay . Hình thể này rung động như là một sắc đẹp tuyệt trần của người phụ nữ 60 tuổi . Tay phải của ta kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái đặt nơi trái tim, ngón cái và ngón vô danh cầm cuống hoa sen . Hoa sen này tỏa ra ba nhánh bên cạnh tai ta biểu tượng cho chư Phật ba đời , Nhánh giữa có một hoa nở rộ, nhánh bên phải sắp kết trái, nhánh bên trái là một búp chưa nở . Tóc của ta kết thành một búi, ta được điểm tô bằng những đồ trang sức châu báu quý giá và phục sức bằng quần áo mỏng nhẹ . Lưng của ta dựa trên vành trăng, toàn thân ta là ánh sáng của thiên nhiên và hai chân trong tư thế Kiết già . Trên Vương miện ta có chữ OM (𑖠𑖩) màu trắng, trên cổ họng có chữ ÀH (𑖦𑖪) màu đỏ, và trên trái tim có chữ HÙM (𑖦𑖪) màu xanh dương . Như vậy, chữ TÂM (𑖦𑖪) màu trắng dựa trên vành trăng ngay trái tim ta .

Chữ TÂM phát ra những tia sáng rực rỡ thỉnh mời Đức Tara Tối cao, Ngài có vô số Chư Phật Bồ tát bao quanh từ nơi cư trú tự nhiên của Ngài .

JAH HÙM BAM HOH . Hết thấy chư vị đều tan biến để trở thành nhất thể.

Những tia sáng lại tiếp tục phát ra từ chữ TAM nơi tim ta thỉnh mời các chư Thần Quyền năng. Ta khẩn cầu họ :

**“ Xin hãy ban phát Lễ Thụ Pháp cho con ”**

Khẩn cầu xong, chư Thần cầm những bình chứa nước Cam Lộ Trí Giác của lễ Thụ Pháp, đọc câu :

𑖦𑖪 OM SARVA TATHAGATA SAMAYA SHRIYE ÀH HÙM

Chư vị sẽ thọ pháp cho ta bằng nước nước của các vị . Cơ thể ta tràn ngập hương thơm và da được tẩy sạch mọi sự tiêu cực. Hương thơm dư thừa đó tràn ra khỏi vương miện trên đầu ta chuyển thành Đức A Di Đà. Đức A Di Đà trở thành vương miện trang sức trên đầu ta .

(Tạo ra những lễ vật dâng cúng đến mình như là Vị thần :)

ॐ OM SVABHÀVA SHUDDAH SARVA DHARMÀH SVABHÀVA SHUDDHO 'HAM !

Mọi vật trở nên (như là) trống rỗng. Từ bên trong sự trống rỗng, xuất hiện tám chữ OM (ॐ) chuyển thành những thùng châu báu to lớn tột cùng, bên trong mỗi thùng là một chữ OM . Những chữ OM tan thành ánh sáng và lại xuất hiện dưới hình thức những lễ vật : nước uống, nước rửa chân, hoa, hương, đèn, đầu thơm, thực phẩm và âm nhạc . Những thứ này đều tinh khiết và ngang bằng giới hạn của bầu trời .

OM ARGHAM ÀH HÙM  
OM PADYAM ÀH HÙM  
OM PUŞPE ÀH HÙM  
OM DHUPE ÀH HÙM  
OM ÀLOKE ÀH HÙM  
OM GANDHE ÀH HÙM  
OM NAIVIDYE ÀH HÙM  
OM SHABDA ÀH HÙM

Sau đó :

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA ARGHAM PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA PÀDYAM PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA PUŞPE PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA DHUPE PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA ÀLOKE PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA GANDHE PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA NAIVIDYE PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA SHABDA PRATÌCHCHA HÙM SVÀHÀ

TÀRE sự tự do thoát khỏi Luân hồi

TUTTÀRE : sự tự do khỏi tám nạn

TURE : sự tự do khỏi bệnh tật ,

Con xin tôn kính Mẹ Tara .

Con xin tôn kính bậc quyền uy tối thượng, Ngài ngồi trong tư thế Kim Cương trên vành trăng, nơi tâm của hoa sen trắng .

Con xin tôn kính Ngài sáng chói như trăng mùa thu, lưng Ngài dựa vào vành trăng, thân Ngài tạo ra những vật trang sức xinh đẹp, chân trái của Ngài giữ một bông sen trắng .

Con xin tôn kính Thánh Tara, Ngài xuất hiện như một phụ nữ 60 tuổi, mẹ của tất cả Chư Phật, hình dáng của Ngài thực hiện điều ước một cách tự nhiên .

Con xin tôn kính Ngài với luân xa trắng nơi tim, một luân xa với tám cảm xe mang tám chủng tử huyền diệu với ánh sáng chói chang rực rỡ .

Đức Tara tôn quý, người mẹ mang đến sự giải thoát cùng Như ý luân tăng trưởng cuộc sống, xin lắng nghe lời cầu nguyện của con . Xin hãy bảo vệ con khỏi những hiểm nguy trong cuộc sống, những tật bệnh và sự đói nghèo. Xin hãy ban cho con sự thành tựu tối thượng của Thực chứng cũng như những thành tựu chung. Hỡi Đấng Chí Tôn, con xin đặt niềm tin vào Ngài, Ngài luôn quan tâm đến con như người mẹ quan tâm đến con cái mình . Con gọi Ngài: xin hãy giữ con trong lòng Từ bi của Ngài. Ngài vượt trên các Nữ thần, trắng như mùa thu, hoàn hảo như người không kiêu ngạo, điểm trang bằng nhiều trang sức châu báu, phục sức bằng vải mềm nhẹ và đang ngồi trong tư thế Kim Cương trên hoa sen và mặt trăng, Ngài có gương mặt đang mỉm cười và hai tay, Ngài là mẹ của chư Phật Quá khứ, Hiện tại và Vị lai . Con xin đánh lễ Ngài lần nữa. Lời cầu nguyện này do con thành tâm dâng lên và giúp cho con đạt đến sự Giác ngộ . Từ bây giờ cho tới khi con đạt được Bồ Đề, dẹp mọi tình trạng tiêu cực có thể ngăn cản con, tạo ra mọi tình trạng dẫn dắt và sự phát triển hữu ích . (Đức Dalai Lama đời thứ I viết lời Nguyện và lời Mong cầu này) Nơi trái tim ta xuất hiện một bánh xe màu trắng có tám cảm, một trục và một vành bánh xe ba tầng . Tại trục bánh xe là một vành trăng và trên đó là tâm của ta trong hình trạng một chủng tử TÂM (ॐ) màu trắng . Bao quanh chủng tử TÂM này là Thần chú :

ॐ OM MAMÀ ÀYUH PUNYE JNÀNA PUṢṬHIM KURU SVÀHÀ .

Trên những cảm xe, bắt đầu trước và vòng theo chiều kim đồng hồ là các chữ:

TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ

Ở tầng trong cùng của vành bánh xe, 16 âm tiết của mẫu tự Sankrit màu trắng, chạy vòng theo hướng kim đồng hồ ; ở tầng giữa, 34 phụ âm màu đỏ, vòng theo chiều kim đồng hồ ; và ở tầng ngoài cùng là câu Thần chú “**Duyên Khởi**” màu xanh biển vòng theo chiều kim đồng hồ :

OM YE DHARMA HETU PRABHÀVA HETUN TEṢHÀN TATHÀGATO HYA VADATA TEṢHÀN CHAYO NIRODHA EVAM VADI MÀHÀSHRAMAṆAH YE SVÀHÀ .

Tất cả những chữ này ở trong những khối chữ lớn, đặt ở phía trên về bên phải, tỏa ra những luồng sáng vô hạn định .

Từ những điều trên đến các tia sáng ngang bằng với một trăm ngàn mặt trăng. Những mặt trăng này tràn đầy cơ thể ta và dẹp tan mọi bệnh tật, quỷ thần xấu ác, những loài gây chướng nạn, những sự tằm tối trog tinh thần và những sự trở ngại đời sống . Những tia sáng này lướt qua các lỗ chân lông của ta và hình thành một vầng tròn hào quang trắng xung quanh ta một khoảng thời gian rất ngắn theo chiều sâu . Tất cả mọi hoạt động của sự dẹp trừ được hoàn thành .

Những dòng sáng này lại tiến vào trái tim ta từ những chủng tử đó . Trong sắc vàng, ánh sáng tràn ngập cơ thể ta và tăng trưởng tuổi thọ, công đức, năng lực học và hiểu, sự khôn ngoan hiểu biết của việc nghe, sự quán niệm và thiền định ..v..v.. Chúng rời khỏi cơ thể ta và hình thành một vầng hào quang mỏng bao quanh vầng hào quang trắng vừa được tạo lập nhanh chóng . Mọi hoạt động của sự tăng trưởng được hoàn thành .

Một lần nữa ánh sáng tỏa ra từ những chủng tử nơi trái tim ta . Trong sắc đỏ, ánh sáng ban cho ta quyền năng vượt trên ba thế giới . Ánh sáng rời khỏi cơ thể ta và hình thành một vầng hào quang đỏ bao quanh vầng hào quang vàng . Vô số hoạt động của quyền năng được thực hiện .

Những dòng màu xanh dương chiếu thẳng từ những chủng tử nơi trái tim ta, ban phát cho ta năng lực để hoàn thành mọi hoạt động . Ánh sáng rời khỏi cơ thể ta và hình thành vầng hào quang xanh dương bao quanh vầng hào quang màu đỏ ở trên. Mọi hoạt động Hoại diệt được thực hiện .

Những dòng sáng lại chiếu thẳng từ những chủng tử nơi tim ta . Trong sắc xanh lục, chúng ban cho ta những sự chứng đắc về quyền lực chung và tối thượng . Những dòng sáng đó rời khỏi cơ thể ta và tụ họp lại thành một vầng hào quang màu xanh lục bao quanh vầng xanh dương trên . Mọi hoạt động được thực hiện .

Bây giờ, ánh sáng màu nâu chiếu thẳng từ những chữ nơi tim ta và tràn ngập cơ thể ta . Tất cả sự Chứng đắc được tạo lập kiên cố, vững chắc . Ánh sáng rời khỏi cơ thể ta và hình thành nên vầng hào quang màu nâu bao quanh vầng xanh lục . Mọi thành tựu và phước được hình thành bền vững .

Sáu vầng hào quang đó có hình dạng oval (bầu dục) giống như những quả trứng . Những vầng hào quang này vững vàng đến độ ngay cả gió phá hủy cả một khoảng không gian vô tận cũng không thể lay chuyển được . Những khoảng cách giữa các vầng hào quang này rất lớn, được lấp kín bởi những bông hoa Ưu Bát La màu xanh lục, và không có một kẽ hở nào . Như vậy, sự phòng ngự tuyệt vời được thiết lập .

Ánh sáng màu trắng và dòng suối Cam lộ chảy từ những vòng Thần chú tràn ngập cơ thể ta . Các tật bệnh, quỷ thần xấu ác, những loài gây chướng nạn, các bức màn vô minh cùng những sự trở ngại trong đời sống của ta đều bị chế ngự và ta đạt đến sự thành tựu của tính bất tử .

[ Và rồi, tránh những sai phạm như là : Thần chú lặp lại không trong sạch và những Thần chú lặp lại bị sai lệch . Ở đây có hai Thần chú được cung cấp : Thần

chú Tăng tướng và Thần chú Chính . Theo ghi chép của Je Gendun Gyasto, Đức Dalai Lama đời thứ hai, người học chỉ cần lặp lại khuôn mẫu này vài trăm lần vào lúc khởi đầu và kết thúc mỗi buổi lễ , cung hiến phần chính của buổi lễ đến buổi sau .]

**Thần chú Tăng Trưởng :**

☞ OM TÀRE TUTTÀRE TURE MAMA ÀYUḤ PUṆYE JÑÀNA  
PUṢṬHIM KURU SVÀHÀ .

**Thần chú Chính :**

☞ OM TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ

[ Khi những Thần chú chỉ định ở trên được thực hiện, lặp lại Thần chú Padmasattva 100 chữ để tinh lọc những lỗi lầm của chính các bạn và tạo lập việc chuyển các năng lực đã chứng đắc . Và làm những lễ vật, lời xưng tán như trước .]

[ Thứ ba là Phần Kết thúc . Phần này bắt đầu bằng sự dâng cúng bánh ngọt nghi lễ ]

☞ OM SVABHÀVA SHUDDAḤ SARVA DHARMÀḤ SVABHÀVA  
SHUDDHO HAM

Mọi vật trở nên trống rỗng, từ trong khoảng không của sự trống rỗng xuất hiện thùng chứa bánh ngọt nghi lễ lớn, một chủng tử TÀM màu trắng ở trên thùng đó . Chủng tử TÀM phát sáng . Ánh sáng soi chiếu qua thùng và chuyển nó thành thùng châu báu to lớn tốt cùng . Ánh sáng chiếu vào bánh ngọt và chuyển bánh thành biển nước Cam lộ trí tuệ rộng mênh mông .

☞ OM ÀḤ HÙM ( 3 lần )

OM SVABHÀVA SHUDDHAḤ SARVA DHARMÀḤ SVABHÀVA  
SHUDDHO HAM

Mọi vật trở nên trống rỗng . Từ trong khoảng không của sự trống rỗng, chủng tử PAM ( རྩྭ ) xuất hiện trong hư không trước mặt ta . Chủng tử PAM chuyển thành hoa sen mang chủng tử A ( ཨ ) . Chủng tử A chuyển thành vành trăng, trung tâm vành trăng là chủng tử TÀM ( སྭ ) màu trắng Chủng tử TÀM phát sáng và tạo ra lễ vật đến Đấng Tối Cao, thực hiện điều thiện cho các loài hữu tình và rồi tụ họp lại. Chủng tử TÀM hoàn toàn chuyển biến và Bạch Tara cùng Như ý luân xuất hiện. Cơ thể của Ngài màu trắng, Ngài có một mặt, hai tay, dường như là 60 tuổi và rất đẹp . Tay phải Ngài kết ấn Thí Vô Úy, ngón cái và ngón giữa của tay trái đặt ngang nơi trái tim, cầm cuống hoa sen trắng . Hoa sen là biểu tượng của chư

Phật ba đời, tỏa ra ba nhánh bên cạnh tai của Ngài : Nhánh giữa mang một bông hoa nở rộ, nhánh bên phải sắp kết trái, nhánh bên trái là một búp chưa nở . Tóc của Ngài kết thành một búi, Ngài được điểm tô bằng những đồ trang sức quý giá và phục sức bằng quần áo mỏng nhẹ . Lưng của Ngài dựa thẳng trên vành trăng, toàn thân Ngài là ánh sáng của thiên nhiên và hai chân trong tư thế Kim Cương . Trên Vương miện Ngài có chữ OM (ॐ) màu trắng , trên cổ họng có chữ ÀH (ॐ) màu đỏ, và trên trái tim có chữ HÙM (ॐ) màu xanh dương . Như vậy, chữ TÂM (ॐ) màu trắng dựa trên vành trăng nơi trái tim của Ngài .

Chủng tử TÂM phát ra ánh sáng rực rỡ thỉnh mời Đức Tara Tối Cao có hàng ngàn Chư Phật Bồ Tát từ nơi cư trú tự nhiên của Ngài bao quanh

ÀH HÙM BAM HOH , các vị đều tan biến thành nhất thể .

Ánh sáng lại tiến đến từ chủng tử TAM, thỉnh mời chư vị Hiền Thánh . Các vị cầm trên tay các bình chứa đầy nước Cam Lộ trí giác :

ॐ OM SARVA TATHAGATA ABHISHEKATA SAMAYA SHRIYE  
ÀH HÙM

Nói câu này, các Vị thọ pháp cho Ngài bằng nước thơm của các vị . Cơ thể Ngài tràn ngập hương thơm và hương thơm dư thừa tràn ra khỏi vương miện trên đầu Ngài chuyển thành Đức A Di Đà . Đức A Di Đà trở thành vương miện trang sức của Ngài .

( Tạo các lễ vật đến Thần như trước )

OM SVABHAVA SHUDDHA SARVA DHARMAH SHUDDHO HAM  
!

Mọi vật trở thành (thấy như) sự trống rỗng . Từ trong khoảng không của sự trống rỗng xuất hiện tám chủng tử OM (ॐ) chuyển thành những thùng châu báu to lớn tột cùng, bên trong mỗi thùng có một chủng tử OM . Chủng tử OM tan thành ánh sáng và lại xuất hiện dưới hình thức lễ vật : nước uống, nước rửa chân, hoa, hương, đèn, dầu thơm, thực phẩm và âm nhạc . Những vật phẩm này đều tinh khiết và nhiều vô kể .

OM ARGHAM ÀH HÙM  
OM PADYAM ÀH HÙM  
OM PUŞPE ÀH HÙM  
OM DHUPE ÀH HÙM  
OM ÀLOKE ÀH HÙM  
OM GANDHE ÀH HÙM  
OM NAIVIDYE ÀH HÙM  
OM SHABDE ÀH HÙM

Sau đó :

OM ÀRYA TÀRE SAPARIVÀRA ARGHAM PRATICHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA PÀDYAM PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA PUŞPE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA DHUPE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA ÀLOKE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA GANDHE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA NAIVIDYE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÀRYA TÀRE SAPARIVÀRA SHABDE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

TÀRE sự tự do thoát khỏi Luân hồi

TUTTÀRE : sự tự do khỏi tám nạn

TURE : sự tự do khỏi bệnh tật ,

Con xin tôn kính Mẹ Tara .

(Tạo ra những lễ vật đến Ngài như trước)

OM SVABHÀVA SHUDDAḤ SARVA DHARMÀḤ SHUDDHO HÀM

!

Mọi vật trở thành (thấy như) sự trống rỗng . Từ trong khoảng không của sự trống rỗng xuất hiện tám chủng tử OM ( ॐ ) chuyển thành những thùng châu báu to lớn tột cùng, bên trong mỗi thùng có một chủng tử OM . Chủng tử OM tan thành ánh sáng và lại xuất hiện dưới hình thức lễ vật : nước uống, nước rửa chân, hoa, hương, đèn, dầu thơm, thực phẩm và âm nhạc. Những vật phẩm này đều tinh khiết và nhiều vô kể .

OM ARGHAM ÀḤ HÙM

OM PADYAM ÀḤ HÙM

OM PUŞPE ÀḤ HÙM

OM DHUPE ÀḤ HÙM

OM ÀLOKE ÀḤ HÙM

OM GANDHE ÀḤ HÙM

OM NAIVIDYE ÀḤ HÙM

OM SHABDE ÀḤ HÙM

Sau đó :

OM ÀRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA ARGHAM PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÆRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA PÀDYAM PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÆRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA PUŞPE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÆRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA DHUPE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÆRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA ÀLOKE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÆRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA GANDHE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÆRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA NAIVIDYE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

OM ÆRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA SHABDE PRATÌCHCHA HÙM  
SVÀHÀ

TÀRE sự tự do thoát khỏi Luân hồi

TUTTÀRE : sự tự do khỏi tám nạn

TURE : sự tự do khỏi bệnh tật ,

Con xin tôn kính Mẹ Tara .

Ánh sáng từ chủng tử TÂM (ॐ) nơi tim ta soi sáng và chiếu vào mọi hữu  
tình đang sống, tinh lọc những khuynh hướng gây chướng nạn và màn vô minh của  
họ. Các hữu tình chuyển thành Đức Tara Cao quý và đến trước mặt ta . Đức Tara  
nói Maṇḍala trước mặt ta và tất cả hữu tình dưới dạng Tara phát ra một luồng sáng  
từ lưỡi của các Ngài, bằng cách đó, sự thiết yếu của Bánh ngọt Nghi lễ được ăn và  
thưởng thức .

↪ OM ÆRYÀ TÀRE SAPARIVÀRA IDAM BALIMTA KHA KHA  
KHÀTI KHÀTI (7 hay 21 lần)

( Phương pháp “Cúng dường Bánh ngọt Nghi lễ đến Đức Tara và đến mọi  
hữu tình như Đức Tara” này được trích từ “Pháp thành tựu Bạch Tara” của Je  
Gendun Drub, Đức Dalai Lama đời thứ I và vì thế rất đáng tin cậy .

Bây giờ tạo các lễ vật và lời xưng tán như trước và bày tỏ lời nguyện cầu,  
những mong muốn và mục đích của bạn có thể được thực hiện . Sau đó : )

Bất kỳ việc gì con đã làm sai do vì vô minh hay vì sự túng thiếu về vật chất  
cùng với mọi sai phạm trong nghi lễ này, hồi Đức Tara, con khẩn cầu Ngài tha thứ.  
{Như vậy, bạn cần phải tinh lọc những sai lầm trong Thiên định của chính mình và  
cũng cần dâng hiến các công đức và lặp lại những câu kệ tốt lành . Và rồi, nếu bạn  
đã sắp đặt một hình ảnh Đức Tara trên bàn thờ của bạn : }

**Hỡi Ngài ! Ngài luôn vì chúng hữu tình đang sống**

**Ngài trú ở trong hình ảnh này trước mặt con**

**Ban cho con sức khỏe, sự sống, sự thịnh vượng**

**Và sự thành tựu tối thượng của những Thực chứng**



*(Nếu bạn không có hình tượng Tara )*

VAJRA MUH : Các hữu tính trí tuệ quay về nơi cư trú tự nhiên của họ . Các hữu tình ủy thác tan vào ta . Sự lập lại diện mạo Vị Trí tuệ ở trong ta khi Đức Tara - VAJRA MUH - quay về nơi cư trú tự nhiên của VAJRA MUH . Diện mạo vị Ủy thác ở Maṇḍala của ta, khởi đầu từ vòng ngoài và tiến vào trong, tan thành ánh sáng và rồi tan vào ta . Ta cũng hòa tan vào ánh sáng từ chân trở lên và từ đầu trở xuống . Ánh sáng này được hấp thu vào chủng tử TÂM nơi tim ta . Chủng tử TÂM cũng dần dần tan biến vào ánh sáng trong suốt, giống như là cầu vồng ở trên bầu trời .

( Nghỉ ngơi ít phút, rồi :) Từ trong khoảng không của sự trống rỗng, ta thành linh xuất hiện dưới dạng Bạch Tara Tôn quý .

***Bằng năng lực công đức của buổi thực hành này***

***Con có thể nhanh chóng đạt đến sự thành tựu của Đức Tara***

***Và tất cả mọi hữu tình đang sống***

***Sẽ được dẫn dắt đến trạng thái xác thực đó .***

[ Giữa các phần thiền định, thấy tất cả nghi thức rõ ràng như thân thể Đức Tara, hiểu rõ mọi âm thanh như giọng nói của Ngài và không lạc vào tình trạng tự khi quá mức khi thấy chính mình như là Đức Tara . Tuy nhiên, cho dù ngay khi bạn thấy cả bạn và những người khác như là Đấng Giác Ngộ Tara, hãy duy trì sự tỉnh giác mà mọi vật đều không có sự tồn tại hiển nhiên và có sự Tồn tại đó hay sự Trống rỗng, như là bản tính của mọi vật . Đừng bị làm rối trí vì tính viển vông hão huyền về sự xuất hiện ở trong buổi luyện tập Yoga này.

Khi ở trong tâm linh tu dưỡng, bạn cần thực hành sự thiền định này trong cả ba hay bốn buổi lễ hàng ngày và bền chí cho tới khi bạn thu thập được ba trăm ngàn câu Thần chú . Đây là phương pháp giảng dạy của nhiều Bậc Thầy nổi danh trong quá khứ . Nếu không thì tiếp tục tâm linh tu dưỡng cho tới khi bạn thấy được hình thể và nghe được giọng nói của Đức Tara, hay là có được Thực chứng đặc biệt, hay cho tới khi bạn thấy được những cảnh đặc biệt của việc Chiến thắng (vượt qua) cái chết, như là mơ về việc tạo ra những bức tượng Bạc Tara nhỏ nhắn .

Nếu như bạn đang làm buổi lễ để giúp đỡ một người nào khác, hãy hình dung 12 người đó đang ngồi trước mặt bạn trên vành trăng ở trong một vầng hào quang . Ánh sáng tràn ra trước từ những chủng tử nơi tim bạn, rời khỏi cơ thể bạn, ngang qua lỗ mũi bên phải của bạn và đi vào lỗ mũi bên trái của người nhận . Ánh sáng tràn ngập hoàn toàn cơ thể người đó và tẩy sạch mọi chướng ngại trong cuộc sống của người đó . Thiền định theo cách này, lập lại Thần chú :

☞ OM TÀRE TUTTÀRE TURE tên ..... ÀYUH PUNYE JÑANÀ  
PUṢHṬHIM KURU SVÀHÀ

Những lợi ích của Buổi lễ này là vô cùng tận . Trích lời của Atisha vĩ đại :  
***“Không có Thần thánh nào trên thế giới như là Brahma, Vishnu, Shiva, ..v...v .., sẽ có thể làm hại đến các người . Các người sẽ có thể nghiền nát Chúa tể của Thần chết . Vận rủi và sự đói nghèo sẽ bị tuyệt trừ . Mọi sự đau đớn, khổ cực và ngay cả sự kinh khiếp, sẽ bị xóa sạch . Các người sẽ có được những năng lực thần***

***diệu phi thường, sẽ trở nên xuất chúng trong diện mạo và sự kết hợp, trí óc sẽ linh hoạt hơn. Thật ra, các người sẽ trở thành một vị Phật hoàn hảo . Cần phải nói thêm gì nữa đây ?”***

Những điều này là công đức chung của buổi lễ Bạch Tara Như ý luân . hơn nữa, đặc biệt sẽ tránh được cái chết sớm và chết chưa tới lúc (bất đắc kỳ tử). Trí tuệ của bạn trong sự học và sự minh mẫn sẽ tăng trưởng, và sau cùng, sẽ nhanh chóng đạt được Phật quả.]

***Lời chú :*** Đức Dalai Lama đời thứ VII viết Pháp Thành Tựu Trường thọ của Bạch Tara Như ý luân này, Ngài yêu cầu các đệ tử trong Mật giáo học hỏi và thử thách, và cũng thiếu mọi khả năng văn chương . Được viết theo sự thỉnh cầu của Jigme Tanpai Gyasto ở Do Kham thuộc miền Đông Tây Tạng ; Pháp Thành tựu được đưa ra như là Pháp Thành Tựu Bạch Tara căn bản của Gyalwa Gendun Gyasto Tiếng Cười Du Dương, Đức Dalai Lama đời thứ II, nhưng có thêm những sự thực hành xác thực tự những Pháp Thành Tựu của hai Vị : Dalai Lama đời thứ I, Je Gendun Drub và Dalai Lama đời thứ V, Gyalwa Lozang Gyasto Toàn Trí . Bằng bất kỳ công đức của tôi có được khi viết Pháp Thành Tựu Trường Thọ của Ngài, chỉ cần âm thanh gọi tên Ngài cũng làm tan sự chết chóc, bệnh tật và tình trạng khổ cực, và ban phát cuộc sống trường thọ, có thể tiếng trống thông báo sự chiến thắng trên âm thanh vọng lại của Tứ Ma . Có thể các hữu tình đang sống tìm thấy thành phố của sự giải phóng của sự Giác ngộ vĩ đại, và có thể mọi người được Thánh Tara Tối thượng bảo vệ .

Glenn H. Mullin cùng Chomdze Tashi Wangyal dịch .

23/03/1998

# PHÁP TU TÀRÀ NGUỒN GỐC CỦA MỌI NGHI LỄ

Anh Ngữ dịch: MARTIN WILLSON

Việt Dịch : DIỆU LÝ

## NHỮNG NHẬN XÉT CHUNG

Vì Tàrà trở thành 01 vị thần Phật giáo quan trọng, những liên quan về Ngài trong các Pháp tu của các vị thần khác không đủ dài lâu (?). Ngài phải có các Pháp tu của chính Ngài.

Ngày trước, Tàranàtha nói với chúng tôi, Đức Avalokita đã dạy khoảng 10 triệu ‘sloka, hay vượt hơn một trăm triệu từ, về các Pháp tu của Tàrà, nhưng theo thời gian hầu hết các Pháp tu này đã không còn ở thế giới loài người. Đặc biệt, mặc dù nhiều Pháp tu này được chuyển đến Nàro-pa và Ati’sa, nhưng vẫn không được dạy ở Tây Tạng, do cảm thấy rằng các Pháp này có khả năng sử dụng sai. Vậy nên Pháp tu hiện tại này đã không được chuyển sang tiếng Tây Tạng cho tới cuối thế kỷ 12, khi mà việc cảm nhận trên đã bị yếu đi. K’a-drup Je, trong cuốn *Giới thiệu Các hệ thống Mật giáo của Phật giáo*, mô tả nó như là Pháp tu Tàrà quan trọng nhất – ít nhất là giữa những Pháp hiện có ở Tây Tạng. Beyer, trong việc nghiên cứu rất cẩn thận và dễ đọc của mình, *Sự thờ cúng Tàrà*, đề cập nó như là một đoạn văn trung tâm của sự thờ cúng, tiếp cận điều này chúng ta có 01 cuốn sách giáo khoa hoàn chỉnh về sự thực hành của việc thờ cúng Tàrà, dù cho nó đưa ra mỗi phương diện của mới nhất và tổng hợp’. Không nghi ngờ nó đã được biên soạn từ những phần từ một số công việc – các phần hợp thành của nó đôi khi được liên kết một cách khá yếu ớt và khác biệt rất lớn trong cách tu.

## PHÂN TÍCH NỘI DUNG

Trong hình thức trình bày của sách, Pháp này được chia thành 35 chương, như sau:

### [ Phần mở ]

1. Giới thiệu (nidàna)
2. Lễ vật (pùjà)
3. Tán dương (Tán dương 21 Tôn)
4. Chư Thần (devatà) (Maṇḍala của 09 vị Tàrà)

5. Quyền năng (abhiṣeka)
6. Các Thần chú

**[Các nghi thức của 04 Pháp]**

7. Nghi thức Tức Tai (‘santi-karman)
8. Nghi thức Tăng ích (puṣṭi-karman)
9. Nghi thức Hàng Phục (va’sya-karman)
10. Nghi thức Phẫn Nộ (raudra-karman)
11. Phổ Nghiệp (vis’va-karman)

**[Mẫu của 05 Bộ]**

12. Mẫu của Kim Cương bộ
13. Mẫu của Liên Hoa bộ
14. Mẫu của Như Lai bộ
15. Mẫu của Bảo bộ
16. Mẫu của Nghiệp Dụng bộ
17. Thiêu đốt lễ vật (homa) [ cho bất kỳ nghi thức nào]

**[Luân: A. Các Luân bảo vệ]**

18. Tức Tai Hộ Luân
19. Hàng Phục Hộ Luân
20. Tăng Ích Hộ Luân
21. Đại Tăng Ích Hộ Luân
22. Đại Tức Tai Thần Hộ Luân

**[Luân dành cho các nghi thức của 04 Pháp]**

23. Tức Tai Luân
24. Đại Tức Tai
25. Tăng Ích Luân
26. Phẫn Nộ Hàng Phục Luân
27. Chia và Hàng Phục Luân

**[Các Luân khác]**

28. Truy thù Luân (uccātana-cakra)
29. Phân ly Luân (bhedana-cakra)
30. Sát Luân (māraṇa-cakra)
31. Khiến Cuồng Luân (madana-cakra?)
32. Hàng Phục Luân
33. Hàng Phục Thù Nghịch Luân
34. Hàng Ma Luân

**[Phần Cuối]**

35. Bài giảng về các nguyện cầu và thế nguyện (samaya-samvara-nirde'sa)

**\_ Kết luận**

Pháp tu này bắt đầu với 01 vài chương dài có liên quan dưới dạng một chuyện kể ít hay nhiều chặt chẽ. Nội của Bài giảng và những thần chú xuất hiện được chỉ ra; Nữ thần xuất hiện. Bồ Tát Văn Thù đặt câu hỏi, Đức Thế Tôn đưa ra các bài giảng về Ngài – Ngài trở thành Mẹ của Chư Phật như thế nào; cách để tạo lễ vật dâng Ngài; Lời tán tụng Ngài, *Lời Xưng tán trong 21 Tôn* nổi tiếng, được đưa ra ở bản Sanskrit gốc như là 01 dharaṇi hay là thần chú dài; cách để quán tưởng Maṇḍala của Ngài; và làm thế nào quyền năng được thể hiện. Những chương này chưa các bài kệ, và những lời giải thích theo cách của Kinh Bát Nhã (Prajñāpāramitā-sūtras).

Ở đầu chương 6, Thần chú biến thành 01 danh mục của thông tin và lời chỉ dẫn, và cách thức đọc đáo này không trở lại cho đến chương cuối. Sau 01 danh sách các thần chú ở chương 6, chúng ta có 05 chương mô tả các nghi thức để đạt được 04 Pháp chính và “tất các các Pháp”. Phải chuẩn bị 01 nơi – đối với cặp nghi thức đầu tiên, là các nghi thức hòa bình, ở trong một căn phòng; đối với những cái khác, ở những nơi hoang dã hơn như là các nghĩa địa – và trưng bày các lễ vật cần thiết trên một Maṇḍala, Hành giả tưởng Đức Tàrà trong màu sắc phù hợp với các Pháp và đọc thần chú. Những màu này – màu trắng đối với Tức Tai, màu vàng đối với Tăng Ích, màu đỏ đối với Kính Ái, màu xanh lá cây đối với Điều Phục, và màu xanh đen đối với “các Pháp” – hình thức biểu tượng màu sắc ưu thế của Pháp tu này, thường ám chỉ ở trong các chương về các Luân thần thông.

Kế tiếp, diện mạo của Tàrà như là Mẫu của 5 Bộ của chư Phật được mô tả. Đối với việc giải thích rõ ràng và bao quát về 05 Bộ (Pañca-kula), cuốn *Nền tảng của Tây Tạng huyền bí* của Lạt Ma Govinda có thể dùng để tham khảo. 05 sự xuất hiện này có tất cả 04 mặt và 8 tay, màu sắc của thân và gương mặt chính tương ứng với từng Bộ – màu trắng là Kim Cang Bộ, Thế Tôn của bộ này là A Súc Phật (Akṣobhya); màu đỏ là Liên Hoa Bộ của Đức Phật A Di Đà (Amitābha) (Đức Tàrà thường được cho là thuộc Bộ này); màu vàng là Như Lai Bộ của Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana); màu xanh biển là Bảo Bộ của Bảo Sinh Phật; và màu xanh lá cây của Yết Ma Bộ của Bất Không Thành Tựu Phật (Amogāsiddhi). (Thường thường hành giả hay cho rằng màu vàng là Bảo Bộ và màu xanh biển hay màu trắng là Như Lai Bộ). Mặt bên phải màu trắng, bên trái màu đỏ, phía sau màu vàng, trừ phi một trong những màu này là màu chính, trong trường hợp đó màu xanh đen sẽ được thay thế; cho rằng mặt phía sau là của Mẫu Yết Ma Bộ được nói là màu xanh lá cây. Mỗi vật nằm trong tay phải chính của Ngài biểu tượng cho từng Bộ của Ngài – tương ứng chày Kim Cang, hoa sen, bánh xe, châu báu và kiếm. Mỗi vật đó được gán cho một nghi thức thần diệu và kỳ bí, được thay đổi vào cuối của chương mà không có bất kỳ sự liên quan logic rõ ràng nào đó.

Chương 17 mô tả việc Thiêu đốt lễ vật (trong hình thức thích hợp đối với nghi thức Tức Tai) với việc thực hiện của bất kỳ nghi thức nào cần được kể đến.

Rồi đến 17 chương rất ngắn đưa ra những lời chỉ dẫn ngắn gọn cho các Luân Thần thông các nhau dựa trên thần chú của Tàrà – các Luân dành cho người mộ đạo để sử dụng như là một sự bảo vệ, Luân để giúp đỡ trong các nghi thức của các Pháp chính, và cuối cùng là các Luân dành cho các mục đích khác của yêu thuật như là xua đuổi kẻ thù, thậm chí là tiêu diệt kẻ thù hoặc khiến cho chúng bị điên. Một ngạc nhiên nhỏ là đã có một vài sự miễn cưỡng ban đầu để truyền bá Pháp tu này giữa những người xâm lăng Tây Tạng! Những nghi thức như là tiêu diệt, dĩ nhiên, được dành để sử dụng chỉ với động cơ trong sạch của tâm Bồ đề và lòng Từ bi, để ngăn chặn các kẻ thù của Pháp khỏi tạo ra nghiệp xấu và gây ra nhiều đau khổ cho chính bản thân họ và những người khác. Để làm sáng tỏ những lời chỉ dẫn đại cương một các chính xác và thực sự thực hiện những nghi thức này, hành giả cần phải sự huấn luyện bao quát dưới một vị thầy giỏi. Tuy nhiên, vì cho dù có sử dụng chúng với mục đích sai lầm cũng sẽ tạo ra nghiệp ác mạnh, nên Geshe Rabten đã nghĩ tốt nhất là bỏ các Luân của các nghi thức Phẫn nộ.

Cuối cùng, với chương 35, để làm nổi bật lên, không khí chuyển một các đột ngột trở về các chương mở đầu với một vài bài kệ về các cư xử đã mong đợi của các môn đồ của Tàrà. Không những cần họ tránh sát sanh, trộm cắp và nói dối, họ còn cần phải từ bỏ việc ăn thịt và nên kính trọng phụ nữ. Thần chú kết thúc giống như bất kỳ bài kinh Đại Thừa nào bằng việc hồi hướng đến mọi chúng hữu tình.

### CÁC NGHI THỨC THẦN THÔNG

Các nghi thức ở cuối chương 12 đến chương 16 không dễ thực hiện, nhưng một vài phương thức giúp đỡ đến từ sự so sánh với các sàdhanas của Vajra-tàrà trong Tàngyur. Vajra-tàrà, với bốn mặt và 8 tay không khác biệt nhiều với các chư Thiên đã được mô tả trong những chương này hơn với các vị từ những chương khác. Ngài được sử dụng đặc biệt cho yêu thuật như thế. Vì sách Ghost chỉ ra, trong sàdhanas của Ngài, “Số lớn nhất của các việc thực hiện thần thông và phép thuật với sự trợ giúp của thần chú Tàrà để thực hiện quyền lực quyến rũ và chế ngự phụ nữ ... một vài pháp thuật... thô bạo cùng cực và thậm chí độc ác vô cùng”. Các Thần chú trong 05 Nghi thức của chúng ta (các hình thức của 04 nghi thức được tìm thấy trong những sàdhana này), 03 nghi thức dành cho Kính Ái, hai trong ba nghi thức này nhằm cục thể đến phụ nữ; một còn lại là để xua đuổi kẻ thù, và một hình như dành cho sự tiêu diệt.

Nhưng mà ai đó đang đùa một trò đùa ác ý với người Tây Tạng nào muốn trở thành những nhà ma thuật ở cho đến cuối thế kỷ 18 – các thần chú đã bị xáo trộn. Bất cứ ai nghĩ rằng họ đang triệu tập một phụ nữ bằng nghi thức của chương 16 thì sự thực là họ đang xua đuổi cô ấy – thần chú đưa ra ở đó đã có ở chương 12. Vì các sự sắp xếp tốt nhất của các thần chú khác là không đáng tin cậy, nên tôi đã để mặc các thần chú này ở nơi mà chúng xuất hiện. Việc sử dụng các thần chú đó theo Vajra-tàrà-sàdhanas sẽ được mô tả ở trong các chú thích.

Vì các thành tố khác của các nghi thức cũng có thể là đã bị xáo trộn như là các thần chú, sẽ là một sự liều lĩnh đại đột thái quá nếu sử dụng chúng. Ngay cả với lời thần chú chính xác và hoàn chỉnh để truyền thụ, việc cố gắng làm hại ai đó bằng pháp thuật có khả năng bị phản ngược lại, gây ra cái chết hay là sự điên loạn cho chính người sử dụng; nếu như chính lời thần chú chứa đựng những sai sót, làm thế nào để có thể sửa đổi nó cho đúng?

Những thực tế thoái hóa và gây phẫn nộ này đang làm gì trong Pháp tu của Tàrà? Những thực tế đó có đối lập với những lời huấn thị đạo đức ở chương 15? Sự có mặt của chúng đến như là 01 cú sốc, nhưng thực ra rất khó để tìm thấy một Pháp tu chính vượt khỏi những tài liệu như thế. Tàrà là 01 vị thần phổ biến nhất ở Ấn Độ; số lượng đông đảo các tín đồ của người phải là điều bình thường, khác xa với những người thánh thiện tìm kiếm những lợi ích trần tục ở tôn giáo của họ như là hầu hết những người Thiên chúa giáo đang làm. Và chúng ta không thể kết thúc từ định hướng nam tính của một vài nghi thức mà việc thờ cúng Tàrà thông thường được tiếp cận rộng rãi đến những người nam, vì nhiều câu chuyện chứng tỏ có đỉnh đáng đến phụ nữ ở tất cả các mức độ từ phần lớn việc thờ cúng vụ lợi, ích kỷ đến thành tựu của những sự thực hành cao nhất.

### BẢN DỊCH

Bản văn này chỉ được biết đến trong bản dịch Tây Tạng của nó ở Kangyur. Bản này được dịch bởi dịch giả Ch'o-kyi zang-po với thầy giáo người Ấn Dharma-'sri-mitra. Một người có thể bị xúi giục để gắn chặt bản trước với Ch'o-kyi zang-po của Rong, hay là Rong-zom Lotsàwa, người được nói đến đã gặp Ati'sa khi ông đến Tây Tạng năm 1042, và mới đây với Dharma-'sri một mắt, của Kasmir, người đi đến Tây Tạng với thầy mình là Vajrapàṇi vào khoảng năm 1066. Nhưng theo Beyer, không phải vậy: đó là dịch giả Ch'o-kyi zang-po ở Chal, người đã làm việc với 'Sàkya-'sri-bhadra khi ông ở Tây Tạng (1204-13). Có lẽ Dharma-'sri-mitra là Mhàpāṇḍita Dharma-'sri, một môn đồ người Ấn của Ch'ak drachom (1153-1216).

Với bản dịch hiện tại, Kinh Tạng Kangyur đã tái lập từ một bản viết tay trong Cung điện Tog ở Ladakh được sử dụng chính thức. Bản dịch này là bản in mà trang được đánh số ở trong dấu ngoặc vuông tham chiếu. Đó là một thuận lợi rõ ràng khác thường. Tuy nhiên, vì công việc đã tiến hành, nó trở nên rõ ràng rằng nó không luôn luôn có thể suy luận ra cách đọc đúng từ phiên bản này 01 mình, đặc biệt trong các thần chú và bản văn tiến Sanskrit của bài *Xưng tán 21 Tôn*. Cuối cùng, Các thần chú và bản Sanskrit đã được kiểm tra trong tất cả các bản in của Kinh tạng Kangyur có giá trị ở Châu Âu – Derge, Lhasa, Nart'ang, Peking và Tog. Chúng tôi sẽ tham khảo những bản này trong những ghi chú bằng chữ cái đầu tiên của họ: D, L, N, P và T. Thêm nữa, tất cả thần chú và bản Sanskrit được chép lại trong Sách *Những việc đã sutu tập* của Bu-ton Rinpoche, tạo ra phiên bản B. Vì các thần chú ngắn ở các chương 12, 13, 15, và 16, Vajra-tàrà-sàdhana có mặt trong nhiều phiên bản ở trong Luận Tạng Tangyur đã được sử dụng (V<sub>1</sub>: P<sub>4308</sub>. V<sub>2</sub>: P<sub>4309</sub>).

V<sub>3</sub>: P<sub>4312</sub>). Bản văn tiếng Tây Tạng cũng được kiểm tra trong trạng thái nguyên vẹn tương phản với bản in ở Lhasa và trong một phần đối lập với những bản in khác.

Mặc cho cố gắng này, một vài thần chú vẫn còn khó hiểu. Cũng có một vài đoạn văn trong bản Tây Tạng ít rõ ràng hơn, mặc dù Pháp tu này ít tối nghĩa hơn những Pháp khác của cấp tu Anuttarayoga. Thật không may là mặc cho sự quan trọng của Pháp tu này, dường như không một ai từng viết lời chú giải cho nó, ngoại trừ 21 Tôn mà chúng ta sẽ luận giải chi tiết sau. Tôi đã nhận được những bài giảng cho một ít chú giải từ Geshe Kayang ở Tharpa Choeling.

## NHẤT THIẾT NHƯ LAI MẪU TÀRÀ XẢO NGHIỆP NGHI LỄ

(PHÁP TU CÓ TÊN LÀ NGUỒN GỐC CỦA TẤT CẢ NGHI LỄ CỦA TÀRÀ,  
MẪU CỦA TẤT CẢ NHƯ LAI)

(Sarva-tathàgata-màtr-tàrà-vi'svakarma-bhava-tantra-nàma)

Anh Ngữ Dịch : MARTIN WILLSON

Việt Dịch : DIỆU LÝ

Kính lễ **Thánh Văn Thù Bồ Tát!**

### CHƯƠNG 1 GIỚI THIỆU

Như vậy tôi nghe một thời. [196] Đức Thế Tôn ngự tại cung Trời Đâu Suất (Tuṣita). Vô số Bồ Tát như Di Lạc Bồ Tát và Văn Thù Bồ Tát, và vô số chư Thiên như: Kurukullà và Parṇa-‘sabarì, cùng Phạm Thiên và Đế Thích<sup>1</sup>, tung lên vô số Thiên hoa như Sen Trời, hoa Kumuda và hoa Mandàrava, vô số Thiên nhạc như: Loa (vỏ ốc), vinaṣ, trống, mṛdangas và ‘sùrpavinaṣ, với vô số lọng, cờ, phướng của Trời, vòng quanh Đức Thế Tôn theo phía bên phải, và tạo những lễ vật cúng dường với đủ mọi thức lấy từ trong mây.

Rồi Đức Thế Tôn nhập vào Tam muội tên gọi là Adamantive, người phá hoại lực lượng thù địch. Ngay lập tức, địa cầu chấn động, quốc độ của các Ma Vương bị

---

<sup>1</sup> . Kurukullà và Parṇa-‘sabarì là chư Thiên tối cao đã thoát khỏi Luân hồi, các vị đến để ngắm các diện mạo của Đức Tàrà. Phạm Thiên (Brahma) và Đế Thích (‘Sakra - vị thần trong Ấn Độ giáo gọi là Indra) , tuy mặc dầu là những vị cai trị các cõi trời, nhưng cũng chỉ là các chư Thiên thuộc thế gian, vẫn là đối tượng phải tái sinh trong luân hồi – xem truyền thuyết đáng ghi nhớ của ‘Indra và những con kiến’ mà Zimmer bắt đầu với quyển *Những thần thoại và biểu tượng trong nghệ thuật và văn minh Ấn Độ* của mình.



chế ngự, và Ngài phóng tỏa một luồng ánh sáng rực rỡ. Như là: Ngài phát ra tất cả các loại ánh sáng - trắng, đỏ, vàng, xanh lục, xanh lam và ánh sáng đã trộn lẫn – làm thanh tịnh các Hữu tình đang chịu đau khổ; và Tà-rà, Mẹ của Chư Phật, xuất ra từ đỉnh của Kurukulla. Ngay lập tức, vô số lễ vật trút xuống như mưa. Rồi vị nữ thần đó trở thành [197] giống như một cái đĩa mặt trời quang đấng chẳng chút mây.

Và Người được ngợi ca bằng bài kệ tán dương:

1. Khắp cả một vùng, hoàn toàn trong sạch

Nhiều loài hoa quý xuất hiện như mưa.

Mẹ Tà-rà! Xin kính lễ và tán dương Người!

Người Mẹ sinh ra Chư Phật của ba đời

Rồi Bồ tát Văn Thù Đồng tử trật một bên vai áo, quỳ gối phải, bạch Đức Thế Tôn, ‘Bạch Thế Tôn, tất cả Chư Phật của ba đời rất thâm sâu khó lường. Vậy làm thế nào mà Đức Tà-rà sinh ra các vị? Làm thế nào Ngài là Mẹ của các vị đó?’

Đức Thế Tôn nói, ‘Này Văn Thù, đó là sự thật; nhưng tất cả Chư Phật của ba đời cũng bất sinh, bất diệt, bất nhơ, bất tịnh, bất giảm, bất tăng, và bởi tự tính của Niết bàn; vì lý do này chính là: tự tính của tất cả các Pháp.

Bồ Tát Văn Thù Đồng tử nói: ‘Bạch Thế Tôn! Chư Phật của ba đời được sinh ra như thế nào, ai là bất sinh và bất diệt, bất nhơ và bất tịnh, bất giảm và bất tăng, và bởi tự tính của Niết Bàn?’

Đức Thế Tôn nói: ‘Văn Thù, [198] Điểm rớt ráo được gọi là Niết Bàn, Pháp giới (*Dharmadhātu*) được gọi là Niết bàn; đó cũng đồng nghĩa với Mục đích Chân Thật. Đó chính là Sự Từ Bi Tối thượng. Tự tính thông thường cũng có nghĩa là Luân hồi. Người Mẹ sinh ra chư Phật ba đời vượt trên điều này; do vậy Ngài vượt trên Luân hồi và sự ưu phiền. Vì thế, Văn Thù, Ngài được xem như là Mẹ.’

Và Đức Thế Tôn nói: ‘Do vậy, Văn Thù, với sự hiểu biết của các Pháp Như thực, ông nên thiền quán Ngài; ông cần thuộc lòng dhà-rani này, thực hành thật nghiêm túc, hiểu rõ các đức tính của Ngài, và tạo lễ vật dâng cúng Ngài. Ông cần nhận những lời chỉ dẫn và không được có các ngờ vực. Ông cần hành động nghiêm túc trong sâu thẳm, nhớ những lời tán dương Ngài, và thực hành riêng biệt các nghi lễ này.’ Những lời này, Đức Thế Tôn dạy cho Bồ Tát Văn Thù Đồng tử.



## CHƯƠNG 2

### LỄ VẬT

Tiếp, Bồ Tát Văn Thù Đồng tử hỏi Đức Thế Tôn: ‘Bạch Thế Tôn, Làm thế nào Hành giả thiền định về Ngài? Làm thế nào Hành giả thực hành về Ngài thật nghiêm túc?’

Đức Thế Tôn nói: ‘Này Văn Thù! Hành giả cần phải hướng dẫn tâm trí của mình như thế này. Văn Thù, Tất cả các Pháp, đều bất sinh, tất cả các Pháp, đều bất diệt. Tất cả các Pháp đều bất nhơ; tất cả các Pháp [199] đều ở trong Niết Bàn

và bởi tự tính thanh tịnh: vậy hành giả cần thiền định. Do vậy, Văn Thù, hành giả cần phải nói Thần chú này:

❖ OM SVABHÀVA-VI'SUDDHÀḤ SARVA-DHARMÀḤ, SVABHÀVA-VI'SUDDHO 'HAM

(Om Tất cả các Pháp vốn trong sạch bởi tự tính, Con vốn trong sạch bởi tự tính của các Pháp)

Đức Thế Tôn cũng nói: “Hành giả nên nuôi dưỡng Từ-Ái, suy xét chúng sanh sanh ra từ bào thai, chúng sanh sanh ra từ trứng, chúng sanh sanh ra từ sức nóng ẩm ướt, và chúng sinh sanh ra theo cách phi thường. Hành giả nên phát khởi lòng Từ Bi lớn lao với cái nhìn về Sinh, Già, Bệnh và Chết. Hành giả cần nuôi dưỡng Niềm vui và Sự Thanh thản với nhận thức về Hư Không, Vô Tướng, Vô Nguyên, và Vô Tác. Do vậy, Văn Thù, Bốn điều không đo lường được là Nhân, Tâm Bồ đề là Quả. Vậy Hành giả nên nghiêm cẩn ghi nhớ:

Vậy, Văn Thù, hành giả cần nói Thần chú này:

❖ OM BODHICITTA-UTPÀDAYA AHAM.

(Om Mong con phát sinh Tâm Bồ đề)

Và Đức Thế Tôn lại nói, “Lẽ vật cần được tạo ra với những lời đề nghị này:

2. Được tạo ra theo cách màu nhiệm từ mọi vật  
Từ chư Phật ngự nơi mười phương các thế giới,  
Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bạc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng.  
Mọi loại hương, hương bột và hương cây

3. “Hỡi Buddha-locàna (Phật Nhãn-ND), người mẹ cao cả của mọi loài  
Của các Bạc Như Lai cư ngụ nơi mười phương các thế giới!  
Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bạc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng  
Mọi loài hoa, bông hoa và vòng hoa.

4. Hỡi người Mẹ cao quý nhất của mọi loài  
Của các Bạc Như Lai cư ngụ nơi mười phương các thế giới!  
Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bạc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng  
Tất cả trân bảo quý giá, đèn và các tràng hoa.

5. Hỡi 'Pàṇḍara-vàsinì (Bạch Y Mẫu – ND), người mẹ cao cả của mọi loài  
Của các Bạc Như Lai cư ngụ nơi mười phương các thế giới!  
Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bạc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng  
Dòng nước tinh khiết ngọt lành và các dòng sông hương.

6. Với các Hành động Thiêng liêng, người mẹ cao cả của mọi loài  
Của các Bạc Như Lai cư ngụ nơi mười phương các thế giới!  
Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bạc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng

Các thực phẩm như là thức cứng và thức mềm

7. Hãy để các bài ca và âm thanh nhạc cụ  
Như Thanh la, làm lắng dịu các nỗi đau  
Và các lọng che, phan, phương, cờ và dù  
Từ mười phương, như mây tụ lại.

8. Hãy để các cây Thỏa mãn ước nguyện với cành lá sum xuê thơm nức,  
Các cây có hoa và các loài cây khác, đều tụ hợp về từ khắp mười phương.

9. Hãy để mưa tuôn hương thơm ngào ngạt, mưa tuôn nước hoa thơm dịu  
Của những bông hoa và thóc lúa, vân vân, tuôn xuống thật rõ ràng!

10. Cùng đổ xuống sông, suối, ao, hồ, vực thẳm,  
Các hồ nước của trăm mùi vị  
Các ngỗng trời và các loài chim khác.

11. Điện báu, [201] trang hoàng trên châu tuyết đẹp  
Với ánh sáng của Mặt trời và mặt trăng, từ hai hướng Đông, Tây,  
Và những nơi cư ngụ làm vừa lòng tâm trí  
Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bạc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng.

Vậy, Văn Thù, nên nói những Thần chú lễ vật này :

❖ OM SARVA-TATHÀGATA-DHÙPA-PÙJA-MEGHA-SAMUDRA-  
SPHARAᅇA-SAMAYE HÙM!

(Om Hương trầm của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HÙM!)

❖ OM SARVA-TATHÀGATA-PUᅆPA-PÙJA-MEGHA-SAMUDRA-  
SPHARAᅇA-SAMAYE HÙM!

(Om Hoa của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HÙM!)

❖ OM SARVA-TATHÀGATA-ÀLOKA-PÙJA-MEGHA-SAMUDRA-  
SPHARAᅇA-SAMAYE HÙM!

(Om Ánh sáng của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HÙM!)

❖ OM SARVA-TATHÀGATA-GANDHA-PÙJA-MEGHA-SAMUDRA-  
SPHARAᅇA-SAMAYE HÙM!

(Om Nước thơm của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HÙM!)

❖ OM SARVA-TATHÀGATA-NAIVIDYA-PÙJA-MEGHA-SAMUDRA-SPHARAᅇA-SAMAYE HÙM!

(Om Thực phẩm cúng dường của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HÙM!)

❖ OM SARVA-TATHÀGATA-‘SABDA-PÙJA-MEGHA-SAMUDRA-SPHARAᅇA-SAMAYE HÙM!

(Om Âm thanh của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HÙM!)



### CHƯƠNG 3 TÁN DƯƠNG

Ngài lại nói với Bồ Tát Văn Thù Đồng tử, rằng: “Này Văn Thù, Tôn này là Mẹ của tất cả Chư Phật ba đời. Do vậy, này Văn Thù, hãy ghi nhớ lời xưng tán này từ tất cả chư Phật của ba đời!”

Rồi Đức Thế Tôn thốt ra Dhàraᅇi xưng tán:

❖ NAMAᅇ SARVA-TATHÀGATÀNÀM. TAD YATHÀ:

OM NAMAᅇ SÙKASÀM, NAMAᅇ TÀRÀYAI TÀRAMITÀ!

(Kính lễ tất cả Như Lai, như sau:

Om Kính lễ Bạc Từ Bi (?), kính lễ Tàrà, được kiến lập như Người bảo vệ!)

[Bây giờ theo bài văn tiếng Sanskrit *Lời Xưng Tán 21 Tôn*. Một bản dịch và chú thích được ghi ở Phần 2]

namas tære ture vire  
kᅃaᅇair-dyuti-nibhêkᅃaᅇ/  
trailokya-nàtha-vaktrâbja-  
vikasat-ke’sarôdbhave//1//

namaᅇ ‘sata-‘sarac-candra-  
saᅇpùrna-paᅇalânane/  
tàrà-sahasra-nikara-  
prahasat-kira[202] ñôjjvale //2//

namaᅇ kanaka-nīlâbja-  
paᅇi-padma-vibhùᅃite/  
dàna-vìrya-tapaᅇ-‘sànti-

titikṣà-dhyàna-gocare //3//

namas tathàgatôṣṇiṣa-  
vijayânanta-càriṇi/  
a'seṣa-pàramità-pràpta-  
jina-putra-niṣevite //4//

namas tuttàra-hùṃ-kàra-  
pùritâ'sà-dig-antare/  
sapta-loka-kramâkrànti-  
a'seṣâkarṣaṇa-kṣame //5//

namaḥ 'sagrânala-brahma-  
marud-vi'svê'svarârcite/  
bhùta-vetàla-gandharva-  
gaṇa-yakṣa-puras-kṛte //6//  
namas traḍ iti phaṭ-kàra-  
para-yantra-pramardani/  
praty-àlìdha-pada-nyàse  
'sikhi-jvâlâkulêkṣaṇe //7//

namas ture mahà-ghore  
màra-vìra-vinà'sani/  
bhṛkuṭi-kṛta-vaktrâbja-  
sarva-'satru-niṣùdani //8//

namas tri-ratna-mudrânka  
hṛdyânguli-vibhùṣite/  
bhùṣitâ'seṣa-dik-cakra-  
nikara-sva-karâkule //9//

namaḥ pramuditâtopa-  
mukuṭà-kṣipta-màlini/  
hasat-prahasat-tuttàre  
màra-loka-va'samkari //10//

namaḥ samanta-bhù-pàla-  
paṭalâkarṣaṇa-kṣame/  
calad-bhṛkuṭi-hùṃ-kàra-  
sarvâpada-vimocani //11//

namaḥ 'sikhaṇḍa-khaṇḍêndu-

mukutaḥbharṇôjjvale/  
amitâbha-jaṭâ-bhâra-  
bhâsure kiraṇa-dhruve //12//

namaḥ kalpânta-hutabhug-  
jvâlâ-mâlântara-sthite/  
âlîḍha-muditâ-bandha-  
ripu-cakra-vinâ'sani //13//

namaḥ kara-talâghâta-  
caraṇâhata-bhû-tale/  
bhṛkuṭi-kṛta-hûṃ-kâra-  
sapta-pâtâla-bhedini //14//

namaḥ 'sive 'subhe 'sânte  
'sânta-nirvâṇa-gocare/  
svâhâ-praṇava-saṃyukte  
mahâ-pâtaka-nâ'sani //15//

namaḥ pramuditâbandha-  
ripu-gâtra-prabhedini/  
da'sâkṣara-pada-ny âse  
vidyâ-hûṃ-kâra-dîpite //16//

namas ture padâghâta-  
hûṃ-kârâkâra-bijite/ [203]  
meru-mandara-kailâsa-  
bhuvana-traya-câlini //17//

namaḥ sura-sarâkâra-  
hariṇânka-kara-sthite/  
târa-dvir-ukta-phaṭ-kâra  
a'seṣa-viṣa-nâ'sani //18//

namaḥ sura-gaṇâdhyakṣa-  
sura-kiṃnara-sevite/  
âbandha-muditâbhoga-  
kali-duḥsvapna-nâ'sani //19//

nama's candrârka-saṃpūrṇa-  
nayana-dyuti-bhâsure/  
hara-dvir-ukta-tuttâra

viṣama-jvara-nà'sani //20//

namas tri-tattva-viny àsa-  
'siva-'sakti-samanvite/  
graha-vetàla-yakṣâugha-  
nà'sani pravare ture //21//

'mantra-mùlm idaṃ stotraṃ  
namas-kàrâika-viṃ'sakam/  
yaḥ paṭhet prayato dhimàn  
devyà bhakti-samanvitaḥ //22//

'sàyaṃ và pràtar utthàya  
smaret sarvâbhaya pradama/  
sarva-pàpa-pa'samanam  
sarva-durgati-nà'sanam //23//

'abhiṣikto bhavet tûṇam  
saptabhir jina-koṭibhiḥ/  
asmin mahattvam àsàdya  
so 'nte bauddha-padam vrajet //24//

'viṣam tasya mahà-ghauram  
sthàvaram vâtha jangamam/  
smaraṇàt pralayam yàti  
khàditaṃ pìtam eva và //25//

'graha-jvara-viṣârtànàm  
param arti-vinà'sanam/  
anyaṣàm câiva sattvànàm  
dvis-tri-saptâbhivartinam //26//

'putra-kàmo labhet putram  
dhana-kàmo labhet dhanam/  
sarva-kàmàn avàpnoti  
na vighnaiḥ prati-hanyate //27//

❖ “TÀRÀ-BHAGAVATÌYAM SÙTRAM SAMYAK-SAMBUDHHA-  
BHÀṢITAM

( Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác nói Kinh Thánh Mẫu Tàrà)

SARVA-KARA SAMAYÀ ULAKARAYE,

(Nổi tiếng nhanh chóng trong việc thực hiện mọi lời cam kết của Người (?))

## BUDDHANI CA DHARMAṆI CA SAṂGHANI CA TÀRAYE SVÀHÀ!

(Tàrà, của Tự Tính của (?) Phật, Pháp, Tăng: đến Người, SVÀHÀ!)

“Này Văn Thù, Dhàraṇi này, được Tất cả Chư Phật ba đời ban phước. Dhàraṇi xưng tán Tàrà, người Mẹ sinh ra tất cả Chư Phật của ba đời, [204] để phá hủy những gì không còn phù hợp. Những lợi ích của Dhàraṇi không thể nghĩ bàn. Do vậy, Văn Thù, Ta sẽ nói về những lợi ích đó.

Người nói Dhàraṇi này sẽ không bao giờ bị tái sinh vào những cảnh như Địa ngục, ngạ quỷ hay súc sanh; họ sẽ không bao giờ bị tái sinh vào những quốc gia nơi biên địa, như những người man rợ, hay thân căn bị khiếm khuyết, vv...vv... Họ sẽ được thoát khỏi mọi hiểm nguy của các bệnh tật như dịch hạch, đậu mùa, và bệnh lây nhiễm, và những nguy hiểm tật bệnh đó sẽ không tăng trưởng nữa. Họ sẽ được thoát khỏi 8 sự khổ não lớn và vv...vv... Văn Thù, người nào nhớ được lời xưng tán của tất cả Tam thế Chư Phật sẽ tạo ra được lễ vật cúng dường tất cả Tam thế Chư Phật, người nào nhớ giữ sẽ được trong sạch khỏi mọi tội lỗi, bao gồm cả 05 tội trực tiếp. Họ sẽ được nhìn thấy tất cả Chư Phật. Cái chết không đúng thời sẽ không xảy ra, và khi mạng chung, họ sẽ thấy Đức Tàrà, người Mẹ sinh ra tất cả Tam thế Chư Phật. Người nào nhớ giữ Dhàraṇi này sẽ đạt được bất cứ thứ gì mà họ nghĩ thâm trong tâm. Họ sẽ nhận được Thân tướng hoàn hảo, vẻ ngoài hoàn hảo và mọi điều hoàn hảo như thế. Mọi chướng ngại của các giấc mơ xấu, sự hiểm độc và những linh hồn sẽ bị chế ngự. [205] Họ cũng sẽ nhìn thấy những sự thật của ba đời. Họ sẽ trực tiếp thấy thân tướng của Mẫu Tàrà.

❖ NAMAḤ SARVA-TATHÀGATA-SAMYAK- SAMBUDDHÀYA TREYATE DHÀRATE TU TÀRA!

(Kính lễ tất cả Như Lai và Chư Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, bảo vệ, gìn giữ, TUTTÀRA (?)):

Điều này đã được nói”



## CHƯƠNG 4 CHƯ THẦN

Tiếp, Bồ Tát Văn Thù Đồng tử hỏi Đức Thế Tôn, “Người ghi nhớ nghiêm chỉnh Đà La Ni này thì phụ thuộc vào điều gì?”

Và Đức Thế Tôn nói rằng : “Người nào nghiêm chỉnh thực hành Đà La Ni này với mong cầu được giải thoát khỏi khổ đau và với niềm tin chắc chắn về Nghĩa lý Thâm sâu. Thì [người đó cần phải quán tưởng rằng] từ chữ TAM biến thành các tia sáng, hướng lên, hướng xuống và tỏa ra xung quanh, rồi chuyển đổi thành các Vajra (Kim Cương-ND). Văn Thù, người đó cần nói Thần chú này:

❖ OM VAJRA JVALA VAJRA TANA HÙM PHAT!

(Om Vajra, ánh sáng! Vajra, sấm sét! HÙM PHAT!)





Màu đỏ	RAM	(Lửa)
Xanh lá	YAM	(Không
Vàng	LAM	khí)
Xanh dương	VAM	(Đất)
Màu trắng	A	(Nước)
TAM		(Tà-rà)

*Các chủng tử của các yếu tố trên Maṇḍala Sự bắt đầu Phát sinh*

Rồi Hành giả quán tưởng một chữ A màu trắng xuất ra từ chữ TAM . Trên đó Hành giả quán tưởng một chữ VAM màu xanh dương. Tiếp ở trên quán chữ LAM màu vàng. Trên nữa là chữ YAM màu xanh lá. Trên nữa là chữ RAM màu đỏ. Ánh sáng của các chữ trải ra thành các tia và đến cùng một lúc.

❖ OM DHARMADHÀTU-VI'SUDDHA HÙM  
(Om Pháp giới thanh tịnh Hùm!)

❖ OM AM-DHÀTU-VI'SUDDHA HÙM  
(Om Tràn khắp tất cả giới thanh tịnh)

❖ OM SAMANTA-VI'SUDDHA HÙM  
(Om Sự thanh tịnh hoàn toàn Hùm!)

❖ OM PRAKṢA-VI'SUDDHA HÙM!  
(?)

❖ OM KṢATA-BUTHÀNA-VI'SUDDHA HÙM  
(?)

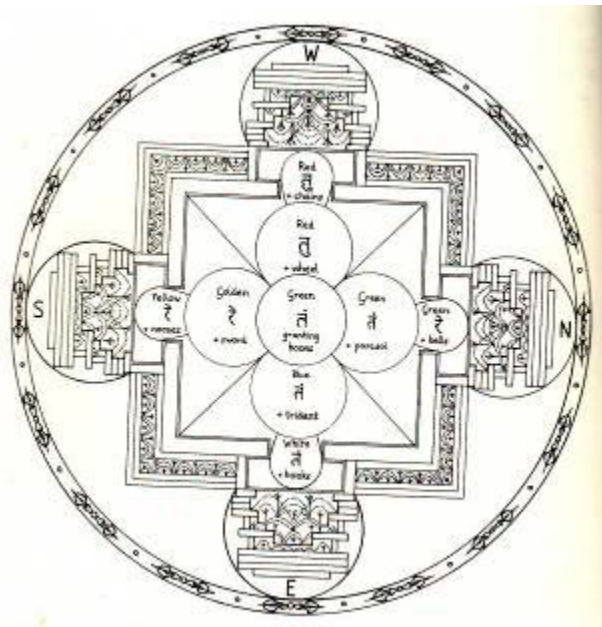
❖ OM NAMAḤ SARVA-TATHÀGATA-MANḌALA-SAMANTA-VI'SUDDHA HÙM  
(Om Kính lễ Maṇḍala thanh tịnh hoàn toàn của tất cả Như Lai Hùm!)

‘Vây, Văn Thù, Cung điện Maṇḍala được tạo ra bằng việc nói các Thần chú này’ [206]

‘Cung điện này ở trên một hoa sen bốn cánh nhiều màu sắc, được tường Kim cương bao quanh, có bốn góc, với bốn cửa và tám cây cột vuông, và được trang trí bằng các lưới trên châu, các tua châu báu rủ xuống, những bông hoa Dâm bụt (?), và vân vân . Như vậy, Cung điện Maṇḍala như thế đã được tạo ra.

‘Trên những bao phấn ở trung tâm, ngay trên vành trắng và hoa sen, là một chữ TAM màu xanh lá cây, từ chữ này biến thành một hoa utpala với một chữ TAM, bởi ánh sáng khác nhau của chữ TAM này tô màu lên tất cả các thành tố thế gian, làm cho mọi thành tố trên thế giới này được nhìn thấy giống như một sự khởi đầu, như ảo ảnh huyền bí, như cầu vồng, như ảo tưởng, như mặt trăng dưới nước và như hình ảnh phản chiếu. Từ hoa utpala xuất hiện một vị Tà-rà có thân màu xanh lá, với một mặt và hai tay. Tay phải của Người là Thí Nguyện Ấn, tay trái cầm một cành hoa utpala. Mỹ thân của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với gương mặt mỉm cười của người thiếu nữ trẻ, Người ngồi ở tư thế sama-paryanka (?) trên hoa sen và mặt trăng.

‘Ở hướng Đông, trên mặt trăng và hoa sen, chữ TAM được tạo ra từ hoa utpala xanh dương với chủng tử (chữ TAM), ánh sáng nhiều màu từ chữ TAM này tràn đầy các thành tố thế gian, để mà tất cả các thành tố trên thế giới này được nhìn thấy giống như những sự khởi đầu, những ảo ảnh huyền bí, những cầu vồng, những ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và những hình ảnh phản chiếu. Từ hoa utpala này biến thành Đức Tà-rà màu xanh dương có hai tay. Tay phải của Người cầm Đinh ba (tri'sùla) [207], tay trái cầm nhánh hoa utpala. Mỹ thân của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với gương mặt mỉm cười của người thiếu nữ trẻ, Người ngồi ở tư thế sama-paryanka trên hoa sen và mặt trăng.



*Các đặc điểm chính của Cửu Tà-rà Mandala. Các vị Thánh mẫu được hình dung bằng các chủng tử của họ, sau khi đọc chủng tử đầu tiên TA-RE TU-T-TA-RE TU-RE. Năm vị Tà-rà trung tâm hiện tượng an bình và ngồi xếp chân, bốn vị bên ngoài hiện tượng phẫn nộ, thế đứng là chân phải thẳng, chân trái cong. Mặc dù được thấy như được đặt vào bãi đất phẳng, nhưng các bức tường và các cổng vào phải được quán tưởng như là ba chiều.*

‘Ở hướng Nam, trên mặt trăng và hoa sen, chủng tử RE được tạo ra từ hoa *utpala* màu vàng, với chủng tử RE, từ ánh sáng nhiều màu từ chủng tử này làm đầy các thành tố thế gian, để mà tất cả mọi thứ trên thế giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như ảo ảnh huyền bí, như cầu vồng, như ảo tưởng, như mặt trăng dưới nước và như hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này biến thành Đức Tà-rà thân có màu vàng ròng và hai tay. Tay phải của Người cầm Gươm, tay trái cầm nhánh sen *utpala*. Mỹ thân của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với gương mặt mỉm cười của người thiếu nữ trẻ, Người ngồi ở tư thế *sama-paryanka* trên hoa sen và mặt trăng.

Ở hướng Tây, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ TU hiện ra hoa sen *utpala* màu đỏ, với chủng tử TU, ánh sáng nhiều màu từ chủng tử này làm đầy các thành tố thế gian, để mà tất cả mọi thứ trên thế giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như ảo ảnh huyền bí, như cầu vồng, như ảo tưởng, như mặt trăng dưới nước và như hình ảnh phản chiếu.[208] Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện Đức Tà-rà đỏ với hai tay. Tay phải của Người cầm Luân xa, tay trái cầm nhánh sen *utpala*. Mỹ thân của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với gương mặt mỉm cười của người thiếu nữ trẻ, Người ngồi ở tư thế *sama-paryanka* trên hoa sen và mặt trăng.

‘Ở hướng Bắc, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ TAM hiện ra hoa sen *utpala* xanh lục, với chủng tử TAM, ánh sáng nhiều màu từ chủng tử này làm đầy các thành tố thế gian, để mà tất cả mọi thứ trên thế giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như ảo ảnh huyền bí, như cầu vồng, như ảo tưởng, như mặt trăng dưới nước và như hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện Đức Tà-rà xanh lục với hai tay. Tay phải của Người cầm Lọng, tay trái cầm nhánh sen *utpala*. Thân hình xinh đẹp của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và với mọi loại đồ trang sức. Với diện mạo thiếu nữ mỉm cười, Người ngồi ở tư thế *sama-paryanka* trên tòa hoa sen và mặt trăng.

‘Tại cửa Đông, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ TAM hiện ra hoa sen *utpala*, với chủng tử TAM, bởi ánh sáng khác nhau của chữ TAM này tô màu lên tất cả các thành tố thế gian, làm cho tất cả các thành tố trên thế giới [209] được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như những ảo ảnh huyền bí, các cầu vồng, các ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và như những hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện Bạch Tà-rà Anku’si (Tà-rà Câu), hai tay cầm móc câu. Thân tướng phần nộ của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với diện mạo thiếu nữ hơi giận dữ, Người đứng theo tư thế àlīḍha (chân phải thẳng, chân trái co) trên mặt trăng và hoa sen.

‘Tại cửa Nam, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ RE hiện ra hoa sen *utpala*, với chủng tử RE, bởi ánh sáng khác nhau của chủng tử này tô màu lên tất cả các thành tố thế gian, làm cho tất cả các thành tố trên thế giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như những ảo ảnh huyền bí, các cầu vồng, các ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và như những hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện Hoàng Tà-rà Pà’si (Tà-rà Sách), hai tay của Người cầm Quyển sách

(sợi dây). Thân tướng phần nộ của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với diện mạo thiếu nữ hơi giận dữ, Người đứng theo tư thế àlìdha trên mặt trăng và hoa sen.

‘Tại cửa Tây, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ TU hiện ra hoa sen *utpala*, với chủng tử TU, bởi ánh sáng khác nhau của chủng tử này tô màu lên tất cả các thành tố thế gian, làm cho tất cả các thành tố trên thế giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như những ảo ảnh huyền bí, các cầu vồng, các ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và như những hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện Xích Tàrà Sphoṭà (Tàrà Tỏa), hai tay cầm Sợi xích. Thân tướng phần nộ của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với diện mạo thiếu nữ hơi giận dữ, Người đứng theo tư thế àlìdha trên mặt trăng và hoa sen.

‘Tại cửa Bắc, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ RE hiện ra hoa sen *utpala*, với chủng tử RE, bởi ánh sáng khác nhau của chủng tử này tô màu lên tất cả các thành tố thế gian, làm cho tất cả các thành tố trên thế giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như những ảo ảnh huyền bí, các cầu vồng, các ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và như những hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện Lục Tàrà Ghaṇṭà (Tàrà Linh), hai tay cầm chuông. Thân tướng phần nộ của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với diện mạo thiếu nữ hơi giận dữ, Người đứng theo tư thế àlìdha trên mặt trăng và hoa sen.

Theo cách này, Văn Thù, Hành giả cần quán tưởng Luân của chư Thiên’.

Văn Thù hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là những sự khởi đầu, những ảo ảnh huyền bí, các cầu vồng, các ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và các hình ảnh phản chiếu?”

Đức Thế Tôn nói: “Văn Thù! Đó là những thành tố của thế gian với những nhiệm ô của lục mệnh. Do vậy, chúng được hiểu như là những sự khởi đầu, một ảo ảnh huyền bí, một cầu vồng, một ảo tưởng, như mặt trăng dưới nước và như một hình ảnh phản chiếu”.



## CHƯƠNG 5 TRAO NĂNG LỰC

Tiếp, Văn Thù hỏi: “Bạch Thế Tôn! Theo cách nào mà chư Thiên được ban phước bởi các chư Thiên này?”

Đức Thế Tôn trả lời: “Này Văn Thù! Theo cách của sự khởi đầu, của ảo ảnh huyền bí, của cầu vồng, của ảo tưởng, của trăng dưới nước và của hình ảnh phản chiếu”.

Văn Thù hỏi: “Thế Tôn! Thế nào là ‘Sự khởi đầu’?”

Đức Thế Tôn nói: “Sự khởi đầu là hư ảo và là sai lầm do cả hai [người khởi đầu và người quan sát của sự khởi đầu]. Ảo ảnh huyền bí là sai lầm của người

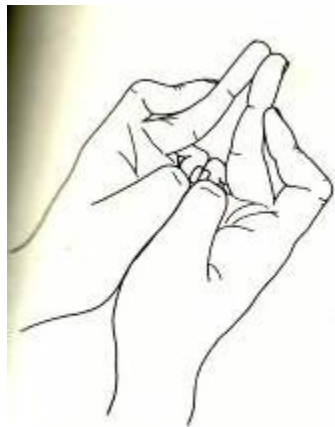
khác [tức là không phải do vị có Thần thông, biết nó là một ảo ảnh]. Cầu vồng là tính Không. Ảo ảnh là một đối tượng sai lầm và trống rỗng. Trăng dưới nước thuộc về Nhân. Hình ảnh phản chiếu là nhóm Gandharva. Văn Thù, như vậy là sai lầm; giống như là các thành tố của thế gian với những nhiễm ô. Do đó, Văn Thù, sự ban phước của chư Thiên bởi chư Thiên cũng tương tự như thế. Văn Thù, sự khởi đầu, ảo ảnh huyền bí, cầu vồng, ảo tưởng, mặt trăng dưới nước và một hình ảnh phản chiếu là không có trở ngại và thoát khỏi trở ngại; chúng không có khác biệt và thoát khỏi khác biệt. Như vậy, Văn Thù, suy nghĩ về tự tính của chúng cũng tương tự như thế!

Tiếp Đức Thế Tôn ban phước. [212] Chắp hai tay lại, duỗi thẳng hai ngón giữa, đầu ngón giao nhau. Hai ngón trỏ và hai ngón vô danh chạm hai ngón giữa và co lại. Hai ngón út và hai ngón cái co vào trong, đầu ngón dính nhau. Đây là Kim Cương Ấn. Thần chú của Ấn,

❖ OM SARVA-TATHÀGATA A TAM AHAM VAJRA STANA SARVA-TATHÀGATA-VAJRA STANA HÙM!

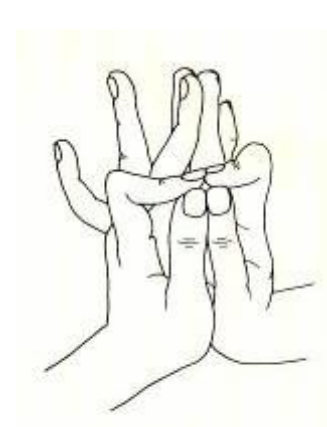
(Om Tất cả Như Lai A TAM, Kim Cương của Ta, vang động! Tất cả Như Lai, Vang động! HÙM!)

đã được tuyên thuyết.



*Vajra-mudrā*

*Kim Cương Ấn*



*Ratna-mudrā*

*Bảo Ấn*

Lại nữa, Đức Thế Tôn ban cho năng lực. Chắp hai tay lại, hai ngón út và hai ngón vô danh cong lại hướng ra ngoài, đầu hai ngón giữa chạm nhau ấn hai ngón trỏ với hai ngón cái. Đây là Bảo Ấn. Hành giả đặt Ấn lên đỉnh đầu, đọc Thần chú:

❖ OM SARVA-TATHÀGATA-CINTÀMANA-JVALANI SARVA-TATHÀGATA-AHAM-‘SUDDHA-PARI’SUDDHÀ YA SVÀHÀ!

(Om hướng đến Ngọc Như ý tỏa sáng của tất cả Như Lai, sự thanh tịnh, hoàn toàn thanh tịnh của con và của tất cả Như Lai SVÀHÀ!)

Với Thần chú này, chư Phật ở mười phương đã trao cho quyền năng và ban phước.



*Bản Thệ Ấn*

Tiếp, Đức Thế Tôn kết Bản Thệ Ấn (biểu hiện cam kết) của tất cả các Bộ của tâm thức, hai tay nắm chặt với nhau, duỗi thẳng hai ngón giữa, hai ngón út và hai ngón cái cũng duỗi thẳng và dính vào nhau. Đây là Samaya Mudra (Bản Thệ Ấn). Thần chú là:

❖ OM SARVA-TATHAGATA-VAJRA-SAMAYA HUM!  
(Om Kim Cương nguyện của tất cả Như Lai HÙM!)



## CHƯƠNG 6 THẦN CHÚ

Tiếp, Bồ Tát Văn Thù Đồng Tử xưng tán Mẫu, nói lên:  
'Con xin kính lễ và xưng tán!  
Hình dáng Ngài giống như Nhật, Nguyệt,  
Thân màu xanh lục, tư thế yêu kiều,  
Ngồi trên hoa sen và mặt trăng, [213]  
Người Mẹ sinh ra chư Phật, tay cầm sen Utpala  
Là nơi nương tựa của tất cả Hữu tình.'

Tiếp, Ngài nói: “Bạch Thế Tôn! Hành giả cần thực hành với các Thần chú bí mật gì?”

Và Đức Thế Tôn nói: “Đây là Dhàraṇī của Ngài (Tàrà):

❖ OM NAMO RATNA-TRAYĀYA. NAMAS TRAIY-ADHVA-SARVA-TATHAGATĀNĀM. NAMAS TĀRĀYAI.  
(Om Kính lễ Tam Bảo. Kính lễ tất cả Tam thế chư Phật. Kính lễ Tàrà!”

*namas tære ture vire  
kṣaṇa-dyuti-nibhêkṣaṇe /  
trai-lokya-nàtha-vaktrâbja-  
vikasat-ke'sarôdbhave //1//*

*namaḥ 'sata-'sarac-candra-  
sampūrṇa-pa ṭalānane /  
tāra-sahasra-nikara-  
prahasat-kiraṇḍōjjvale //2//*

*namaḥ kanaka-nīlābja-  
pāṇi-padma-vibhūṣite /  
dāna-vīrya-tapaḥ-'sānti-  
titikṣā-dhyāna-gocare //3//*

*namas tathāgatōṣṇīṣa-  
vijayānanta-cārīṇi /  
a'seṣa-pāramitā-prāpta-  
jina-putra-niṣevite //4//*

**TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ!**

Vậy Hành giả cần tụng.

“Đây là dhāraṇi. Đây là Tâm chú:

❖ **OM TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ!**

Vậy Hành giả cần tụng’

- Tâm chú của Liên Hoa Bộ (*Padma-kula*):  
**OM TUTTÀRE TURE TURE SVÀHÀ !**

- Tâm chú của Bảo Bộ (*Ratna-kula*):  
**OM TÀRE TURE TURE SVÀHÀ !**

- Tâm chú của Nghiệp Bộ (*Karma-kula*):  
**OM TURE TUTTÀRE SVÀHÀ !**

- Tâm chú của Kim Cương Bộ (*Vajra-kula*):  
**OM TÀRE TUTTÀRE TÀRE SVÀHÀ !**

- Tâm chú của Phổ Nghiệp (*Vi'sva-karma*):  
**OM TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ !**

☐ **Thần chú Hàng phục:**

❖ **OM TÀRE TÀRE tuttāre hūṃ-kāra-  
pūrītā'sa-dig-antare/  
sapta-loka-kramākrānti  
a'seṣākaraṣaṇa-kṣami [1/5/] HRĪḤ!**

☐ **Thần chú Tăng Ích:**

❖ OM TÀRE TÀRE *tuttàre hùṃ-SVÀHÀ-kàra*-[214]  
*pùritâ'sà-dig-antare*/  
*sapta-loka-kramâkrànti*  
*a'seṣa-PUṢṬIM KURU karṣaṇa-kṣami HO!*

❑ **Thần chú Nghiệp:**

❖ OM TÀRE TÀRE *tuttàre hùṃ-kàra-*  
*pùritâ'sà-dig-antare*/  
*sapta-loka-kramâkrànti*  
UṢṆIṢA-ALIKARAYĀkarṣaṇa-kṣami PHAṬ!

❑ **Thần chú Hàng phục Long Vương:**

❖ OM TÀRE TÀRE *tuttàre ture hùṃ-kàra*  
*pùritâ'sà-dig-antare*/  
*sapta-loka-kramâkrànti*  
*a'seṣa-SĀNTIM KURU karṣaṇa-kṣami SVÀHÀ!*

❑ **Thần chú Phổ nghiệp** (*vis'vva-karma-mantra*):

❖ OM TÀRE TÀRE TURE TUTTÀRE SVÀHÀ!  
*'sagrânala-brahma-*  
RUDRAI'S CĒ'svarârcite /  
*bhûta-vetâla-gandharva-*  
*gaṇa-yakṣa-puras-kṛte //6//*  
*phaṭ-kàra-*  
*para-yantra-pramardani/*  
*pratyâliḍha-pada-nyâsa-*  
*'sikhi-jvâlâkuli JALIRI //7//*

*mahâ-ghori*  
*mâra-vîra-vinâ'sani/*  
*bhṛkûti-kṛta-vaktrâbja-*  
*sarva-'satru-nisûdani //8//*

*ratna-mudrânka-*  
*hṛdyânguli-vibhûṣite /*  
*bhûṣitâ'seṣa-dik-cakra-*  
*nikara-sva-karâkule //9//*

HUM HUM HUM PHAṬ PHAṬ PHAṬ!

❑ **Thần chú thành tựu mọi Tác Nghiệp** (*Sarva-karma-siddhi-mantra*):

❖ OM INDRĀYA YAMĀYA VARUṆĀYA YAKṢĀYA AGNAYE  
VĀYAVE NAIRRTYAI RAKṢASE.

OM INDRA-PĀLĀYA SÛRYA-CANDRĀYA UTI-AYA-  
BUMIYE.

A-KĀRO MUKHAṂ SARVA-DHARMĀNĀM

ĀDY-ANUTPANNATVĀT OM ĀḤ HUM PHAṬ



SVÀHÀ!

[Om đến Indra, Yama, Varuṇa, Yakṣa, Agni, Vāyu, Nairṛti và Rakṣas.

Om đến Indrapāla, Sūrya và Candra (Mặt trời và Mặt trăng)

Và Uti-aya-bumi (?)

Chữ A là một cái cửa lớn [để nhìn được bên trong] mà tất cả các Pháp xưa nay vốn chẳng sinh (*Ādy-anutpanna*). OM ÆH HÛM PHAT SVÀHÀ!]



## Chương 7 NGHI THỨC TỨC TAI

“Này Văn Thù, đây là Nghi thức [Tức Tai]. Trong căn phòng vừa ý, xông trầm hương, rắc nước hoa thơm ngát, thoa nước Bạch Đàn hương lên Mandala trắng, và rải các hoa đơn. Trong một bình trắng làm bằng chất liệu quý, đặt năm thức quý: vàng, trân châu, pha lê, san hô, lam ngọc. [215] Đặt vào năm loại hương: Đàn hương, Huyết mộc thơm ngát (*agaru*), nhựa thông, long não và *u'sira*. Đặt vào năm loại ngũ cốc: lúa mạch, lúa mì, đậu, gạo và dầu mè. Đặt vào năm tinh chất: đường, mật ong, bơ sữa trâu lỏng, muối và hạt mè. Bao bên ngoài là miếng vải sạch có tua nguyên vẹn, và đặt bình ở giữa phòng.

‘Sắp đặt bốn bình tràn đầy. Cùng sắp xếp bốn lư hương và bốn bông hoa, và vân vân.

‘Khi làm xong, Hành giả tập trung như sau. Quán tưởng từ chữ TAM hiện ra Người Mẹ ban cho năng lực [Nhanh chóng], Đức Tàrà, nữ anh hùng, trong thân tướng của một Yogini. Từ trong hoa sen lớn hiện ra một mặt trăng tròn đầy có Ngài ngồi trên đó. Sắc Ngài màu trắng như trăng thu; Thân tướng Ngài, giống như một thiếu nữ, và được trang sức thật đẹp bằng những vòng cổ, vòng đeo tay, hoa tai châu báu, và vân vân, thân dưới quấn váy dài bằng vải Pañcalika, thân trên che phủ bằng vải Banare. Ngài ngồi xếp chân trong tư thế *ardha-paryanka*, với một mặt, hai tay, gương mặt Ngài mỉm cười với đôi mắt rực sáng. Tay phải Ngài kết Thí Nguyên Ấn, tay trái cầm nhánh sen Utpala. Ánh sáng tỏa ra từ thân Ngài, và ở giữa hoa sen trắng với các sợi tơ như dòng suối mật. Ngài được hình thành bởi ánh sáng tỏa ra nơi thân của vô lượng Bồ Tát. Quán tưởng như vậy, tụng. [216] Hành giả cần phải tụng như sau:

❖ OM TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ

Nếu khi ấy Hành giả khẩn cầu sau khi tụng liên tục với Thần chú **Nghiệp** này 1 lần, 7 lần, hay 108 lần, lời khẩn cầu sẽ được thành tựu.

Văn Thù, lợi ích của việc này, là 5 nghiệp trực tiếp, 05 nghiệp này gắn với hành giả, lòng căm thù và những giấc mơ xấu, tất cả sẽ được bị hàng phục. Văn Thù, lợi ích của nghi lễ là sự đau khổ của ba nghiệp xấu sẽ được rửa sạch và hành giả sẽ không bao giờ phải tái sinh vào tám trạng thái ít an nhàn (tám nạn-ND).

Văn Thù, lợi ích đó là Hành giả sẽ nhớ lại các kiếp quá khứ, có ngũ căn thanh tịnh và có tâm thức nhạy bén; Hành giả sẽ có được kỹ năng trong mọi lĩnh vực nghệ thuật; sức mạnh, làn da và vẻ ngoài của hành giả sẽ được hoàn mỹ; tất cả các vị hộ pháp thế gian sẽ bảo vệ, che chở, che dấu và giúp đỡ Hành giả; và Hành giả đi đến đâu cũng được may mắn.



## CHƯƠNG 8 NGHI THỨC TẶNG ÍCH

Văn Thù, đây là Nghi thức Tặng ích. Trong căn phòng xông trầm hương với mùi dễ chịu, trét căn phòng bằng 5 vật của con bò màu vàng nâu (màu hung) và làm một Mandala, thoa lên đó mùi thơm ngọt. Cũng trưng bày các bó hoa và thangka ‘Tặng ích’. Làm 21 viên của 5 món quý, ngũ cốc, thuốc, v...v...v..., [217] đặt các viên đó vào cái hộp báu, và đặt chúng vào trung tâm của Mandala. Cũng sắp xếp 4 đèn trầm hương, và trưng bày hoa, v...v...v...

Rồi tập trung như sau. Quán tưởng (visualize) từ chữ TAM hiện ra Người Mẹ ban cho năng lực nhanh chóng, Đức Tàrà, nữ anh hùng, trong thân tướng của Yoginì. Từ trong hoa sen lớn hiện ra mặt trời và mặt trăng, trên đó là thân tướng “Tặng ích” của Ngài, trong sáng như mặt trăng thu, giống như mặt trời rực sáng, là thân tướng thiếu nữ màu vàng và được trang sức thật đẹp bằng những vòng cổ, vòng đeo tay, hoa tai châu báu, v...v...v... Thân dưới che phủ bằng vải Pañcalika, thân trên che phủ bằng vải Banare. Ngài ngồi xếp chân trong ardha-paryanka, với một mặt, hai tay. Gương mặt Ngài mỉm cười với đôi mắt rực sáng. Tay phải Ngài ban các lợi ích, tay trái cầm nhánh sen Utpala. Ánh sáng tỏa ra từ thân Ngài, và ở giữa hoa sen trắng với các sợi tơ như dòng suối mật. Ngài được hình thành từ tia sáng tỏa ra nơi thân của vô số Bồ Tát, là những vị đã vượt qua quyền năng của các hàng Thiên, hàng A Tu La, hàng Garuḍa, hàng Khẩn Na La, hàng Gandharva, hàng Mahoraga (Xà Quỷ), và hàng Rākṣasa. Quán tưởng như vậy, tụng. Hành giả cần tụng như sau:

❖ OM TÀRE TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ!

[218] Nếu khi ấy Hành giả khẩn cầu sau khi tụng liên tục với Thần chú **Nghiệp** 1 lần, 7 lần, hay 108 lần, lời khẩn cầu sẽ được thành tựu.

Văn Thù, ích lợi của nghi thức này, là tất cả các hàng Thần, hàng A Tu La, hàng Garuḍa, hàng Khẩn Na La, Nhân, hàng Gandharva, hàng Mahoraga, và hàng Rākṣasa và những hàng khác sẽ không thể chống lại sức mạnh của Hành giả, thậm chí sẽ bảo vệ và che chở cho Hành giả. Hành giả sẽ bị ảnh hưởng bởi cái chết không đúng thời, bởi những sự tranh đấu, những giấc mơ xấu, những điềm báo ác, dịch bệnh, bệnh đậu mùa, bệnh ghẻ ngứa, v...v...v... . Ngay cả khi mạng chung, Hành giả sẽ được mạnh khỏe. Hành giả sẽ không rơi vào ba nghiệp xấu. Văn Thù, do nghi thức này, Hành giả sẽ được ban cho các vật dụng cần thiết, tuổi thọ, hình

hài xinh đẹp, và mạnh khỏe. Hành giả sẽ thấy các vị Như Lai và được ban cho sức mạnh {tinh thần?}.



## CHƯƠNG 9 NGHI THỨC HÀNG PHỤC

Văn Thù, đây là Nghi thức Hàng phục. Thực hiện nghi thức này ở bãi tha ma, tại một cây đơn lẻ, ngay nhánh của một con sông lớn, hay trong một Tịnh xá. Trét nơi đó bằng năm vật của con bò, và trên mandala thoa nước hoa thơm và rải các hoa đơn. Bày hình ảnh của Tôn, cũng như sắp đặt các lư hương, hoa, v...v... . Để những vật có năng lực, hoa và trái cây trong một hộp [219] và đặt các thứ này ở trung tâm của Mandala.

Rồi tập trung như sau. Quán tưởng từ chữ TAM hiện ra Người Mẹ ban cho Năng lực tức thì, Đức Tàrà, nữ anh hùng, trong thân tướng của một Yogini. Từ trong hoa sen lớn hiện ra mặt trời (và mặt trăng), trên đó là thân tướng của Ngài, đỏ như hoa Bandhuka, giống như thân hình thiếu nữ và được trang sức thật đẹp bằng những vòng cổ, vòng đeo tay, hoa tai châu báu , v...v...v.... Thân dưới che phủ bằng vải Pañcalika, thân trên che phủ bằng vải Banare. Ngài vui vẻ trong phong tư kiêu diễm, có một mặt, hai tay, với gương mặt mỉm cười hoan hỷ cùng đôi mắt rực sáng, tay phải Ngài co nơi tim, tay trái cầm nhánh sen Utpala. Ánh sáng tỏa ra từ thân Ngài. Từ đó xuất hiện vô số Bồ Tát tháp tùng, trên thân của các vị cũng có ánh sáng pha trộn giống như ánh sáng của Ngài. Quán tưởng như vậy, tụng. Hành giả cần tụng như sau:

❖ OM TUTTÀRE TURE SVÀHÀ

Nếu khi ấy Hành giả khấn cầu sau khi tụng liên tục với Thần chú **Nghiệp** 1 lần, 7 lần, hay 108 lần, lời khấn cầu sẽ được thành tựu.

Văn Thù, lợi ích của điều này, Hành giả sẽ hàng phục được cả ba thế giới, các vua của các vị vua và cả những việc khác. Tất cả sẽ bị hàng phục.



## CHƯƠNG 10 NGHI THỨC PHẦN NỘ

Văn Thù, nếu mong cầu thực hiện nghi thức Tức Tai, nơi thực hiện là ở bãi tha ma, cạnh một cây đơn, trên nhánh của con sông lớn hay trong một tịnh xá. Rắc nơi đó bằng năm vật của con bò, và làm một mandala với nước thơm. Cũng bày hình ảnh và v...v...v... . Trên vỏ cây Phong, vải thô hay vỏ những cây khác, vẽ bằng nước cây nimb hình ảnh vua chúa hay bất cứ người nào, rồi đặt vào một hộp (hay cái bát) bằng đất sét trên mandala. Rồi đặt nó để trên Mandala (*trích nguyên văn*). Cũng sắp xếp các lễ vật cúng dường như là lư hương.

Rồi tập trung như sau. Quán tưởng từ chữ TAM hiện ra Người Mẹ ban cho Năng lực tức thì, Đức Tàrà, nữ anh hùng, trong thân tướng của một Yoginì. Từ trong hoa sen lớn hiện ra mặt trời và mặt trăng, có Ngài ngồi trên đó. Thân Ngài xanh lục và sáng chói hơn tất cả, là thân tướng một thiếu nữ được trang sức thật đẹp bằng những vòng cổ, vòng đeo tay, hoa tai châu báu, v...v...v.... Thân dưới che phủ bằng vải Pañcalika, thân trên che phủ bằng vải Banare. Ngài đứng theo tư thế àlìḍha (chân phải thẳng, chân trái co), có một mặt, hai tay, các răng lộ ra, đôi mắt tóe lửa và tóc lỏm chớm hướng lên, có Đức Phật A Di Đà trên mặt trăng ở trên mũ miện Ngài, xung quanh Ngài là đám lửa nhỏ. Tay phải của Ngài cầm Luân xa; tay trái với ngón trở đe dọa, cầm một nhánh sen Utpala. Từ thân Ngài phóng tỏa vô số chư Thiên phần nộ, cả nam lẫn nữ.

Thần chú của Ngài: tụng:

❖ OM TURE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ!

Nếu khi ấy Hành giả khẩn cầu sau khi tụng liên tục với Thần chú **Nghiệp** 1 lần, 7 lần, 21 lần hay 108 lần, ba lần ban ngày và ba lần ban đêm, lời khẩn cầu sẽ được thành tựu.

Văn Thù, hiệu lực của Nghi thức này, đó là các ô nhiễm, nghiệp, sự tái sinh do ảnh hưởng của nghiệp, vận mệnh xấu và những điều giống như vậy đều bị khắc phục. Văn Thù, những kẻ thù bất trị, các bệnh ma quỷ, những chướng nạn và những điều giống như thế, cũng sẽ bị khắc phục.



## CHƯƠNG 11 PHỔ NGHIỆP

Văn Thù, đây là nghi thức của Phổ Nghiệp. Thực hiện nghi thức này ở bãi tha ma, cạnh một cây đơn lẻ, trước một stupa (tháp – ND), hay trên nhánh của con sông lớn. Trét nơi đó bằng năm vật của con bò, và trên Mandala thoa nước thơm, rải các hoa đơn. Hình tượng của Mẫu cũng được sắp đặt. Trong tim của hình nộm làm bằng sáp, chèn thêm một Thần chú trên tấm vải lấy từ bãi tha ma; nếu nghi ngờ các phụ âm thì viết các mẫu tự của tên, cuối cùng, đặt hình tượng vào trung tâm của Mandala. Cũng sắp xếp lư hương, hoa, v...v...v...

Rồi tập trung như sau. Quán tưởng từ chữ TAM hiện ra Người Mẹ ban cho Năng lực tức thì, Đức Tàrà, nữ anh hùng, trong thân tướng của một Yoginì [222]. Từ trong hoa sen lớn hiện ra mặt trời và mặt trăng, trên đó là thân màu đen tỏa sáng của Ngài, giống như một thiếu nữ, được trang sức thật đẹp bằng những vòng cổ, vòng đeo tay, hoa tai châu báu, v...v...v.... Thân dưới che phủ bằng vải Pañcalika, thân trên che phủ bằng vải Banare. Ngài đứng theo tư thế àlìḍha, có một mặt hai tay, các răng nanh lộ ra như các nửa vầng trăng, gương mặt Ngài giận dữ và đang thốt chữ HŪM, tóc màu cam xoắn hướng lên, Đức Phật A Di Đà trên mặt trăng ở trên mũ miện của Ngài, có đám lửa nhỏ theo sát Ngài. Từ ánh sáng

của Ngài tỏa ra các Nữ thân bảo vệ khỏi Tám Nạn. Hai tay của Ngài, tay phải cầm dao, tay trái cầm nhánh sen Utpala, với chuỗi đầu lâu của các Bà La môn cùng những bông hoa trên đỉnh. Quán tưởng rằng các hàng Phần Nộ Thiên theo sát Ngài.

Tụng Thần chú:

❖ OM TÀRE TURE TUTTÀRE SVÀHÀ!

Nếu khi ấy Hành giả khẩn cầu sau khi tụng liên tục với Thần chú **Nghiệp** 1 lần, 7 lần, 21 lần hay 108 lần, lời khẩn cầu sẽ được thành tựu.

Văn Thù, lợi ích của nghi thức này, đó là Hành giả sẽ thành tựu 4 Pháp; Hành giả sẽ được bảo vệ tránh khỏi các Nạn.



## CHƯƠNG 12 KIM CƯƠNG BỘ MẪU

Tiếp, Ngài Văn Thù hỏi Đức Thế Tôn: “Làm thế nào mà Người Mẹ tạo ra chư Phật [223] là Mẫu của tự tính của Năm Bộ?”

Đức Thế Tôn trả lời (nói): “Mẫu của Kim Cương Bộ có hình dáng thiếu nữ với 4 mặt 8 tay, và mang màu vỏ sò. Bốn mặt của Ngài có màu: trắng, xanh dương đậm, đỏ và vàng; các mặt được biểu thị với 5 bộ trên mũ miện và có ba mắt. Tám tay của Ngài: các tay bên phải cầm: kim cương, mũi tên, cây thương và cuối cùng là Thí Nguyện Ấn; các tay bên trái cầm: hoa sen Utpala, bình bát, Kim Cương Câu, Quyển sách với ngón trở đe dọa. Ngài ngồi trong tư thế Vajra-paryanka và có tự tính của Dharmakàya.

Văn Thù, Đây là Thần chú của Ngài:

❖ NAMO RATNA-TRAYÀYA! NAMA ÀRYA-JÑÀNA-SÀGARÀYA AKṢOBHYA-VY ÀHA-RÀJAYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAK-SAMBUDDHÀYA! NAMA ÀRYÀVALIKITE'SVARÀYA BODHISATTVÀYA MAHÀSATTVÀYA MAHÀ-KÀRUṆIKÀYA! TADYATHÀ: OM TÀRE TURE TUTTÀRE SVÀHÀ!

(Kính lễ Tam Bảo! Kính lễ Thánh Trí Hải Bất Động Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác.

Kính lễ Bạc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát! Như sau: OM TÀRE TURE TUTTÀRE SVÀHÀ!)

Tụng Thần chú này, hết thấy Kim Cương Bộ tạo lễ vật hoa, đèn, nước thơm, và thực phẩm tinh khiết.

Văn Thù! Đây là nghi thức của Mẫu: làm hình nộm bằng sáp của bất cứ ai là đối tượng, bỏ vào tim của hình nộm những thành phần– thịt của quạ và cừu đực – cùng với tên của kẻ đó. Rồi tụng Thần chú này:

❖ OM AMUKAṀ ME VA'SAM ÀNAYA SVÀHÀ!

(Om hãy mang cái này cái nợ dưới sức mạnh của tôi SVÀHÀ!)

Nếu như Hành giả tụng Thần chú này và chôn nó ở hướng Tây Bắc (Vàyava), Văn Thù, sẽ xảy ra xung đột và sự chia cách khiến kẻ thù bỏ chạy chỗ khác.



### CHƯƠNG 13 LIÊN HOA BỘ MẪU

Văn Thù, Mẫu của Liên Hoa Bộ có 4 mặt và 08 tay, mặt chính của Ngài màu đỏ, thân hình thiếu nữ của Ngài có màu của hoa bandhuka. Mặt bên phải màu trắng, mặt trái xanh dương đậm và mặt phía sau màu vàng. Các mặt được biểu thị với 4 bộ trên mũ miện và có 3 mắt. Tám tay: (bên phải) cầm hoa sen, mũi tên, cung tên và Thí Nguyện Ấn; bên trái: sen utpala, Bình bát, Kim Cương Câu, và Quyển sách với ngón trỏ đe dọa. Ngài ngồi trong tư thế Vajra-paryanka và có tự tính của Dharmakàya.

Văn Thù, đây là Thần chú của Ngài:

❖ NAMO RATNA-TRAYÀYA! NAMA ÀRYA-JÑÀNA-SÀGARÀYA  
AMITÀBHA-DEVA-VYÙHA-RÀJAYA TATHÀGATÀYA ARHATE  
SAMYAK-SAMBUDDHÀYA! NAMA ÀRYÂVALIKITE'SVARÀYA  
BODHISATTVÀYA MAHÀSATTVÀYA MAHÀ-KÀRUṆIKÀYA!  
TADYATHÀ: OM TUTTÀRE TURE SVÀHÀ!

(Kính lễ Tam Bảo! Kính lễ Thánh Trí Hải Vô Lượng Quang Thiên Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ Bạc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát!  
Như sau: OM TUTTÀRE TURE SVÀHÀ!)

Tụng Thần chú này, hết thủy Liên Hoa Bộ tạo lễ vật hoa, hương đốt, đèn, nước thơm, và thức ăn thượng phẩm.

Văn Thù, đây là nghi thức của Mẫu: nghiền nát datura (cà độc dược-ND), cây nimb, và hoa asoka, trộn thuốc mỡ và mật ong làm thành bột, rồi đọc Thần chú này:

❖ OM AMUKA-ABHIDHÀNAM KAMÀRI[M] MAHYAM UDVAHENA  
TASYA PITÀ PRAYACCHATU HÙM HRÌH!

(Om Cầu xin Cha nàng ban tặng cho Tôi con gái tên ..... để làm vợ HÙM HRÌH!)

Nếu Hành giả tụng thần chú này và thoa bột lên thân, cô gái sẽ bị thu hút hoàn toàn.



## CHƯƠNG 14 NHƯ LAI BỘ MẪU

Văn Thù, Mẫu của Như Lai bộ có 4 mặt và 08 tay, thân tướng thiếu nữ của Ngài là màu vàng ròng. Mặt chính của Ngài màu vàng, bên phải màu trắng, bên trái màu đỏ và mặt phía sau màu xanh dương đậm. Các mặt được biểu thị với 4 bộ trên mũ miện và có 3 mắt. Tám tay: (bên phải) cầm Luân xa, mũi tên, cung tên và Thí Nguyện Ấn; bên trái: sen utpala, Bình bát, Kim Cương Câu, và Quyển sách với ngón trở đe dọa. Ngài ngồi trong tư thế Vajra-paryanka và có tự tính của Dharmakàya.

Văn Thù, đây là Thần chú của Ngài:

❖ NAMO RATNA-TRAYÀYA! NAMA ÀRYA-JÑÀNA-SÀGARÀYA  
VAIROCANA-VYÙHA-RÀJAYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAK-  
SAMBUDDHÀYA! NAMA ÀRYÂVALIKITE'SVARÀYA BODHISATTVÀYA  
MAHÀSATTVÀYA MAHÀ-KÀRUṆIKÀYA! TADYATHÀ: OM TÀRE  
TUTTÀRE TURE SVÀHÀ!

(Kính lễ Tam Bảo! Kính lễ Thánh Trí Hải Quang Minh Biến Chiếu Trang  
Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ Bạc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát!  
Như sau: OM TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ!)

Tụng Thần chú này, hết thảy Như Lai Bộ tạo lễ vật hoa, hương đốt, đèn, nước  
thơm, v...v...v...

Văn Thù, đây là nghi thức của Mẫu: làm hình nộm bằng tro xác chết với nhựa  
trái đường, đặt vào tim của hình nộm [tên] với hai phụ âm cuối, và đọc Thần chú:

❖ OM MÀRAYA MÀRAYA KÀRAYA KÀRAYA STAMBHAVA  
STAMBHAVA JAMBHAVA JAMBHAVA! HÙM HÙM HÙM LAM LAM  
LAM LAM LAM !

(Om Giết chết, giết chết! Ép buộc, ép buộc! Cầm giữ, cầm giữ! Phá hủy, phá  
huỷ! HÙM HÙM HÙM LAM LAM LAM LAM LAM)

Đọc Thần chú này và chôn ở ngã tư đường.



## CHƯƠNG 15 BẢO BỘ MẪU

Văn Thù, Mẫu của Bảo Bộ có 4 mặt và 08 tay, mặt chính của Ngài màu xanh  
dương, thân hình thiếu nữ của Ngài cũng màu xanh dương. Mặt bên phải màu  
trắng, bên trái màu đỏ và mặt phía sau màu vàng. Các mặt được biểu thị với 4 bộ  
trên mũ miện và có 3 mắt. Tám tay: (bên phải) cầm ngọc, mũi tên, cung tên và Thí  
Nguyện Ấn; bên trái: sen utpala, Bình bát, Kim Cương Câu, và Quyển sách với  
ngón trở đe dọa. Ngài ngồi trong tư thế Vajra-paryanka và có tự tính của  
Dharmakàya.

Văn Thù, đây là Thần chú của Ngài:

❖ NAMO RATNA-TRAYÀYA! NAMA ÀRYA-JÑÀNA-SÀGARÀYA  
RATNASAMBHAVA-VYÙHA-RÀJAYA TATHÀGATÀYA ARHATE  
SAMYAK-SAMBUDDHÀYA! NAMA ÀRYÂVALIKITE'SVARÀYA  
BODHISATTVÀYA MAHÀSATTVÀYA MAHÀ-KÀRUṆIKÀYA!  
TADYATHÀ: OM TÀRE TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ!

(Kính lễ Tam Bảo! Kính lễ Thánh Trí Hải Bảo Sinh Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ Bạc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát! Như sau: OM TÀRE TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ!)

Tụng Thần chú này, hết thảy Bảo Bộ tạo lễ vật: hoa, hương trầm, đèn, nước thơm.

Văn Thù, đây là nghi thức của Mẫu: đặt rễ cây bulô đã mục và những con sâu sống trong quả tim, trộn với hai hạt giống trong một cái hộp (hay cái chén) bằng đất sét, và đọc Thần chú:

OM AMUKA-ABHIDHÀNAM ÀKARṢAYA! AMUKI MAYÊVA  
SETRAM SAVANAM KATHAYA HÙM HRÌH !

(Om Lôi đến đây, lôi đến đây người có tên ..... ! Nói điều này điều kia theo lệnh của tôi như thể bị tôi ràng buộc HÙM HRÌH !

Nếu Hành giả tụng Thần chú này và chôn dưới giường của {phụ nữ?}, [cô ta] sẽ biết những phẩm chất tốt [của Hành giả] và trở nên không thể chia lìa với Hành giả. [227]



## CHƯƠNG 16 NGHIỆP DỤNG BỘ MẪU

Văn Thù, Mẫu của Nghiệp Dụng Bộ có 4 mặt và 08 tay, mặt chính của Ngài màu xanh lục, Ngài là một thiếu nữ, mặt bên phải màu trắng, bên trái màu đỏ và mặt phía sau màu xanh lục. Các mặt được biểu thị với 4 bộ trên mũ miện và có 3 mắt. Tám tay: (bên phải) cầm Gươm, mũi tên, cung tên và Thí Nguyện Ấn; bên trái: sen utpala, Bình bát, Kim Cương Câu, và Quyển sách với ngón trở đe dọa. Ngài ngồi trong tư thế Vajra-paryanka và có tự tính của Dharmakàya.

Văn Thù, đây là Thần chú của Ngài:

❖ NAMO RATNA-TRAYÀYA! NAMA ÀRYA-JÑÀNA-SÀGARÀYA  
AMOGHASIDDHI-VYÙHA-RÀJAYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAK-  
SAMBUDDHÀYA! NAMA ÀRYÂVALIKITE'SVARÀYA BODHISATTVÀYA  
MAHÀSATTVÀYA MAHÀ-KÀRUṆIKÀYA! TADYATHÀ: OM TURE  
TUTTÀRE SVÀHÀ!

(Kính lễ Tam Bảo! Kính lễ Thánh Trí Hải Bất Không Thành Tự Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ Bạc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát! Như sau: OM TURE TUTTÀRE SVÀHÀ!)



Tụng Thần chú này, hết thấy Nghiệp Dụng Bộ tạo lễ vật hoa, lư hương, đèn, nước thơm.

Văn Thù, nghi thức của Mẫu: tụ họp tất cả phụ nữ không có lòng ghen tức. Lấy mắt, lưỡi và tim của chim cu đất, Thư hoàng, quặng sulfic màu gan làm thành những viên nhỏ với cây nimb, tụng:

❖ CALA PRACALA ‘SÌGHRAM-GAMI DEVADATTAM UCCÀṬAYA. AMUKAM VASANAM MUKTAM KURU NAYANA MAHÀRI HADATE HRÌH SVÀHÀ!

(Bỏ đi, rời khỏi, chạy xa, Devadatatta đang có ý muốn đi thật nhanh! Thiết lập tự do ở nơi ..... , lãnh đạo, kẻ thù lớn bị đuổi đi HRÌH SVÀHÀ!)

Nếu Hành giả tụng Thần chú này, xoa những viên thuốc, tất cả phụ nữ sẽ được tụ họp lại. Họ sẽ bị khuất phục, [228] và không còn ghen tức nữa.



## CHƯƠNG 17 LỄ VẬT ĐỂ THIÊU ĐỐT

Khi đã nói xong các Nghi thức này, Văn Thù Đồng Tử hỏi: “Để hoàn thành các Nghi thức, hành giả cần phải làm những lễ vật thiêu đốt nào?”

Đức Thế Tôn nói: “Văn Thù, khi tất cả việc này đã làm trước, sau khi Hành giả thực hiện các nghi lễ cá nhân, Hành giả cần phải tạo các lễ vật để thiêu đốt. Đối với Nghi thức đầu tiên, nghi thức Tức Tai, tiến hành như sau. Làm một căn nhà nhỏ có màu tương tự như mặt trăng ngày mùng 3, và trưng bày một vị Kim Cương trắng. Dùng chất đốt bằng gỗ đàn hương trắng, v...v...v... Đốt cháy căn nhà và đặt trước hình tượng. Dâng cúng cùng với các Thần chú một ít gạo, hạt kê, cutse và mè trắng, đọc 7 đến 21 lần: OM TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ, và ném chúng vào lửa. Dâng cúng với các Thần chú một ít phômai và sữa, cùng với ‘SÀNTIM KURU (“bình yên!”). Cúng dường gỗ với nhựa cây màu trắng sữa và bơ (hoặc dầu) trắng, cùng với SARVA-PÀPAM (“tất cả tính tiêu cực”).

Văn Thù, với những hoa trắng, châm lửa gỗ thơm như là gỗ Đàn hương trong căn nhà lửa. Đặt căn nhà trước hình tượng và dâng cúng nước và mù-tạt trắng. Các thần chú trong khi đang ném các lễ vật vào lửa là:

❖ TAD-YATHÀ: OM SARVA-TATHÀGATA TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ!

Và

❖ SARVA-PÀPAM’SÀTIM KURU SVÀHÀ!

(Đẹp yên mọi tội lỗi, SVÀHÀ!)

Cùng với những câu chú này, cúng dường 108 vốc tay nước.

Văn Thù, lợi ích của việc này, là tất cả mọi tội ác gồm có những tội gần nhất, sẽ được chấm dứt; những bệnh lây nhiễm, ma quỷ gây bệnh, v...v...v... sẽ bị dẹp yên; và trong những lần tái sinh về sau, Hành giả sẽ nhớ lại các kiếp trước.

Văn Thù, Hành giả thoa thuốc mỡ làm từ 5 vật của con bò, và trong căn nhà lửa' trong căn nhà như bản, hành giả lấy ra một hình tượng bằng sáp và đốt hình với câu Thần chú: OM TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ. Nếu Hành giả vừa đốt vừa tụng, thì sẽ hàng phục và thậm chí phá hủy hoàn toàn những tội ác, bệnh nêu trên.



## CHƯƠNG 18 TỨC TAI HỘ LUÂN (Vòng tròn bảo vệ Pháp Tức Tai)

Tiếp Đức Thế Tôn mỉm cười và giảng cho Bồ Tát Văn Thù Đồng Tử phương thức của các Luân.

Trong một vòng tròn chia làm chín, viết chữ OM và chữ HÀ cùng với tên một người nào đó ở giữa. Kiết giới là: RAKṢAḤ RAKṢAḤ (Bảo vệ! Bảo vệ!). Ở vùng biên viết OM TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ. Có thể chèn vào giữa chữ SVÀ HÀ vẽ bằng vỏ cây Bulô trắng với màu vàng nghệ, buộc trên cánh tay sẽ có những sự bảo vệ tốt nhất.



## CHƯƠNG 19 HÀNG PHỤC HỘ LUÂN

Tiếp, Kiết giới hàng phục. Trong một vòng tròn chia làm chín, viết chữ OM và chữ HÀ cùng với tên một người nào đó ở giữa. Kiết giới là: RAKṢAḤ RAKṢAḤ . Ở vùng biên viết OM TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ. Trên tất cả, ở giữa chữ MU và MU là chủng tự. Nếu vòng tròn được vẽ bằng sơn đỏ trên vỏ cây Bu lô đỏ và buộc kín đáo nơi rốn, sẽ được những sự bảo vệ tốt nhất, [230] và hàng phục.



## CHƯƠNG 20 TĂNG ÍCH HỘ LUÂN

Tiếp, kiết giới tăng ích. Làm một bánh xe có tám nan, viết 8 chữ OM TÀRE TUTTÀRE'S. Nếu vòng tròn này được vẽ bằng màu vàng nghệ trên vỏ cây Bu lô với tên có phần cuối của SVÀHÀ và RAKṢAḤ RAKṢAḤ ở giữa, buộc dưới cánh tay hoặc cổ, sẽ có những sự bảo vệ tốt nhất.



## CHƯƠNG 21 ĐẠI TĂNG ÍCH HỘ LUÂN

Tiếp, hộ luân xóa tan chướng ngại là vòng tròn có ba vành xung quanh, vòng ngoài chia làm tám phần. Ở giữa là SVÀHÀ, phần cuối của tên là RAKṢAḤ . Vòng trong đặt U U U U U U U U . Ở vòng ngoài, mỗi một phần tám đó, đặt các chủng tự OM TÀRE TUTTÀRE chèn giữa U và U [VD: U OM U, U TÀ U , U RE U, ...]. Nếu vòng tròn này được vẽ bằng màu vàng nghệ trên vỏ cây Bulô hay vỏ cây khác, và buộc quanh trán hay gần nách sao cho người khác không nhìn thấy được, sẽ thoát khỏi mọi tổn hại. Tụng Thần chú nhiều lần nếu được.

## CHƯƠNG 22 ĐẠI TỨC TAI THẦN HỘ LUÂN (Vòng tròn lớn bảo hộ của Pháp Đại Tức Tai)

Tiếp, Luân thành tựu phổ nghiệp. Viết trên vỏ cây Bulô hay trên miếng vải sợi bằng nước của gỗ Đàn hương trắng, trên vòng tròn chia làm chín phần đặt các Thần chú: Ở vòng ngoài viết: A À, I Ì, E AI, O AU, R R, L Ì, AM AH; ở vòng trong [231] viết TÀRE TUTTÀRE SVÀHÀ, và ở giữa OM và HÀ, trong vòng trên viết RAKṢAḤ ‘SÀNTIM KURU SVÀHÀ; đảo ngược Thần chú ở vòng dưới. Những nguyên âm ở vòng ngoài cũng được hiểu là đảo ngược. Ở trung tâm viết RAKṢAḤ ‘SÀNTIM KURU (“Bảo vệ! Dẹp yên!”) ở giữa OM và HÀ .



## CHƯƠNG 23 TỨC TAI LUÂN

Tiếp, các Luân của những nghi thức cá nhân cho bốn Pháp. Đầu tiên, pháp Tức Tai. Làm một hộp bùa hộ mạng bằng gốm sứ (samputa) màu trắng có nắp, nung trong lửa. Bên trong hộp, vẽ vòng tròn chia làm chín phần. Đặt Thần chú OM TÀRE TUTTÀRE TURE, trong tám ô, viết RU RU OM RU RU, RU RU TÀ RU RU, RU RU RE RU RU, RU RU TUT RU RU, RU RU TÀ RU RU, RU RU RE RU RU, RU RU TU RU RU, RU RU RE RU RU. Ở giữa viết KURU ‘SÀNTIM KURU SVÀHÀ. Đóng hộp lại, đặt hộp cùng với sợi chỉ trắng ở trung tâm Mandala. Sau đó nếu Hành giả cúng dường với hoa trắng, cũng như với 5 vật cúng dường, dâng cúng 3 lần, sẽ được Tức tai.



## CHƯƠNG 24 ĐẠI TỨC TAI

Tiếp, để thực hiện Nghi thức Đại Tức Tai: làm một hộp bùa hộ mạng bằng gôm sứ có nắp, làm một ít mực của gỗ Đàn hương trắng, vẽ vòng tròn chia làm chín phần với các phần bên trong và bên ngoài. Viết Thần chú, SVÀ ‘SÀNTIM KURU HÀ [232] ở giữa. Trong vòng tròn bên trong, đặt 8 A AS. Trong vòng tròn bên ngoài viết A OM A, A TÀ A, A RE A, A TUT A, A TÀ A, A RE A, A TU A, A RE A. Nếu Hành giả cột cái hộp bằng một vòng hoa, đặt nó trên Mandala, tạo lễ vật cúng cửu bốn thời, trong 7 ngày tụng Thần chú không có lầm lỗi, Hành giả sẽ thành tựu nghi thức Đại Tức Tai.



## CHƯƠNG 25 TĂNG ÍCH LUÂN

Tiếp, để thực hiện nghi thức Tăng ích: vẽ trên vỏ cây Bulô bằng màu vàng nghệ hay màu vàng của mật một vòng tròn chia làm chín phần trong và ngoài. Ở giữa đặt SARVA PUṢṬIM KURU OM A. (“Tạo mọi sự Tăng ích OM A!”) . Trong tám phần bên trong viết tám chữ OM . Trong tám phần bên ngoài viết OM OM OM, OM TÀ OM, OM RE OM, OM TUT OM, OM TÀ OM, OM RE OM, OM TU OM, OM RE OM. Sau đó nếu Hành giả đặt nó vào trong một cái hộp bùa hộ mạng bằng gôm sứ, và tạo lễ vật cúng dường bằng những bông hoa màu vàng, hoa Nàgapusapa, và 5 vật cúng dường, dâng cúng 4 thời suốt 7 ngày sau ngày Rằm, Hành giả sẽ thành tựu Pháp Tăng Ích cho tất cả đời sống và công đức của mình.

[Như đã giảng ở trên, Chương 26 đến Chương 33 đã bị mất theo thông báo của Thượng Tọa Geshe Rabten. Các Luân mà họ mô tả rất giống với những vòng tròn Tức Tai ngoài trừ các thành phần và chi tiết của các Thần chú.]

## CHƯƠNG 34 HÀNG MA LUÂN (Vòng tròn Chinh phục ma thuật)

Tiếp, Luân hàng phục ma quỷ. Vẽ vòng tròn bằng nước nghệ trên đá hay miếng nhựa cứng. Cũng chia vòng tròn với chín phần trong và ngoài. Để chèn các Thần chú, ở giữa viết WA SVÀ STAMBHAYA STAMBHAVA HÀ; ở vòng trong viết WA WA WA WA WA WA WA WA; ở vòng ngoài viết WA OM WA, WA TÀ WA, WA RE WA, WA TUT WA, WA TÀ WA, WA RE WA, WA TU WA, WA RE WA. Dấu các vòng tròn khắp xung quanh, các ma sẽ bị hàng phục.

## CHƯƠNG 35

### BÀI GIẢNG VỀ CAM KẾT VÀ THỀ NGUYỆN

Tiếp, Bồ Tát Văn Thù Đồng Tử tung hoa Madàrava, hoa sen, hoa kumuda và các loài hoa khác xung quanh Đức Thế Tôn. Các loại thanh âm Thiên nhạc cũng vang lên. Rồi Ngài hỏi Đức Thế Tôn, “Bạch Thế Tôn! Hành giả thực hiện Lời Cam kết như thế nào?”. Đức Thế Tôn nói:

13. Hành giả phải tuân giữ  
những cam kết và thề nguyện cụ thể  
đã có trong Mandala của chư Thần  
Phải tránh tạo nghiệp sát sinh, và Không lấy của không cho.

14. Không giao du, không lạm dụng nữ giới  
Không nói dối, không say sưa,  
Không ăn thịt, không trộm cắp.

15. Với nữ giới, phải buông xả mọi tư tưởng quyến luyến  
Nhưng phải giúp đỡ và thương mến họ như mẫu thân  
Hành giả tuân giữ thề nguyện và cam kết  
Trong mọi hành động, sẽ có được quyền năng”

Đức Thế Tôn đã nói như vậy.

### PHẦN KẾT LUẬN

Khiến Đế Thích-Vua của chư Thiên, Brahmà và vô số chư Thiên khác cùng vô lượng tùy tùng kể cả Bồ Tát Văn Thù Đồng Tử, với chư Thiên, Người, A Tu La, đều say mê và cất lời tán dương Pháp ngôn của Đức Thế Tôn.

**Pháp tu của Đức Tàrà có tên gọi là Bài giảng của mọi Nghi thức đã hoàn tất.**

Bài này được dịch từ tiếng Sanskrit sang tiếng Tây Tạng do Người Ấn Độ Upàdhy àya Dharma-‘sri-mitra và dịch giả Gelong Ch’okyi zang-po.

**Dịch từ tiếng Tây Tạng sang tiếng Anh**

17/01/2007

KINH VỀ THÁNH TARA  
NGƯỜI BẢO VỆ KHỎI TÁM NẠN  
(Ārya - tàrà - aṣṭa - ghora - tàràṇi - sùtra)

Anh Ngữ Dịch : MARTIN WILLSON

Việt Dịch : DIỆU LÝ

Kính lễ Tam Bảo

Kính lễ Đấng Tara Tôn quý

Kính lễ Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Thế Tôn ngự tại cõi trời trên núi Tu Di . Khi ấy, Thánh mẫu Tara ở trong chúng hội đứng lên nói rằng :

1. Để có được viên ngọc báu giống như Thiên đường  
Hãy hiểu rõ mọi hành động và kết quả của nó  
Giữ gìn điều lành và lánh xa điều xấu ác  
Bất kỳ ai gây ra mọi hành động sai lầm  
Sẽ ở trong cuộc sống dẫn đến sự đọa lạc
  
2. Những gia súc bị cầm và trì độn  
Phải leo lên những con đường chán ngắt  
Và trèo xuống những vách đá cheo leo  
Chợt rơi vào sự sợ hãi kinh hoàng, run rẩy, lo âu  
Bằng lời cảnh báo toàn vẹn này  
Nếu người nào ăn thịt những con vật ấy  
Người đó chẳng thể nào nhận biết được khổ đau của chúng
  
3. Những Ngạ quỷ đói khát  
Và thân thể chúng sẽ chẳng chịu hoạt động  
Cần phải có đồ ăn , đồ uống  
Nhưng lại có người khác bảo vệ thức ăn này  
Hay nếu như chúng ăn chút ít  
Thức ăn sẽ biến thành lửa hay là gươm đao  
Sự khổ về đói và khát này  
Không thể nào nhận biết được
  
4. Những hữu tình sanh nơi Địa ngục  
Bị nghiệp ác dẫn dắt, chống lại ý chí mình  
Bị thiêu đốt, đun nấu, và bị băm nhỏ  
Bởi những vật vô cùng sắc bén  
Nỗi khổ của họ, nóng hay lạnh,

Không thể nào chịu đựng được

5. Như vậy, làm điều sai trong đời này  
Nghiệp báo sẽ tỏ rõ cho chính kẻ ấy  
Và chồng chất thêm những thống khổ ưu phiền khó chịu  
Cho kẻ đó trong nhiều a tăng kỳ kiếp  
Mà kẻ đó chẳng lúc nào thoát khỏi  
Và chẳng phải tình cờ hứng chịu
6. Hãy hiểu sự ảnh hưởng của nghiệp bằng sự suy tưởng rõ ràng  
Những nỗi khổ không thể chịu đựng và những thống khổ than van  
Người đó, lời lẽ thô tục, thân hình hung tợn  
Cùng âm giọng làm người ta sợ hãi  
Những điều này và những nỗi khổ khác,  
Không thể được nhận biết
7. Người biết rõ những lầm lỗi  
Cùng sự phóng túng gây ra ba nỗi khổ đau  
Và trong bất kỳ tội ác nặng nề hay gian xảo nào  
Không bao giờ thảo luận với Thân Khẩu Ý
8. Nhưng dù hạnh phúc của chính họ cứu giúp mọi hành giả  
Trừ bỏ tham lam, ganh ghét, ảo tưởng  
Gieo trồng gốc rễ từ bi  
Và giữ gìn Thân Khẩu Ý trong sạch, hành giới  
Do vậy, hãy theo đuổi bản thể sâu xa này
9. Nếu giá rét làm hư quả  
Thì dù có cây trồng, cũng chẳng thể đâm chồi  
Vì thế có nhiều người nghi ngờ và dứt bỏ hạnh nguyện  
Dù rằng họ thực hành những Thần chú sâu sắc nhất
10. Nghĩ là hạnh phúc đến, nhưng nó chẳng xảy ra  
Những công sức khó nhọc chỉ là sự mệt mỏi vô nghĩa  
Những Thần chú giống những bài dân ca chung chung  
Và sự tập trung của họ chỉ như những ý tưởng của trẻ con
11. Nếu có ai thực hành những Thần chú đó mà không lầm lỗi  
Thì họ sẽ nhanh chóng đạt được những gì mà mình ao ước  
Ví như hạt cây banyan (nyagrodha – cây đa) tuy rất nhỏ  
Nhưng nó sẽ mọc tốt khi tưới nước và phân

12. Nếu ngay cả ngoài tường nó đã mọc như vậy  
Thì trong bảy năm nó sẽ mọc tràn một dặm ngang  
Sự thực hành tri giác với tri giác ra sao ?  
Sự trưởng thành của tâm trí trong sáng là vô hạn
  
13. Nếu một người tin vào những du khách biết đường  
Và rồi ra khơi cùng con thuyền thích hợp  
Rồi khi người đó tìm ra châu báu như mong ước  
Theo đúng dòng chảy, anh ta tìm đến nhà của chính mình
  
14. Với tâm Bồ đề, hãy tin vào Từ, Ái  
Niềm vui, sự thanh thản, hành Giới  
Và tiến vào chánh đạo hoàn toàn  
Người sẽ đạt đến giai đoạn kiến thức nào đó
  
15. Nếu mũi tên, được bắn bởi một người, đã rơi xuống  
Thật sự là nó đã được bắn ra  
Cho dù người đó không nghĩ vậy  
Khi một người đã nhận thức mọi nghĩa của Pháp  
Thì người đó đã vượt xa  
Cho dù anh ta không nghĩ vậy
  
16. Phương diện và tính chất của các hành động, cùng những phần đã hoàn thiện<sup>i</sup>  
Anh ta sẽ đạt được Phật quả mà chẳng chút nghi ngờ  
Nếu như hiểu được rằng Pháp vốn thanh tịnh  
Không có bản ngã, không có sự sống  
Và cũng không có đoạn lìa sự sống
  
17. Không có nghiệp và không có Thục nghiệp  
Người đó, từ bỏ những cực đoan và được giải thoát  
Nếu muốn nhận biết lợi lạc đó, người hãy lặp lại  
Chân thật thành kính bản thể này, ta sẽ thuyết giảng
  
18. Tội ác vô số của ba a tăng kỳ kiếp sẽ tan biến  
Mọi khổ đau của tam giới về phiền muộn và luân hồi  
Sẽ được rửa sạch đi và những nơi tối tăm được soi sáng  
Bản thể lợi ích này như sau

**OM ! Bodhisattva-mahàsattvà**

*Hỡi Nữ thần ! Xin Người hãy che chở cho con .*

☞ OM NAMA ÀRYA - AVALOKITE'SVARÀYA



BODHISATTVÀYA MAHÀSATTVÀYA - MAHÀKÀRUṄIKÀYA !  
TAD-YATHÀ : OM TÀRE TUTTÀRE TURE SARVA- DUᅒᅒÀN PRADUᅒᅒÀN  
MAMA KRᅒᅒE JAMBHAVA STAMBHAVA MOHAYA BANDHAYA HÙM  
HÙM HÙM PHAT PHAT PHAT SVÀHÀ !

NAMA ÀRYÂVALOKABHAYÀ NARÀ BODHISATTVÀ  
MAHÀSATTVÀNI, ADHIᅒᅒᅒHÀNA ADHIᅒᅒᅒHITE, MAMA SARVA - KARMA  
- ÀVARAᅒA - SVABHÀVA - ‘SUDDHE VI’SUDDHE ‘SODHAYA  
VI’SODHAYA HÙM PHAT SVÀHÀ !

[ OM : kính lễ Thánh Quán Tự Tại

Bodhisattva-mahàsattvà, bậc Từ bi vô lượng

Như vậy : OM TÀRE TUTTÀRE TURE , nghiên sát, kiểm soát, làm tiêu tan,  
cản trở mọi tội ác và những việc ác con đã làm HÙM HÙM HÙM PHAT PHAT  
PHAT SVÀHÀ !

Xin kính lễ Đức Thánh Quán Tự Tại

Bậc Vô úy, Đại từ Đại bi, đã tạo ra thần thông, đang tạo ra quyền uy, sự tinh  
khiết, sự tinh khiết hoàn toàn ; tinh lọc, tinh lọc hoàn toàn mọi nghiệp tăm tối của  
con trước thiên tính HÙM PHAT SVÀHÀ ! ]

19. Vì vậy, trước quyền năng của Đức Thế Tôn  
Con xin dâng trọn lời ca tụng đến Thánh mẫu

20. Với lòng Từ vĩ đại  
Ngài tạo hạnh phúc cho chúng hữu tình  
Hoàn toàn trong Hình tượng và Biểu tượng  
Được điểm tô bằng những trang sức châu báu  
Cổ Ngài rất đẹp và gương mặt hoan hỷ đang mỉm cười

21. Mắt Ngài như hoa sen có gai  
Tai Ngài giống như hoa Uk-cho nở rộ  
Mũi Ngài như từng mảnh hoa Ưu bát la  
Miệng Ngài như cây Thục quỳ đã lớn

22. Thân của Ngài, một thân hình thiếu nữ duyên dáng, có nhiều hình thể khác  
nhau  
Khẩu ngữ Kalavinka của Ngài tuyên thuyết giáo pháp  
Tâm Từ bi của Ngài là người bảo vệ yêu quý của các hữu tình

23. Bên trái của Ngài, một hoa sen không tỳ vết bởi những lầm lạc của luân hồi  
Và bên phải, tạo nơi nương tựa, làm lợi lạc cho chúng hữu tình  
Ngài ngồi trên tòa nhật, nguyệt, phương tiện, và trí tuệ  
Hỡi Tàrà Tôn quý, con đến trước Ngài để quy y

24. Xin bảo vệ con khỏi Địa ngục to lớn của luân hồi  
Đừng bao giờ để con luân chuyển trong sáu nẻo  
Xin giữ chặt con bằng sợi dây Đại từ của Ngài  
Đừng để con chạy đến ba nơi Nghiệp Sân
25. Xin hãy đặt con vào con đường mà con không thể nào lạc lối  
Đừng để con sanh ra với những quan điểm sai lầm  
Hãy cho con diện kiến Bạc Đạo Sư với tâm Bồ đề  
Đừng để con gặp phải những người bạn xấu
26. Hãy bảo vệ con khỏi tám nạn hiểm nguy  
Sư tử, voi, lửa, rắn, nước, kẻ cướp, dịch bệnh và đói khát  
Con xin kính lễ Ngài  
Trong đời này và trong những đời sau  
Xin hãy bảo vệ con khỏi tám nạn này
27. Cho đến khi con đạt được quả tuyệt luân  
Hãy cho con gìn giữ chẳng xa lìa mười Paramità :  
Bố thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiên, Tuệ, Phương tiện, Nguyện, Lực, và Trí tuệ tối  
thượng

Bất kỳ kẻ trai lành, người nữ thiện vào cũng nên viết, đọc, lặp lại, gìn giữ, thực hành đúng theo giáo pháp này và giảng dạy rộng rãi cho những người khác.

Nói như vậy xong, Đức Thế Tôn và toàn thể chúng hội hoan hỷ và tán dương lời của Ngài .

22/08/1998

# MỤC LỤC

1_ Dẫn nhập .....	Tr.01
2_ Tôn Tượng Đa La Bồ Tát .....	Tr.09
3_ Đa La Bồ Tát Chân Ngôn Pháp.....	Tr.24
4_ Lễ Tán 21 Thế Tôn Thánh Tàrà Thiên và Công Đức Hộ Trì (Phạm văn) .....	Tr.32
5_ Kinh Tán 21 Tàrà (Phạm Văn).....	Tr.36
6_ Kinh lễ tán 21 loại Thánh Cứu Độ Phật Mẫu (No.1108A).....	Tr.38
7_ Kinh lễ tán 21 loại Cứu Độ Phật Mẫu (No.1108B).....	Tr.43
8_ Phật nói Kinh Đại Phương Quảng Mạn Thù Thất Lợi (No.1101) .....	Tr.58
13_ Kim Cương Đỉnh Kinh Đa La Bồ Tát Niệm Tụng Pháp (No.1102) .....	Tr.71
14_ Quán Tự Tại Bồ Tát Tùy Tâm Chú Kinh (No.1103A).....	Tr.89
15_ Quán Tự Tại Bồ Tát Đát Phộc Đa Lị Tùy Tâm Đà La Ni Kinh (No.1103B).....	Tr.105
16_ Phật nói Kinh Thánh Đa La Bồ Tát (No.1104) .....	Tr.125
17_ Kinh Thánh Đa La 108 danh Đà La Ni (No.1105) .....	Tr.133
18_ Kinh tán dương 108 danh của Đức Đa La Tôn Bồ Tát (No.1106).....	Tr.138
19_ Đa La Bồ Tát Hộ Trì .....	Tr.151
20_ Bạch Cứu Độ Phật Mẫu Tán (No.1109).....	Tr.155
21_ Liên Hoa Bộ Đa Lợi Tâm Bồ Tát Niệm Tụng Pháp (Tục Tạng_No.1054) .....	Tr.157
22_ Thánh Cứu Độ Phật Mẫu Tu Hành Pháp .....	Tr.191
23_ Pháp thành tựu quán niệm Lục Độ Mẫu .....	Tr.211
24_ Phương pháp Trường Thọ của Bạch Tara.....	Tr.214
25_ Pháp tu Tàrà, nguồn gốc của mọi Nghi Lễ .....	Tr.225
26_ Kinh về Thánh Tàrà, người bảo vệ tám nạn .....	Tr.259
27_ Mục lục.....	Tr.264

韋陀天將



二十四诸天之韦陀天将